BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

# TIẾNG VIỆT 5

**TẬP HAI**

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

BÙI MẠNH HÙNG (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ HIỀN LƯƠNG (Chủ biên)
LÊ THỊ LAN ANH – ĐỖ HỒNG DƯƠNG – VŨ THỊ THANH HƯƠNG
NGUYỄN THỊ KIM OANH – ĐẶNG THỊ HẢO TÂM

# TIẾNG VIỆT 5

TẬP HAI

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

# QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

| | |
|---|---|
| HS | học sinh |
| GV | giáo viên |
| SGV | sách giáo viên |
| SHS | sách học sinh |
| VD | ví dụ |

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

# MỤC LỤC


Trang

**VẺ ĐẸP CUỘC SỐNG ..... 4**

**Tuần 19 ..... 4**

Bài 1: Tiếng hát của người đá ..... 4

Bài 2: Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ..13

**Tuần 20 ..... 20**

Bài 3: Hạt gạo làng ta ..... 20

Bài 4: Hộp quà màu thiên thanh ..... 28

**Tuần 21 ..... 37**

Bài 5: Giỏ hoa tháng Năm ..... 37

Bài 6: Thư của bố ..... 45

**Tuần 22 ..... 51**

Bài 7: Đoàn thuyền đánh cá ..... 51

Bài 8: Khu rừng của Mát ..... 59

**HƯƠNG SẮC TRĂM MIỀN ..... 66**

**Tuần 23 ..... 66**

Bài 9: Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân ..... 66

Bài 10: Những búp chè trên cây cổ thụ ..... 75

**Tuần 24 ..... 83**

Bài 11: Hương cốm mùa thu ..... 83

Bài 12: Vũ điệu trên nền thổ cẩm ..... 91

**Tuần 25 ..... 97**

Bài 13: Đàn t'rưng – tiếng ca đại ngàn..... 97

Bài 14: Đường quê Đồng Tháp Mười ..... 104

**Tuần 26 ..... 110**

Bài 15: Xuống ba lá quê tôi ..... 110

Bài 16: Về thăm Đất Mũi ..... 117

**Tuần 27. Ôn tập và Đánh giá giữa học kì II ..... 123**

Trang

**TIẾP BƯỚC CHA ÔNG ..... 135**

**Tuần 28 ..... 135**

Bài 17: Nghìn năm văn hiến ..... 135

Bài 18: Người thầy của muôn đời ..... 142

**Tuần 29 ..... 148**

Bài 19. Danh y Tuệ Tĩnh ..... 148

Bài 20. Cụ Đồ Chiểu ..... 155

**Tuần 30 ..... 161**

Bài 21. Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa ..... 161

Bài 22. Bộ đội về làng ..... 168

**Tuần 31 ..... 174**

Bài 23. Về ngôi nhà đang xây ..... 174

Bài 24. Việt Nam quê hương ta ..... 181

**THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA ..... 190**

**Tuần 32 ..... 190**

Bài 25. Bài ca trái đất ..... 190

Bài 26. Những con hạc giấy ..... 197

**Tuần 33 ..... 203**

Bài 27. Một người hùng thầm lặng ..... 203

Bài 28. Giờ Trái Đất ..... 211

**Tuần 34 ..... 218**

Bài 29. Điện thoại di động ..... 218

Bài 30. Thành phố thông minh Mát-xđa ..... 225

**Tuần 35. Ôn tập và Đánh giá cuối năm học ..... 231**

# VẺ ĐẸP CUỘC SỐNG

## TUẦN 19

## BÀI 1 TIẾNG HÁT CỦA NGƯỜI ĐÁ (3 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Tiếng hát của người đá*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ gợi hình ảnh đẹp, những câu văn diễn tả những tình tiết kì ảo.

b. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: Những hành động, việc làm của chú bé người đá trong câu chuyện thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá,... góp phần làm nổi bật vẻ đẹp của cuộc sống: thiên nhiên cũng như con người, đều góp phần làm cho cuộc sống thêm tươi đẹp hơn.

**2.** Nhận biết được sự khác nhau giữa câu đơn và câu ghép; vận dụng kiến thức đã học để thực hành tạo lập câu ghép, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.

**3.** Nhận biết được cách viết bài văn tả người (biết cách lựa chọn chi tiết tiêu biểu để làm nổi bật đặc điểm của người được tả như đặc điểm ngoại hình, hoạt động, sở trường,...).

**4.** Biết yêu thiên nhiên, cảm nhận được vẻ đẹp kì diệu của cảnh vật thiên nhiên và mối quan hệ giữa thiên nhiên với cuộc sống của con người.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Truyện cổ, phương pháp đọc hiểu truyện cổ.

– Câu đơn và câu ghép.

– Văn tả người, cách viết văn tả người.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc, tranh ảnh (sưu tầm) minh hoạ hình những ngọn núi, hòn đảo có hình dáng gợi liên tưởng thú vị.

– Văn bản tả người, tranh ảnh (sưu tầm) về đặc điểm của người qua hội hoạ, điện ảnh, điêu khắc,...

– Phiếu học tập về câu đơn, câu ghép (nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1

## GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

GV giới thiệu chủ điểm mới: *Vẻ đẹp cuộc sống*. GV chiếu tranh minh hoạ chủ điểm (hoặc nhắc HS quan sát tranh chủ điểm) và mời 2 – 3 em nêu nội dung tranh. Từ đó khái quát ý nghĩa của bức tranh: Bức tranh tượng trưng cho vẻ đẹp của cuộc sống: con người sống chan hoà với thiên nhiên. Trong cuộc sống thường ngày, nếu chúng ta chăm chú quan sát, sẽ cảm nhận được những vẻ đẹp của thiên nhiên, của con người. Mỗi bài đọc trong chủ điểm *Vẻ đẹp cuộc sống* đã góp phần lưu giữ vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp trong cảm xúc, hành động, việc làm của con người.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giới thiệu tên bài học và bài đọc. VD: *Tiếng hát của người đá* là câu chuyện cổ của dân tộc Ra-glai, do tác giả Ngọc Anh và Văn Lang kể lại, in trong tập *Truyện cổ Việt Nam*. Dân tộc Ra-glai là một trong số những dân tộc có lịch sử cư trú lâu đời ở vùng đất Nam Trung Bộ và cuối dãy Trường Sơn. Có lẽ vùng Chư Bô-đa được nhắc tới trong câu chuyện là tên gọi trước đây của một địa bàn sinh sống của dân tộc Ra-glai (Ngày nay, địa bàn tập trung đông người Ra-glai nhất là tỉnh Khánh Hoà). Đây là câu chuyện thú vị, cảm động về một chú bé được hoá thân từ một mỏm đá hình người. Câu chuyện chứa đựng rất nhiều ý nghĩa để các em tìm hiểu, khám phá.

– GV cho HS làm việc nhóm, thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động khởi động.

– HS làm việc theo nhóm, từng em thực hiện yêu cầu: *Kể tên 1 – 2 truyện cổ mà em đã đọc hoặc đã nghe. Nêu những chi tiết em thích* (HS đã được đọc, được học nhiều câu chuyện cổ từ các lớp 2, 3, 4 và học kì I lớp 5, các em sẽ có nhiều điều để nói.). GV có thể nhấn mạnh điểm cuốn hút của truyện cổ chính là yếu tố kì ảo (hư cấu).

– GV nhận xét các nhóm và nhấn mạnh: Câu chuyện *Tiếng hát của người đá* kể về những hành động, việc làm của chú bé người đá. Qua đó thể hiện tình yêu đối với cuộc sống và con người và những ước nguyện về cuộc sống hoà bình, không có cảnh đầu rơi máu đổ, chính nghĩa luôn chiến thắng phi nghĩa.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (hoặc 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn), đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp của thiên nhiên, hành động, việc làm của người đá và dân làng.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *đỉnh núi, tia nắng, dân làng, bông lách, bông lau,...*

+ Đọc diễn cảm các câu có những từ ngữ gợi tả, điệp từ, điệp ngữ. VD: *Những tia nắng **vàng dịu**, những hạt mưa **trong vắt** thay nhau tắm gội, sưởi ấm **cho mỏm đá**. Gió **rì rào** kể **cho mỏm đá** nghe những câu chuyện về mọi miền. Chim hót **cho mỏm đá** nghe những điệu ca **du dương**.; Ngày nọ, giặc kéo đến **đông như** lá rừng, **nhanh như** chớp giật, giáo mác chĩa lên trời **tua tủa như** bông lách, bông lau.;...*

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp 4 đoạn, sau đó đổi đoạn để đọc.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm toàn bài một lượt.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong câu chuyện mà các em chưa hiểu để tra từ điển (hoặc GV giải thích).

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi trong SHS hoặc cho HS làm việc nhóm, cùng nhau trả lời cả 5 câu hỏi, sau đó tổ chức trình bày trước lớp.

**Câu 1**. *Mỏm đá trên đỉnh núi cao có gì đặc biệt? Mỏm đá được mọi vật yêu quý như thế nào?*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, có thể viết câu trả lời vào vở, phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có).

– 2 – 3 HS trình bày ý kiến trước lớp.

Đáp án: Mỏm đá xanh giống hình một em bé cưỡi voi. Mỏm đá được mọi vật yêu quý, chăm chút:

| | |
|---|---|
| Nắng (những tia nắng vàng dịu) | sưởi ấm cho mỏm đá |
| Mưa (những hạt mưa trong vắt) | tắm gội cho mỏm đá |
| Gió | rì rào kể cho mỏm đá nghe những câu chuyện về mọi miền |
| Chim | hót cho mỏm đá nghe những điệu ca du dương |
| → Cứ thế, năm này qua năm khác, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu vào mỏm đá hình em bé. | |

– GV có thể nêu thêm câu hỏi: Theo em, tình yêu của mọi vật có ý nghĩa gì đối với mỏm đá trên đỉnh núi? Sau khi HS phát biểu suy nghĩ riêng, GV có thể nói: Mỏm đá năm này qua năm khác được mưa nắng tắm gội, sưởi ấm, những câu chuyện của gió, những bài ca của chim thấm sâu. Tất cả mọi hành động đều thể hiện tình yêu của mọi vật (mưa, nắng, gió, chim muông,...) đối với mỏm đá, chẳng khác nào bà mẹ thiên nhiên "thổi hồn" vào mỏm đá, làm cho mỏm đá cảm động, hoá thành em bé xinh đẹp, tốt bụng, biết nói lời hay, ý đẹp.

**Câu 2.** *Chuyện gì xảy ra vào ngày mỏm đá hoá thành một em bé? Mọi người được chứng kiến điều gì kì lạ khi em bé người đá cất tiếng hát vang khắp núi rừng?*

– HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp, chuẩn bị câu trả lời rồi đối chiếu câu trả lời theo cặp.

– HS làm việc theo nhóm hoặc cả lớp, thống nhất đáp án, VD: Khi mỏm đá hoá thành một em bé, em bé liền bước xuống núi, đúng lúc muông thú từng đàn kéo về phá nương rẫy. Thấy dân làng đuổi đằng đông, dồn đằng tây mà chẳng được, em bé liền cất giọng hát. Tiếng hát của em vang khắp núi rừng. Mọi người được chứng kiến điều kì lạ: muông thú nhảy múa theo tiếng hát, quên cả phá lúa.

**Câu 3.** *Khi giặc kéo đến, dân làng và em bé người đá đã làm gì để đuổi giặc?*

– HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu câu trả lời theo nhóm.

– HS làm việc chung cả lớp, một số em phát biểu ý kiến của mình. VD:

+ Khi giặc kéo đến đông như lá rừng, nhanh như chớp giật, dân làng đã chung sức, đồng lòng cầm vũ khí (tên nỏ, khiên đao) đuổi giặc.

+ Trước cảnh bốn phương lửa cháy rừng rực, em bé người đá đã trèo lên một mỏm núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chớ đi ăn cướp, hãy trở về với gia đình,... Lời hát của em bé người đá khiến giặc đứng sững như những pho tượng, vũ khí tuột khỏi tay.

**Câu 4.** *Theo em, lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện gì của con người?*

– HS làm việc nhóm, thảo luận để tìm câu trả lời của nhóm.

– HS làm việc chung cả lớp, một số đại diện nhóm phát biểu ý kiến. GV khích lệ HS phát biểu theo suy luận của mình. Khen ngợi các ý kiến có sức thuyết phục. VD:

Em bé người đá đã giúp dân làng đuổi giặc. Em trèo lên một mỏm núi, cất tiếng hát kêu gọi những kẻ xâm lược chớ đi ăn cướp, hãy trở về với vợ con, đi hái rau ngọt, cắt lúa vàng, tối ngủ bên lửa ấm, sáng thức dậy theo mặt trời,... Lời hát của em bé người đá thể hiện ước nguyện của con người về một cuộc sống hoà bình, không có cảnh đầu rơi máu đổ, chính nghĩa luôn chiến thắng phi nghĩa. (GV có thể liên hệ với tiếng đàn đuổi giặc của Thạch Sanh.)

**Câu 5.** *Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện theo mong muốn của em.*

– HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo nhóm: Nêu một kết thúc khác cho câu chuyện.

– Từng HS nêu ý tưởng, có thể đưa ra nhiều cách kết thúc khác nhau. VD:

+ Em bé người đá bay lên trời xanh. Mỗi khi đất nước gặp gian nguy, em bé người đá lại xuất hiện để giúp đỡ dân làng.

+ Xúc động trước niềm mong nhớ khôn nguôi của dân làng, em bé người đá đã trở về sống cùng và giúp đỡ dân làng.

+ ...

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã nêu được câu trả lời có ý nghĩa sâu sắc.

### 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm một số chi tiết trong bài đọc.

– Làm việc chung cả lớp (4 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp, nếu còn thời gian). GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, HS tự đọc toàn bài.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## CÂU ĐƠN VÀ CÂU GHÉP

### 1. Đọc các câu và thực hiện yêu cầu.

Mục đích của bài tập này là giúp HS nhận biết được sự khác nhau giữa câu đơn và câu ghép; mối quan hệ giữa các vế của câu ghép.

– GV hướng dẫn HS ôn lại kiến thức về câu, hai thành phần chính của câu (chủ ngữ và vị ngữ) đã được học ở lớp 4 theo các bước sau:

+ Bước 1: Yêu cầu HS nêu các thành phần chính của câu (chủ ngữ và vị ngữ).

+ Bước 2: Mời HS đặt câu theo chủ đề tự chọn và xác định chủ ngữ, vị ngữ trong các câu vừa đặt.

+ GV chốt lại kiến thức ôn tập về chủ ngữ, vị ngữ (tham khảo SGV *Tiếng Việt 4, tập hai*).

– HS đọc bài tập 1 và thực hiện yêu cầu theo các bước:

+ HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp hoặc nhóm để đối chiếu kết quả.

+ Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Ở ví dụ a có 2 câu. Câu thứ nhất có chủ ngữ là *trời*, vị ngữ là *không mưa*; câu thứ hai có chủ ngữ là *ruộng đồng*, vị ngữ là *khô hạn, nứt nẻ*. Ở ví dụ b chỉ có 1 câu và câu này có 2 cụm chủ ngữ – vị ngữ (vì câu b gộp cả 2 câu ở ví dụ a). Từ *nên* có tác dụng nối các ý được thể hiện ở 2 cụm chủ ngữ – vị ngữ đó.

### 2. Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn. Từ nào có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ đó?

Mục đích của bài tập này là giúp HS hiểu được mối quan hệ chặt chẽ giữa các ý được thể hiện trong một câu ghép.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2, cho HS làm việc cá nhân và làm việc nhóm để thống nhất kết quả.

+ Xác định câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ trong đoạn văn.

+ Tìm từ có tác dụng nối các cụm chủ ngữ – vị ngữ.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. Với vế hỏi thứ hai, do đã hiểu được tác dụng nối hai cụm chủ ngữ – vị ngữ của từ *nên* ở bài tập 1, HS có thể tìm ra từ *nhưng* có tác dụng nối ở đây.

Đáp án: Câu có hai cụm chủ ngữ – vị ngữ là: *Đến nay, con người/ đã có những con tàu to lớn vượt biển khơi,/ nhưng những cánh buồm/ vẫn sống mãi cùng sông nước và con người*. Từ *nhưng* có tác dụng nối hai cụm chủ ngữ – vị ngữ này.

*Lưu ý*: Nếu xét riêng biệt thì câu "*Những cánh buồm chung thuỷ cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian.*" có thể có hai cách phân tích khác nhau:

Cách 1:

| Chủ ngữ | Vị ngữ |
|---|---|
| *Những cánh buồm* | *chung thuỷ cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian.* |

Cách 2:

| Chủ ngữ | Vị ngữ |
|---|---|
| *Những cánh buồm chung thuỷ* | *cùng con người vượt qua bao nhiêu sóng nước, thời gian.* |

Tuy vậy, xét trong cả đoạn văn, cách 1 phù hợp hơn cách 2 vì câu thứ nhất có cụm từ *những cánh buồm* làm chủ ngữ thì ở câu thứ hai, xác định *những cánh buồm* là chủ ngữ sẽ đảm bảo tính nhất quán của mạch viết.

Dù phân tích theo cách nào thì cũng không ảnh hưởng đến kết quả vì bài tập này chỉ yêu cầu xác định câu ghép và các vế của câu ghép, không yêu cầu phân tích cấu tạo của từng cụm chủ ngữ – vị ngữ.

– Sau khi kết thúc bài tập 2, GV cho HS chốt lại khái niệm câu đơn và câu ghép trong phần Ghi nhớ.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp.

+ Cả lớp đọc thầm Ghi nhớ.

+ GV mời HS xung phong nêu được Ghi nhớ về câu đơn và câu ghép mà không cần nhìn sách.

### 3. Tìm câu ghép trong đoạn văn và xác định các vế câu trong mỗi câu ghép.

Bài tập này nhằm giúp HS củng cố kiến thức về câu ghép, đồng thời luyện tập kĩ năng nhận biết câu ghép và phân tích cấu tạo của chúng.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện.

+ HS làm việc cá nhân, có thể ghi kết quả vào vở hoặc giấy nháp.

+ HS làm việc theo nhóm để trao đổi về kết quả làm việc cá nhân và thống nhất câu trả lời của nhóm.

+ Đại diện một số nhóm trình bày, GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: Đoạn văn có 2 câu ghép: Câu 1: *Cỏ gần nước tươi tốt/ nên trâu ăn cỏ men theo bờ suối, rồi mới lên đồi, lên núi* (có 2 vế câu). Câu 2: *Chiều về, đàn trâu no cỏ đầm mình dưới suối,/ chúng tôi tha thẩn tìm những viên đá đẹp cho mình* (có 2 vế câu).

### 4. Đặt 1 – 2 câu ghép nói về nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người đá.*

Bài tập này tạo cho HS cơ hội được thực hành viết câu ghép với nội dung được định hướng từ văn bản đọc: nhân vật Nai Ngọc trong bài đọc *Tiếng hát của người đá.*

– GV cho HS làm việc cá nhân, viết 1 – 2 câu ghép theo yêu cầu của bài tập.

– GV cho HS làm việc theo cặp để trao đổi kết quả.

– Một số HS báo cáo kết quả trước lớp. Các HS khác nhận xét. GV khen ngợi những HS viết được những câu ghép hay. *Lưu ý*: Cần phân tích để giúp HS hiểu được vì sao những câu đó được coi là hay (nội dung, cách viết).

## TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Ở tiết học này, thông qua việc tìm hiểu bài văn *Chú bé vùng biển,* HS nhận biết được cấu tạo bài văn tả người, cách tả các đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, sở trường,... của người được tả.

### 1. Đọc bài văn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu khái quát về kiểu bài văn miêu tả đã học (tả con vật, cây cối, phong cảnh), nêu mục tiêu của tiết học (tìm hiểu cách viết bài văn tả người).

– GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu của bài học: Đọc bài văn *Chú bé vùng biển* và thực hiện lần lượt 4 yêu cầu/ câu hỏi a, b, c, d. Trước hết, các em đọc thầm bài văn và 4 yêu cầu/ câu hỏi bên dưới và dự kiến câu trả lời (GV lưu ý dành thời gian cho HS đọc kĩ bài tập 1).

a. GV nêu câu hỏi a (*Người được tả trong bài văn là ai?).* Có thể mời 1 HS đọc bài *Chú bé vùng biển* trước lớp (cũng có thể không cần đọc trước lớp để rèn cho HS việc tự đọc, tự học). 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. (Đáp án: Người được tả trong bài văn là một chú bé ở vùng biển.; Người được tả trong bài văn là bạn Thắng, người thôn Bần, ở một vùng biển.;...).

b. GV nêu yêu cầu b (*Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn và nêu nội dung chính của mỗi phần.*).

– GV mời 2 – 3 HS chỉ ra bố cục của bài văn, rồi thống nhất ý kiến.

+ Mở bài: Câu mở đầu bài văn (đoạn 1).

+ Thân bài: Từ *Lúc này* đến *như một con cá* (đoạn 2 và 3).

+ Kết bài: Câu cuối cùng, kết thúc bài văn (đoạn 4).

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ, để thực hiện yêu cầu thứ hai (nêu nội dung chính của mỗi phần).

– GV mời 2 – 3 HS phát biểu ý kiến trước lớp (có thể cho HS trao đổi theo cặp hoặc theo nhóm trước). Các em có thể có cách diễn đạt khác nhau, VD:

| | |
|---|---|
| Mở bài | Giới thiệu một cách khái quát về người sẽ được tả: tên, địa chỉ, đặc điểm nổi bật (Thắng, con cá vược của thôn Bần, là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ.). |
| Thân bài | Tả đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, sở trường (điểm mạnh nổi trội). |
| Kết bài | Nêu cảm xúc của bọn trẻ về người được tả. |

c. GV nhắc HS đọc toàn bộ yêu cầu và gợi ý của câu hỏi c, hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, nêu thời gian cần hoàn thành nhiệm vụ (*Trong phần thân bài, đặc điểm của người được tả – một đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển – hiện ra như thế nào?*).

– HS có thể viết câu trả lời của mình ra bảng nhóm/ phiếu học tập của nhóm (nếu có) hoặc viết vào vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, phiếu học tập cá nhân (nếu có).

– GV cho HS trình bày sản phẩm hoặc phát biểu ý kiến (nói miệng). VD:

| | | |
|---|---|---|
| Ngoại hình | Tầm vóc so với lứa tuổi | cao hơn hẳn các bạn một cái đầu |
| | Dáng người | thân hình rắn chắc, cân đối, nở nang:<br>– cổ mập<br>– vai rộng<br>– ngực nở căng<br>– bụng thon hằn rõ những múi<br>– hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo<br>– cặp đùi dế chắc nịch |
| | Nước da | rám đỏ khoẻ mạnh (vì lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển) |
| | Gương mặt | – cặp mắt to và sáng<br>– miệng tươi, hay cười<br>– trán hơi dô ra, trông có vẻ là một tay bướng bỉnh, gan dạ |
| | Trang phục | cởi trần |
| Hoạt động | Việc làm, cử chỉ,... | tỏ ra là một cậu bé rất nhanh nhẹn:<br>– lúc đan lưới: là người rất thạo việc (cầm kim tre đưa lên đưa xuống thoăn thoắt coi bộ rất thành thạo; tay vẫn thoăn thoắt vá lưới nhưng mắt thỉnh thoảng lại nhìn lên bờ như có ý chờ đợi ai).<br>– lúc trông thấy các bạn: hành động nhanh, gọn, dứt khoát (vội vàng đặt tấm lưới trên gối xuống, bước đến bên mạn thuyền, bám tay vào cọc chèo và đu mình xuống nước,...). |
| Sở trường | Điểm mạnh nổi trội | bơi lội giỏi:<br>– đu mình xuống nước, êm không một tiếng động<br>– ngụp một cái lặn biến đi như một con cá |

– GV lưu ý HS: Để tả đúng các đặc điểm của cậu bé Thắng, tác giả phải tìm hiểu, quan sát rất kĩ vẻ bên ngoài và cử chỉ, hoạt động,... của nhân vật, nhận ra những đặc điểm nổi bật và tìm những từ ngữ thích hợp để miêu tả.

d. GV nêu yêu cầu của câu hỏi d và gợi ý (*Bằng cách nào, tác giả làm nổi bật đặc điểm của người được tả: lựa chọn từ ngữ có sức gợi tả, sử dụng hình ảnh so sánh gây ấn tượng,...*) và yêu cầu HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp trước khi chia sẻ ý kiến trước lớp. Đáp án:

| | |
|---|---|
| Từ ngữ có sức gợi tả | – Từ ngữ tả ngoại hình: nước da rám đỏ, rắn chắc, nở nang, nở căng, chắc nịch, gân guốc,...<br>– Từ ngữ tả hoạt động: thoăn thoắt, thành thạo, vội vàng,... |
| Hình ảnh so sánh gây ấn tượng | – Khi tả ngoại hình: Hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo.<br>– Khi tả hoạt động: Nó ngụp một cái lặn biển đi như một con cá. |
| So sánh với bạn bè cùng trang lứa | Nó trạc tuổi thằng Chân "phệ" nhưng cao hơn hẳn cái đầu. |
| Đưa thông tin về hoàn cảnh, môi trường sống | – Nó cởi trần, phơi nước da rám đỏ khoẻ mạnh của những đứa trẻ lớn lên với nắng, nước mặn và gió biển.<br>– Sử dụng những hình ảnh quen thuộc của môi trường sống: *Hai cánh tay gân guốc như hai cái bơi chèo.; Nó ngụp một cái lặn biển đi như một con cá.* |

– GV có thể nêu thêm câu hỏi: Ngoài việc tả ngoại hình, cử chỉ, hoạt động, sở trường của nhân vật, tác giả còn giúp người đọc nhận rõ đặc điểm nhân vật bằng cách nào?. GV khích lệ HS phát hiện và nêu ý kiến. (VD: Ngoài việc tả đặc điểm ngoại hình, hoạt động, sở trường,... của nhân vật, tác giả còn giúp người đọc hiểu rõ đặc điểm của nhân vật qua suy nghĩ, cảm xúc, nhận xét của mọi người xung quanh.)

| | |
|---|---|
| Cảm nghĩ của bạn bè về Thắng | – Thắng, con cá vược của thôn Bần, là địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ.<br>– Bọn trẻ đứng trên bờ nhìn nó lặn vừa ghen vừa phục. |

## 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc yêu cầu và gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thầm, đọc lướt lại bài *Chú bé vùng biển*, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết bài văn tả người (về bố cục, cách chọn lựa chi tiết miêu tả, cách sắp xếp ý,...).

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV, sau đó đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt các ý HS cần nhớ khi viết bài văn tả người (dựa trên phần Ghi nhớ).

– GV mời HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những điều ghi nhớ được khi viết bài văn tả người).

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

– Tìm đọc các đoạn văn, bài văn tả người trong sách báo hoặc trong SHS Tiếng Việt đã học ở các lớp. Ghi lại những câu văn hay mà em muốn học tập.

– Tìm đọc bài viết về người tốt, việc tốt trong sách báo in hoặc trên mạng in-tơ-nét.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 1:

+ Đọc hiểu: *Tiếng hát của người đá.*

+ Luyện từ và câu: *Câu đơn và câu ghép.*

+ Viết: *Tìm hiểu cách viết bài văn tả người.*

– GV hỏi HS: Em thấy nội dung nào của Bài 1 thú vị, dễ nhớ? Vì sao?

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS đọc trước Bài 2.

# Bài 2 KHÚC HÁT RU NHỮNG EM BÉ LỚN TRÊN LƯNG MẸ (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

   b. Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự vất vả của người mẹ, tình yêu thương của mẹ dành cho con, vẻ đẹp của tình mẫu tử,... Hiểu được điều bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh người mẹ Tà-ôi: Tình mẫu tử thiêng liêng, tình yêu của người mẹ dành cho con hoà chung vào tình yêu quê hương, đất nước, tạo thành một tình cảm lớn, mang lại nhiều cảm xúc cho người đọc.

   c. Đọc mở rộng theo yêu cầu (đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt), biết ghi vào phiếu đọc sách các thông tin về sách báo đã đọc, biết trao đổi với bạn về một việc tốt em đã làm hoặc em mong muốn được làm cho cộng đồng.

2. Biết cách viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người.

3. Biết trân trọng những con người lao động bình dị, nhìn thấy được phẩm chất tốt đẹp từ những việc làm nhỏ bé của người lao động.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

Văn bản thơ (bộc lộ cảm xúc qua các hình ảnh, biện pháp tu từ); ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh thơ.

## 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ.*

– Video ghi lại những hình ảnh em bé được địu trên lưng cha mẹ trong những ngữ cảnh khác nhau (đi chợ, đi làm, đi du lịch,...).

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc một đoạn yêu thích trong bài đọc *Tiếng hát của người đá* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (GV có thể nêu câu hỏi khác).

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– HS làm việc nhóm đôi và trao đổi về nội dung (*Nêu nội dung mỗi bức tranh. Theo em, những bức tranh đó thể hiện điều gì?*).

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu ý kiến. Cả lớp nhận xét câu trả lời.

Đáp án tham khảo:

– Nội dung mỗi bức tranh:

+ Tranh 1: Người mẹ bế con trên tay. Ánh mắt của người mẹ nhìn con đầy âu yếm.

+ Tranh 2: Trên đường phố, người mẹ đang đưa con đi học. Cậu bé ngồi sau lưng mẹ, có lẽ cậu bé học lớp 2, lớp 3 gì đó,...

+ Tranh 3: Không gian gia đình, con trai đang chăm chú học bài. Mẹ mang nước cho con uống,... Cử chỉ của người mẹ nói lên sự quan tâm, chăm sóc tận tình, chu đáo.

+ Tranh 4: Không gian tại một ngôi trường đại học trong ngày lễ trao bằng cử nhân. Chàng trai tay cầm bằng cử nhân (tốt nghiệp đại học), người mẹ đứng cạnh con. Khuôn mặt của mẹ rạng ngời niềm tự hào, hạnh phúc.

– Những bức tranh thể hiện:

Đặt 4 bức tranh cạnh nhau, em hình dung ra một câu chuyện kể về người mẹ, về những yêu thương, chăm sóc của mẹ dành cho con cái. Từ lúc mới sinh ra, đến tuổi đi học, rồi trưởng thành, mẹ lúc nào cũng là người ở bên con, lo cho con từng bữa ăn, giấc ngủ. Ngay cả khi con lớn, biết chăm sóc bản thân thì mẹ vẫn luôn gần gũi, chia sẻ với con. Mẹ đồng hành cùng con mỗi ngày đến trường, mỗi tối học bài. Sau tấm bằng cử nhân con nhận được là những vất vả, lo toan của mẹ.

– GV kết nối với bài học.

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ, hình ảnh miêu tả sự vất vả trong công việc của người mẹ, từ ngữ thể hiện lời ru của mẹ dành cho con: *vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối, ngủ ngoan a-kay ơi, lưng đưa nôi và tim hát thành lời,...*).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ có tiếng dễ phát âm sai. VD: *ngủ cho ngoan, ngủ ngoan a-kay ơi,...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn thơ trước lớp:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *tim hát thành lời*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *vung chày lún sân.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– HS làm việc theo nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV giải thích từ ngữ khó.

*Lưu ý*: GV có thể giải nghĩa từ ngữ khó theo hai cách: Cách 1: giải nghĩa từ ngữ khó ngay trong hoạt động đọc thành tiếng, trước khi HS luyện đọc theo nhóm. Cách 2: trong khi trả lời câu hỏi đọc hiểu, nếu xuất hiện từ ngữ khó ở đoạn nào thì giải nghĩa từ ngữ đó.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Bài thơ như lời ru ngọt ngào của người mẹ dành cho con. Những từ ngữ nào cho em biết điều đó?*

HS làm việc nhóm đôi. Từng cá nhân đọc thầm lại bài thơ để tìm câu trả lời. Có thể ghi kết quả vào giấy, vở hoặc phiếu bài tập. Sau đó chia sẻ kết quả với các bạn trong nhóm. Nhóm bổ sung, nhận xét, thống nhất câu trả lời.

Đáp án: *Em cu Tai ngủ trên lưng mẹ ơi; Ngủ ngoan a-kay ơi, ngủ ngoan a-kay hỡi.*

**Câu 2**. *Người mẹ làm những công việc gì? Những công việc đó có ý nghĩa như thế nào?*

– GV tổ chức cho HS làm việc nhóm đôi, yêu cầu HS đọc lại toàn bộ bài thơ để tìm những từ ngữ nói về công việc của người mẹ, chỉ ra ý nghĩa của những công việc đó.

– HS trình bày kết quả trước lớp. GV nhận xét, tổng hợp ý kiến các nhóm đã trình bày

Đáp án:

| Công việc của người mẹ | Ý nghĩa của những công việc đó |
|---|---|
| *Chăm sóc con nhỏ*<br>*Giã gạo nuôi bộ đội*<br>*Tỉa bắp trên núi Ka-lưi* | Những việc làm của người mẹ cho thấy: người mẹ Tà-ôi không chỉ nuôi con khôn lớn mà còn tham gia vào công việc sản xuất, xây dựng bản làng. Người mẹ ấy đã đóng góp công sức của mình vào công cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc bằng những công việc nhỏ bé, thầm lặng: giã gạo nuôi bộ đội, tăng gia sản xuất lương thực. |

**Câu 3.** *Những mong ước gì của người mẹ được gửi gắm trong lời ru ở khổ thơ thứ hai?*

Đáp án:

| Lời ru của mẹ | Mong ước của mẹ được gửi gắm trong lời ru |
|---|---|
| Mẹ thương a-kay, mẹ thương bộ đội | Điệp từ *thương* nhấn mạnh, làm rõ hơn tình cảm của mẹ dành cho con, dành cho bộ đội. Tình yêu của người mẹ Tà-ôi không chỉ bó hẹp trong gia đình, dành cho em cu Tai mà còn dành cho đất nước, cho dân tộc. |
| Con mơ cho mẹ hạt gạo trắng ngần | Người mẹ gửi gắm vào lời ru con ước mơ về cuộc sống no đủ, sung túc. Con mang vào giấc ngủ ước mơ bình dị của người mẹ: dân làng có cuộc sống ấm no, bình yên, hạnh phúc. |
| Mai sau con lớn vung chày lún sân | Người mẹ còn gửi gắm niềm tin, ước mơ về tương lai của em cu Tai qua hình ảnh "vung chày lún sân". Mẹ mong ước mai sau con sẽ khôn lớn, trở thành chàng trai mạnh khoẻ, tài giỏi. |

*Lưu ý*:

– GV cũng có thể phân tích kĩ hơn hình ảnh thơ "vung chày lún sân": Chi tiết này cho thấy người mẹ yêu con và gửi gắm vào tình yêu đó mong ước về tương lai của con. Trong tâm trí của mẹ, mai sau lớn lên, em cu Tai trở thành một thanh niên cường tráng, mang vẻ đẹp, sức mạnh của những chàng dũng sĩ trong những câu chuyện cổ tích.

– Với HS khá giỏi, GV có thể hỏi thêm: Người mẹ Tà-ôi có mong ước về cuộc sống no đủ, con cái lớn lên khoẻ mạnh, đóng góp được công sức cho dân làng, đất nước,... Còn cha mẹ các em thường mong ước ở các em điều gì? Từ câu trả lời của HS, GV chốt lại: Người mẹ Tà-ôi trong bài thơ cũng giống bao bà mẹ Việt Nam khác đều có mong ước con cái lớn lên khoẻ mạnh, trở thành những đứa con ngoan, những công dân tốt.

**Câu 4**. *Em hiểu thế nào về hai dòng thơ "Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi/ Mặt trời của mẹ, em nằm trên lưng"?*

Đáp án tham khảo: Từ "mặt trời" trong dòng thơ thứ hai được dùng với nghĩa chuyển. Với người mẹ, em cu Tai cũng giống như mặt trời. Nếu trong vũ trụ, mặt trời là nguồn năng lượng mang lại ánh sáng, sự sống cho muôn loài thì với người mẹ, em cu Tai cũng giống như mặt trời. Em mang đến cho mẹ nguồn động viên tinh thần để mẹ vượt qua khó khăn trong cuộc sống.

*Lưu ý*:

Sau khi tổng hợp ý kiến phát biểu của HS, GV hỏi thêm câu hỏi khác theo hướng triển khai sâu hơn các chi tiết nghệ thuật của bài thơ, tuỳ theo năng lực học tập và quỹ thời gian cho phép.

Ví dụ: GV có thể dẫn dắt: Bài thơ có rất nhiều những câu thơ hay, ngoài 2 câu thơ các em đã tìm hiểu. Chẳng hạn như: ***"Vai mẹ gầy nhấp nhô làm gối/ Lưng đưa nôi và tim hát thành lời"***. Ai có thể nêu cách hiểu của mình về hai câu thơ này? (Gợi ý: Theo nhịp chày giã gạo, đôi vai gầy của mẹ trở thành chiếc gối nhỏ ấm áp để em cu Tai gối đầu. Tấm lưng của mẹ giống như chiếc võng đu đưa dỗ em vào giấc ngủ say nồng. Mẹ không chỉ ru em bằng lời mà còn ru em bằng cả trái tim, tấm lòng của mẹ. Hình ảnh *tim hát thành lời* thể hiện điều đó.).

**Câu 5.** *Nêu chủ đề của bài thơ.*

– GV hướng dẫn HS:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân.

+ Bước 2: HS làm việc theo cặp (lần lượt từng HS nêu ý kiến), sau đó trao đổi thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu trước lớp. GV khen HS có nhiều ý kiến hay, thể hiện suy nghĩ, quan điểm cá nhân.

Đáp án tham khảo: Bài thơ ca ngợi tình yêu thương con sâu sắc gắn với tình yêu đất nước của những người mẹ Tà-ôi.

## 4. Học thuộc lòng bài thơ.

– HS làm việc cá nhân, học thuộc toàn bài.

– Làm việc chung cả lớp, HS đọc những đoạn thơ đã thuộc.

*Lưu ý:* Tuỳ theo thời gian thực tế, GV có thể tổ chức cho HS học thuộc lòng 1 – 2 đoạn thơ trên lớp. Những đoạn thơ còn lại, GV có thể hướng dẫn HS về nhà tự học.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc.

**Câu 1.** *Trong đoạn thơ dưới đây, những từ nào được dùng để xưng hô?*

– GV có thể chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể mời HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét.

Đáp án: Trong đoạn thơ, những từ được dùng để xưng hô là: *a-kay, mẹ, con.*

**Câu 2.** *Viết 2 – 3 câu về người mẹ trong bài thơ* ***Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ****, trong đó có sử dụng ít nhất một câu đơn và một câu ghép.*

– HS làm việc cá nhân, viết 2 – 3 câu về người mẹ trong bài thơ *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*, trong đó có câu đơn và câu ghép.

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Một số em đọc đoạn văn mình đã viết và chỉ ra câu đơn và câu ghép trong đoạn (VD: Những người mẹ Việt Nam không những đảm việc nhà mà họ còn giỏi việc nước.). GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

# TIẾT 3

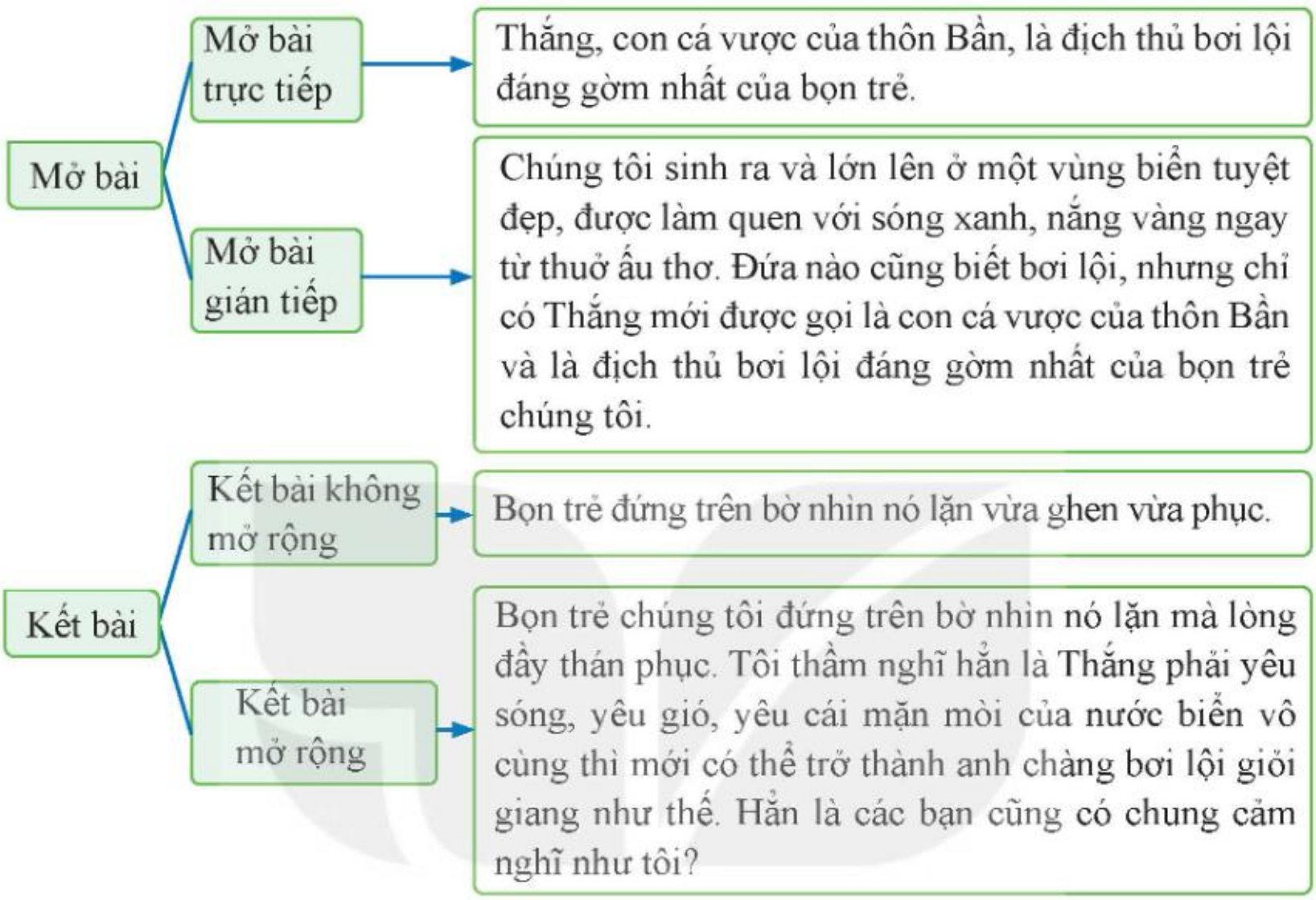
## VIẾT

## VIẾT MỞ BÀI VÀ KẾT BÀI CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Tiết học này tiếp tục hướng dẫn các em nhận biết cấu tạo của bài văn tả người, đó là nhận biết hai cách mở bài (mở bài trực tiếp và mở bài gián tiếp) và hai cách kết bài (kết bài mở rộng và kết bài không mở rộng) trong bài văn tả người. Các kiểu mở bài và kết bài này HS đã được luyện viết khi viết bài văn tả con vật, tả cây cối ở lớp 4 và tả phong cảnh ở học kì I lớp 5. Do đó, trong tiết học này, GV cần dành nhiều thời gian cho HS thực hành viết mở bài và kết bài sau khi quan sát, phân tích mẫu.

## 1. Tìm hiểu các cách viết mở bài, kết bài.

– GV yêu cầu HS đọc các mở bài và kết bài, sau đó tìm những điểm khác nhau trong các cách mở bài và kết bài đó. GV có thể chiếu trên màn hình hoặc yêu cầu HS đọc trong SHS. Có thể có cách thiết kế sinh động hơn để tăng sự chú ý của HS. Ví dụ:




– GV có thể mời 2 – 3 HS phát biểu trước lớp ngay sau khi HS đọc xong bài tập 1.

Đáp án:

+ Điểm khác nhau giữa hai cách mở bài: Mở bài trực tiếp viết rất ngắn gọn (chỉ bằng 1 câu), giới thiệu ngay người được tả: tên gọi (Thắng), biệt danh (con cá vược của thôn Bần) và đặc điểm nổi trội (địch thủ bơi lội đáng gờm nhất của bọn trẻ). Mở bài gián tiếp viết bằng nhiều câu văn hơn, bắt đầu từ việc giới thiệu về những đứa trẻ vùng biển (môi trường sống và đặc điểm chung), sau đó mới dẫn vào giới thiệu điểm nổi bật của người được tả.

+ Điểm khác nhau giữa hai cách kết bài: Kết bài không mở rộng viết rất ngắn gọn, tiếp tục khẳng định đặc điểm nổi trội của người được tả. Kết bài mở rộng vừa khẳng định đặc điểm nổi trội của người được tả, vừa thể hiện suy nghĩ, cảm xúc và những suy luận,... của người viết về người được tả.

## 2. Viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài *Chú bé vùng biển* theo cách của em.

– Dựa trên các đoạn mở bài, kết bài đã đọc và phân tích ở bài tập 1, HS thực hành viết mở bài và kết bài cho bài văn *Chú bé vùng biển* theo cách của mình. Sau đó đọc trong nhóm để nhận xét, góp ý cho nhau.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. VD: Để viết mở bài gián tiếp, cần bắt đầu từ đâu để dẫn vào việc giới thiệu người được tả. Để viết kết bài mở rộng, có thể nói về những dự định, công việc tiếp theo có liên quan đến người được tả,...

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa; dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét.

– GV mời một số HS đọc mở bài, kết bài của mình trước lớp (nếu có thời gian). GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bạn viết được mở bài, kết bài hay (hoặc góp ý để HS chỉnh sửa).

### 3. Trao đổi về cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả người.

– GV hướng dẫn HS dựa vào các mở bài và kết bài đã viết và những gợi ý trong SHS để rút ra cách viết mở bài gián tiếp và kết bài mở rộng cho bài văn tả người.

– GV mời một số em phát biểu kết quả trao đổi nhóm và hướng dẫn cả lớp nhận xét, đánh giá hoặc bổ sung.

– GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết mở bài, kết bài cho bài văn tả người.

## TIẾT 4

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt.

HS làm việc cá nhân theo các yêu cầu sau:

– Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt. VD: báo *Tiền phong* viết về người tốt, việc tốt (*Cậu học sinh nghèo trả lại 20 triệu đồng nhặt được*); Bộ sách *Gương thiếu nhi làm theo lời Bác* (*Cõng bạn đi học, Cậu bé mồ côi ham học,...*).

– Xem gợi ý trong SHS để biết cách tìm sách báo viết về người tốt, việc tốt theo yêu cầu. Có thể chia sẻ sách báo, giới thiệu nguồn khai thác thông tin,... cho các bạn để cùng trao đổi.

### 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách về sách báo mà em đã đọc (VD: những việc tốt được kể; người làm việc tốt; ý nghĩa, sự lan toả của việc tốt đối với cộng đồng; bài học rút ra từ việc tốt;...).

– HS viết phiếu đọc sách theo mẫu. HS có thể viết thêm những thông tin khác tuỳ theo nội dung sách báo đã đọc

– GV và HS nhận xét, góp ý.

### 3. Dựa vào phiếu đọc sách, trao đổi với bạn về ý nghĩa của những việc làm tốt đối với cộng đồng.

– HS làm việc theo nhóm, chia sẻ với bạn về ý nghĩa của những việc làm tốt đối với cộng đồng. Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà các bạn chia sẻ.

– GV mời đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp.

### VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng trong SHS: *Chia sẻ với người thân về một việc tốt em đã làm hoặc em mong muốn được làm cho cộng đồng.* HS cũng có thể hỏi suy nghĩ của bạn về việc tốt mà em đã đề xuất.

– GV nhắc HS tìm thêm sách báo viết về người tốt, việc tốt và giới thiệu cho các bạn những sách báo đó.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 2.

+ Đọc – hiểu: *Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ.*

+ Viết: *Viết mở bài và kết bài cho bài văn tả người.*

+ Đọc mở rộng: *Đọc sách báo viết về người tốt, việc tốt.*

– GV hỏi HS cần làm gì sau khi học xong Bài 2.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 3.

## TUẦN 20

# BÀI 3 HẠT GẠO LÀNG TA (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ *Hạt gạo làng ta.* Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu giá trị của hạt gạo và những khó khăn, vất vả mà người nông dân phải trải qua trong quá trình sản xuất lúa gạo.

b. Nhận biết được giá trị của hạt gạo thông qua các hình ảnh liên tưởng so sánh. Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Bài thơ ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn, vất vả, ca ngợi phẩm chất cần cù, chịu khó của người nông dân trong việc sản xuất ra lúa gạo, nuôi sống con người.

**2.** Nhận biết được các vế câu trong câu ghép; biết cách nối các vế của câu ghép bằng một kết từ và cách nối trực tiếp các vế của câu ghép (không dùng kết từ mà chỉ dùng dấu câu như *dấu phẩy*, *dấu chấm phẩy*).

**3.** Biết cách quan sát, nhận ra những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, sở trường, sở thích,... của một người để viết bài văn tả người đó.

**4.** Biết quý hạt gạo, trân trọng công sức của người nông dân trong việc sản xuất lúa gạo.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

Văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhịp trong thơ); cách viết đoạn văn, bài văn tả người; kiến thức về câu ghép (câu gồm hai vế câu trở lên, các vế câu có quan hệ tương đối độc lập với nhau), kết từ (từ dùng để nối các từ, các cụm từ, các vế câu);...

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc.

– Phiếu bài tập (nếu có).

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 1 – 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ (*Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ*) và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (GV có thể nêu câu hỏi về chủ đề của bài thơ).

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm: *Trao đổi với bạn những điều em biết về công việc của người nông dân*. GV khích lệ HS nói được suy nghĩ, ý kiến riêng của mình.

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ HS chia sẻ với bạn những điều mình biết về công việc của người nông dân. VD: Người nông dân là những người lao động sống ở nông thôn nên công việc của họ thường là: gieo hạt, ươm mầm, cày bừa, chăm sóc vườn cây, ruộng đồng, gặt hái, chăn nuôi gia súc,...

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV dẫn sang bài đọc *Hạt gạo làng ta* (VD: Vừa rồi các em đã chia sẻ về công việc chung của người nông dân. Nhưng các em cũng cần biết người nông dân là những người trực tiếp làm ra lúa gạo, nuôi sống con người. Lúc đó, người nông dân cần làm những công việc cụ thể gì, người nông dân vất vả ra sao khi làm những công việc đó. Đặc biệt, trong quá trình làm ra lúa gạo, người nông dân đã trải qua những khó khăn gì, thể hiện những nét đẹp nào trong lao động. Bài thơ *Hạt gạo làng ta* sẽ giúp các em khám phá những điều thú vị đó.).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm bài thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *phù sa, hương sen, bão tháng Bảy, xuống, súng, quang tràng, quết, tiền tuyến,...*

+ Chú ý ngắt giọng đúng để tạo nhịp điệu cho câu thơ, VD: *Hạt gạo làng ta/ Có vị phù sa/ Của sông Kinh Thầy/ Có hương sen thơm/...*

+ Đọc nhấn giọng ở những hình ảnh thơ nêu giá trị của hạt gạo và ca ngợi tinh thần vượt qua khó khăn vất vả, ca ngợi phẩm chất cần cù, chịu khó của người nông dân: *Có vị phù sa/ Của sông Kinh Thầy/ Có hương sen thơm/ Có lời mẹ hát/ Bát cơm mùa gặt/ Thơm hào giao thông/ Hạt vàng làng ta/ Giọt mồ hôi sa/ Những trưa tháng Sáu/ Cua ngoi lên bờ/ Mẹ em xuống cấy/ Sớm nào chống hạn/ Vục mẻ miệng gàu/ Trưa nào bắt sâu/ Chiều nào gánh phân/...*

– 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm, mỗi HS đọc 1 khổ, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc phần chú giải từ ngữ trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Ở khổ thơ thứ nhất, chi tiết nào cho thấy hạt gạo được kết tinh từ những tinh tuý của thiên nhiên?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc cho HS đọc lại câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm) để tìm câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. Đáp án: Chi tiết cho thấy hạt gạo được kết tinh từ những tinh tuý của thiên nhiên là: phù sa của sông Kinh Thầy, hương sen thơm trong hồ nước đầy.

**Câu 2.** *Bài thơ cho thấy nét đẹp gì của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo? Nét đẹp ấy được thể hiện qua những hình ảnh nào?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. VD: Bài thơ cho thấy sự cần cù, chịu khó, tinh thần vượt lên thử thách khắc nghiệt của thiên nhiên, sức làm việc bền bỉ và

tình yêu lao động của người nông dân trong quá trình làm ra hạt gạo. Nét đẹp ấy được thể hiện qua các hình ảnh: bão tháng Bảy, mưa tháng Ba, giọt mồ hôi sa, nước như ai nấu, chết cả cá cờ, cua ngoi lên bờ, mẹ em xuống cấy.

**Câu 3.** *Hai dòng thơ "Bát cơm mùa gặt/ Thơm hào giao thông" gợi cho em suy nghĩ gì? Em chọn ý nào? Vì sao?*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi và chọn câu trả lời.

– HS suy nghĩ, chọn câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp. (Đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận và cách lựa chọn, cách giải thích của cá nhân. Chẳng hạn: HS chọn đáp án A và giải thích đáp án này cho thấy rõ vai trò của người nông dân trong chiến tranh;...)

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến, thể hiện suy nghĩ riêng của mình.

**Câu 4.** *Các bạn nhỏ đã đóng góp những gì để làm ra hạt gạo?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện. HS làm việc nhóm để tìm câu trả lời.

– HS có thể ghi vắn tắt kết quả thảo luận vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp. VD: Bất kể thời gian nào trong ngày (sớm, trưa, chiều), các bạn nhỏ cùng người lớn tham gia chống hạn, tát nước, bắt sâu, gánh phân bón cho lúa.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

**Câu 5.** *Trong bài thơ, vì sao hạt gạo được gọi là "hạt vàng" (ý nói quý như vàng)? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nêu suy nghĩ vì sao hạt gạo lại được gọi là "hạt vàng".

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể chọn một trong các đáp án A, B, C hoặc cũng có thể nêu ý kiến khác của bản thân. VD: Hạt gạo được gọi là "hạt vàng" là vì hạt gạo rất quý, con người phải bỏ biết bao công sức, vượt qua bao gian nan, vất vả, một nắng hai sương, chăm chỉ, cần cù mới làm ra hạt gạo.

## 4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng bài thơ.

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu cả bài thơ.

+ Một HS đọc thành tiếng cả bài thơ.

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong bài thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và học thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng bài thơ này.

+ Ngoài ra, có thể có nhiều cách khác để học thuộc lòng, như HS tự đọc nhiều lần bài thơ, đọc xong chép lại,... GV có thể cho HS thay đổi cách thức học thuộc lòng một cách linh hoạt và sáng tạo.

– GV cho HS đọc thành tiếng lại bài thơ một lần nữa trước khi hết tiết 2. Hình thức đọc như thế nào là do GV chọn.

# TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP

### 1. Tìm câu ghép trong các đoạn và cho biết kết từ nào được dùng để nối các vế câu.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 1.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập, ghi kết quả vào vở hoặc phiếu bài tập, vở bài tập (nếu có).

– GV mời một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp hoặc dán phiếu bài tập lên bảng.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời.

| Câu ghép | Kết từ nối các vế câu |
|---|---|
| Hoa bưởi là hoa cây còn hoa nhài là hoa bụi. | còn |
| Hương toả từ những cánh hoa nhưng hương bưởi và hương nhài chẳng bao giờ lẫn. | nhưng |
| Ôi chao, cây khế sai chi chít những quả chín và giàn nhót đỏ mọng những chùm trái ngon lành. | và |
| Thỉnh thoảng, xe chạy chậm lại vì vướng những xe phía trước rồi xe lại lướt lên như mũi tên. | rồi |

– GV hướng dẫn HS rút ra ý 1 ở phần Ghi nhớ: Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng một kết từ như (*và, rồi, hoặc, còn, nhưng, mà, song,...*).

### 2. Tìm các vế của mỗi câu ghép và cho biết cách nối các vế câu ở bài tập này có gì khác so với cách nối các vế câu ở bài tập 1.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh, nêu yêu cầu của bài tập.

– GV giải thích "con da": là một loại cua giống như cua đồng nhưng to gấp ba, gấp bốn cua đồng, chân dài, thường chỉ xuất hiện vào tháng 9, 10 âm lịch hằng năm nên rất hiếm.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại yêu cầu của bài tập; dự kiến câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu bài tập, vở hoặc giấy nháp.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án:

| Câu | Các vế của câu ghép | Cách nối các vế câu có điểm khác với bài tập 1 |
|---|---|---|
| a. Hoa cánh kiến nở vàng trên rừng, hoa sở và hoa kim anh trắng xoá. | Vế 1: hoa cánh kiến nở vàng trên rừng<br>Vế 2: hoa sở và hoa kim anh trắng xoá | Nối trực tiếp: không dùng kết từ mà dùng dấu phẩy. |
| b. Dưới ánh trăng, dòng sông sáng rực lên, những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát. | Vế 1: dòng sông sáng rực lên<br>Vế 2: những con sóng nhỏ lăn tăn gợn đều mơn man vỗ nhẹ vào hai bên bờ cát | Nối trực tiếp: không dùng kết từ mà dùng dấu phẩy. |
| c. Ở mảnh đất ấy, tháng Giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột; tháng Tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép; tháng Chín, tháng Mười, đi móc con da dưới vệ sông. | Vế 1: tháng Giêng, tôi đi đốt bãi, đào ổ chuột<br>Vế 2: tháng Tám nước lên, tôi đánh giậm, úp cá, đơm tép<br>Vế 3: tháng Chín, tháng Mười, đi móc con da dưới vệ sông | Nối trực tiếp: không dùng kết từ mà dùng dấu chấm phẩy. |

– GV hướng dẫn HS rút ra ý 2 ở phần Ghi nhớ: Các vế của câu ghép có thể nối trực tiếp với nhau: giữa các vế không có kết từ mà chỉ có dấu câu (*dấu phẩy, dấu chấm phẩy,...*).

### 3. Chọn kết từ thay cho mỗi bông hoa trong các câu ghép.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 (hoặc GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập).

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập (chọn kết từ thay cho mỗi bông hoa trong các câu ghép) và ghi kết quả vào phiếu bài tập.

– GV mời một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời.

Đáp án:

a. Chích bông là loài chim bé nhỏ ***nhưng*** nó lại là loài chim có ích đối với nhà nông.

b. Ngoài sân, mèo mun đang nằm sưởi nắng ***và*** cún con cũng vậy.

c. Vườn nhà em, ban ngày, hoa mẫu đơn, hoa lan, hoa cúc đua nhau khoe sắc ***còn*** ban đêm, hoa nguyệt quế, hoa hoàng lan, hoa mộc lại cùng nhau toả hương.

d. Ngày nghỉ, em dậy sớm đá bóng với bố ***rồi*** em cùng mẹ ra vườn tưới cây.

**4. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về bài thơ *Hạt gạo làng ta*, trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.**

– GV nêu yêu cầu của bài tập 4 (hoặc GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập).

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, nói 3 – 5 câu về bài thơ *Hạt gạo làng ta*, trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.

+ Từng thành viên trong nhóm nói 3 – 5 câu về bài thơ *Hạt gạo làng ta*, trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.

+ Các thành viên trong nhóm góp ý cho nhau, chọn sản phẩm tốt nhất để báo cáo trước lớp.

– GV mời 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– HS làm việc cá nhân, dựa trên kết quả nói, viết 3 – 5 câu về bài thơ *Hạt gạo làng ta*, trong đó có câu ghép gồm các vế nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp.

– GV lưu ý HS đây là bài tập có đáp án mở, mỗi HS có thể viết một đoạn văn theo suy nghĩ của mình nhưng phải đáp ứng yêu cầu: (1) Đoạn văn viết về bài thơ *Hạt gạo làng ta*; (2) Đoạn văn có câu ghép gồm các vế được nối bằng một kết từ hoặc nối trực tiếp (VD: Hạt gạo làng ta có vị phù sa của sông Kinh Thầy, đồng thời hạt gạo làng ta cũng thấm đượm mồ hôi, công sức của người nông dân...); (3) Đoạn văn phải đảm bảo sự liên kết giữa các câu.

# TIẾT 3

## VIẾT

## QUAN SÁT ĐỂ VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

**Yêu cầu:** Quan sát một người thân trong gia đình em hoặc một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp và ghi lại kết quả quan sát.

Tiết học này nhằm giúp các em biết cách quan sát người để viết bài văn tả người. Các em được hướng dẫn quan sát ngoại hình, hoạt động, những biểu hiện về sở trường, sở thích,... của người mà mình muốn miêu tả và biết cách ghi chép kết quả quan sát.

**1. Chuẩn bị.**

– GV hướng dẫn HS đọc yêu cầu quan sát và thực hiện theo các gợi ý trong SHS:

+ HS chọn người để quan sát. GV cho HS biết: Những bức tranh minh hoạ chỉ là gợi ý về việc lựa chọn người để quan sát và miêu tả (VD: người thân trong gia đình, dòng họ; bạn bè trong lớp, người quen biết trong cộng đồng đã để lại ấn tượng tốt đẹp cho mình.).

+ HS xác định cách quan sát: quan sát trực tiếp hoặc quan sát qua tranh ảnh, video,...

– Chuẩn bị phiếu ghi kết quả quan sát.

## 2. Quan sát và ghi chép kết quả.

– GV lưu ý HS: Khi quan sát (hoặc nhớ lại những đặc điểm của người được chọn quan sát và miêu tả), cần lựa chọn một số chi tiết tiêu biểu (về ngoại hình, hoạt động, sở trường, sở thích,...) thể hiện nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.

– HS làm việc cá nhân, hoàn thành bản ghi chép kết quả quan sát vào vở hoặc phiếu học tập, vở bài tập (nếu có).

| | |
|---|---|
| Ngoại hình | – Dáng người<br>– Nước da<br>– Gương mặt<br>– Trang phục<br>–... |
| Hoạt động | – Việc làm<br>– Cử chỉ<br>– Lời nói (có thể kết hợp tả giọng nói)<br>– ... |
| Sở trường, sở thích,... | – ... |

## 3. Trao đổi về kết quả quan sát.

HS thực hiện theo cặp, theo nhóm hoặc làm việc chung cả lớp theo hướng dẫn trong SHS.

a. Chia sẻ kết quả quan sát.

– HS trình bày kết quả ghi chép hoặc đổi phiếu ghi chép cho nhau:

+ Người được quan sát là ai?

+ Người đó có những đặc điểm nào nổi bật?

b. Nhận xét, góp ý về kết quả quan sát.

– HS nêu ý kiến nhận xét về kết quả quan sát của bạn:

+ Cách lựa chọn, sắp xếp đặc điểm của người được quan sát có hợp lí không?

+ Cách miêu tả đặc điểm (sử dụng từ ngữ, hình ảnh,...) của bạn đã giúp làm nổi bật đặc điểm của người được tả hay chưa?

+ Bạn đã học tập được điều gì từ bài văn tả bạn Thắng (*Chú bé vùng biển*)?

+ ...

– GV kết luận về ý nghĩa, tầm quan trọng của việc quan sát – một khâu quan trọng để viết được bài văn tả người hay.

– GV nhắc HS: Khi quan sát, các em cố gắng nhận ra đặc điểm riêng của người được quan sát và miêu tả. Trong bài văn tả người, để người đọc nhận rõ đặc điểm của người

được tả, phụ thuộc vào việc các em lựa chọn từ ngữ, sử dụng những hình ảnh so sánh, liên tưởng,... gây ấn tượng. Ngoài ra, cần mạch lạc như SHS đưa hướng dẫn.

### VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng trong SHS: *Trao đổi với người thân về sở trường, sở thích,... của từng thành viên trong gia đình.*

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 3:

+ Đọc hiểu: *Hạt gạo làng ta*.

+ Luyện từ và câu: *Cách nối các vế câu ghép* (nối bằng một kết từ và nối trực tiếp).

+ Viết: *Quan sát để viết bài văn tả người.*

– GV hỏi HS: Em thấy nội dung nào của Bài 3 thú vị, dễ nhớ? Vì sao?

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS đọc trước Bài 4.

## Bài 4 HỘP QUÀ MÀU THIÊN THANH (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Hộp quà màu thiên thanh*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời thoại của các nhân vật trong câu chuyện.

   b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, hành động, điệu bộ, lời nói, suy nghĩ,... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Tình cảm thầy trò là tình cảm đẹp đẽ, vô cùng đáng quý. Mỗi người cần biết trân trọng, giữ gìn, vun đắp để tình cảm đó mỗi ngày càng đẹp hơn.

2. Biết cách lập dàn ý cho bài văn tả người đúng yêu cầu của đề bài và theo đúng các bước cần thiết.

3. Biết thảo luận về một vấn đề được nhiều người quan tâm, cụ thể là nét đẹp trong ứng xử học đường của HS ngày nay; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại; biết thể hiện sự nhã nhặn, lịch sự khi thảo luận.

4. Biết bày tỏ tình yêu thương với bạn bè, thầy cô giáo.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật); cách xây dựng tình huống kịch tính để bộc lộ tính cách nhân vật.

## 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Hộp quà màu thiên thanh*, video về các hoạt động học tập ở trường, dã ngoại thể hiện sự gắn bó giữa HS và thầy cô giáo hoặc những cách thể hiện tình cảm hồn nhiên của học trò đối với thầy cô giáo (nếu có).

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc thuộc lòng 1 – 2 khổ thơ trong bài *Hạt gạo làng ta* (hoặc nêu câu hỏi khác).

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm (*Theo em, có những cách nào để bày tỏ tình cảm yêu quý của mình với người thân, bạn bè, thầy cô giáo?*). GV khích lệ HS chia sẻ trong nhóm.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

Đáp án tham khảo: gọi điện thoại hỏi thăm sức khoẻ; gửi lời chúc mừng vào dịp sinh nhật hoặc lễ tết; gửi thiệp kèm theo những lời chúc có ý nghĩa; biết quan tâm, giúp đỡ, chia sẻ khi người thân, bạn bè,... gặp khó khăn hoặc ốm đau;...

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. VD: Tranh minh hoạ bài đọc có những nhân vật nào? Đoán xem họ đang làm gì. (VD: Các bạn nhỏ đang cùng nhau làm một việc gì đó. Có một nhóm đang làm một chiếc hộp. Có bạn trên đầu có bóng nghĩ về một người – chắc là cô giáo của bạn đang cầm chiếc hộp trong tay. Một nhóm khác đang trao đổi về một kế hoạch nào đó. Hình ảnh hộp quà màu thiên thanh, có 1 lá thư đang bay vào chiếc hộp đó,...)

GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát câu chuyện *Hộp quà màu thiên thanh* (VD: Đây là tranh minh hoạ cho bài đọc *Hộp quà màu thiên thanh*. Chúng ta tò mò muốn biết các bạn trong tranh đang làm gì, nói gì với nhau. Có những nội dung gì được viết vào những lá thư. Các em sẽ nghe đọc và đọc kĩ văn bản để tìm câu trả lời...).

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc thể hiện suy nghĩ nội tâm của nhân vật trong câu chuyện, giọng cô giáo ấm áp; giọng HS trong trẻo, hồn nhiên). Nếu trong lớp có HS đọc tốt, GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *hai đứa phóng xe đi*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *Tân sẽ rất nhớ cô.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Tân kể lại buổi đi học muộn hôm ấy/ và cả những cố gắng của Tân trong học tập/: dậy sớm hơn để học bài,/ tranh thủ các buổi chiều nghỉ học,/ Tân giúp mẹ việc nhà.; Ba mươi lăm lá thư/ tạo thành một hộp quà đặc biệt tặng cô/ được giữ bí mật tuyệt đối.;...*

+ Đọc diễn cảm các câu có từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của nhân vật, VD: ***Cảm xúc dâng trào**, Tân bèn cầm bút viết.; Giờ sắp phải xa cô, xa trường lớp, Tân sẽ **rất nhớ** cô...;*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– Làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– Làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong SHS.

**Câu 1.** *Lớp Tân có dự định gì trong buổi tổng kết năm học?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV hướng dẫn cả lớp trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: Từng cá nhân đọc đoạn văn, tìm câu trả lời cho câu hỏi.

+ Bước 2: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp. Cả lớp nhận xét, bổ sung. GV chốt đáp án, khích lệ và khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.

Đáp án: Trong buổi tổng kết năm học, lớp Tân có dự định tặng cô giáo một món quà bất ngờ bằng cách mỗi bạn viết một lá thư như một món quà đặc biệt để tặng cô chủ nhiệm.

**Câu 2.** *Khi viết thư cho cô giáo, Tân đã nhớ lại kỉ niệm gì?*

– 1 HS đọc câu hỏi 2 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi.

+ Cá nhân đọc thầm đoạn 2, dùng bút chì gạch dưới từ ngữ, câu văn giúp trả lời câu hỏi.

+ Từng thành viên trao đổi kết quả với bạn. Nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi. GV và cả lớp lắng nghe, nhận xét và chốt đáp án.

Đáp án tham khảo: GV có thể sử dụng sơ đồ như dưới đây để tổng hợp ý kiến thảo luận của HS và chốt đáp án.




**Câu 3.** *Qua bức thư Tân viết, hãy đoán xem lí do nào khiến Tân đã cố gắng và có nhiều tiến bộ trong học tập.*

Đáp án: Lí do để Tân cố gắng và có nhiều tiến bộ trong học tập:

+ Tân là cậu bé rất giàu tình cảm, thương mẹ, biết đỡ đần mẹ việc nhà.

+ Tân là cậu bé có ý thức sửa chữa khuyết điểm, biết nghe lời thầy cô. Tân nhận thấy không nên đi học muộn và quyết tâm sửa chữa (chủ động sắp xếp thời gian học tập và thời gian làm việc nhà như: dậy sớm để học bài, tranh thủ làm việc nhà vào những buổi chiều được nghỉ học...).

+ Cô giáo của Tân là người nghiêm khắc nhưng rất yêu thương học trò. Cô biết cách động viên học trò vươn lên trong học tập. Nhờ những lời động viên của cô mà Tân có thêm nghị lực để vượt lên khó khăn.

**Câu 4.** *Những từ ngữ, chi tiết nào thể hiện tình cảm cô trò trong buổi lễ tổng kết năm học?*

GV có thể áp dụng hình thức học tập tương tự như câu hỏi 2.

Đáp án:

| **Từ ngữ, chi tiết thể hiện tình cảm cô trò** | **Tình cảm, cảm xúc của HS và cô giáo** |
|---|---|
| – Cô giáo bước vào lớp trong tiếng vỗ tay giòn giã của các bạn.<br>– Quang thay mặt lớp cảm ơn cô đã dạy dỗ.<br>– Đôi má cô ửng hồng khi nhận được hộp quà và lời nhắn nhủ của Quang. | → HS rất yêu cô, gắn bó với cô, biểu hiện cảm xúc rất rõ khi cô bước vào.<br>→ Cô giáo rất trân trọng tình cảm của HS dành cho mình.<br>→ Xúc động trước tình cảm của HS dành cho mình, yêu thương và trân trọng HS. |

**Câu 5.** *Theo em, hình ảnh "hộp quà màu thiên thanh" trong câu chuyện có ý nghĩa gì? Tìm một nhan đề khác cho câu chuyện.*

Câu hỏi có 2 ý. Cả 2 ý đều có câu trả lời mở. GV nên khích lệ HS trả lời theo cách hiểu của bản thân.

– GV hướng dẫn HS trả lời ý 1 của câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm đôi, trao đổi ý kiến của mình với bạn.

– GV khích lệ các nhóm mạnh dạn trao đổi, lập luận để bảo vệ ý kiến của mình.

– GV nhận xét ý kiến của các nhóm, khen các nhóm có những suy nghĩ độc lập, biết lập luận để bảo vệ quan điểm. GV tổng hợp ý kiến của HS.

Đáp án tham khảo: Hình ảnh "hộp quà màu thiên thanh" trong câu chuyện thể hiện tình yêu thương, lòng biết ơn của các bạn HS đối với công lao dạy dỗ của thầy cô dành cho mình. Hình ảnh này còn thể hiện tinh thần đoàn kết của các bạn trong lớp, những kỉ niệm đẹp của HS với cô giáo, sự trưởng thành của các bạn HS,...

Ý 2 có đáp án mở. HS có thể đưa ra những nhan đề khác nhau. GV nên trân trọng ý kiến của HS. GV có thể hỏi thêm câu hỏi phụ (Vì sao em chọn nhan đề đó?) để giúp HS có cơ hội được trao đổi.

– GV hướng dẫn HS trả lời ý 2 của câu hỏi:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, phát biểu ý kiến cá nhân, tranh luận/ trao đổi; cần lập luận để thuyết phục mọi người.

– GV nhận xét ý kiến của các nhóm, khen các nhóm có những suy nghĩ độc lập, lựa chọn được những nhan đề hay, phù hợp với nội dung câu chuyện. GV tổng hợp ý kiến của HS.

Đáp án:

Một số nhan đề khác có thể là: Buổi lễ tổng kết năm học; Tình cảm cô trò; Kỉ niệm khó quên; Món quà tặng cô; Những lá thư gửi cô;... Em thích nhan đề đó vì nhan đề hay, chuyển tải được thông điệp của bài đọc, nêu được ý nghĩa của câu chuyện/ Nêu được tình cảm của các bạn với cô/...

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

Mục đích của hoạt động luyện tập này nhằm giúp HS mở rộng vốn từ về kỉ niệm. Hiểu nghĩa của một số từ Hán Việt bắt đầu bằng tiếng *kỉ*. GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phát biểu ý kiến trước lớp. Trong hoạt động này, GV nên đóng vai trò là người tổ chức, quan sát, hướng dẫn, định hướng,... không làm nhiệm vụ giảng dạy những kiến thức liên quan đến bài tập.

– HS đọc yêu cầu trong SHS và tự thực hiện theo hình thức cá nhân, cặp hoặc nhóm.

– Sau thời gian quy định, HS trình bày kết quả làm bài trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS rồi nêu nhận xét trước lớp.

**Câu 1.** *Chọn nghĩa phù hợp với mỗi từ.*

Đáp án:

| Từ | Nghĩa của từ |
|---|---|
| *kỉ niệm* | tập tài liệu ghi lại những điều cốt yếu |
| *kỉ vật* | thành tích được chính thức thừa nhận là cao nhất, từ trước đến nay chưa ai đạt được |
| *kỉ yếu* | vật được giữ lại làm kỉ niệm |
| *kỉ lục* | cái hiện lại trong trí óc về những sự việc đáng ghi nhớ đã qua |

**Câu 2.** *Chọn từ ở bài tập 1 thay cho bông hoa để hoàn chỉnh câu.*

Đáp án:

a. Trên giá sách, ông tôi dành một góc nhỏ để trưng bày các **kỉ vật** của những người đồng đội cũ.

b. Cuối học kì II, lớp tôi có dự định làm cuốn **kỉ yếu** để lưu lại những **kỉ niệm** tuổi thơ dưới mái trường tiểu học.

c. Tôi đã cùng gia đình đi du lịch Phú Quốc, chuyến đi ấy để lại cho tôi những **kỉ niệm** đẹp.

**Câu 3.** *Trong những câu ở bài tập 2, câu nào là câu ghép?*

Đáp án: Câu c

Tôi đã cùng gia đình đi du lịch Phú Quốc, chuyến đi ấy để lại cho tôi những kỉ niệm đẹp.

Vế 1: Tôi đã cùng gia đình đi du lịch Phú Quốc.

Vế 2: chuyến đi ấy để lại cho tôi những kỉ niệm đẹp.

Câu ghép có các vế được nối với nhau trực tiếp bằng dấu phẩy.

## TIẾT 3

### VIẾT

### LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em.

**Đề 2:** Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.

### 1. Lập dàn ý.

– GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài.

– GV nhắc HS dựa vào kết quả quan sát của hoạt động Viết ở Bài 3, chọn đề bài phù hợp để lập dàn ý.

– GV có thể mời một số HS nêu đề bài đã chọn và giải thích lí do chọn đề bài đó.

– HS làm việc cá nhân, lập dàn ý theo gợi ý của SHS:

+ Đọc lại kết quả quan sát. GV có thể nói với HS: Các em có thể chọn tả người khác nhưng vẫn phù hợp yêu cầu của đề bài.

+ Lựa chọn trình tự miêu tả.

– HS tự lập dàn ý (làm việc cá nhân): đọc thầm, đọc lướt hướng dẫn lập dàn ý trong SHS (theo 3 phần của bài văn) và dựa vào các nội dung đã chuẩn bị để lập dàn ý.

– GV quan sát HS làm bài, đọc dàn ý của một số HS để có hỗ trợ phù hợp.

### 2. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn trong SHS), tự chỉnh sửa, bổ sung.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau:

+ Lựa chọn được những đặc điểm về ngoại hình, hoạt động,... để làm nổi bật những nét riêng, giúp phân biệt người được tả với những người khác.

+ Có những dẫn chứng cụ thể (hoạt động, sở trường,...) thể hiện được tính cách, phẩm chất của người được tả.

+ ...

– GV có thể chốt những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả người đúng yêu cầu (dựa vào tiết tìm hiểu cách viết bài văn tả người).

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## NÉT ĐẸP HỌC ĐƯỜNG

**Yêu cầu:** Thảo luận về những ứng xử đẹp trong trường học.

### 1. Chuẩn bị.

GV hướng dẫn HS:

– Cử người điều hành thảo luận. Có thể thảo luận theo nhóm, theo lớp hoặc kết hợp cả 2 hình thức. Mỗi nhóm có thể cử một bạn thư kí để ghi chép kết quả thảo luận. (Nếu thảo luận theo lớp, chỉ cần một bạn điều hành, một bạn thư kí.)

– Xác định nội dung thảo luận.

– Thống nhất cách thức thảo luận: trình bày rõ ràng, ngắn gọn; không lặp lại ý kiến của người trình bày trước; nói khi đến lượt;...

*Lưu ý*: Kết hợp cử chỉ, điệu bộ phù hợp khi trình bày.

## 2. Thảo luận.

a. Mở đầu

– HS điều hành giới thiệu và nêu nội dung thảo luận:

+ Nêu nội dung thảo luận: những ứng xử đẹp trong trường học. Cụ thể đó là ứng xử của HS đối với thầy cô giáo, với cô bác là nhân viên trong nhà trường và ứng xử giữa HS với HS; tự nhận xét, đánh giá về những ứng xử của bản thân trong trường học.

+ HS khác nêu ý kiến cần làm rõ nội dung thảo luận (nếu có).

b. Triển khai

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm bốn. Các nhóm lần lượt thảo luận từng nội dung.

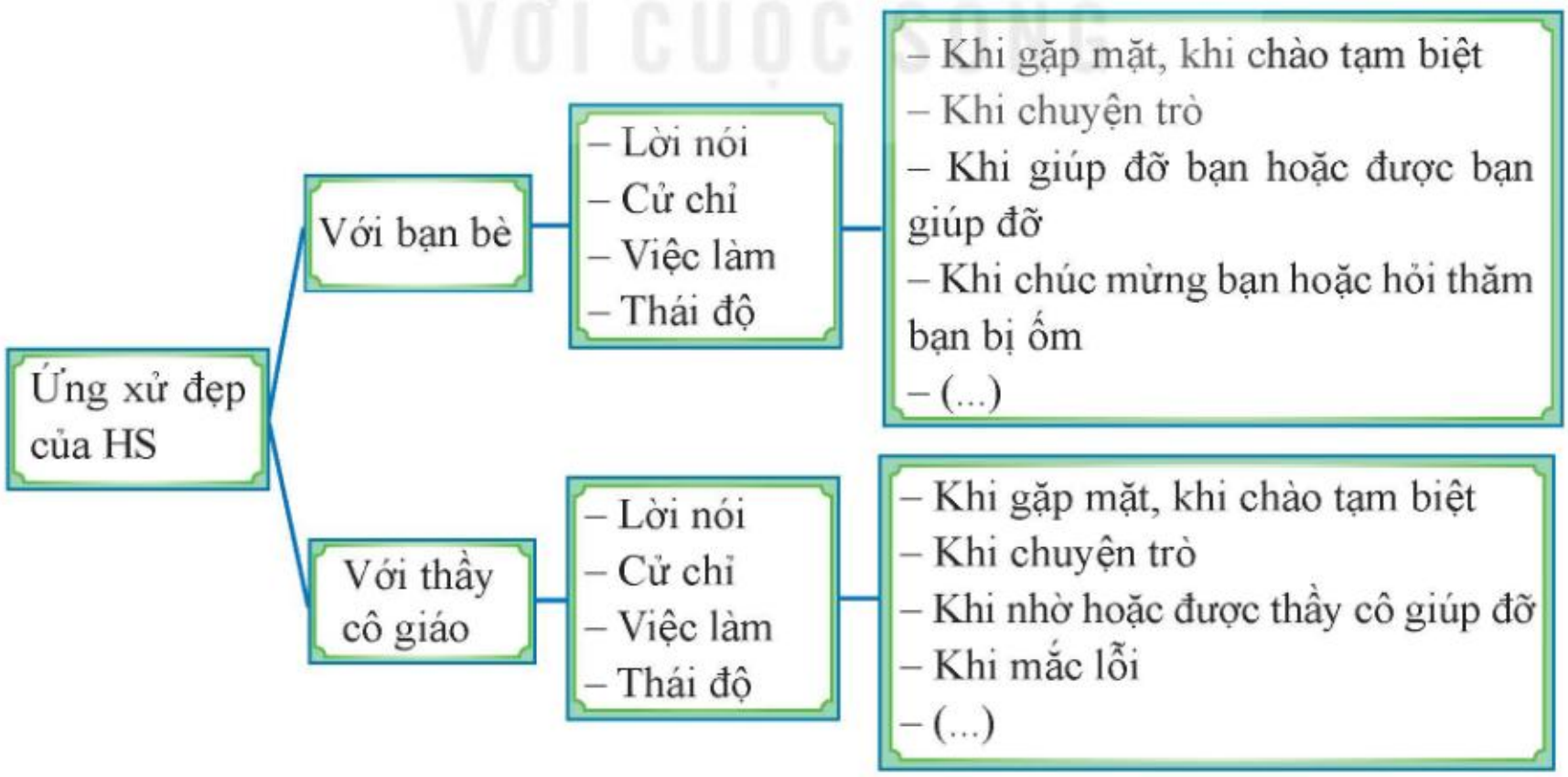
+ Biểu hiện của những ứng xử đẹp trong trường học.

+ Tự nhận xét, đánh giá về những ứng xử của bản thân trong trường học: những ứng xử đẹp và những ứng xử chưa đẹp.

– Từng thành viên trong nhóm nêu ý kiến, cả nhóm trao đổi.

+ Với nội dung thứ nhất, GV định hướng cho HS dựa vào gợi ý trong SHS, tập trung thảo luận về biểu hiện của những ứng xử đẹp trong trường học (lời nói, cử chỉ, việc làm,...) theo thứ tự ưu tiên: với thầy cô, bạn bè rồi đến cán bộ trong trường (cô chú làm việc ở văn phòng, thư viện, bác bảo vệ,...). Vì thầy cô và bạn bè là hai đối tượng giao tiếp mà HS thường xuyên tương tác hằng ngày trong trường học.

Có thể triển khai theo gợi ý sau:



+ Với nội dung thảo luận thứ hai, từng thành viên trong nhóm trao đổi về những ứng xử đẹp hoặc chưa đẹp của bản thân với các đối tượng nêu trên hoặc có thể chỉ chọn một đối tượng, VD: thầy cô giáo/ các bác bảo vệ/ nhân viên thư viện/... để trình bày.

+ Nhóm trao đổi, chỉ ra những ý kiến thống nhất và khác biệt. Thư kí của nhóm ghi kết quả thảo luận.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả thảo luận của nhóm mình.

*Lưu ý*: Trong hoạt động này, GV không nên để một nhóm trình bày một hoặc hai nội dung thảo luận. Mỗi nhóm cần được thảo luận về những ứng xử đẹp của mình với thầy cô, bạn bè hoặc cán bộ trong trường.

– Cả lớp trao đổi, bày tỏ ý kiến tán thành hoặc không tán thành (Tán thành nội dung nào? Tán thành ý kiến của bạn nào? Tán thành dẫn chứng nào? Không tán thành hoặc muốn bổ sung nội dung, dẫn chứng nào?).

– Thư kí ghi chép kết quả thảo luận.

c. Kết thúc

– HS điều hành tổng hợp các ý kiến. VD:

+ Ứng xử đẹp trong trường học là biểu hiện của nét đẹp học đường.

+ Ứng xử đẹp được biểu hiện trong lời nói và trong cử chỉ, việc làm,... với thầy cô giáo, với cô bác làm việc ở văn phòng nhà trường hoặc với bạn bè.

+ Việc chia sẻ những trải nghiệm về ứng xử đẹp của mỗi bạn sẽ giúp chúng ta hoàn thiện hơn văn hoá ứng xử trong nhà trường.

– HS điều hành nhận xét, rút kinh nghiệm thảo luận:

+ Vấn đề đặt ra để thảo luận có cần thiết với mỗi HS không?

+ Những lí do, dẫn chứng làm sáng tỏ nội dung thảo luận có thuyết phục không?

+ Thái độ của các bạn khi tham gia thảo luận thế nào?

### 3. Đánh giá.

– HS điều hành thảo luận mời các bạn bình chọn những gương mặt điển hình:

+ Người có đóng góp nhiều nhất cho nội dung thảo luận.

+ Người có lí lẽ và dẫn chứng xác đáng nhất khi nêu ý kiến.

+ Người có phong cách trình bày thu hút nhất.

– HS điều hành cảm ơn những người tham gia thảo luận.

– GV đánh giá kết quả thảo luận theo tiến trình thảo luận. Cụ thể với bước 1: GV khen người điều hành của các nhóm có cách giới thiệu nội dung thảo luận hấp dẫn. Có người điều hành giới thiệu trực tiếp. Có người điều hành giới thiệu gián tiếp. GV có thể mời 2 – 3 HS nhắc lại lời giới thiệu trực tiếp, lời giới thiệu gián tiếp. Ở bước 2 (nội dung thảo luận), GV khen cả lớp biết tập trung vào nội dung thảo luận, có thái độ thảo luận lịch sự, tự tin khi trình bày ý kiến.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về những ứng xử đẹp trong trường học mà em và các bạn đã thảo luận.*

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã học ở Bài 4.

+ Đọc hiểu: *Hộp quà màu thiên thanh.*

+ Viết: *Lập dàn ý cho bài văn tả người.*

+ Nói và nghe: *Nét đẹp học đường.*

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 5.

# TUẦN 21

# BÀI 5 GIỎ HOA THÁNG NĂM (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Giỏ hoa tháng Năm*. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng; biết ngắt, nghỉ hơi theo chỉ dẫn của dấu câu.

b. Nắm được ý chính của mỗi đoạn trong bài đọc. Hiểu được điều mà tác giả muốn nói qua bài đọc: Tình bạn là một phần đẹp đẽ của cuộc sống, cần hiểu đúng về tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn.

**2.** Biết cách nối các vế câu ghép bằng cặp kết từ và cặp từ hô ứng.

**3.** Biết viết các đoạn văn trong bài văn tả người, trong đó sử dụng những từ ngữ gợi tả, biện pháp so sánh,... để làm nổi bật đặc điểm của người được tả.

**4.** Biết trân trọng tình bạn, biết chia sẻ, đồng cảm với những cảm xúc của bạn bè.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản truyện (chủ đề, nội dung, ý nghĩa,...).

– Cách nối các vế câu ghép.

– Kiểu bài văn tả người.

### 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh hoặc video ngắn minh hoạ cho bài học (chẳng hạn, cảnh HS chơi đùa thân thiết với nhau).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1

## ÔN BÀI CŨ

GV mời 1 – 2 HS đọc một đoạn yêu thích trong bài đọc *Hộp quà màu thiên thanh* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (GV có thể nêu câu hỏi khác).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trao đổi vấn đề được nêu ra ở hoạt động Khởi động trong SHS (*Kể về kỉ niệm đáng nhớ của em với một người bạn.*). GV khích lệ HS kể, chia sẻ kỉ niệm, trải nghiệm của các em.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát bài đọc *Giỏ hoa tháng Năm*, VD: Tình bạn là một phần đẹp đẽ của cuộc sống. Ai cũng cần có bạn bè. Tuy vậy, không phải khi nào bạn bè cũng mang lại cho nhau những điều dễ chịu. Có khi vì hiểu lầm, có khi vì có suy nghĩ khác nhau về một vấn đề mà bạn bè giận nhau, có thể không còn thân nhau nữa. Vì thế, các em không chỉ cần biết kết bạn mà còn cần hiểu về tình bạn và biết cách giữ gìn tình bạn. Bài đọc sau đây kể với các em một câu chuyện giữa hai người bạn. Tuy các bạn nhỏ sống ở một đất nước khác, nhưng những gì xảy ra với họ rất gần gũi với trải nghiệm của các em. Qua câu chuyện này, các em sẽ hiểu sâu sắc hơn về tình bạn và biết giữ gìn quan hệ tốt đẹp mà các em đang có với những người bạn của mình.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc rõ ràng, diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp). GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn của bài đọc.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *ngạc nhiên, thích thú.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *với một người bạn.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *thoả thích, rực rỡ, ba chân bốn cẳng,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Với bọn trẻ chúng tôi,/ ngày lễ Mừng xuân vào tháng Năm/ luôn đáng mong chờ,/ bởi đó là dịp/ chúng tôi được vui đùa thoả thích.; Chúng tôi thường bí mật làm những giỏ hoa rực rỡ,/ đặt lên bậc thềm nhà người quen hoặc bạn bè,/ gõ cửa/ rồi ba chân bốn cẳng/ chạy trốn thật nhanh.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng trong câu. VD: *đáng mong chờ, vui đùa thoả thích, bị bỏ rơi, tủi thân, oà khóc nức nở, bạn bè đích thực,...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV mời HS đọc giải nghĩa từ ngữ trong SHS và cho HS nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu, GV giải nghĩa từ hoặc hướng dẫn HS tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SHS.

**Câu 1.** *Ngày lễ nào trong năm được các bạn nhỏ mong chờ? Việc làm nào trong ngày đó khiến các bạn thấy thú vị?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– HS trao đổi theo nhóm và lần lượt trả lời câu hỏi. GV quan sát các nhóm làm việc để có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án tham khảo: Ngày lễ được các bạn nhỏ mong chờ là ngày lễ Mừng xuân vào tháng Năm. Các bạn thường bí mật làm những giỏ hoa rực rỡ, đặt lên bậc thềm nhà người quen hoặc bạn bè, gõ cửa rồi ba chân bốn cẳng chạy trốn thật nhanh, hồi hộp theo dõi chủ nhà có cảm xúc như thế nào trước món quà đó.

**Câu 2.** *Bạn thân của Xu-di là ai? Vì sao Xu-di lại giận người bạn thân của mình?*

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc chiếu câu hỏi trên màn hình), cả lớp đọc thầm theo.

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

– HS làm việc theo nhóm, lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị, sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung nếu HS phát biểu chưa đầy đủ.

Đáp án tham khảo: Bạn thân của Xu-di là Pam. Xu-di giận người bạn thân của mình vì có một gia đình mới dọn đến thị trấn của hai người và Pam đã kết thân với con gái của gia đình đó, thời gian Pam dành cho Xu-di không còn nhiều như trước, Xu-di cảm thấy như bị bỏ rơi.

**Câu 3.** *Việc Xu-di vẫn quyết định tặng bạn giỏ hoa với nhiều bông màu vàng mà bạn yêu thích thể hiện điều gì?*

– GV nêu câu hỏi 3.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm và trả lời câu hỏi.

– Một số HS nêu trả lời trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung chi tiết (nếu HS phát biểu chưa đầy đủ). GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án tham khảo: Việc Xu-di vẫn quyết định tặng bạn giỏ hoa với nhiều bông màu vàng mà bạn yêu thích cho thấy Xu-di rất yêu quý Pam và hiểu sở thích của bạn.

**Câu 4.** *Người bạn của Xu-di đón nhận giỏ hoa như thế nào? Theo em, Xu-di có cảm nghĩ gì trước cử chỉ, lời nói của bạn lúc nhận giỏ hoa?*

– GV nêu câu hỏi 4 và hướng dẫn HS cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ để tìm câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất đáp án.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, bổ sung, thống nhất đáp án.

Đáp án tham khảo: Pam nâng giỏ hoa lên, dịu dàng áp mặt vào những bông hoa và nói to như để Xu-di nghe được: "Cảm ơn Xu-di, hi vọng cậu không còn giận mình!". Chắc hẳn là Xu-di rất cảm động trước cử chỉ, lời nói của Pam lúc nhận giỏ hoa.

**Câu 5.** *Đoạn kết của câu chuyện muốn nói điều gì?*

– GV nêu câu hỏi 5.

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm, mỗi HS nêu ý kiến của mình trong nhóm.

– Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung chi tiết (nếu HS phát biểu chưa đầy đủ). Cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án tham khảo: Đoạn kết của câu chuyện muốn nói: đã là bạn bè đích thực luôn có sự gắn bó thân thiết, chân thành, luôn ở bên nhau, luôn quan tâm đến nhau dù không ở cạnh nhau thường xuyên nhưng tấm lòng thì luôn hướng về nhau, luôn trân trọng và có vị trí nhất định trong lòng mỗi người.

### 4. Luyện đọc lại

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## CÁCH NỐI CÁC VẾ CÂU GHÉP (Tiếp theo)

### 1. Tìm cặp kết từ nối các vế câu trong mỗi câu ghép.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh, nêu yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại yêu cầu của bài tập; dự kiến câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu bài tập, vở hoặc giấy nháp.

– Một số HS đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án:

| Câu ghép | Cặp kết từ nối các vế câu |
|---|---|
| a. Bởi tôi ăn uống điều độ và làm việc có chừng mực nên tôi chóng lớn lắm. | bởi ... nên |
| b. Mặc dù chúng tôi vẫn chơi với nhau nhưng thời gian Pam dành cho tôi không còn nhiều như trước. | mặc dù ... nhưng |
| c. Nếu hoa mua có màu tím hồng thì hoa sim tím nhạt, phơn phớt như má con gái. | nếu ... thì |

– GV lưu ý HS về đặc điểm của các từ nối các vế câu trong các câu ghép ở trên (là các cặp kết từ).

– GV hướng dẫn HS rút ra ý 1 ở phần Ghi nhớ: Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng các cặp kết từ: *vì ... nên ..., bởi ... nên ..., nhờ ... nên (mà) ..., nếu ... thì ..., hễ ... thì..., giá ... thì ..., tuy ... nhưng ..., mặc dù ... nhưng ..., dù ... nhưng..., chẳng những ... mà ..., không chỉ ... mà ...,...*

## 2. Chọn cặp từ (*đâu ... đó ...; chưa ... đã ...; bao nhiêu ... bấy nhiêu ...*) thay cho bông hoa.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập, ghi kết quả vào phiếu bài tập.

– GV mời một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp hoặc dán phiếu bài tập lên bảng.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. Đáp án:

a. Ngày **chưa** tắt hẳn, trăng **đã** lên rồi.

b. Trăng đi đến **đâu**, luỹ tre được tắm đẫm màu sữa đến **đó**.

c. Nước dâng lên cao **bao nhiêu**, Sơn Tinh lại làm cho đồi, núi mọc cao lên **bấy nhiêu**.

GV cũng lưu ý HS: Cặp từ *đâu ... đó..., chưa ... đã..., bao nhiêu ... bấy nhiêu ...* được dùng để nối các vế trong câu ghép. Các từ trong cặp từ này thường đi đôi với nhau. Chính vì vậy, người ta thường gọi chúng là *cặp từ hô ứng*.

– GV hướng dẫn HS rút ra ý 2 ở phần Ghi nhớ: Các vế của câu ghép có thể nối với nhau bằng các cặp từ hô ứng: *vừa ... đã ..., chưa ... đã ..., càng ... càng ..., bao nhiêu ... bấy nhiêu ..., đâu ... đó ...,...*

– GV gọi 2 – 3 HS nhắc lại toàn bộ phần Ghi nhớ trong SHS.

## 3. Tìm vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 (hoặc GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập).

– GV có thể tổ chức cho HS chơi trò chơi (tổ chức thành các đội chơi), thực hiện yêu cầu của bài tập theo các bước sau:

+ Từng đội chơi tổ chức thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập.

+ Ghi kết quả thảo luận nhóm vào thẻ chữ (mỗi câu được ghi trên 1 thẻ chữ).

– GV mời một số đội chơi dán kết quả (thẻ chữ) lên bảng lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. GV lưu ý HS đây là bài tập có đáp án mở, HS có thể đưa ra các vế câu khác nhau để hoàn chỉnh các câu ghép, chẳng hạn:

a. Vào dịp lễ Mừng xuân, *chẳng những* trẻ em được vui đùa thoả thích *mà* trẻ em còn được tặng quà.

b. *Mặc dù* thiên nhiên khắc nghiệt *nhưng* những người nông dân vẫn xuống đồng cấy lúa.

c. *Nhờ* bố kể những câu chuyện cổ tích *mà* em có thêm những hiểu biết về cuộc sống, con người, xã hội/ em có thêm vốn từ ngữ tiếng Việt/ ...

– GV khen ngợi những đội chơi có kết quả tốt.

### 4. Đặt câu ghép theo các yêu cầu.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 4 (hoặc GV gọi HS đọc yêu cầu của bài tập).

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, đặt 3 câu ghép theo các bước:

+ Từng thành viên trong nhóm đặt 3 câu ghép theo yêu cầu.

+ Các thành viên trong nhóm góp ý cho nhau, chọn kết quả tốt nhất để báo cáo.

– GV mời 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV lưu ý HS đây là bài tập có đáp án mở, mỗi HS có thể đặt các câu ghép khác nhau nhưng phải đáp ứng yêu cầu: (1) Đặt đủ 3 câu ghép; (2) Các câu ghép phải đáp ứng yêu cầu: một câu ghép sử dụng một trong các cặp kết từ *vì ... nên ..., bởi ... nên ..., nhờ... nên (mà)* ...; một câu ghép sử dụng một trong các cặp kết từ *nếu ... thì ..., hễ ... thì ..., giá ... thì* ...; một câu ghép sử dụng một trong các cặp từ hô ứng *vừa ... đã ..., càng ... càng ...*

– GV khen ngợi những HS đặt được những câu ghép hay, gắn với chủ điểm của tuần học.

## TIẾT 3

### VIẾT

### VIẾT ĐOẠN VĂN TẢ NGƯỜI

Trước khi HS thực hiện các nhiệm vụ của tiết học, GV có thể giúp HS hiểu: Trong một bài văn tả người, ngoài đoạn mở bài và kết bài, phần thân bài có thể viết thành nhiều đoạn văn, VD: đoạn tả ngoại hình, đoạn tả hoạt động, đoạn tả những biểu hiện của tính cách, tình cảm, cảm xúc (có thể kết hợp tả ngoại hình, hoạt động,...).

## 1. Đọc các đoạn văn tả người và trả lời câu hỏi.

GV có thể tổ chức hoạt động học cho HS theo các cách khác nhau sao cho có đủ thời gian để HS làm bài tập 2 (tập viết một đoạn văn tả một người thân trong gia đình hoặc một người đã để lại cho mình những ấn tượng tốt đẹp). Có thể cho HS đọc lướt 3 đoạn văn tả người (a, b, c), sau đó chọn một đoạn để trả lời 3 câu hỏi được nêu ở bài tập 1 hoặc mời 1 HS đọc lần lượt từng đoạn, sau khi đọc xong mỗi đoạn thì mời HS trả lời 3 câu hỏi gắn với đoạn văn vừa đọc.

Dưới đây, chủ yếu nêu những điều HS cần nhận biết được ở mỗi đoạn văn.

a. Đoạn văn thứ nhất

– HS làm việc cá nhân

+ Đọc thầm đoạn văn.

+ Trả lời lần lượt 3 câu hỏi (trả lời miệng hoặc ghi vắn tắt câu trả lời vào vở, phiếu học tập hoặc vở bài tập).

– GV mời 1 HS đọc lại đoạn văn và 3 câu hỏi trước lớp.

– Mời 2 – 3 HS trả lời 3 câu hỏi, cả lớp thảo luận để thống nhất ý kiến. VD:

+ Người được tả trong đoạn văn là ông nội của bạn Nhụ, ông đã tám mươi tuổi. (Ông là người vùng biển, làm nghề đánh cá trên biển.)

+ Những từ ngữ làm nổi bật đặc điểm ngoại hình: *vóc người vẫn gọn và chắc*, *dáng đi dứt khoát như một ngọn sóng*, *nước da nâu sẫm*; hoạt động: *ông thường dùng tiếng "hầy" để kết thúc một câu nói; ông thường ra hiệu bằng mắt và bằng tay cả khi trên biển và khi ở nhà.*

+ Chi tiết gây ấn tượng (HS phát biểu theo cảm nhận riêng, có thể giải thích vì sao).

b. Đoạn văn thứ hai

– GV mời 1 HS đọc đoạn văn (hoặc yêu cầu cả lớp đọc thầm) và nêu nhận xét về tranh minh hoạ (Tranh minh hoạ diễn tả chi tiết nào trong đoạn văn?).

– HS phát biểu trong nhóm hoặc trước lớp (trả lời 3 câu hỏi).

VD:

+ Người được tả trong đoạn văn là người bà của bạn nhỏ, người xưng "tôi" trong đoạn văn.

+ Đoạn văn tập trung miêu tả tình cảm, cảm xúc, cử chỉ, việc làm của bà khi con cháu về thăm.

+ Chi tiết gây ấn tượng (HS phát biểu theo cảm nhận riêng, có thể giải thích vì sao).

c. Đoạn văn thứ ba

– HS làm việc cá nhân (đọc đoạn văn và tự trả lời câu hỏi, sau đó có thể trao đổi theo cặp).

– GV mời 1 – 2 HS trình bày kết quả làm bài trước lớp. VD:

+ Người được tả trong đoạn văn là chị Hà, một thành viên trong đoàn thanh niên về giúp đỡ dân làng chống úng.

+ Những từ ngữ làm nổi bật đặc điểm về ngoại hình: *trông chị thật xinh tươi, nước da trắng, môi hồng, tóc mai dài vắt cong lên như một dấu hỏi lộn ngược, trên má chị có vài nốt tàn nhang*; hoạt động: *chị cười nói nhiều, mỗi khi chị cười, nốt tàn nhang lặn đi trên gò má đỏ ửng*; tính tình: *chắc tính chị vốn sôi nổi, cũng có thể là vì hào hứng với chuyến đi giúp bà con nên chị vui như thế.*

+ Chi tiết gây ấn tượng (HS phát biểu theo cảm nhận riêng, có thể giải thích vì sao).

– GV khen ngợi những HS mạnh dạn phát biểu ý kiến, nói lên cảm nhận của mình.

**2. Dựa vào dàn ý trong hoạt động Viết ở Bài 4, viết đoạn văn tả một người thân trong gia đình em hoặc một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.**

a. Làm việc cá nhân.

– GV nhắc HS: 3 đoạn văn ở bài tập 1 đều là những đoạn văn tả người thân hoặc người bạn được yêu mến. Các em có thể học tập để viết đoạn văn theo yêu cầu.

– HS làm bài cá nhân.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. VD:

+ Hỗ trợ những em có hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, dùng từ, viết câu,...).

+ Hỗ trợ, khích lệ HS sử dụng từ ngữ gợi tả, hình ảnh so sánh, phát huy khả năng sáng tạo.

– GV đọc lướt bài làm của HS, góp ý để các em có thể sửa chữa; dự kiến mời một số em đọc bài trước lớp, cả lớp nhận xét.

b. Làm việc chung cả lớp.

– GV mời một số HS đọc bài làm của mình trước lớp (nếu có thời gian).

– GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bạn viết được đoạn văn hay.

– GV mời HS nêu những điểm cần nhớ khi viết đoạn văn tả người.

## VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu ở hoạt động Vận dụng. GV nêu ý nghĩa của hoạt động Vận dụng.

– GV nhắc HS tìm đọc bài thơ theo yêu cầu để chuẩn bị cho tiết Đọc mở rộng.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 5.

+ Đọc hiểu: *Giỏ hoa tháng Năm*.

+ Luyện từ và câu: *Cách nối các vế câu ghép* (nối bằng cặp kết từ và cặp từ hô ứng).

+ Viết: *Viết đoạn văn tả người*.

– GV hỏi HS: Bài 5 giúp em có thêm kiến thức, kĩ năng gì?

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 6.

# BÀI 6 THƯ CỦA BỐ (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ *Thư của bố*. Biết đọc diễn cảm với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện vẻ đẹp của người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

b. Nhận biết được những khó khăn, thử thách mà người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc phải trải qua. Hiểu điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn, thử thách để hoàn thành nhiệm vụ của người lính biển; tình yêu, sự gắn bó của người lính đối với gia đình; sự quan tâm, thấu hiểu, sẻ chia của gia đình dành cho họ.

c. Đọc mở rộng theo yêu cầu (đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống), ghi được phiếu đọc sách theo yêu cầu, biết trao đổi với bạn về một bài thơ yêu thích thể hiện vẻ đẹp cuộc sống.

**2.** Viết được bài văn tả người theo yêu cầu.

**3.** Biết trân trọng sự hi sinh thầm lặng của những người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

Văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhịp trong thơ).

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Thư của bố*. GV có thể chuẩn bị thêm một số tranh ảnh về người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

GV mời 1 – 2 HS đọc một đoạn yêu thích trong bài đọc *Giỏ hoa tháng Năm* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (GV có thể nêu câu hỏi khác).

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm: *Nói điều em biết về những người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc*. GV khích lệ HS nói được những điều mình biết về những người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc qua nhiều bài thơ, bài văn đã học, đã đọc.

+ HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

+ HS (2 – 3 em) đại diện cho nhóm chia sẻ hiểu biết về những người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc. VD: Người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc thường phải xa nhà, phải đối mặt với những thử thách khắc nghiệt. Họ thường là những người rất dũng cảm và kiên cường,...

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV dẫn sang bài đọc *Thư của bố* (VD: Vừa rồi các em đã chia sẻ những điều mình biết về những người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc. Bây giờ chúng ta cùng đọc bài thơ *Thư của bố* để có thêm những hiểu biết về bố của bạn nhỏ – một người lính đang làm nhiệm vụ bảo vệ biển đảo của Tổ quốc.).

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm bài thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *xa xôi, lững lờ trôi, giỡn đùa, thăm thẳm, khẩn trương, sẵn sàng,...*

+ Ngắt giọng đúng nhịp điệu của câu thơ, VD: *Con lớn lên,/ quen vắng bố trong nhà; Hai mẹ con,/ nhà một phòng cũng trống; Nơi đầu sóng,/ sẵn sàng nghênh chiến; Vẫn dịu dàng,/ êm ái lá thư xanh...;...*

+ Nhấn giọng ở những hình ảnh thơ ca ngợi tinh thần vượt lên khó khăn thử thách, những từ ngữ thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với công việc và tình yêu gia đình của người lính biển, VD: *Nhịp bước khẩn trương khi khẩu lệnh vang lên; Mắt dõi theo vệt ra-đa rà quét; Áo đọng muối khô, da nhận mùi nắng khét,...; Thư chỉ nói về nỗi nhớ với thương yêu...; Nơi đầu sóng, sẵn sàng nghênh chiến; Vẫn dịu dàng, êm ái lá thư xanh;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm ba, mỗi HS đọc một khổ, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc phần chú giải từ ngữ trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để tự tra từ điển, VD: *Ra-đa*: máy xác định vị trí và khoảng cách của vật cần phát hiện bằng sự phản xạ của sóng radio khi gặp vật đó; mặn mòi (hương biển xa xôi): ý trong bài chỉ tình cảm thắm thiết (của người từ biển đảo xa xôi).

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Ở khổ thơ thứ nhất, bạn nhỏ đã chia sẻ điều gì?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc cho HS đọc câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS trả lời:

+ GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm) để tìm câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. VD: Ở khổ thơ thứ nhất, bạn nhỏ chia sẻ hoàn cảnh của gia đình mình: Bố của bạn công tác ngoài đảo xa nên hai mẹ con bạn luôn cảm thấy trống vắng, luôn hướng về cuộc sống ngoài đảo của bố. Bạn nhỏ luôn mong chờ những lá thư kể chuyện biển cả thú vị do bố gửi về.

**Câu 2.** *Những chi tiết nào cho thấy bố bạn nhỏ phải vượt qua nhiều khó khăn, vất vả để bảo vệ biển đảo của Tổ quốc?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng HS nêu câu trả lời đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. VD: Những chi tiết cho thấy bố bạn nhỏ phải vượt qua nhiều khó khăn, vất vả để bảo vệ biển đảo của Tổ quốc là: cơn bão chờ phía trước, dải đá ngầm, áo đọng muối khô, da nhận mùi nắng khét,...

**Câu 3.** *Theo em, vì sao trong thư bố bạn nhỏ không kể về những khó khăn, vất vả của mình?*

– GV nêu câu hỏi hoặc yêu cầu HS tự đọc câu hỏi và tìm câu trả lời.

– HS suy nghĩ, tìm câu trả lời, sau đó trao đổi trong nhóm, đại diện nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu theo suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Câu hỏi có đáp án mở. HS có thể nêu ý kiến riêng của mình và nêu được lí do. Chẳng hạn: Trong thư bố bạn nhỏ không kể về những khó khăn, vất vả của mình vì bố bạn nhỏ không muốn người thân phải lo lắng, cứ yên tâm học tập và công tác./ Trong thư bố bạn nhỏ không kể về những khó khăn vất vả của mình vì bố bạn nhỏ rất kiên cường, bản lĩnh./...

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến, thể hiện suy nghĩ riêng của mình.

**Câu 4.** *Bạn nhỏ đã thể hiện tình cảm của mình với bố qua những hành động, việc làm nào? Em chọn ý nào? Vì sao?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS làm việc nhóm để cùng nhau tìm câu trả lời.

+ HS có thể ghi vắn tắt kết quả thảo luận vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét và thống nhất câu trả lời. HS có thể chọn 1 – 2 phương án hoặc cả 3 phương án, miễn là HS nêu được lí do phù hợp khi mình chọn phương án đó. GV phân tích và chỉ ra những điều HS lí giải hợp lí hoặc chưa thật hợp lí. GV khen ngợi các em có câu trả lời đúng và hay.

**Câu 5.** *Hai dòng thơ "Nơi đầu sóng, sẵn sàng nghênh chiến/ Vẫn dịu dàng, êm ái lá thư xanh..." cho em hiểu điều gì về người lính biển?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nêu ý kiến của mình về người lính biển khi đọc hai dòng thơ.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi mở, HS có thể chia sẻ suy nghĩ riêng của cá nhân. VD: Hai dòng thơ "Nơi đầu sóng, sẵn sàng nghênh chiến/ Vẫn dịu dàng, êm ái lá thư xanh..." vừa cho thấy tinh thần, ý chí quật cường, tư thế chủ động, luôn sẵn sàng chiến đấu của người lính biển trong tư cách người bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc; vừa cho thấy hình ảnh một người chồng, người cha thân thương gần gũi, chan chứa tình yêu thương với gia đình.

## 4. Học thuộc lòng

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ).

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ).

+ Một HS đọc thành tiếng 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ).

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ) bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ) cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và học thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ).

+ Ngoài ra, có thể có nhiều cách khác để học thuộc lòng như HS tự đọc nhiều lần 12 dòng thơ đầu (hoặc cả bài thơ), đọc xong rồi chép lại,... GV có thể cho HS thay đổi cách thức học thuộc lòng một cách linh hoạt và sáng tạo.

– GV cho HS đọc thành tiếng lại bài thơ một lần nữa trước khi hết tiết 2, hình thức đọc như thế nào là do GV chọn.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, suy nghĩ làm bài cá nhân; trao đổi bài làm với bạn bên cạnh để phát hiện lỗi và sửa lỗi (nếu có).

– GV mời một số HS nêu kết quả từng câu. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

**Câu 1.** *Xếp các từ in đậm trong đoạn thơ vào nhóm thích hợp.*

– Động từ: mong đợi, giỡn đùa

– Tính từ: trống, xa xôi, êm đềm

**Câu 2.** *Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm ở bài tập 1.*

– Từ đồng nghĩa với từ "mong đợi" là: mong chờ, chờ đợi, mong mỏi, chờ mong,...

– Từ đồng nghĩa với từ "giỡn đùa" là: nô đùa, đùa cợt,...

– Từ đồng nghĩa với từ "trống" là: trống vắng, thiếu vắng,...

– Từ đồng nghĩa với từ "xa xôi" là: xa, xa lắc, xa xa,...

– Từ đồng nghĩa với từ "êm đềm" là: êm ả, êm ái,...

**Câu 3.** *Viết 1 – 2 câu ghép về bạn nhỏ trong bài thơ* ***Thư của bố****, trong đó có sử dụng kết từ để nối các vế câu.*

2 – 3 HS đọc câu ghép đã đặt. GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có). GV có thể nêu một số câu ghép để HS tham khảo, VD: Bạn nhỏ không ở gần bố nhưng bạn ấy luôn nhớ về bố./ Bạn nhỏ đã khôn lớn và bạn ấy đã đọc được cả những điều bố không viết trong thư./...

# TIẾT 3

## VIẾT

## VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI (Bài viết số 1)

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết bài văn tả một người thân trong gia đình em.

**Đề 2:** Viết bài văn tả một người đã để lại cho em những ấn tượng tốt đẹp.

## 1. Chuẩn bị.

– GV mời HS đọc lại đề bài (cả 2 đề bài để lựa chọn).

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại dàn ý đã lập ở hoạt động Viết ở Bài 4.

+ Đọc những điều lưu ý trong SHS, có thể điều chỉnh dàn ý (về nội dung, về trình tự miêu tả – nếu thấy cần thay đổi để bài văn hay hơn).

+ Đọc các ví dụ trong SHS (ở các bài học trước) để học tập cách sử dụng từ ngữ gợi tả hoặc những hình ảnh so sánh gây ấn tượng, làm nổi bật đặc điểm của người được tả.

– GV lưu ý HS tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.

## 2. Viết bài văn.

– GV có thể nhắc HS: HS làm bài cá nhân, đảm bảo bài văn có đủ 3 phần. Nên tả người trong những tình huống cụ thể để đặc điểm hiện ra một cách tự nhiên.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hoặc một số bài viết điển hình.

## 3. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn trong SHS.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

# TIẾT 4

## ĐỌC MỞ RỘNG

## 1. Đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống.

HS làm việc cá nhân theo các yêu cầu sau:

– Tìm đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống. (VD: bài thơ *Chú đi tuần* của Trần Ngọc, bài thơ *Tiếng võng kêu* của Trần Đăng Khoa).

– Xem gợi ý trong SHS để biết cách tìm những bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống theo yêu cầu. Có thể chia sẻ bài thơ, giới thiệu nguồn tìm kiếm tư liệu,... cho các bạn để cùng trao đổi.

## 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách ở nhà hoặc ở lớp.

– Nếu HS viết phiếu đọc sách trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách về những bài thơ mà em đã đọc (VD: tên bài thơ, những câu thơ hay, những hình ảnh đẹp trong bài thơ, suy nghĩ, cảm xúc về bài thơ hoặc về tác giả,...).

– HS viết phiếu đọc sách theo mẫu. HS có thể viết thêm những thông tin khác tuỳ theo nội dung của bài thơ đã đọc.

– GV cho HS nhận xét, góp ý phiếu đọc sách của nhau.

## 3. Chia sẻ với bạn về điều em yêu thích trong một bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống.

– HS làm việc theo nhóm, chia sẻ với bạn về điều mình yêu thích trong một bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống dựa vào những gợi ý trong phiếu đọc sách, tập trung vào những thông tin sau: những câu thơ hay, những hình ảnh đẹp trong bài thơ cho thấy vẻ đẹp của cuộc sống, suy nghĩ, cảm xúc sau khi đọc bài thơ;...

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà các bạn chia sẻ.

– GV có thể chọn 2 – 3 HS tìm được bài thơ hay, có nhiều thông tin thú vị để chia sẻ kết quả đọc trước lớp.

– GV tổng kết tiết học, khen ngợi các HS tìm đọc được nhiều bài thơ hay, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

### VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS về nhà thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng.

– GV khích lệ HS tìm đọc thêm những bài thơ thể hiện vẻ đẹp của những con người đang bảo vệ cuộc sống bình yên cho nhân dân và trao đổi với người thân về công việc của họ.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 6.

+ Đọc hiểu: *Thư của bố*.

+ Viết: *Viết bài văn tả người.*

+ Đọc mở rộng: *Đọc bài thơ thể hiện vẻ đẹp cuộc sống.*

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 7.

## TUẦN 22

# Bài 7 ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài đọc *Đoàn thuyền đánh cá*, biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu phù hợp với nội dung từng khổ thơ (tâm trạng hào hứng của những người yêu lao động).

b. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: Niềm vui của người lao động hoà với cảm xúc trước khung cảnh huy hoàng của biển cả, xua tan những gian lao, nhọc nhằn, vất vả. Nhận biết được tác dụng của những từ ngữ giàu sức gợi tả, những hình ảnh so sánh, nhân hoá trong việc ca ngợi vẻ đẹp của những con người yêu lao động.

**2.** Biết vận dụng kiến thức về câu ghép để nhận biết câu ghép được sử dụng trong thực tế và phân tích cấu tạo của chúng (các vế câu trong mỗi câu).

**3.** Nhận biết được những ưu điểm và nhược điểm trong bài văn tả người đã viết; biết chỉnh sửa một số câu văn, đoạn văn theo góp ý.

**4.** Biết thể hiện sự xúc động, trân trọng trước những con người yêu lao động, thầm lặng góp sức mình làm cho đất nước ngày càng giàu đẹp.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đọc hiểu văn bản thơ.

– Câu ghép, cách nối các vế câu ghép.

– Bài văn tả người.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ (lúc mặt trời lặn và lúc bình minh lên cùng hình ảnh đoàn thuyền đánh cá).

– Phiếu bài tập cho nội dung Luyện từ và câu (nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1

## ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc đoạn yêu thích nhất trong bài *Thư của bố* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Theo em, vẻ đẹp cuộc sống được thể hiện qua những chi tiết nào trong bài *Thư của bố*?).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV nêu tên bài học và những nội dung học trong 3 tiết của Bài 7 (*Đoàn thuyền đánh cá*) và giao nhiệm vụ cho các nhóm: *Trao đổi với bạn những điều em biết về cuộc sống, công việc của người dân miền biển.*

– GV có thể nhắc HS quan sát 3 hình minh hoạ để có thể nhớ lại những điều đã biết về cuộc sống, công việc của người dân vùng biển hoặc nhớ lại một số bài đọc như: *Thư gửi bố ngoài đảo* (Tiếng Việt 2), *Những ngọn hải đăng* (Tiếng Việt 3), *Cảm xúc Trường Sa* (Tiếng Việt 4),... để dễ dàng hình dung những gian nan hoặc niềm vui của những người sống và làm việc ở vùng biển.

– 1 – 2 HS phát biểu theo nhóm hoặc trước lớp. Từ ý kiến của HS, GV nói thêm: Ngoài những ngày sóng yên biển lặng, người dân vùng biển phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, nguy hiểm khi mưa bão, dông gió, biển động,... (GV có thể cho HS xem video về cảnh bão tố trên biển).

– GV giới thiệu bài *Đoàn thuyền đánh cá*, VD:

+ Mời HS nhận xét về 2 bức tranh minh hoạ bài thơ: cảnh chiều tối, mặt trời sắp lặn và lúc bình minh trên biển, cảnh thiên nhiên khoáng đạt, lung linh sắc màu.

+ GV giúp HS hiểu bài đọc là một trích đoạn trong bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá* của nhà thơ Huy Cận. Niềm vui của người lao động hoà với cảm xúc trước vẻ đẹp huy hoàng của biển cả, xua tan những gian lao, nhọc nhằn, vất vả. Các em hãy nghe đọc và cho biết chi tiết nào gây ấn tượng với em.

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp: những chi tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của những người lao động trước một hành trình lao động mới) hoặc mời 2 em đọc nối tiếp các khổ thơ. Trước khi đọc, GV nhắc cả lớp nghe đọc, nhìn vào sách đọc theo để cho biết hình ảnh nào trong bài thơ giúp em nhận biết vẻ đẹp của biển cả hoặc những người làm nghề đánh cá trên biển. GV mời 1 – 2 HS phát biểu sau khi nghe đọc.

– GV hướng dẫn đọc đúng:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *như hòn lửa, Biển Đông lặng, muôn luồng sáng, nuôi lớn đời ta,...*

+ Cách ngắt nhịp, VD:

*Mặt trời xuống biển/ như hòn lửa*
*Sóng đã cài then,/ đêm sập cửa*
*Đoàn thuyền đánh cá/ lại ra khơi*
*Câu hát căng buồm/ cùng gió khơi.*

*Hát rằng:/cá bạc Biển Đông lặng,*
*Cá thu Biển Đông/ như đoàn thoi*
*Đêm ngày dệt biển/ muôn luồng sáng*
*Đến dệt lưới ta,/ đoàn cá ơi!*

+ Đọc đúng ngữ điệu: nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả vẻ đẹp đặc biệt của biển cả trong những thời điểm đặc biệt – lúc mặt trời sắp lặn và lúc bình minh đang lên.

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp các khổ thơ (1 – 2 lượt).

– GV nhận xét việc đọc của HS theo cặp, theo nhóm.

– GV mời HS đọc phần chú giải từ ngữ ở cuối bài đọc, có thể sử dụng thêm tranh ảnh để HS dễ hình dung các từ ngữ này (nếu có thể).

– GV hỏi HS còn có từ ngữ nào trong bài thơ mà các em chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển để hiểu nghĩa của các từ ngữ đó.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi hoặc thực hiện yêu cầu nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Ở khổ thơ thứ nhất, đoàn thuyền đánh cá ra khơi trong khung cảnh thiên nhiên như thế nào? Cách miêu tả của nhà thơ có gì đặc biệt?*

– GV nêu câu hỏi và những gợi ý trong SHS, hướng dẫn HS dựa vào khổ thơ thứ nhất và tranh minh hoạ để trả lời. GV có thể mời HS phát biểu trước lớp.

– 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. GV và cả lớp nhận xét.

– GV tổng hợp các ý kiến, VD:

Bài thơ cho ta biết đoàn thuyền đánh cá ra khơi vào thời điểm đặc biệt: lúc mặt trời đang khuất dần (theo vòng quay của Trái Đất), đó là thời điểm ngày chuyển dần sang đêm. Vào thời điểm ấy, khung cảnh thiên nhiên hiện ra đẹp như một bức tranh qua những câu thơ: "Mặt trời xuống biển như hòn lửa/ Sóng đã cài then, đêm sập cửa/ Đoàn thuyền

đánh cá lại ra khơi". Hình ảnh mặt trời lặn xuống biển là hình ảnh gợi liên tưởng thú vị, hình ảnh sóng – cài then, đêm – sập cửa cũng khiến người đọc hình dung ra "ngôi nhà thiên nhiên" – "ngôi nhà biển cả" đã đóng cửa then cài. Người ra khơi đánh cá vào thời điểm đó như đi trong ngôi nhà của mình, bởi biển cả đã vô cùng thân quen với họ.

**Câu 2.** *Tìm trong bài thơ những chi tiết thể hiện tình cảm, cảm xúc của những người đánh cá trên biển.*

– GV nêu yêu cầu và nhắc HS tìm chi tiết theo 2 yêu cầu: niềm vui trong lao động; tình yêu và lòng biết ơn đối với biển cả.

– HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời và phát biểu ý kiến theo nhóm hoặc trước lớp.

VD:

| | |
|---|---|
| Niềm vui trong lao động | Người ra khơi mang tâm trạng hào hứng, tiếng hát của họ hoà với gió, vang dội trong ngôi nhà biển cả:<br>+ Lúc lên đường ra khơi: Người lao động ra khơi với cảm xúc phấn chấn, náo nức, đầy "năng lượng". Câu thơ "Câu hát căng buồm cùng gió khơi" gợi cảm giác như thể cánh buồm căng phồng lướt sóng là nhờ tiếng hát rộn vang của người đi biển. Tâm trạng, tình cảm, cảm xúc của người ra khơi như ngập tràn niềm vui, niềm lạc quan, hi vọng vào những mẻ lưới đầy.<br>+ Lúc buông lưới bắt cá: Tiếng hát của của người lao động vang lên như tiêu tan hết những nhọc nhằn: "Hát rằng: cá bạc Biển Đông lặng,/ Cá thu Biển Đông như đoàn thoi...", "Ta hát bài ca gọi cá vào/ Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao...". Lời ca, tiếng hát của người lao động như vang lên suốt hành trình, thể hiện tình yêu lao động, gợi lên không khí lao động vô cùng hào hứng, hăng say.<br>+ Lúc trở về: Tiếng hát hào hứng vang lên lúc đoàn thuyền ra khơi nay lại vang lên náo nức khi trở về với thành quả bội thu:<br>*Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông*<br>*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.*<br><br>*Câu hát căng buồm với gió khơi*<br>*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*<br>*Mặt trời đội biển nhô màu mới,*<br>*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.* |
| Tình yêu và lòng biết ơn đối với biển cả | – Tình yêu biển cả được thể hiện qua những câu thơ tả cảnh biển đẹp lúc chiều xuống và lúc bình minh.<br>*Mặt trời xuống biển như hòn lửa*<br>– Lòng biết ơn đối với biển cả được thể hiện qua những câu thơ:<br>*Biển cho ta cá như lòng mẹ*<br>*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.* |

**Câu 3.** *Những hình ảnh ở khổ thơ cuối có ý nghĩa gì?*

– HS làm việc theo nhóm. Từng HS nêu ý kiến của mình, có thể nói rõ lí do mình có ý kiến như vậy.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV có thể nhấn mạnh một số điểm đáng nhớ về khổ thơ cuối cũng như về bài thơ. VD:

+ Nếu như mở đầu cho hành trình lao động trên biển là hình ảnh hùng tráng "Mặt trời xuống biển như hòn lửa" thì kết lại khi đoàn thuyền trở về là hình ảnh huy hoàng "Mặt trời đội biển nhô màu mới" với không gian khoáng đạt, rộng mở.

+ Khổ thơ cuối kết lại bài thơ nhưng mở ra trong tâm trí người đọc hình ảnh rực rỡ, huy hoàng của triệu triệu mắt cá lấp lánh giữa muôn dặm biển khơi. Khổ thơ cuối là sự hoà quyện giữa vẻ đẹp của thiên nhiên và vẻ đẹp khoẻ khoắn, lạc quan, yêu đời của người lao động.

**Câu 4.** *Bài thơ giúp em cảm nhận được những vẻ đẹp nào của cuộc sống?*

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ và phát biểu trước lớp. GV khích lệ HS trả lời theo cảm nhận của cá nhân.

– Một số HS phát biểu (nếu có thời gian). VD:

+ Bài thơ giúp em cảm nhận được vẻ đẹp của người lao động. Đó là tình yêu lao động, hăng say lao động và luôn lạc quan trong cuộc sống của những người dân miền biển. Bài thơ mở đầu bằng "Câu hát căng buồm cùng gió khơi" và kết lại cũng với khúc hát ấy. Bài thơ là một khúc ca về lao động với niềm vui phơi phới của con người giữa biển cả bao la.

+ Bài thơ gợi lên vẻ đẹp hùng vĩ, huy hoàng, tráng lệ của biển cả nói riêng và của thiên nhiên đất nước nói chung. Bài thơ có nhiều hình ảnh đẹp của biển cả, thiên nhiên: "Mặt trời xuống biển như hòn lửa"; "Mặt trời đội biển nhô màu mới,/ Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.";...

– GV có thể nêu thêm câu hỏi (nếu có thời gian) giúp HS khái quát được ý toàn bài: "Bài thơ giúp em hiểu được những gì về người làm nghề đánh cá trên biển (về công việc, về thời gian làm việc, về thành quả lao động, về tình cảm đối với biển cả)?". GV cũng có thể tổng hợp các ý cần nhớ về những người làm nghề đánh cá ở biển. VD:

| | |
|---|---|
| Công việc | Công việc của những người ra khơi đánh cá: ra khơi → thả lưới → gõ mạnh vào mạn thuyền để lùa cá theo hướng vào lưới → kéo lưới lên (*kéo xoăn tay chùm cá nặng*), xếp lưới, dong buồm trở về. |
| Thời gian lao động | Thời gian làm việc của họ là từ lúc chiều tối (mặt trời xuống biển) đến lúc mặt trời mọc (mặt trời đội biển), "Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng",... Họ làm việc suốt đêm ngoài khơi. |

| | |
|---|---|
| Thành quả lao động | Thành quả lao động được thể hiện qua những hình ảnh: "kéo xoăn tay chùm cá nặng", "vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông", "mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi". Hình ảnh thơ giúp người đọc hiểu đoàn thuyền trở về với cá nặng đầy khoang. |
| Tình cảm đối với biển cả | – Người làm nghề đánh cá vô cùng yêu và biết ơn biển, vì:<br>+ Biển cả như là nhà (*Sóng đã cài then, đêm sập cửa*).<br>+ Biển như mẹ hiền (*Biển cho ta cá như lòng mẹ/ Nuôi lớn đời ta tự buổi nào*). |

### 4. Học thuộc lòng bài thơ.

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng bài thơ.

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu bài thơ.

+ Một HS đọc thành tiếng cả bài thơ.

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong mỗi khổ thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và học thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng bài thơ.

+ Ngoài ra, có thể có nhiều cách khác để học thuộc lòng, như HS tự đọc nhiều lần bài thơ, đọc xong rồi chép lại,... GV có thể cho HS thay đổi cách thức học thuộc lòng một cách linh hoạt và sáng tạo. (GV nhắc HS về nhà tiếp tục học thuộc lòng nếu chưa thuộc được cả bài thơ.)

– GV cho HS đọc thành tiếng lại bài thơ một lần nữa trước khi hết tiết 2, hình thức đọc như thế nào là do GV chọn.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHÉP

### 1. Tìm câu ghép trong các đoạn văn và xác định cách nối các vế của mỗi câu ghép.

Mục đích của bài tập này là giúp HS vận dụng kiến thức về câu ghép để nhận biết câu ghép được sử dụng trong nói và viết; nắm được cấu tạo của câu ghép (xác định các vế câu và cách nối các vế trong mỗi câu ghép).

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS cách thực hiện yêu cầu.

– Với đoạn văn a:

+ GV yêu cầu 1 HS đọc diễn cảm đoạn văn a. HS làm việc cá nhân, đọc kĩ đoạn văn để tìm đúng câu ghép trong đoạn, xác định các vế và cách nối các vế của câu ghép tìm được. Sau đó, ghi kết quả làm việc vào vở hoặc giấy nháp.

+ HS làm việc theo nhóm đôi hoặc nhóm bốn. Cả nhóm thảo luận, thống nhất đáp án.

+ Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. Cả lớp và GV nhận xét. GV chốt đáp án bằng cách chiếu các câu ghép và đánh dấu ranh giới giữa các vế câu lên bảng.

– Với đoạn văn b: Thực hiện các bước tương tự như đoạn văn a.

Đáp án:

+ Đoạn văn a có 2 câu ghép:

Câu 1: *Làng Tày, làng Dao ven suối và trong rừng, nhưng làng người Mông ở chơ vơ đỉnh núi, giữa cỏ tranh mênh mông*. Hai vế câu *làng Tày, làng Dao ven suối và trong rừng* và *làng người Mông ở chơ vơ đỉnh núi, giữa cỏ tranh mênh mông* nối với nhau bằng kết từ *nhưng*.

Câu 2: *Vách và mái nhà đều ghép bằng những miếng gỗ pơ-mu, nhà nhà ám khói sạm đen tưởng như làng xóm liền với trời xanh*. Hai vế câu *vách và mái nhà đều ghép bằng những miếng gỗ pơ-mu* và *nhà nhà ám khói sạm đen tưởng như làng xóm liền với trời xanh* được nối trực tiếp với nhau bằng dấu phẩy.

+ Đoạn văn b có 2 câu ghép:

Câu 1: *Bên gốc đa, một chú thỏ bước ra, tay cầm một tấm vải dệt bằng rong*. Hai vế câu *bên gốc đa, một chú thỏ bước ra* và *tay cầm một tấm vải dệt bằng rong* được nối trực tiếp với nhau bằng dấu phẩy.

Câu 2: *Thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét, nhưng tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút*. Hai vế câu *thỏ tìm cách quấn tấm vải lên người cho đỡ rét* và *tấm vải bị gió lật tung, bay đi vun vút* được nối với nhau bởi kết từ *nhưng*.

## 2. Tìm cặp kết từ hoặc cặp từ hô ứng thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân, tìm kết từ phù hợp để hoàn thiện các câu ghép.

– HS trao đổi trong nhóm để góp ý về kết quả làm việc cá nhân.

– GV mời một số HS trình bày kết quả trước lớp. Các HS khác nhận xét, đánh giá. GV và HS thống nhất kết quả.

Đáp án:

a. Cặp kết từ cần tìm là *nếu ... thì*: ***Nếu** em có một khu vườn rộng **thì** em sẽ trồng thật nhiều loại cây*. GV lưu ý HS: Việc dùng từ *thì* ở đây là có tính chất tuỳ ý, không bắt buộc.

b. Cặp kết từ cần tìm là *tuy (mặc dù) ... nhưng*: ***Tuy (Mặc dù)** thành phố này không sầm uất, **nhưng** nó rất hấp dẫn du khách*. GV lưu ý HS: *tuy* và *mặc dù* là 2 kết từ có thể thay thế cho nhau. Từ *nhưng* trong trường hợp này có thể dùng hoặc không. Nếu dùng thì nghĩa đối lập được thể hiện rõ nét hơn, câu chặt chẽ hơn.

c. Cặp từ hô ứng cần tìm là *càng ... càng*: *Mọi người **càng** đối xử tốt với nhau thì cuộc sống **càng** tốt đẹp hơn*.

**3. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về bài thơ *Đoàn thuyền đánh cá*, trong đó có câu ghép chứa kết từ để nối các vế câu.**

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn.

– Sau khi viết xong đoạn văn, HS làm việc theo nhóm, mỗi HS đọc đoạn văn của mình và phân tích các câu ghép (về câu và cách nối các vế câu) được dùng. Cả nhóm nhận xét, góp ý.

– GV quan sát các nhóm, khen ngợi các em viết được đoạn văn hay và ghi chép nhanh những lỗi viết đoạn có thể có của HS để chữa chung trước lớp.

– GV mời một số HS viết được đoạn văn hay đọc trước lớp, chỉ ra các vế câu và các kết từ có tác dụng nối các vế câu được dùng trong mỗi đoạn văn.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

# TIẾT 3

## VIẾT

## ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

**1. Đánh giá kết quả làm bài.**

– GV có thể thực hiện theo gợi ý dưới đây:

+ Dựa trên kết quả quan sát từ hoạt động Viết ở Bài 6 và việc đọc bài làm của HS, GV nêu nhận xét chung về kết quả bài làm văn tả người của HS trong lớp (có thể dựa theo các tiêu chí đánh giá nêu trong SHS); chỉ ra những ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp hoặc của từng nhóm HS hoặc một số HS tiêu biểu.

+ Khen ngợi những HS viết được bài văn hoặc đoạn văn, câu văn hay và mời các em HS đó đọc trước lớp bài văn, đoạn văn hoặc câu văn hay, thể hiện sự sáng tạo, cuốn hút người đọc.

+ Nhận xét, động viên, khích lệ những HS có tiến bộ, có nhiều cố gắng.

+ ...

– HS đọc lại bài của mình và nhận xét của thầy cô, dựa vào những tiêu chí nêu trong SHS, tự đánh giá ưu điểm và hạn chế của bài văn tả người đã viết. HS có thể thực hiện hoạt động tự đánh giá theo cặp, theo nhóm hoặc trước lớp và nêu phương án chỉnh sửa.

– GV động viên cả lớp chỉnh sửa bài theo góp ý (có thể viết lại câu văn, đoạn văn trong bài cho hay hơn).

**2. Chỉnh sửa, hoàn thiện bài làm.**

– Đọc bài của bạn (đặc biệt là những bài được thầy cô khen).

– Đọc những hướng dẫn và một số ví dụ minh hoạ trong SHS để học tập cách viết câu văn hay, đoạn văn hay.

– Viết lại những câu văn, đoạn văn em muốn sửa cho hay hơn.

– GV có thể mời một số HS đọc câu văn, đoạn văn mình đã chỉnh sửa, viết lại. Cả lớp nhận xét, góp ý; GV có thể chỉnh sửa thêm và động viên, khích lệ HS.

### VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Đọc bài văn tả người của em cho người thân nghe, chia sẻ những điều thầy cô nhận xét về bài làm của em và các bạn.*

– Có thể trao đổi với người thân để hiểu rõ hơn các góp ý của thầy cô hoặc bạn bè.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 7.

+ Đọc hiểu: *Đoàn thuyền đánh cá.*

+ Luyện từ và câu: *Luyện tập về câu ghép.*

+ Viết: *Đánh giá, chỉnh sửa bài văn tả người.*

– GV nhắc HS nhớ những nội dung quan trọng của Bài 7.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 8.

## Bài 8 KHU RỪNG CỦA MÁT (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm văn bản *Khu rừng của Mát*; giọng đọc phù hợp với tâm trạng của Mát trong diễn biến câu chuyện.

b. Nhận biết sự thay đổi của nhân vật thông qua hành động và kết quả từ các hành động đó đem lại. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi người nếu biết vượt qua khó khăn, thất bại trong cuộc sống sẽ thành công trong tương lai.

**2.** Viết được bài văn tả người (bài viết số 2) theo đúng yêu cầu của đề bài và thời gian làm bài.

**3.** Biết thảo luận về một sự việc có nhiều ý kiến khác biệt; trình bày được ý kiến của mình một cách thuyết phục, tôn trọng những ý kiến khác biệt.

**4.** Phát triển năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo; có tinh thần vượt khó, không sợ thất bại, luôn vươn lên trong cuộc sống.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

Văn bản tự sự (nhân vật, hành động của nhân vật, việc làm, kết quả của hành động và sự thay đổi từ các hành động đó đem lại).

## 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Khu rừng của Mát*.

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

GV mời HS đọc một khổ thơ thích nhất trong bài *Đoàn thuyền đánh cá*, trả lời một câu hỏi đọc hiểu ở cuối bài (hoặc GV có thể đặt câu hỏi khác về nội dung bài thơ).

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động (*Chia sẻ với bạn về tấm gương một người đã vượt qua khó khăn để tiếp tục làm việc hoặc học tập mà em biết.*).

+ GV hỏi HS về những người bạn, người quen của HS đã biết vượt qua khó khăn để tiếp tục học tập hoặc làm việc; GV có thể giới thiệu những tấm gương ở trường, ở địa phương (gần gũi với HS).

+ HS thực hiện hoạt động: Chia sẻ trong nhóm về tấm gương mà em biết (Người đó gặp khó khăn gì trong cuộc sống? Người đó đã vượt qua khó khăn đó bằng cách nào? Kết quả ra sao? Tình cảm của em với người đó như thế nào?,...).

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

– Giới thiệu bài mới: GV có thể cho HS xem tranh minh hoạ bài đọc. GV nói về nội dung tranh, giới thiệu bài đọc *Khu rừng của Mát* (VD: Chúng ta vừa chia sẻ về những tấm gương biết vượt qua khó khăn trong cuộc sống. Chàng trai trong câu chuyện *Khu rừng của Mát* cũng là một người như vậy. Chúng ta cùng tìm hiểu xem chàng trai đó đã vượt qua khó khăn như thế nào.).

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật: *buồn bã, tuyệt vọng, bừng tỉnh, loé lên*,...; ngữ điệu đọc phù hợp với nhân vật trong đoạn đối thoại giữa bà cụ và Mát.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ có chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *trang trại, gửi gắm, thiêu rụi*,...

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện hành động, suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, VD: *Mát cũng hứa với ông...; ... Mát đau xót và kiệt sức, ngất lịm đi; Mát bừng tỉnh...; Một ý tưởng loé lên trong đầu...;...*

– HS luyện đọc trong nhóm, đọc nối tiếp 3 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *tại nơi này*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *Cậu còn trẻ mà!*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 1 – 2 HS đọc cả bài trước lớp.

– 1 HS khá, giỏi đọc diễn cảm cả bài.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

## 3. Trả lời câu hỏi

– GV giải nghĩa cho HS một số từ ngữ:

+ *Trang trại*: trại lớn sản xuất nông nghiệp.

+ *Cơ nghiệp*: toàn bộ những tài sản đã gây dựng được, làm cơ sở cho việc làm ăn.

+ *Ủ rũ*: (nói về người) buồn rầu đến mức như rũ xuống, buồn đến mức như không còn sức sống.

+ *Ngất lịm*: ở trạng thái bất tỉnh đột ngột vì thiếu máu lên não hoặc vì ức chế thần kinh quá mạnh.

– GV hướng dẫn HS làm việc chung cả lớp, nhóm, cặp đôi, cá nhân để tìm hiểu văn bản và trả lời các câu hỏi.

– HS đọc từng câu hỏi, làm việc cá nhân, thảo luận nhóm. Một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần). GV và HS thống nhất câu trả lời.

**Câu 1.** *Hãy giới thiệu về "Trang trại rừng" và sự gắn bó của Mát với trang trại.*

HS làm việc chung cả lớp.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, nhắc lại yêu cầu; dành thời gian cho HS đọc thầm đoạn 1, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

– GV mời 2 HS trả lời, các bạn khác nhận xét, bổ sung. GV và HS chốt đáp án:

+ Giới thiệu về "Trang trại rừng": trang trại rộng lớn, nổi tiếng trong vùng, cơ nghiệp của tổ tiên để lại, có nhiều loại cây và có giống cây quý hiếm.

+ Sự gắn bó của Mát với trang trại: cùng ông chăm sóc cây hằng ngày, nhớ được tên và đặc tính của nhiều loại cây, hứa với ông sẽ bảo vệ trang trại thật tốt.

**Câu 2.** *Sự việc gì đã xảy ra với trang trại? Điều đó khiến Mát rơi vào tình trạng như thế nào?*

– GV hướng dẫn làm việc chung cả lớp tương tự như câu 1.

– Đáp án: Trong một đêm, do sét đánh vào một cây cao nhất, cây bốc cháy và cháy lan ra, trang trại bị cháy trở nên hoang tàn. Điều này đã khiến Mát đau xót và kiệt sức, ngất lịm đi. Khi tỉnh dậy trong bệnh viện, Mát buồn bã và tuyệt vọng.

**Câu 3.** *Nói về những việc Mát đã làm để khôi phục trang trại.*

– HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: đọc lướt đoạn 2 và đoạn 3, quan sát tranh để có thêm gợi ý nói về những việc Mát đã làm.

– HS làm việc nhóm, nhóm trưởng điều hành nhóm, các thành viên nêu ý kiến, các bạn khác bổ sung, nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời đã thống nhất.

– GV và các bạn khác nhận xét, thống nhất câu trả lời. Đáp án: Những việc Mát đã làm để khôi phục trang trại:

+ Mát thuê người đến, biến những thân cây bị đốt cháy thành than củi, đem bán để có tiền mua cây giống.

+ Mua cây giống, trồng trong trang trại.

→ Nhiều năm sau, trang trại lại được phủ một màu xanh mướt.

**Câu 4.** *Theo em, vì sao Mát bừng tỉnh, quyết tâm khôi phục trang trại khi nghe bà cụ nói: "Cây bị thiêu cháy thì trồng lại là được. Cậu còn trẻ mà!"?*

– HS đọc câu hỏi. GV nhắc lại yêu cầu của câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ trả lời câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ tìm ý trả lời. GV có thể gợi ý HS chú ý vào các từ ngữ quan trọng trong câu nói của bà cụ: cây cháy – trồng lại, cậu còn trẻ.

– GV mời 3 – 4 HS nêu câu trả lời, khuyến khích các em mạnh dạn nêu suy luận của mình, khen HS có suy luận tốt. Dựa trên câu trả lời của HS, GV có thể khái quát câu trả lời.

Đáp án tham khảo: Mát bừng tỉnh, quyết tâm khôi phục trang trại khi nghe bà cụ nói: "Cây bị thiêu cháy thì trồng lại là được. Cậu còn trẻ mà!" vì: thứ nhất, bà cụ đã nêu cho Mát phương hướng để khôi phục trang trại – trồng lại các loại cây đã bị thiêu rụi; thứ hai, Mát có thể thực hiện được điều đó vì cậu còn trẻ – có sức lực, có thời gian. Điều quan trọng là: nếu biết vượt qua khó khăn, thất bại trong cuộc sống, công việc, chúng ta sẽ thành công trong tương lai. Kết quả, nhiều năm sau, trang trại phủ một màu xanh mướt đã chứng minh câu nói của bà cụ đã giúp Mát quyết tâm khôi phục trang trại và thành công.

**Câu 5.** *Nêu cảm nghĩ của em về nhân vật Mát trong câu chuyện.*

– HS đọc thầm câu hỏi. GV hướng dẫn HS: đọc lướt toàn bài, suy nghĩ trả lời. GV dành thời gian cho HS làm việc cá nhân.

– GV mời 3 – 4 HS phát biểu. GV khuyến khích HS mạnh dạn nêu ý kiến của mình. Có thể nêu cảm nghĩ về việc Mát biết giữ lời hứa với ông, tìm cách có tiền mua cây giống từ những thứ tưởng như bỏ đi. Khâm phục Mát vì có ý chí, có nghị lực và quyết tâm lớn để khôi phục trang trại, để gây dựng lại cơ nghiệp, đi lên từ những khó khăn và trở ngại,...

## 4. Luyện đọc lại

– GV đọc diễn cảm toàn bài.

– HS luyện đọc diễn cảm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Câu nào dưới đây là câu ghép? Các vế trong câu ghép được nối với nhau bằng cách nào?*

a. *Dưới sự chỉ dạy của ông, Mát nhớ được tên và đặc tính của nhiều loại cây.*

b. *Cây bốc cháy, ngọn lửa mau chóng lan khắp rừng.*

c. *Nhiều năm sau, trang trại phủ một màu xanh mướt.*

– HS đọc yêu cầu trong SHS.

– HS suy nghĩ làm bài cá nhân; trao đổi bài làm với bạn bên cạnh để phát hiện lỗi và sửa lỗi (nếu có).

– GV mời HS nêu kết quả từng câu, nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Câu ghép: b (*Cây bốc cháy, ngọn lửa mau chóng lan khắp rừng.*).

+ Các vế của câu ghép được nối trực tiếp với nhau bằng dấu câu: dấu phẩy.

**Câu 2.** *Đặt một câu ghép nói về nhân vật Mát hoặc trang trại của Mát, trong đó các vế của câu ghép được nối với nhau bằng một kết từ* (*và, hay, nhưng, rồi, thì,...*).

– GV nêu yêu cầu. GV dành thời gian cho HS đặt câu, quan sát giúp đỡ những em gặp khó khăn.

– 2 – 3 HS đọc câu ghép đã đặt. GV nhận xét, sửa lỗi (nếu có). GV có thể nêu một số câu ghép cho HS tham khảo, VD: Trang trại của ông có nhiều loại cây và Mát rất yêu quý trang trại. Khi trang trại bị cháy hết, Mát vô cùng đau đớn và buồn bã thì bà cụ đã giúp cậu bừng tỉnh, quyết tâm khôi phục lại trang trại.

# TIẾT 3

## VIẾT

## VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI (Bài viết số 2)

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết bài văn tả một người em chỉ gặp một vài lần nhưng nhớ mãi.

**Đề 2:** Viết bài văn tả một người là nhân vật chính trong bộ phim hoặc vở kịch mà em đã xem.

Bài viết số 2 giúp HS rèn viết bài văn trong 1 tiết học để biết làm chủ thời gian khi làm đề kiểm tra viết giữa kì và cuối kì.

## 1. Chuẩn bị.

– GV cần nói với HS: Đây là bài viết số 2, sau khi HS đã được nhận xét, đánh giá và chỉnh sửa bài viết số 1. Yêu cầu của tiết học có cao hơn, không có tiết lập dàn ý riêng, HS cần lập dàn ý nhanh, gọn rồi viết bài. Vì vậy, cần làm việc tập trung để hoàn thành bài viết.

– HS làm việc cá nhân, tự thực hiện yêu cầu theo những gợi ý, hướng dẫn trong SHS.

+ Đọc yêu cầu của đề bài, chọn đề bài phù hợp.

+ Quan sát hoặc nhớ lại kết quả quan sát (có thể ghi nhanh các đặc điểm của người được tả).

+ Đọc lướt hướng dẫn về bố cục của bài văn tả người gồm 3 phần trong SHS.

– GV lưu ý HS :

+ Đây là bài viết số 2, cần phát huy ưu điểm, khắc phục hạn chế của bài viết số 1.

+ Chú ý viết được đoạn văn hay hơn (đoạn mở bài, kết bài hoặc đoạn tả ngoại hình, hoạt động,... của nhân vật).

+ Cần tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.

## 2. Viết bài văn.

HS làm bài. GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính của cả lớp, của từng nhóm HS hoặc một số HS điển hình.

## 3. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo hướng dẫn của SHS.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

# TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## NHỮNG Ý KIẾN KHÁC BIỆT

**Yêu cầu:** Thảo luận về một sự việc có nhiều ý kiến khác biệt.

## 1. Chuẩn bị.

– GV nêu yêu cầu của hoạt động Nói và nghe (HS thảo luận về một sự việc có những ý kiến khác biệt) và hướng dẫn HS chuẩn bị để thảo luận:

+ Thành lập nhóm thảo luận.

+ Cử người điều hành thảo luận.

– Nhóm thảo luận và thống nhất lựa chọn một sự việc gần gũi với HS tiểu học, dễ nảy sinh những ý kiến khác biệt. Có thể lựa chọn một vấn đề như gợi ý trong SHS hoặc chọn một vấn đề khác được cả nhóm thống nhất.

– GV mời 1 HS đọc phần hướng dẫn tìm hiểu và ghi chép thông tin liên quan đến nội dung thảo luận. Ví dụ như việc HS giữ tiền riêng để tiêu. Các HS khác đọc thầm theo.

– Từng HS suy nghĩ về vấn đề được nhóm chọn để thảo luận. Đề xuất một số lí do tán thành hoặc phản đối sự việc đó. GV dành cho HS đủ thời gian để chuẩn bị.

### 2. Thảo luận.

GV hướng dẫn HS tiến hành thảo luận:

– Người điều hành nêu chủ đề thảo luận (đã được nhóm thống nhất lựa chọn) và mời từng thành viên phát biểu ý kiến.

– Từng HS chia sẻ ý kiến đã chuẩn bị.

– Người điều hành tóm tắt lại nội dung thảo luận. Nêu những điểm đã thống nhất và những điểm còn khác biệt giữa các thành viên.

### 3. Đánh giá.

Người điều hành chủ trì hoạt động trao đổi, nhận xét về cuộc thảo luận ở các phương diện:

a. Nhận xét về các ý kiến phát biểu, tiến trình thảo luận,...

GV có thể đưa ra một số câu hỏi để HS suy nghĩ như:

– Các ý kiến trình bày có rõ ràng không? Các lí lẽ đưa ra có thuyết phục không?...

– Những người tham gia thảo luận có chú ý lắng nghe ý kiến của người khác không, thái độ khi bày tỏ ý kiến khác biệt có lịch sự không?

– Cần rút những kinh nghiệm gì cho những lần thảo luận sau?

b. Bình chọn người tham gia thảo luận tích cực và có ý kiến hay.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Kể lại câu chuyện **Khu rừng của Mát** cho người thân nghe và chia sẻ cảm nghĩ của em về câu chuyện.* GV khuyến khích HS chia sẻ những suy nghĩ của mình về các nhân vật và những sự việc đã được nhắc đến trong câu chuyện.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 8.

+ Đọc hiểu: *Khu rừng của Mát.*

+ Viết: *Viết bài văn tả người* (Bài viết số 2).

+ Nói và nghe: *Những ý kiến khác biệt.*

– GV nhắc HS nhớ những nội dung quan trọng của Bài 8.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– GV dặn HS đọc trước Bài 9.

# HƯƠNG SẮC TRĂM MIỀN

## TUẦN 23

## BÀI 9 HỘI THỔI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN (3 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và cả văn bản *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*. Biết nhấn giọng phù hợp ở những chi tiết miêu tả khung cảnh, hoạt động của sự việc.

b. Nhận biết được cách thuật/ kể sự việc theo trình tự thời gian của văn bản. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản.

**2.** Nhận biết được phép liên kết câu trong đoạn văn bằng cách lặp từ ngữ. Nắm được lí thuyết và ứng dụng thực hành các bài tập.

**3.** Hiểu được cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc. Biết được nội dung chính của từng phần trong đoạn văn.

**4.** Biết bày tỏ thái độ trân trọng đối với những giá trị văn hoá truyền thống của quê hương, đất nước.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (cách thuật/ kể sự việc theo trình tự thời gian, kết hợp kể và tả).

– Liên kết câu trong đoạn văn.

#### 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ văn bản *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*, các video về lễ hội ở địa phương (nếu có).

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1

### GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

GV giới thiệu chủ điểm mới: *Hương sắc trăm miền*. GV chiếu tranh minh hoạ chủ điểm và miêu tả nội dung tranh. Từ đó khái quát ý nghĩa của bức tranh: Mỗi vùng quê có một vẻ đẹp riêng. Đó có thể là nét riêng trong trang phục, nhà cửa, món ăn, thức uống,...

Những nét riêng biệt đó tạo nên hương sắc cho vùng miền, góp phần làm giàu đẹp thêm văn hoá dân tộc. Mỗi bài đọc trong chủ điểm *Hương sắc trăm miền* giống như một chuyến du lịch nhỏ giúp các em được trải nghiệm, mở rộng hiểu biết về mỗi vùng đất trên lãnh thổ Việt Nam yêu thương.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV tổ chức hoạt động Khởi động. GV giao nhiệm vụ cho HS:

+ HS làm việc nhóm (*Nói về một cuộc thi mà em đã tham gia. Điều gì của cuộc thi làm em ấn tượng nhất?).* GV khích lệ HS chia sẻ trong nhóm.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát văn bản *Hội thổi cơm thi ở Đồng Văn* (VD: Tranh minh hoạ cho bài đọc có liên quan đến một lễ hội. Vậy lễ hội đó là gì, lễ hội có gì đặc biệt? Các em sẽ nghe đọc và đọc kĩ văn bản để tìm câu trả lời.).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện không khí sôi nổi của lễ hội, VD: *thoăn thoắt leo lên bốn cây chuối, người thì..., người thì...*). GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *bắt đầu thổi cơm.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *người xem hội.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV mời 1 – 2 HS đọc từ ngữ được chú giải trong bài hoặc GV có thể kết hợp việc giải nghĩa từ ngữ khi mời HS đọc đoạn nối tiếp.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *trẩy quân, thoăn thoắt, giã thóc, giần sàng,...*

+ Ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Khi tiếng trống hiệu vừa dứt,/ bốn thanh niên của bốn đội nhanh như sóc,/ thoăn thoắt leo lên bốn cây chuối bôi mỡ bóng nhẫy/ để lấy nén hương cắm ở trên ngọn.; Mỗi người nấu cơm/ đều mang một cái cần tre/ được cắm rất khéo vào dây lưng,/ uốn cong hình cánh cung/ từ phía sau ra trước mặt,/ đầu cần treo cái nồi nho nhỏ.;...*

– HS làm việc nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV cho HS nêu thêm những từ ngữ còn chưa hiểu hoặc khó hiểu, GV giải nghĩa từ cho HS hoặc hướng dẫn HS tự tra từ điển. VD: *đũa bông*: là đôi đũa bằng tre, vót xơ một đầu tạo ra những tua rua như một bông hoa trên đầu đũa.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi trong SHS.

**Câu 1.** *Hội thổi cơm thi của làng Đồng Vân bắt nguồn từ đâu?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi trước lớp. Cả lớp đọc thầm đoạn 1 để tìm câu trả lời.

– GV mời 1 – 2 HS trả lời. GV chốt đáp án, khích lệ và khen ngợi HS có câu trả lời đúng.

Đáp án: Hội thổi cơm thi ở làng Đồng Vân bắt nguồn từ các cuộc trẩy quân đánh giặc của người Việt cổ bên bờ sông Đáy xưa.

**Câu 2.** *Cách lấy lửa để nấu cơm trong cuộc thi được miêu tả như thế nào?*

Cách tổ chức tương tự như câu 1.

Đáp án:

Bốn thanh niên của bốn đội nhanh như sóc, thoăn thoắt leo lên bốn cây chuối bôi mỡ bóng nhẫy để lấy nén hương cắm ở trên ngọn. Có người leo lên, tụt xuống, lại leo lên... Khi mang được nén hương xuống, người dự thi được phát ba que diêm để châm vào hương cho cháy thành ngọn lửa.

**Câu 3**. *Kể tên những việc làm đan xen cùng việc lấy lửa. Các thành viên của mỗi đội đã phối hợp với nhau như thế nào khi thực hiện những việc đó?*

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

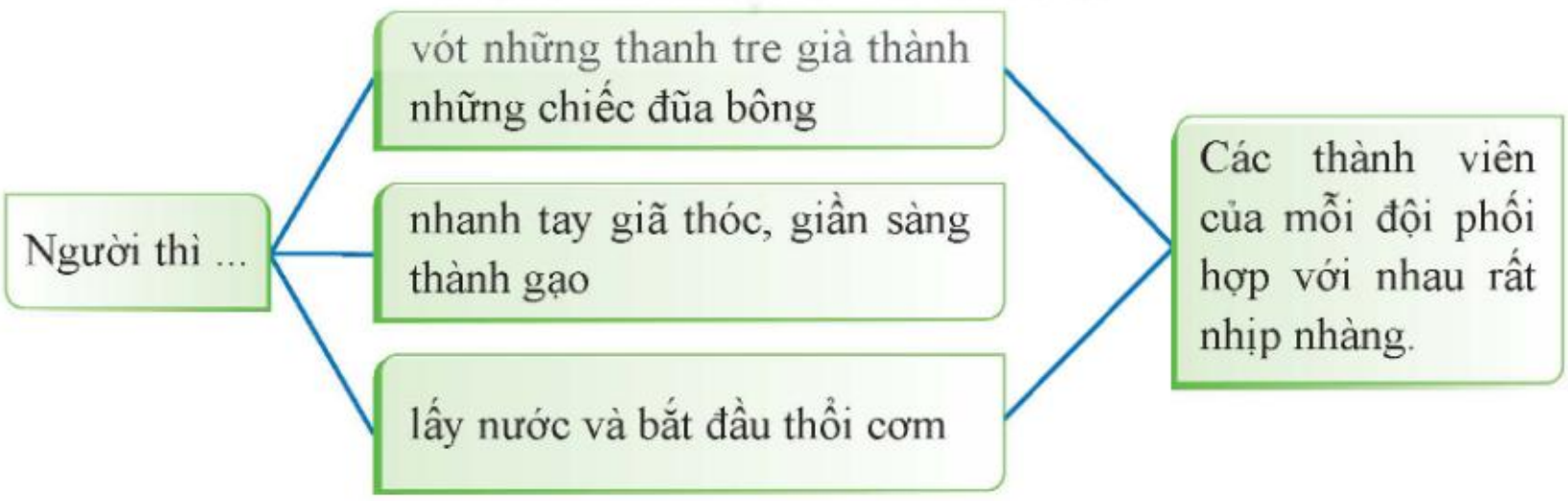
+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm đôi, trao đổi ý kiến của mình với bạn.

– HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm và chia sẻ trước lớp.

– GV nhận xét kết quả làm bài của HS và chốt đáp án.

Đáp án:




*Lưu ý*:

+ Tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể hỏi thêm: Biện pháp nào được sử dụng trong những câu văn miêu tả sự phối hợp nhịp nhàng của các thành viên? Từ ngữ nào biểu thị điều đó? (Biện pháp điệp từ, điệp ngữ: *người thì..., người thì... người thì...*).

+ Nếu thời gian cho phép và tuỳ theo đối tượng HS, GV có thể định hướng cho HS hiểu sâu hơn bài đọc bằng cách hỏi thêm câu hỏi mở rộng. Chẳng hạn: Sự hấp dẫn của hội thổi cơm thi ở Đồng Vân không chỉ thể hiện trong cảnh lấy lửa, trong sự phối hợp nhịp nhàng giữa các thành viên trong đội mà còn thể hiện ở cảnh khác nữa. Ai có thể cho biết đó là cảnh nào? (Cảnh thi nấu cơm) Hãy đọc cho cả lớp nghe những câu văn miêu tả cảnh thi đó (*Người nấu cơm tay giữ cần, tay cầm đuốc đưng đưa cho ánh lửa bập bùng. Các đội vừa thổi cơm vừa đan xen nhau uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ nồng nhiệt của người xem hội.*); Nêu cảm nhận của em về người nấu cơm và không khí lễ hội (Người nấu cơm rất khéo léo. Họ không chỉ nấu cơm mà còn như biểu diễn nghệ thuật nấu cơm. Hoạt động nấu cơm thường ngày, quen thuộc trở thành vũ khúc đầy nghệ thuật dưới bàn tay của người tham dự hội thi. Không khí lễ hội náo nhiệt, sôi động bởi những tràng vỗ tay của người xem.).

**Câu 4.** *Xếp những bức tranh thể hiện một số hoạt động trong cuộc thi nấu cơm vào nhóm thích hợp.*

– 1 HS đọc câu hỏi trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi: Mỗi HS quan sát tranh, đọc lướt toàn bài để tìm nội dung tương ứng với tranh. Sau đó, trao đổi kết quả với bạn. Nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV và cả lớp lắng nghe, nhận xét và chốt đáp án.

Đáp án: Thứ tự tranh phù hợp với diễn biến cuộc thi:

| Chuẩn bị nấu cơm | Nấu cơm | Chấm giải cuộc thi |
|---|---|---|
| Tranh 2 và tranh 4 | Tranh 3 | Tranh 1 |

**Câu 5**. *Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua bài đọc? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

*A. Ca ngợi nét đẹp truyền thống trong sinh hoạt văn hoá của người Việt Nam.*

*B. Bộc lộ niềm tự hào về một nét đẹp văn hoá cổ truyền của dân tộc.*

*C. Khơi dậy ý thức giữ gìn những giá trị văn hoá tốt đẹp của dân tộc.*

GV khích lệ HS thảo luận nhóm, chia sẻ quan điểm, giải thích lí do vì sao lại lựa chọn đáp án đó.

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản:

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (2 – 3 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

# TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LIÊN KẾT CÂU BẰNG CÁCH LẶP TỪ NGỮ

### 1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập. Chú ý, HS cần đọc cả đoạn văn được dùng làm ngữ liệu và 2 câu hỏi nêu ở dưới đoạn văn.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân để xác định từ nào được lặp lại ở các câu trong đoạn văn và việc lặp lại từ đó có tác dụng gì. HS ghi kết quả vào vở hoặc giấy nháp. GV cho HS làm việc nhóm để trao đổi kết quả. GV có thể gợi ý thêm để HS trao đổi: Đoạn văn này có mấy câu? Các câu trong đoạn văn đều tập trung nói về đối tượng nào?

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả trao đổi.

– GV và cả lớp góp ý, nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Đoạn văn này có 4 câu, trong đó có từ *Choắt* và từ *tôi* được lặp lại ở tất cả 4 câu. Sự lặp lại những từ này giúp cho các câu trong đoạn văn liên kết chặt chẽ với nhau. Do đoạn văn này chủ yếu nói về Dế Choắt nên việc lặp lại từ *Choắt* có ý nghĩa quan trọng hơn việc lặp lại từ *tôi*, nó duy trì được sự thống nhất về đối tượng được nói tới trong đoạn văn.

### 2. Chọn từ ngữ nào trong câu 1 của đoạn văn thay cho bông hoa để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn?

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2 và những câu được dùng làm ngữ liệu phân tích.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân. Sau đó, HS làm việc nhóm để chia sẻ kết quả làm việc của mỗi cá nhân và thống nhất kết quả trong nhóm.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án: Từ ngữ cần chọn là: *hoa* hoặc *hoa giấy*. Đoạn văn hoàn chỉnh sẽ là: *Hoa giấy đẹp một cách giản dị. Mỗi cánh hoa (hoa giấy) giống hệt một chiếc lá, chỉ có điều mỏng mảnh hơn và có màu sắc rực rỡ. Lớp lớp hoa (hoa giấy) rải kín mặt sân, nhưng chỉ cần một làn gió thoảng, chúng tản mát bay đi mất.* Nhờ có sự lặp lại từ ngữ *hoa* hoặc *hoa giấy* ở cả 3 câu mà các câu đều nói về cùng một sự vật, tạo thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

– Sau khi HS hoàn thành bài tập 2, GV cho HS chốt lại kiến thức về cách lặp với tư cách là biện pháp liên kết câu trong đoạn văn được tóm tắt ở phần Ghi nhớ. GV lưu ý thêm: Việc lặp lại các từ *Choắt* và *tôi* trong đoạn văn này chỉ nhằm tạo sự liên kết các câu trong đoạn chứ không có tác dụng nhấn mạnh đến đối tượng được nói đến và không làm tăng hiệu quả tu từ của lời nói (làm cho lời nói hay hơn, gây ấn tượng mạnh hơn đối với người đọc, người nghe), vì vậy không được coi là biện pháp điệp từ, điệp ngữ.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp. Cả lớp đọc thầm Ghi nhớ.

+ GV mời HS xung phong nêu được Ghi nhớ về biện pháp liên kết lặp mà không cần nhìn sách.

### 3. Tìm từ ngữ được lặp lại để liên kết câu trong mỗi đoạn văn.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 và cho HS thực hiện nhiệm vụ với từng đoạn văn.

– GV mời 1 HS đọc to 3 đoạn văn và hướng dẫn HS làm việc theo các bước sau:

+ Bước 1: GV cho HS làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo nhóm đôi. Từng HS đọc kĩ đoạn văn và ghi vào vở hoặc giấy nháp từ ngữ được lặp lại để liên kết câu trong từng đoạn.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm đôi, trao đổi kết quả với bạn và thống nhất câu trả lời.

+ GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án:

– Trong đoạn a, từ *đàn* xuất hiện ở cả 5 câu, cho thấy sự vật chính được nói đến trong đoạn là (tiếng) đàn (của Thạch Sanh). Việc lặp lại như vậy đảm bảo sự liên kết giữa các câu, giúp các câu thống nhất về chủ đề và tạo thành một đoạn văn hoàn chỉnh.

– Trong đoạn b, từ *lá* ở câu 1 được lặp lại ở câu 2, 3, 5. Còn câu 4 thì liên kết với câu trước nhờ lặp lại cụm từ *cây sau sau* ở câu 1. Sự lặp lại từ *lá* và cụm từ *cây sau sau* tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn, cho thấy cả đoạn văn này nói về lá của cây sau sau. GV có thể cung cấp cho HS thông tin về cây sau sau (loài cây thân gỗ lớn, thân cây thẳng; một số bộ phận như quả, lá, rễ, nhựa,... có thể dùng làm thuốc chữa bệnh).

– Trong đoạn c, từ *chú* lặp lại ở cả 5 câu, toàn đoạn văn viết về nhân vật chính là chú chim sơn ca.

### 4. Viết 2 – 3 câu về một lễ hội, trong đó các câu liên kết với nhau bằng cách lặp từ ngữ.

– GV mời 1 – 2 HS đọc to yêu cầu của bài tập và nêu những điểm cần lưu ý về đoạn văn mà HS cần viết. GV chốt lại: Số câu cần viết là 2 – 3 câu (tuy vậy, HS có thể viết nhiều hơn, 3 – 5 câu, nếu muốn), nói về một lễ hội, trong đó câu sau dùng từ ngữ lặp lại ở câu trước để tạo sự liên kết giữa các câu.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, viết vào vở hoặc giấy nháp các câu theo yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo nhóm, từng HS đọc phần viết của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV quan sát các nhóm, khen ngợi những HS viết được câu văn hay, có sử dụng từ ngữ liên kết câu thích hợp. GV ghi chép những lỗi liên kết câu của HS để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng cho những em mắc các lỗi đó.

– GV mời một số HS viết được những câu văn hay đọc trước lớp.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

# TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT SỰ VIỆC

Trước khi HS thực hiện các nhiệm vụ của tiết học, GV mời 2 – 3 HS nhắc lại yêu cầu về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về người thân, về cảnh đẹp,... đã được học ở lớp 4 và về bài thơ, câu chuyện đã học ở học kì I lớp 5. VD: Cấu trúc gồm 3 phần (mở đầu, triển khai, kết thúc), nội dung của từng phần: giới thiệu đối tượng; nêu lí do, bộc lộ cảm xúc; khái quát lại cảm xúc, cách viết: bày tỏ tình cảm, cảm xúc trực tiếp, gián tiếp. GV dẫn vào bài mới: Lên lớp 5, trong bài học này, các em sẽ được học kĩ hơn, nâng cao hơn về cách viết đoạn văn này.

GV nêu mục tiêu của tiết học: tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.

### 1. Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi.

GV lưu ý: Để giúp HS có thêm hiểu biết về Ngày hội văn hoá các dân tộc thiểu số ở Mộc Châu và hiểu về nghĩa của từ *múa khèn, múa sạp, múa xoè*, trước khi tổ chức hoạt động tìm hiểu đoạn văn mẫu, GV có thể cho HS xem clip ngắn về múa xoè của dân tộc Thái ở Tây Bắc, múa khèn của dân tộc Mông, múa sạp của dân tộc Mường. GV cũng có thể giải nghĩa từ *múa xoè, múa khèn, múa sạp* bằng cách cho HS xem ảnh minh hoạ lấy trên mạng in-tơ-nét.

– GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu của bài tập: đọc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về Ngày hội văn hoá các dân tộc thiểu số ở Mộc Châu và lần lượt thực hiện 4 yêu cầu theo các bước:

+ Bước 1: Đọc thầm đoạn văn.

+ Bước 2: Dựa vào đoạn văn, tìm câu trả lời.

a. *Đoạn văn nói đến sự việc gì? Người viết có ấn tượng chung về sự việc đó thế nào?*

GV chiếu câu hỏi a lên bảng, mời 1 HS đọc đoạn văn trước lớp, yêu cầu cả lớp tập trung lắng nghe để trả lời câu hỏi ngay sau khi nghe bạn đọc.

Đáp án: Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc của người viết về Ngày hội văn hoá các dân tộc thiểu số ở Mộc Châu. Người viết vô cùng hứng thú với sự kiện đó.

b. *Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.*

GV mời 1 HS đọc yêu cầu. GV có thể chiếu câu hỏi lên bảng.

– HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi theo cặp

– GV mời 2 – 3 HS trình bày ý kiến, sau đó chốt đáp án.

Đáp án:

| Phần | Nội dung |
|---|---|
| Mở đầu | Nêu tên sự việc; thời gian, địa điểm diễn ra sự việc; ấn tượng chung về sự việc. |
| Triển khai | Nêu tình cảm, cảm xúc về những chi tiết nổi bật của sự việc (khung cảnh, hoạt động, người tham gia,...) |
| Kết thúc | Nêu ý nghĩa của sự việc; khẳng định lại tình cảm, cảm xúc đối với sự việc. |

c. *Trong phần triển khai, những chi tiết nào nói về ngày hội gây được ấn tượng với người viết?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu, sau đó tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, quy định thời gian cần hoàn thành nhiệm vụ.

– HS đọc thầm lại đoạn văn, tìm những chi tiết về lễ hội được người viết thể hiện tình cảm, cảm xúc. HS có thể viết câu trả lời vào vở, giấy hoặc phiếu học tập. HS chia sẻ kết quả với bạn trong nhóm.

Đáp án tham khảo: khung cảnh ngày hội (không khí, cờ, hoa, trang phục, tiếng trống, tiếng chuông,...); hoạt động (thi ném còn, điệu múa khèn, múa sạp,...); người tham gia (các cô gái Thái, các chàng trai người Mông, những cô gái Mường,...).

d. *Tình cảm, cảm xúc của người viết được bộc lộ qua những từ ngữ, câu văn nào?*

– Mục đích của bài tập giúp HS nắm được khi viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một sự việc cần biết kết hợp những câu bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc với câu gián tiếp thể hiện tình cảm, cảm xúc.

– GV cho HS phát biểu ý kiến. Sau đó yêu cầu HS xếp những câu văn tìm được vào 2 nhóm. GV có thể tổng hợp ý kiến của HS theo bảng sau:

| Từ ngữ, câu văn thể hiện tình cảm, cảm xúc | |
|---|---|
| Từ ngữ, câu văn bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc | Câu văn gián tiếp thể hiện tình cảm, cảm xúc |
| – Tiếng trống, tiếng chiêng rộn rã khiến tôi cảm thấy **háo hức** lạ thường.<br>– Tôi **say sưa** thưởng thức điệu múa xoè uyển chuyển của những cô gái Thái.<br>– Điệu múa khèn tràn đầy sức sống của các chàng trai người Mông đã khiến tôi **rất ngạc nhiên** và **thán phục**. | – Tôi chăm chú dõi theo quả còn bay vút lên cao, lơ lửng trên không trung.<br>– Tôi và mọi người hò reo khi quả còn bất ngờ bay vèo qua vòng tròn gắn trên đầu cây tre.<br>– Tôi nhún nhảy liên hồi theo các động tác của họ.<br>– Tôi như bị cuốn theo bước múa sạp khéo léo, rộn ràng của những cô gái Mường. |

## 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc yêu cầu và mục gợi ý, có thể đọc thầm, đọc lướt lại đoạn văn trong SHS để thảo luận theo 3 câu hỏi có trong SHS (*Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc thường có mấy phần? Đó là những phần nào? Nội dung chính của mỗi phần là gì? Có những cách nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc về sự việc*?).

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV, sau đó đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

*Lưu ý:*

Riêng đối với câu hỏi 3 (*Có những cách nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc về sự việc*?), GV có thể hỏi thêm một số câu hỏi như sau:

+ Tìm những từ ngữ bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc về sự việc. (háo hức, say sưa,...)

+ Người viết gián tiếp thể hiện tình cảm, cảm xúc về sự việc bằng cách nào? (bằng cách kể, tả lại các hoạt động nổi bật)

+ Theo em, nếu bỏ những câu bộc lộ trực tiếp tình cảm, cảm xúc, đoạn văn sẽ thế nào? (không phải là đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc, bị lạc sang đoạn thuật việc hoặc tả)

+ Theo em, nếu bỏ những câu gián tiếp thể hiện tình cảm, cảm xúc, đoạn văn sẽ thế nào? (nội dung đoạn văn không phong phú, người đọc khó hình dung sự việc, khó hình dung tình cảm, cảm xúc thay đổi theo diễn biến của sự việc)

– GV mời 2 – 3 HS chốt các ý cần nhớ khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc trước một sự việc (dựa trên phần Ghi nhớ).

– GV mời HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những ý đã nhớ được sau bài học).

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: Nói với người thân về việc em làm trong ngày. Nêu tình cảm, cảm xúc của em khi thực hiện và hoàn thành công việc đó.

GV hướng dẫn HS tìm đọc một cuốn sách viết về một miền đất như các cuốn sách của nhà văn Vũ Hùng, Võ Quảng,...

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã học ở Bài 9.

+ Đọc hiểu: *Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân.*

+ Luyện từ và câu: *Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ.*

+ Viết: *Tìm hiểu cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.*

– GV hỏi HS cần làm gì sau khi học Bài 9.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 10.

# BÀI 10 NHỮNG BÚP CHÈ TRÊN CÂY CỔ THỤ (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Những búp chè trên cây cổ thụ*. Biết đọc diễn cảm với giọng đọc phù hợp, nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được trình tự các sự việc gắn với thời gian, địa điểm cụ thể. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật, nêu được đặc điểm của các nhân vật trong câu chuyện dựa vào hành động, lời nói của nhân vật. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Mỗi vùng miền đều có những sản vật đặc trưng, mang đậm nét dấu ấn của vùng miền đó. Hiểu biết và tự hào về sản vật, có ý thức phát triển sản vật chính là một trong những biểu hiện của tình yêu quê hương, đất nước.

c. Đọc mở rộng: Tìm và đọc được cuốn sách viết về một miền đất. Ghi chép được một số thông tin cơ bản vào phiếu đọc sách theo mẫu.

**2.** Biết tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.

**3.** Có ý thức tìm hiểu về quê hương, đất nước; tự hào về quê hương, đất nước; biết yêu quê hương, đất nước và biết thể hiện tình yêu đó bằng những việc làm thiết thực.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản tự sự.

– Văn biểu cảm.

### 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ bài đọc, hoạt động Viết (có thể chiếu trên màn hình, nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

Nêu tên bài đọc trước (*Hội thổi cơm thi ở Đồng Vân*) và nêu cảm nghĩ của em về một chi tiết em thích nhất trong bài đọc.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trao đổi về nội dung khởi động: *Trao đổi với bạn về một đồ uống mà em yêu thích (tên gọi, nguồn gốc, cách pha, hương vị,...).*

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng.

– HS (2 – 3 em) nói về một đồ uống yêu thích và một số hiểu biết về đồ uống đó.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV mời 1 HS nêu nội dung tranh minh hoạ (VD: Tranh vẽ khung cảnh ở vùng núi, có rất nhiều những cây dáng cổ thụ. Hai người trong tranh mặc trang phục của đồng bào dân tộc thiểu số. Người phụ nữ đeo một chiếc gùi trên lưng, có lẽ vừa thu hoạch một sản phẩm gì đó. Còn cậu bé cầm búp lá trên tay, vẻ mặt vô cùng rạng rỡ, vui vẻ.).

– GV giới thiệu: Đây là tranh vẽ những cây chè cổ thụ ở bản Tà Xùa, xã Tà Xùa, tỉnh Sơn La. Từ những búp chè trên cây, người ta mang về sao khô, sau đó pha với nước sôi để uống. Chè Tà Xùa hiện nay rất nổi tiếng vì chất lượng chè ngon, đủ tiêu chuẩn để xuất khẩu ở thị trường quốc tế. Nhưng trước khi trở nên nổi tiếng và phổ biến như bây giờ, chè Tà Xùa đã trải qua một khoảng thời gian không được nhiều người biết đến do lượng chè quá ít, người dân chưa biết trồng và phát triển chè. Bài đọc hôm nay là câu chuyện về những búp chè Tà Xùa diễn ra trong khoảng thời gian đó và có một cậu bé người Mông ước ao phát triển cây chè của quê hương mình. Chúng ta cùng đọc bài *Những búp chè trên cây cổ thụ* để tìm hiểu về những cây chè Tà Xùa cũng như thêm yêu, thêm trân trọng, tự hào về những người con của Bắc Yên như cậu bé Thào A Sùng trong bài đọc.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (giọng kể chuyện, thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp của các nhân vật).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *bản làng, loại chè, loé sáng, nông nghiệp, đẫm sương,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Mẹ bảo/ cứ nghĩ đến chén nước chè trong veo,/ hương thiên nhiên nồng nàn,/ nóng đến sưởi ấm bàn tay/ là muốn đến Tà Xùa ngay.*

+ Đọc diễn cảm ở các câu là lời nói trực tiếp của các nhân vật.

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *biết đến chè Tà Xùa.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *cây chè quê hương.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm ba, mỗi HS đọc một đoạn (nối tiếp 3 đoạn), sau đó đổi lại thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 3 HS đọc nối tiếp xen kẽ 3 đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS tự tra từ điển những từ ngữ còn khó hiểu hoặc chưa hiểu rõ. VD: *trăn trở*: băn khoăn không yên lòng vì có điều phải suy nghĩ nhiều; *khát khao*: mong muốn rất tha thiết; *Tà Xùa*: một xã thuộc huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Thào A Sùng kể với bạn những gì về quê hương của cậu?*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 HS đọc câu hỏi.

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án: Thào A Sùng thường tự hào kể về bản làng, về những cây chè cổ thụ ở bản của cậu.

**Câu 2.** *Trong cuộc thi "Bảy sắc cầu vồng", Thào A Sùng đã giới thiệu thế nào về chè Tà Xùa?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi và các gợi ý trong SHS. GV có thể đặt câu hỏi mở rộng. Tình cảm của cậu với quê hương thể hiện ra sao qua lời giới thiệu đó?

– GV hướng dẫn cách thức thực hiện:

+ Cách 1: Làm việc nhóm (3 em/ nhóm), mỗi em tìm hiểu thông tin về một trong các gợi ý của SHS (cây chè, búp chè, nước chè) rồi phát biểu trong nhóm; các bạn trong nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau để thống nhất đáp án. Sau đó, từng thành viên lần lượt nêu câu trả lời cho ý mở rộng nếu có thời gian (Tình cảm của cậu với quê hương thể hiện ra sao qua lời giới thiệu đó?). Cả nhóm thống nhất đáp án.

+ Cách 2: HS suy nghĩ cá nhân, tìm thông tin trả lời cho cả 3 gợi ý và suy nghĩ, tìm câu trả lời cho câu hỏi mở rộng, rồi lần lượt từng HS phát biểu trong nhóm; cả nhóm nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

| Thào A Sùng giới thiệu về chè Tà Xùa | | | Tình cảm của Thào A Sùng với quê hương |
|---|---|---|---|
| Cây chè | Búp chè | Nước chè | Qua lời giới thiệu, có thể thấy Thào A Sùng rất yêu quê hương, luôn hướng về quê hương. Thào A Sùng còn muốn mọi người biết nhiều về sản vật quê mình, để có thể lan toả sự tự hào và ý thức giữ gìn, phát triển sản vật của quê hương. |
| cây cổ thụ cao lớn | to, dưới lá có lớp lông tơ mịn, trắng như tuyết | khi pha có màu vàng ánh xanh, thơm ngan ngát, vị ban đầu hơi chát, sau đọng lại là vị ngọt | |

– Để giúp HS có thêm hiểu biết thực tế, GV có thể chuẩn bị sẵn một chén trà để HS quan sát, cảm nhận (GV lưu ý HS, chén trà mà GV chuẩn bị chỉ là trực quan sinh động về "nước chè", trên thực tế có thể khác với chè Tà Xùa một chút về hương vị, màu sắc,...).

**Câu 3.** *Thào A Sùng mơ ước điều gì? Những chi tiết nào thể hiện ước mơ đó?*

– GV nêu yêu cầu (hoặc mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu).

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, tìm câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị), sau đó phát biểu trong nhóm. Nhóm bầu một bạn phát biểu tốt nhất.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS trình bày tốt, đúng yêu cầu.

Đáp án: Cậu mơ ước làm kĩ sư nông nghiệp để phát triển chè cho quê hương, mang chè Tà Xùa đi khắp thế giới. Ước mơ đó rất mãnh liệt và được thể hiện qua các chi tiết:

+ Khi ở trên sân khấu, cậu nói về ước mơ đó với cảm xúc tràn ngập khát khao, khiến ước mơ ấy lan toả đến những người xung quanh, giúp mọi người được truyền cảm hứng và cùng xôn xao bàn tán về cây chè quê hương.

+ Nhân vật "tôi" như nhìn thấy trong ánh mắt của Thào A Sùng ước mơ về một đồi chè bạt ngàn, với những thân cây đẫm sương, còn ngọn vươn cao đón nắng (thể hiện việc ước mơ của Thào A Sùng mãnh liệt tới mức nhìn vào mắt cậu, người khác cũng nhận ra được).

**Câu 4.** *Theo em, vì sao khi nghe Thào A Sùng nói về chè Tà Xùa, các bạn nhỏ như quên mất cuộc thi? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.*

– GV nêu câu hỏi hoặc mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi.

– GV khuyến khích HS nêu ý kiến của mình. HS có thể chọn các phương án đã cho và đưa ra lí do lựa chọn hoặc nêu ý kiến khác.

– HS trao đổi trong nhóm, cặp và nhận xét, góp ý cho nhau.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, trao đổi. GV khen ngợi những HS lựa chọn đáp án và nêu lí do hợp lí, hoặc đưa ra được ý kiến riêng của mình.

**Câu 5**. *Tưởng tượng và kể tiếp câu chuyện khi Thào A Sùng đã trưởng thành.*

– GV nêu câu hỏi hoặc nhắc HS tự đọc câu hỏi để trả lời. GV lưu ý đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS phát huy trí tưởng tượng để kể tiếp câu chuyện thật sinh động. HS cũng có thể đóng vai Thào A Sùng tưởng tượng kết hợp với mong ước của mình để kể tiếp câu chuyện vào thời điểm mười lăm, hai mươi năm sau. GV có thể gợi ý, thời điểm Thào A Sùng lớn chính là thời điểm bây giờ, khi mà chè Tà Xùa đã trở nên nổi tiếng khắp nơi đúng như ước mơ của cậu bé. Chính nhờ những cậu bé với ước mơ chân thành, cháy bỏng như vậy, mà chè Tà Xùa đã thực sự vươn xa.

– HS làm việc cá nhân, tự suy nghĩ, tưởng tượng diễn biến của câu chuyện vào thời điểm Thào A Sùng trưởng thành, sau đó kể trong nhóm. GV hỗ trợ các HS còn khó khăn khi tưởng tượng và kể chuyện.

– 2 – 3 đại diện HS kể tiếp câu chuyện trước lớp.

– GV khen ngợi những HS sáng tạo, tưởng tượng phong phú, trình bày rõ ràng, rành mạch.

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc lại bài đọc:

– Làm việc chung cả lớp (3 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp, góp ý cho nhau.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Tìm từ ngữ gọi tên sản vật của một số địa phương mà em biết và nêu đặc điểm của những sản vật đó.*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu và ví dụ trong SHS. GV có thể cho HS xem một số hình ảnh về các sản vật quen thuộc (bằng tranh ảnh hoặc clip chiếu lên màn hình) để HS tham khảo.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời và nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và tổng hợp đáp án. GV có thể ghi các từ ngữ HS tìm được lên bảng.

Đáp án tham khảo:

| Sản vật | Địa phương | Đặc điểm |
|---|---|---|
| Nón | Thừa Thiên Huế | tròn, nhẹ, trắng, đẹp |
| Bánh cáy | Thái Bình | dẻo, ngọt, béo, bùi |
| Nhãn lồng | Hưng Yên | quả to, tròn; cùi dày, ráo nước; hạt nhỏ, đen nhánh; vị ngọt, thơm |
| Vải thiều | Bắc Giang | đỏ, tròn xoe, giống mặt trời nhỏ; cùi dày, hạt nhỏ, ngọt lịm |
| ... | ... | ... |

**Câu 2**. *Đặt một câu ghép nói về sản vật của một địa phương, trong câu có chứa từ ngữ đã tìm được ở bài tập 1.*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu ghép (có chứa từ ngữ tìm được ở bài tập 1), sau đó nêu trong nhóm. Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 1 – 2 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Ví dụ: *Tôi rất thích nhãn lồng Hưng Yên vì quả to, tròn, ngọt lịm.*

# TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT SỰ VIỆC

Chọn một trong những đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một lễ hội của quê hương.

**Đề 2:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một buổi hoạt động ngoại khoá của trường hoặc lớp em.

**Đề 3:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về hoạt động gói bánh chưng hoặc bánh tét ngày Tết.

### 1. Chuẩn bị.

– GV dành thời gian cho HS nêu những điều cần ghi nhớ về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.

– GV mời HS đọc yêu cầu của các đề bài, suy nghĩ lựa chọn sự việc để thể hiện tình cảm, cảm xúc.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn chuẩn bị ở SHS:

+ Đọc kĩ đề bài.

+ Chọn sự việc để có thể viết tốt bài văn theo yêu cầu (có nhiều hiểu biết và có cảm xúc về sự việc,...).

+ Xác định ấn tượng chung về sự việc.

+ Xác định tình cảm, cảm xúc về một số chi tiết của sự việc: khung cảnh, hoạt động, người tham gia,...

– GV có thể mời một số HS nêu sự việc đã chọn và giải thích lí do chọn sự việc đó.

### 2. Tìm ý.

Mặc dù SHS tách hoạt động tìm ý theo cấu trúc của đoạn văn nhưng GV nên gộp cả 3 hoạt động để hướng dẫn HS kĩ thuật tìm ý.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm, đọc lướt gợi ý tìm ý trong SHS theo 3 phần (mở đầu, triển khai, kết thúc) để học tập cách giới thiệu sự việc và cách nêu ấn tượng chung về sự việc đó; cách trình bày tình cảm, cảm xúc về khung cảnh, hoạt động, người tham gia,... sự việc.

– HS viết ra giấy hoặc vở hoặc vở bài tập kết quả tìm ý.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ phù hợp với những HS gặp khó khăn trong quá trình tìm ý (VD: chưa xác định được ấn tượng chung, chưa xác định được khung cảnh hoặc hoạt động tiêu biểu, người tham gia,... để thể hiện tình cảm, cảm xúc; chưa thể hiện được tình cảm, cảm xúc phù hợp với khung cảnh, hoạt động, người tham gia,...).

### 3. Góp ý và chỉnh sửa.

– HS đọc soát ý theo hướng dẫn trong SHS, tự chỉnh sửa.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau.

– HS bổ sung hoặc chỉnh sửa theo góp ý của thầy cô, của các bạn.

– GV có thể chốt những điểm cần lưu ý để viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc mà em đã chọn.

## TIẾT 4

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Đọc phiếu đọc sách trong SHS.

– GV hướng dẫn HS đọc phiếu đọc sách và trả lời câu hỏi: Bạn Lâm Phong ghi chép những gì vào phiếu đọc sách? (tên truyện; nội dung của tác phẩm, điều ấn tượng nhất về tác phẩm; cảm nhận chung về tác phẩm,...).

– HS làm việc cá nhân và thảo luận nhóm đôi:

+ Cá nhân đọc phiếu đọc sách, ghi lại những nội dung cơ bản.

+ Thảo luận với bạn về những thông tin cần đưa vào phiếu đọc sách.

**2. Đọc một cuốn sách viết về một miền đất.**

HS đọc văn bản theo yêu cầu của tiết đọc mở rộng.

*Lưu ý:* Nếu HS gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cuốn sách theo yêu cầu thì GV có thể gợi ý cho HS đọc những cuốn sách nói về các miền đất (*Bước về phía mặt trời*, Nguyễn Luân, NXB Kim Đồng, 2020; *Sống giữa bầy voi*, Vũ Hùng, NXB Kim Đồng, 2022,...).

**3. Viết phiếu đọc sách theo mẫu ở bài tập 1 và dựa vào đó chia sẻ với các bạn những thông tin thú vị trong cuốn sách.**

– Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS (có thể viết thêm những ý khác tuỳ theo nội dung cuốn sách đã đọc).

– GV định hướng HS trao đổi, chia sẻ với bạn về cuốn sách đã đọc theo gợi ý của phiếu đọc sách trong SHS.

– HS trao đổi kết quả đọc cùng bạn:

+ Tên sách, tên tác giả, thể loại,...

+ Nội dung cơ bản của cuốn sách.

+ Những điều thú vị hoặc ấn tượng về cuốn sách.

+ Cảm nhận chung về cuốn sách.

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà các bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi HS đọc được nhiều cuốn sách hay về các miền đất, chia sẻ được nhiều thông tin bổ ích với bạn; động viên HS nói tự tin trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

## VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng theo hướng dẫn trong SHS.

– GV nhắc HS tìm thêm cuốn sách về các miền đất để đọc và giới thiệu cho nhau những cuốn sách về các miền đất có nhiều điều thú vị, hấp dẫn.

## CỦNG CỐ

– GV nhắc lại nội dung đã học ở Bài 10.

+ Đọc hiểu: *Những búp chè trên cây cổ thụ.*

+ Viết: *Tìm ý cho đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.*

+ Đọc mở rộng: *Đọc cuốn sách về một miền đất.*

– GV dặn HS xem trước Bài 11.

TUẦN 24

# Bài 11 HƯƠNG CỐM MÙA THU (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Hương cốm mùa thu*. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật.

b. Nhận biết được các sự việc gắn với không gian, thời gian cụ thể. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Cốm là một đặc sản tiêu biểu của Hà Nội, là một thức quà ngon. Cốm được làm từ những tinh tuý của đất trời và bàn tay khéo léo của người làm cốm.

**2.** Nhận biết được quan hệ liên kết giữa các câu trong đoạn văn; biết dùng các từ ngữ nối để liên kết các câu trong đoạn văn.

**3.** Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc đã để lại ấn tượng sâu sắc (cách thể hiện ấn tượng chung về sự việc, cách thể hiện tình cảm, cảm xúc về khung cảnh, hoạt động, người tham gia,... cách kết hợp giữa kể và tả để làm rõ tình cảm, cảm xúc).

**4.** Biết một số sản vật, đặc sản của vùng miền; hiểu được nét đặc trưng của vùng miền thể hiện qua các sản vật; biết chia sẻ cảm xúc với những người xung quanh.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản thơ.

– Liên kết câu trong đoạn văn.

– Cấu trúc và nội dung của đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc.

### 2. Phương tiện dạy học

Tranh minh hoạ bài thơ *Hương cốm mùa thu*.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

### ÔN BÀI CŨ

GV có thể chọn một hoạt động để ôn bài cũ, VD: Nêu tên bài đọc trước (*Những búp chè trên cây cổ thụ*), đọc những đoạn văn em thích hoặc nêu nội dung chính của bài đọc, nói về điều em thích nhất trong bài đọc,...

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của khởi động (***Chơi trò chơi: Tiếp sức:*** *Kể tên những món ăn được làm từ lúa gạo.*) và nêu luật chơi:

+ HS chia thành hai đội chơi trong nhóm hoặc chơi theo lớp. Nếu chơi theo lớp, trên bảng sẽ chia ra hai ô để hai đội dán thẻ.

+ Mỗi đội được phát một số thẻ từ (trắng). Trong thời gian 1 phút, các đội sẽ viết lên mỗi thẻ tên một món ăn được làm từ lúa gạo, sau đó lần lượt lên bảng dán thẻ vào ô của đội mình.

+ Sau 1 phút, đội nào dán được nhiều thẻ từ có tên một món ăn được làm từ lúa gạo đúng hơn (đã loại bỏ những thẻ có tên món ăn bị trùng lặp), đội đó chiến thắng.

VD: Một số món ăn làm từ lúa gạo: cơm, cháo, mì, bún, phở, bánh nếp, bánh tẻ, bánh giầy, bánh chưng, bánh trôi, bánh chay, cốm,...

– GV tổng kết: Nước ta là nước nông nghiệp với nghề trồng lúa rất phát triển. Bởi vậy, từ xưa đến nay, người Việt Nam ta có rất nhiều món ăn được làm từ lúa gạo. Nhiều món ăn đã trở thành đặc sản của các vùng.

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ (VD: Tranh vẽ cảnh một người phụ nữ và một bạn nhỏ đang đi dạo. Xa xa có hình ảnh Tháp Rùa. Người phụ nữ đang nghĩ về hình ảnh sân nhà đầy lúa xanh, với hai người phụ nữ đang bó lúa, mấy bạn nhỏ đang ôm lúa đi tới, mọi người đều rất vui vẻ.). GV giới thiệu: những cây lúa xanh này là lúa nếp non. Từ những cây lúa này, người dân sẽ thu những hạt thóc tròn, mẩy, căng sữa để làm cốm. Cốm thơm mùi lúa non, mùi lá sen bọc cốm. Có lẽ người phụ nữ đang giới thiệu với bạn nhỏ về cách làm cốm. Một tay bạn nhỏ cũng đang cầm một gói nhỏ, có lẽ chính là gói cốm. Sau đó GV giới thiệu khái quát bài đọc *Hương cốm mùa thu* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài thơ *Hương cốm mùa thu*. Các em sẽ đọc kĩ để hiểu nhân vật trong bài thơ cảm nhận thế nào về vị cốm, hương cốm, và tìm hiểu xem cốm là đặc sản của vùng nào.).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi tả, gợi cảm).

– GV hướng dẫn đọc: đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *nhà nông, đổ xuống, trĩu bông, sàng sảy, tay lùa,...*).

– 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ trước lớp.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm (5 em/ nhóm), mỗi HS đọc một khổ (đọc nối tiếp 5 khổ) rồi đổi lượt đọc cho nhau, đọc nối tiếp 1 – 2 lượt.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Tìm trong khổ thơ thứ nhất những chi tiết nói về khung cảnh thiên nhiên và cảm xúc của con người khi mùa cốm đến.*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thầm khổ 1 của bài thơ, chuẩn bị câu trả lời, sau đó trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến, GV khen ngợi HS trả lời rõ ràng, lưu loát.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

| Khung cảnh thiên nhiên | Cảm xúc của con người |
|---|---|
| – Thời gian: tháng Chín, mùa thu<br>– Không gian: ở phố, trong tiết thu có gió heo may. | xôn xao, ngỡ ngàng (thể hiện qua từ ngữ: Ô kìa!) |

– GV có thể nói thêm: Hình ảnh "Tháng Chín heo may về phố – Dắt theo hương cốm vào thu" là một hình ảnh rất đẹp, rất nên thơ, gợi cho người đọc sự xuất hiện nhẹ nhàng, tinh tế của hương cốm trong trời thu. Sự xuất hiện nhẹ nhàng, tinh tế ấy khiến con người cảm thấy vừa mừng rỡ xôn xao, vừa bất ngờ khi nhận ra hương cốm ghé vào ô cửa cũng là lúc thu về.

**Câu 2**. *Dựa vào sơ đồ, kể lại hành trình làm ra hạt cốm theo lời kể của gió.*

– GV hướng dẫn HS xem kĩ sơ đồ và các hình ảnh để hiểu các nội dung được thể hiện trong sơ đồ. GV có thể mời 1 – 2 HS nêu nội dung của từng tranh (VD: tranh 1 vẽ những hạt thóc giống; tranh 2 vẽ những người nông dân đang lao động trên đồng ruộng; tranh 3 vẽ những bông lúa trĩu hạt; tranh 4 vẽ những người nông dân đang sàng sảy thóc; tranh 5 vẽ những hạt cốm được bọc trong lá sen.).

– GV hướng dẫn HS kể lại hành trình làm ra hạt cốm theo lời kể của gió.

+ HS đọc lại khổ 2 và khổ 3 của bài thơ

+ Dựa vào mũi tên trong sơ đồ và nội dung của khổ 2, khổ 3 trong bài thơ, HS tự sắp xếp ý để kể lại theo cặp.

– HS trao đổi theo cặp để thống nhất câu trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung (nếu cần thiết) và thống nhất đáp án.

Đáp án tham khảo:

(1) Hạt cốm là thành quả của một quá trình lao động, từ gieo hạt (*Gió kể: Ngày xưa hạt thóc/ Trời đem gieo tặng nhà nông*), lớn dần tới khi thành lúa chín trĩu bông (mùa cây lúa trĩu bông), được người sàng sảy (*Tay mẹ, tay bà sàng sảy*), và qua nhiều công đoạn mới thành hạt cốm.

(2) Từ những hạt lúa, người nông dân gieo trồng, cày cấy, vất vả sớm hôm để hạt lúa trở thành cây lúa trĩu bông. Người nông dân thu hoạch những hạt lúa tròn căng hơi sữa, sàng sảy để chế biến thành hạt cốm.

– Nếu có điều kiện, GV có thể cho HS xem tranh ảnh hoặc chiếu clip về quá trình làm cốm (từ khi tuốt lúa, sàng sảy, đãi thóc, tới khi rang cốm, giã cốm, đóng gói), hình ảnh cụ thể về hạt cốm, gói cốm (được gói trong lá sen) để HS hình dung rõ hơn về việc làm cốm và thành phẩm cuối cùng.

**Câu 3.** *Cách tả màu sắc của hạt cốm cho thấy bạn nhỏ cảm nhận thế nào về món quà kì diệu của mùa thu?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc nhắc HS đọc yêu cầu). GV có thể đặt câu hỏi phụ: Bạn nhỏ thấy những màu sắc gì trong hạt cốm? (xanh, vàng, nâu).

– GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi:

+ Bước 1: HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị).

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn, một số em phát biểu trước lớp. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ của mình.

Đáp án:

– Cách tả màu sắc của hạt cốm cho thấy bạn nhỏ cảm nhận được để làm ra hạt cốm cần sự góp sức của thiên nhiên và con người. Đó là đất để người nông dân trồng cấy lúa (màu nâu), là nắng gió để nuôi lúa lớn (màu vàng), và ấp ủ lúa là cả bầu trời xanh rộng (màu xanh). Cũng có thể hiểu màu nắng vàng, màu trời xanh này là không gian mùa thu, mùa mà lúa được thu hoạch và chế biến thành cốm thành phẩm.

**Câu 4.** *Chi tiết nào cho thấy cốm là thức quà đặc trưng của Hà Nội?*

– GV nêu câu hỏi. GV gợi ý HS: Tìm trong bài thơ một dấu hiệu (về địa danh) để biết vùng đất đang được nói đến là ở đâu.

– HS trao đổi theo nhóm hoặc theo cặp và thống nhất đáp án.

– 2 – 3 HS trình bày trước lớp.

– GV và cả lớp góp ý, nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án: Cốm là thức quà đặc trưng của Hà Nội, vì ở khổ thơ cuối có nhắc đến Hồ Gươm (*Hồ Gươm chớp đôi mắt biếc/ Nhắc mùa hương cốm vừa lên*), cốm là một thức quà của người Hà Nội gắn với làng cốm nổi tiếng ở Hà Nội (làng Vòng). Cốm làng Vòng (Hà Nội) còn được dùng làm quà cho khắp mọi miền đất nước, còn là món quà quý cho những người con xa quê ở nước ngoài.

**Câu 5.** *Em cảm nhận được điều gì về tình cảm của tác giả đối với hương cốm trong mùa thu Hà Nội?*

– GV nêu câu hỏi hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi.

– GV hướng dẫn cách thức thực hiện:

+ HS suy nghĩ cá nhân, tìm ý trả lời cho câu hỏi.

+ Lần lượt từng HS phát biểu trong nhóm; cả nhóm nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp; GV và cả lớp nhận xét.

– GV khen ngợi những nhóm có ý kiến hay, trình bày rõ ràng, rành mạch.

Đáp án tham khảo:

– Tác giả rất yêu hương cốm trong mùa thu Hà Nội. Tác giả thể hiện sự mừng vui, ngỡ ngàng khi nhận ra mùa cốm đã về (khổ thơ đầu tiên), tác giả thể hiện sự biết ơn đối với trời đất, thiên nhiên đã ấp ủ nuôi dưỡng lúa, với những người vất vả làm ra hạt cốm (khổ thơ thứ 2, thứ 3, thứ 4), thể hiện sự tự hào khi nhắc đến vùng đất quê hương nổi tiếng với thức quà thơm, dẻo, ngon, ngọt (khổ cuối).

– GV có thể nói thêm: Cốm là một món ăn rất phổ biến ở Hà Nội vào mùa thu. Cốm rất ngon, dẻo, thơm mùi lúa non, mùi lá sen (lá gói cốm), có màu xanh của nếp non, đồng thời cũng là màu xanh từ lá sen gói cốm, có vị ngọt của hạt lúa nếp non căng sữa. Người Hà Nội thường ăn cốm trực tiếp, hoặc ăn với chuối, dùng cốm làm bánh cốm, chè cốm, chả cốm,...

### 4. Học thuộc lòng bài thơ.

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng bài thơ.

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu cả bài thơ.

+ Một HS đọc thành tiếng cả bài thơ.

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ bằng cách xoá/ che dần một số từ ngữ trong bài thơ cho đến khi xoá/ che hết. HS nhớ và học thuộc cả những từ ngữ bị xoá/ che dần. Chú ý để lại những từ ngữ quan trọng cho đến khi HS thuộc lòng bài thơ này.

+ Ngoài ra, có thể có nhiều cách khác để học thuộc lòng, như HS tự đọc nhiều lần bài thơ, đọc xong chép lại,... GV có thể cho HS thay đổi cách thức học thuộc lòng một cách linh hoạt và sáng tạo.

– GV cho HS đọc thành tiếng lại bài thơ một lần nữa trước khi hết tiết 2, hình thức đọc như thế nào là do GV chọn.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LIÊN KẾT CÂU BẰNG TỪ NGỮ NỐI

### 1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1.

– GV hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại yêu cầu của bài tập, đọc thầm lại đoạn văn; dự kiến câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu bài tập, vở hoặc giấy nháp.

– Một số đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án:

+ Nhận xét về vị trí của các từ in đậm trong câu: Các từ in đậm trong đoạn văn đều đứng đầu câu.

+ Nêu tác dụng của những từ ngữ đó trong đoạn văn: nối các câu trong đoạn văn.

GV lưu ý HS về đặc điểm từ loại của từ ngữ in đậm (GV có thể hỏi HS: các từ ngữ in đậm thuộc từ loại nào các em đã được học?).

– GV lưu ý HS: Các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng một kết từ như: *nhưng, song, tuy nhiên, do đó, vì thế*,... Các kết từ này thường đứng đầu câu.

**2. Chọn từ ngữ (*cuối cùng, tiếp theo, sau đó, đầu tiên*) thay cho bông hoa để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn.**

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập (chọn từ ngữ *cuối cùng, tiếp theo, sau đó, đầu tiên* thay cho bông hoa để tạo sự liên kết giữa các câu trong đoạn văn), ghi kết quả vào phiếu bài tập.

– GV mời một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp hoặc dán phiếu bài tập lên bảng.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án.

Đáp án:

Quy trình làm cốm gồm nhiều công đoạn. *Đầu tiên*, người ta gặt lúa non về để tuốt và lấy hạt. *Tiếp theo*, họ đãi lúa qua nước để loại bỏ các hạt lép. *Sau đó*, hạt lúa được rang và giã thành cốm. *Cuối cùng*, người ta sàng sảy cốm thật kĩ và để trong những chiếc thúng nhỏ lót lá sen.

– GV lưu ý HS: Ngoài các kết từ, các câu trong một đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng một số từ ngữ có tác dụng nối như: *thứ nhất, thứ hai, trái lại, ngoài ra, bên cạnh đó, đầu tiên, sau đó, tiếp theo, cuối cùng*,... Các từ này cũng thường đứng ở đầu câu.

– GV hướng dẫn HS rút ra Ghi nhớ của bài học và mời 2 – 3 HS nhắc lại Ghi nhớ này.

**3. Tìm các từ ngữ nối thay cho bông hoa để tạo sự liên kết giữa các câu.**

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 (hoặc GV gọi 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập).

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập theo các bước:

+ Lựa chọn các từ ngữ nối phù hợp.

+ Ghi kết quả vào thẻ chữ.

– GV mời các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. GV lưu ý HS đây là bài tập có đáp án mở, mỗi HS có thể chọn một từ ngữ nối phù hợp thay cho bông hoa để tạo sự liên kết giữa các câu nhưng cần chú ý: (1) Từ ngữ nối phải thể hiện đúng quan hệ ý nghĩa giữa các câu; (2) Từ ngữ nối phải phù hợp với từ ngữ ở câu đi trước.

VD:

a. Ở miền Bắc, Tết đến, hoa đào nở rộ. **Còn/ Song** ở miền Nam, khi Tết về, hoa mai khoe sắc.

b. Đến Huế, du khách thích được ngắm cảnh trên sông Hương. **Đồng thời/ Bên cạnh đó/ Không những thế**, mọi người còn mong muốn được thưởng thức ẩm thực Huế.

c. Nhiều người thích cốm làng Vòng vì nhiều lí do. Thứ nhất, cốm ở đây rất ngon. **Thứ hai**, cốm còn là hình ảnh gợi liên tưởng đến mùa thu Hà Nội.

d. Đi du lịch ở miền Tây Nam Bộ, du khách sẽ có những trải nghiệm thú vị với nhiều hoạt động hấp dẫn như: chèo xuồng ba lá, đi cầu khỉ, thăm các chợ nổi. **Ngoài ra/ Bên cạnh đó/ Không những thế**, du khách còn có thể thoả thích hái trái cây khi ghé thăm các miệt vườn.

– GV có thể hỏi thêm HS lí do lựa chọn các từ ngữ nối và khen ngợi những HS có câu trả lời chính xác về việc lựa chọn từ ngữ.

**4. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử mà em biết, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu.**

– GV nêu yêu cầu của bài tập 4 (hoặc GV gọi HS nêu yêu cầu của bài tập).

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, nói 3 – 5 câu về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử, sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu.

+ Từng thành viên trong nhóm nói 3 – 5 câu về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử.

+ Các thành viên trong nhóm góp ý cho nhau, chọn sản phẩm tốt nhất để báo cáo trước lớp.

– GV mời 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– HS làm việc cá nhân, dựa trên kết quả nói, viết 3 – 5 câu về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử, sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu.

– GV lưu ý HS đây là bài tập có đáp án mở, mỗi HS có thể viết 3 – 5 câu theo suy nghĩ của mình nhưng phải đáp ứng yêu cầu: (1) Viết về một địa điểm du lịch hoặc khu di tích lịch sử (tên, địa chỉ, đặc điểm riêng, lí do cuốn hút khách du lịch đến thăm,...); (2) Sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu.

– GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả trước lớp và yêu cầu HS trong lớp nhận xét, góp ý.

– GV khen ngợi những HS có sản phẩm viết tốt.

# TIẾT 3

## VIẾT

## VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT SỰ VIỆC

Chọn một trong những đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một lễ hội của quê hương.

**Đề 2:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một buổi hoạt động ngoại khoá của trường hoặc lớp em.

**Đề 3:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về hoạt động gói bánh chưng hoặc bánh tét ngày Tết.

### 1. Viết đoạn văn.

HS làm việc cá nhân. HS dựa vào các ý tìm được ở Bài 10, viết đoạn văn theo yêu cầu.

– GV yêu cầu HS đọc kĩ những lưu ý trong SHS.

– GV nhắc HS:

+ Phần mở đầu: Cần giới thiệu được sự việc và nêu được ấn tượng chung về sự việc đó.

+ Phần triển khai: Kết hợp nêu tình cảm, cảm xúc trực tiếp với nêu tình cảm, cảm xúc gián tiếp (bằng cách kết hợp với kể, tả).

+ Phần kết thúc: Khẳng định lại tình cảm, cảm xúc đối với sự việc.

– HS viết đoạn văn.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. Chẳng hạn:

+ Hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý; kĩ năng dùng từ, viết câu;...).

+ Hỗ trợ, khích lệ HS chọn được khung cảnh, con người, hoạt động,... nổi bật để thể hiện tình cảm, cảm xúc; biết kết hợp thể hiện tình cảm, cảm xúc với kể, tả.

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em có thể sửa chữa.

### 2. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

– Cá nhân đọc rà soát bài làm của mình. Tập trung vào cấu tạo của đoạn văn (câu văn giới thiệu sự việc và nêu ấn tượng chung về sự việc), nội dung của đoạn văn (cách thể hiện tình cảm, cảm xúc trước khung cảnh, hoạt động, người tham gia,...), lỗi chính tả, dùng từ, đặt câu,...

– Trao đổi bài viết với bạn để cùng soát lỗi (nếu còn thời gian).

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Trao đổi với người thân về một hoạt động của lớp hoặc của trường đã để lại cho em nhiều cảm xúc.*

## CỦNG CỐ

– GV nhắc lại nội dung đã học ở Bài 11.

+ Đọc hiểu: *Hương cốm mùa thu.*

+ Luyện từ và câu: *Liên kết câu bằng từ ngữ nối.*

+ Viết: *Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.*

– GV nhắc HS về đọc lại bài thơ *Hương cốm mùa thu* và đọc trước Bài 12.

# BÀI 12 VŨ ĐIỆU TRÊN NỀN THỔ CẨM (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Vũ điệu trên nền thổ cẩm*. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ đánh dấu thông tin quan trọng, biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

b. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu điều tác giả muốn nói qua văn bản: Điệu múa *Da dá* và hoa văn da dá là những di sản văn hoá phi vật thể và vật thể độc đáo của đồng bào Cơ-tu.

**2.** Nhận ra được ưu điểm và hạn chế trong bài viết thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc; hiểu được nguyên nhân mắc lỗi và bước đầu biết cách sửa lỗi có trong bài viết.

**3.** Biết giới thiệu về một địa điểm tham quan, du lịch nổi tiếng; nghe hiểu lời giới thiệu của bạn và có ý kiến phản hồi phù hợp.

**4.** Cảm nhận được vẻ đẹp đặc sắc của các di sản văn hoá các dân tộc ở Việt Nam, biết tự hào và trân trọng những giá trị văn hoá vật chất và tinh thần của dân tộc, từ đó có ý thức giữ gìn các di sản văn hoá của các dân tộc trên đất nước ta.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản thông tin.

– Kiến thức văn hoá – xã hội: Dân tộc Cơ-tu sống tập trung chủ yếu ở thành phố Đà Nẵng và thành phố Huế. Dân tộc Cơ-tu lưu giữ một kho tàng văn hoá phong phú và đặc sắc. Trong đó, điệu múa *Tân tung – Da dá* (còn gọi là vũ điệu Dâng trời) là một biểu trưng văn hoá phản ánh đậm nét đời sống tinh thần của người Cơ-tu. Năm 2014, điệu múa *Tân tung – Da dá* được công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể Quốc gia.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Vũ điệu trên nền thổ cẩm*, tranh minh hoạ trang phục truyền thống của một số dân tộc trên đất nước ta và tranh ảnh minh hoạ một số địa điểm tham quan, du lịch nổi tiếng trong hoạt động Nói và nghe.

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1 – 2

## ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc khổ thơ yêu thích nhất trong bài *Hương cốm mùa thu* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc nhóm: *Giới thiệu về trang phục truyền thống của một dân tộc trên đất nước ta*. (Để hoạt động này vui và hiệu quả, GV lưu ý: tiết học trước nên giao nhiệm vụ để HS về nhà chuẩn bị thông tin và sưu tầm tranh ảnh minh hoạ. Nếu lớp học có kết nối in-tơ-nét, GV có thể tìm và chiếu hình ảnh trang phục dân tộc mà HS lựa chọn lên màn hình). GV lưu ý HS cần làm nổi bật những nét độc đáo của trang phục dân tộc mà các em lựa chọn để giới thiệu, tập trung vào các gợi ý trong SHS.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét phần giới thiệu của HS, khen những em trình bày tốt, biết cách làm nổi bật nét độc đáo của trang phục dân tộc. GV giới thiệu vào bài (VD: Hôm nay, chúng ta sẽ làm quen với loại thổ cẩm được trang trí bằng một hoa văn rất độc đáo và thường được dùng làm trang phục của đồng bào Cơ-tu qua bài *Vũ điệu trên nền thổ cẩm*.).

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung ảnh minh hoạ bài đọc. GV có thể đặt câu hỏi như: Em thấy gì trong bức ảnh? Đoán xem họ đang làm gì, ở đâu. Khuôn mặt họ thể hiện cảm xúc gì? (Trong ảnh có những người phụ nữ dân tộc đang múa trên khoảng trống trước những dãy nhà rông, hai tay của những người phụ nữ xoè lên trời như đang nâng hoặc chờ đón cái gì đó. Khuôn mặt họ rất vui tươi, hạnh phúc).

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát nội dung văn bản *Vũ điệu trên nền thổ cẩm* (VD: Bài đọc giới thiệu một di sản văn hoá độc đáo của người Cơ-tu, một trong số 54 dân tộc anh em của Việt Nam, hiện đang sinh sống ở núi rừng Trường Sơn, đó là hoa văn da dá trên nền thổ cẩm. Hoa văn da dá mô phỏng điệu múa *Da dá* – điệu múa cầu mùa cổ xưa nhất của phụ nữ Cơ-tu. Chúng ta hãy cùng đọc văn bản để hiểu kĩ hơn về di sản văn hoá này nhé.).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc rõ ràng, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những thông tin quan trọng). GV có thể mời 4 HS đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *mô phỏng điệu múa Da dá.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *đón nhận hạt lúa từ thần linh.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *váy, áo của phụ nữ.*

+ Đoạn 4: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *bảo lưu, rực rỡ, xoè lên trời,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Bộ trang phục cổ truyền của dân tộc Cơ-tu/ được làm từ thổ cẩm/ luôn rực rỡ/ bởi những hoa văn/ dệt bằng hạt cườm.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng hoặc nhấn mạnh. VD: *Dân tộc Cơ-tu cư trú ở núi rừng Trường Sơn còn bảo lưu nhiều di sản văn hoá độc đáo.*

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ chú thích trong SHS và nêu thêm những từ ngữ chưa hiểu để tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi nêu trong SHS.

**Câu 1**. *Hoa văn trên bộ trang phục cổ truyền của người Cơ-tu có những điểm gì độc đáo?*

– GV nêu câu hỏi 1 hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SHS, cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS đọc thầm đoạn 1 để tìm câu trả lời.

+ HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp thống nhất câu trả lời.

Đáp án: Những điểm độc đáo của hoa văn: được dệt bằng hạt cườm, mô phỏng điệu múa *Da dá.*

**Câu 2.** *Phụ nữ Cơ-tu múa điệu Da dá như thế nào và để làm gì?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS đọc đoạn 2 để tìm câu trả lời. Có thể làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.

– Một số HS (hoặc đại diện một số nhóm) trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung và thống nhất đáp án.

Đáp án: Điệu múa *Da dá* là điệu múa cầu mùa của người Cơ-tu. Khi múa, đôi tay người phụ nữ xoè lên trời như để cầu xin và đón nhận hạt lúa từ thần linh.

**Câu 3.** *Hoa văn da dá trên váy, áo đã được những người thợ dệt Cơ-tu thực hiện như thế nào?*

– GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 3 trong SHS.

– GV hướng dẫn HS đọc đoạn 3 để tìm câu trả lời.

+ HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Những người thợ đã đính những hạt cườm trắng vào nền vải thô rám, tạo thành hoa văn da dá.

**Câu 4.** *Vì sao nói hoa văn da dá mang đậm sắc thái tộc người Cơ-tu? Chọn những đáp án đúng.*

– GV chiếu câu hỏi và 4 phương án trả lời lên bảng phụ hoặc yêu cầu HS nhìn vào SHS. GV mời 1 HS đọc trước lớp, cả lớp đọc thầm theo. GV lưu ý HS là câu hỏi này cho phép chọn nhiều hơn 1 đáp án đúng.

+ HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp. GV và cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án:

B. Vì nó khắc hoạ điệu múa cầu mùa của phụ nữ Cơ-tu.

D. Vì nó được trang trí trên trang phục truyền thống của người Cơ-tu.

E. Vì nó là sản phẩm của những người thợ dệt Cơ-tu.

**Câu 5**. *Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua bài đọc?*

– GV đọc câu hỏi và hướng dẫn HS trả lời. GV lưu ý HS đây là câu hỏi mở, dựa vào nội dung bài đọc để suy luận điều tác giả muốn nói (ý nghĩa).

+ HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm.

+ Một số HS phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời và thống nhất đáp án. GV khen ngợi những HS có câu trả lời hay.

Đáp án: Đây là câu hỏi mở, HS có thể có nhiều cách trả lời khác nhau. Tuy nhiên, các câu trả lời cần nêu được ý nghĩa của bài đọc, đó là: Mỗi dân tộc trên đất nước ta đều có những di sản văn hoá độc đáo. Chúng ta cần trân trọng và biết lưu giữ những giá trị văn hoá độc đáo của đồng bào các dân tộc sống trên đất nước ta.

## 4. Luyện đọc lại

– 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và làm việc cá nhân (GV quy định thời gian làm việc cá nhân).

– Sau thời gian làm việc cá nhân, HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. GV và cả lớp nhận xét kết quả và thống nhất đáp án.

**Câu 1.** *Tra từ điển để tìm nghĩa của mỗi từ dưới đây:*

| cổ truyền | cổ vật |
|---|---|

Đáp án:

+ *cổ truyền*: từ xưa truyền lại, vốn có từ xưa.

+ *cổ vật*: vật được chế tạo từ thời xa xưa, có giá trị văn hoá, nghệ thuật, lịch sử, ít nhất có từ một trăm năm tuổi trở lên.

**Câu 2.** *Tìm thêm 3 từ có tiếng **cổ** với nghĩa "thuộc về thời xa xưa".*

Đáp án: *cổ kính, cổ đại, cổ thụ,...*

**Câu 3**. *Tìm từ có tiếng **cổ** thay cho bông hoa trong mỗi câu.*

Đáp án:

Bảo tàng Lịch sử Quốc gia Việt Nam toạ lạc trên phố Tràng Tiền (Hà Nội), giữa một vườn cây **cổ thụ** đã hàng trăm năm tuổi. Đó là một toà nhà **cổ kính,** có kiến trúc kết hợp Đông – Tây tuyệt đẹp. Tại đây trưng bày rất nhiều hiện vật liên quan đến lịch sử của Việt Nam từ thời **cổ đại** đến hiện đại, trong đó có những **cổ vật** rất có giá trị như: rìu đá Phùng Nguyên, trống đồng Đông Sơn, cọc gỗ Bạch Đằng,...

# TIẾT 3

## VIẾT

## ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT SỰ VIỆC

### 1. Đánh giá bài viết.

a. GV nhận xét chung về bài viết.

– GV mời 2 – 3 HS nhắc lại Ghi nhớ và một số yêu cầu khi viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc. Chẳng hạn, yêu cầu của phần mở đầu, yêu cầu của phần triển khai và yêu cầu của phần kết thúc.

– Dựa vào thực tế bài làm của HS, GV có thể nhận xét ưu điểm và hạn chế của đoạn văn. GV nên tập trung vào những tiêu chí sau để nhận xét bài làm:

+ Ưu điểm và hạn chế về mặt hình thức: lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu, lỗi sử dụng từ ngữ, lỗi diễn đạt, lỗi bố cục,...

+ Ưu điểm và hạn chế về mặt nội dung: bị lạc ý hoặc lặp ý chưa nêu được ấn tượng chung về sự việc; chưa thể hiện được tình cảm, cảm xúc về các chi tiết nổi bật của sự việc; chưa biết kết hợp kể, tả và bộc lộ tình cảm, cảm xúc; thiên về kể hoặc tả,...

b. HS đọc lại bài viết để phát hiện lỗi và sửa lỗi.

– HS đọc thầm lại bài viết, dùng bút chì để gạch dưới những lỗi trong bài viết.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, đọc bài của nhau và góp ý cho nhau dựa trên nhận xét của GV và gợi ý trong SHS.

### 2. Viết lại một số câu trong đoạn văn theo gợi ý.

– Dựa trên ưu điểm, hạn chế của bài viết, HS có thể chọn một số câu và viết lại để bài viết được đúng hoặc hay hơn.

– GV nhắc HS trước khi viết lại cần đọc kĩ ví dụ minh hoạ trong SHS để biết cách viết lại một số câu. VD: cách sử dụng từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc; cách kết hợp câu kể, miêu tả với câu nêu cảm xúc trực tiếp.

*Lưu ý*:

+ Mặc dù SHS chỉ đưa ra 2 gợi ý về cách viết những câu thể hiện tình cảm, cảm xúc về khung cảnh diễn ra sự việc, hoạt động nổi bật của sự việc nhưng dựa vào bài làm thực tế của HS, GV có thể khuyến khích HS viết lại những câu thuộc phần mở đầu, phần kết thúc của đoạn văn.

+ Nếu còn thời gian, GV có thể mời 1 – 2 HS (có bài viết hay) chia sẻ kinh nghiệm trước lớp về cách viết đúng, viết hay đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.

– GV tổng hợp ý kiến của HS và khen ngợi HS có nhiều cố gắng.

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## ĐỊA ĐIỂM THAM QUAN, DU LỊCH

**Yêu cầu:** Giới thiệu về một địa điểm tham quan, du lịch mà em biết.

### 1. Chuẩn bị.

– GV hướng dẫn HS đọc kĩ một số gợi ý trong SHS:

+ Về các nội dung cần trình bày khi giới thiệu một địa điểm tham quan, du lịch: tên gọi, địa chỉ, đặc điểm (cảnh quan thiên nhiên, công trình kiến trúc,...).

+ Phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu một địa điểm tham quan, du lịch (bản đồ).

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.

### 2. Trình bày.

– Theo hướng dẫn của GV ở bài tập 1, HS thảo luận nhóm, giới thiệu về địa điểm tham quan, du lịch theo các bước sau:

+ Từng thành viên trong nhóm giới thiệu về một địa điểm tham quan, du lịch (HS có thể giới thiệu về một địa điểm tham quan, du lịch được gợi ý trong SHS hoặc một địa điểm tham quan, du lịch mà mình biết qua phim ảnh, ti vi,...).

+ Các thành viên trong nhóm góp ý cho nhau, chọn sản phẩm tốt nhất để báo cáo trước lớp.

– GV mời 2 – 3 nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV lưu ý HS khi giới thiệu, cần nhấn vào những đặc điểm gây ấn tượng của địa điểm tham quan, du lịch.

### 3. Trao đổi, góp ý.

GV mời HS nhận xét sau khi nghe bạn giới thiệu về một địa điểm tham quan, du lịch. GV lưu ý HS tập trung vào các vấn đề:

– Nội dung giới thiệu (VD: Cần bổ sung địa chỉ của địa điểm tham quan, du lịch,...).

– Cách giới thiệu (VD: Cần chú ý cử chỉ, điệu bộ khi giới thiệu).

– Phương tiện hỗ trợ (VD: Sử dụng bản đồ chỉ dẫn về đường đi).

## VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân những điều em đã ghi chép khi nghe bạn giới thiệu về địa điểm tham quan, du lịch*.

– GV nhắc HS có thể hướng dẫn thêm cho người thân về đường đi, phương tiện đi lại để đến được địa điểm đó.

## CỦNG CỐ

GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học ở Bài 12:

+ Đọc hiểu: *Vũ điệu trên nền thổ cẩm*.

+ Viết: *Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc*.

+ Nói và nghe: *Địa điểm tham quan, du lịch*.

– GV có thể hỏi HS còn nhớ những gì về bài đọc, viết,... đã học ở Bài 12.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 13.

# TUẦN 25

# Bài 13 ĐÀN T'RƯNG – TIẾNG CA ĐẠI NGÀN (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Đàn t'rưng – tiếng ca đại ngàn*, biết ngắt, nghỉ hơi phù hợp và nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm giác thú vị khi khám phá nét đặc sắc của vùng đất Tây Nguyên.

b. Hiểu nghĩa của từ ngữ có sức gợi tả, cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp tâm hồn của người dân Tây Nguyên. Cuộc sống của họ tràn ngập những cung bậc âm thanh của tiếng đàn t'rưng hoà với tiếng suối chảy, gió reo. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: Người Tây Nguyên đã tạo ra vẻ đẹp riêng cho vùng đất Tây Nguyên từ bao đời nay.

**2.** Nhận biết được quan hệ liên kết giữa các câu trong đoạn văn; biết dùng các từ ngữ thay thế (đại từ, danh từ,...) chỉ cùng một sự vật, hoạt động, đặc điểm,... để liên kết các câu trong đoạn văn.

**3.** Nhận biết được cách viết chương trình hoạt động.

**4.** Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc và sự trân trọng bàn tay, khối óc, tâm hồn con người bao đời đã tạo nên vẻ đẹp riêng cho mỗi vùng miền trên đất nước ta.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Đọc hiểu văn bản miêu tả.

– Các biện pháp liên kết câu trong đoạn văn.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh về vùng đất Tây Nguyên, video về đàn t'rưng.

– Tranh ảnh về cột mốc biên giới, đồn biên phòng, hoạt động của các chiến sĩ biên phòng; slide phần Ghi nhớ để trình chiếu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Vũ điệu trên nền thổ cẩm* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc *Vũ điệu trên nền thổ cẩm* muốn nói với chúng ta điều gì?).

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ. HS làm việc nhóm, chia sẻ những điều đã biết về Tây Nguyên.

– HS làm việc theo nhóm, từng HS nêu ý kiến (HS có thể nói về nhà rông, về cồng chiêng, về lễ hội, về đàn t'rưng, về trang phục,...).

– GV nhận xét các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài mới: Ở tiết Đọc hôm nay, các em được tìm hiểu vẻ đẹp riêng trong cuộc sống người dân Tây Nguyên.

– HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về những hình ảnh trong tranh.

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi vẻ đẹp riêng của đời sống tâm hồn người Tây Nguyên – say mê tiếng đàn tiếng hát, trong buôn làng, ngoài nương rẫy không lúc nào vắng tiếng đàn t'rưng.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *điệu hát ru, địu, trỉa lúa, chòi canh, rộn rã,...*

+ Đọc diễn cảm ở những câu kể, tả về tiếng đàn t'rưng, ngắt nghỉ hơi phù hợp ở những câu dài.

– GV hướng dẫn 2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp các đoạn, sau đó đổi đoạn để đọc.

– GV nhận xét việc đọc của các nhóm hoặc cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài đọc mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn để HS tự tra từ điển. VD: *đàn t'rưng*: (đàn của một số đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên) làm bằng những đoạn nứa dài, ngắn khác nhau, treo trên một cái giá, gõ bằng dùi; *trỉa*: gieo trồng bằng cách tra hạt giống vào từng hốc và lấp đất lên.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS hoặc cho HS làm việc theo nhóm, trao đổi để cùng nhau trả lời 5 câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp.

**Câu 1.** *Bài đọc nói về điểm nổi bật nào của vùng đất Tây Nguyên?*

– GV nêu câu hỏi và 3 phương án trong SHS, hướng dẫn HS chọn 1 phương án làm câu trả lời.

– Cả lớp thống nhất đáp án: Bài đọc nói về điểm nổi bật của mảnh đất Tây Nguyên, đó là tiếng đàn t'rưng rộn rã.

**Câu 2.** *Tiếng đàn t'rưng gắn bó với người Tây Nguyên như thế nào?*

– HS suy nghĩ cá nhân, sau đó trao đổi theo nhóm (Đáp án: Với người Tây Nguyên, từ khi còn nhỏ tới lúc lớn lên, luôn được nghe tiếng đàn t'rưng vang bên tai. Mỗi bước chân vào rừng kiếm củi, xuống suối lấy nước, ra nương trỉa lúa,... đều vấn vương nhịp điệu của tiếng đàn t'rưng.).

– GV nói thêm: Ở Tây Nguyên, mỗi chiều, từ rẫy về buôn, những chàng trai, cô gái ai nấy đều như quên hết mệt nhọc khi nghe tiếng đàn trầm hùng như thác đổ, lúc lại thánh thót, vui tươi như suối reo. Tiếng đàn t'rưng như là một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của người Tây Nguyên.

**Câu 3.** *Những chi tiết nào cho thấy đàn t'rưng là nhạc cụ phổ biến, được yêu thích ở Tây Nguyên?*

– HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến.

– 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp (VD: Đàn t'rưng là nhạc cụ phổ biến, được yêu thích ở Tây Nguyên vì có thể nhìn thấy đàn t'rưng, nghe thấy tiếng đàn t'rưng ở mọi lúc, mọi nơi. Đàn t'rưng có ở cả dưới chân chòi canh, ở cả những đèo dốc cao, từ buôn này sang buôn khác,...).

**Câu 4.** *Theo em, vì sao tác giả khẳng định tiếng đàn t'rưng đã trở thành niềm thương, nỗi nhớ của người Tây Nguyên?*

– HS làm việc cá nhân, dựa vào bài đọc và suy luận để tìm lời giải thích thuyết phục.

– HS làm việc theo nhóm hoặc cả lớp, một số em phát biểu ý kiến, các bạn khác góp ý. GV và cả lớp thống nhất câu trả lời (VD: Vì đàn t'rưng có mặt mọi lúc, mọi nơi./ Vì đàn t'rưng gắn bó với người Tây Nguyên từ lúc sinh ra đến lúc lớn lên./...).

**Câu 5.** *Bài đọc giúp em cảm nhận được điều gì về cuộc sống và con người Tây Nguyên?*

GV mời HS phát biểu ý kiến, khích lệ các em phát biểu theo cảm nhận, theo cách diễn đạt riêng của mình. VD: Bài đọc cho thấy cây đàn t'rưng và tiếng đàn t'rưng là sáng tạo riêng của người Tây Nguyên, trở thành thứ không thể thiếu trong đời sống của họ./ Người Tây Nguyên yêu ca hát nên cuộc sống ở Tây Nguyên luôn sôi động, vui tươi, người Tây Nguyên luôn yêu đời, yêu cuộc sống,...

### 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc.

– Làm việc nhóm (2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– Làm việc cá nhân, tự đọc toàn bài.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LIÊN KẾT CÂU BẰNG TỪ NGỮ THAY THẾ

### 1. Mỗi từ in đậm trong đoạn văn thay thế cho từ ngữ nào? Nêu tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn.

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh, nêu yêu cầu của bài tập.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại yêu cầu của bài tập, đọc thầm lại các đoạn văn; dự kiến câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu bài tập, vào vở hoặc giấy nháp.

– Một số đại diện nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét.

– GV và HS thống nhất đáp án:

+ Từ ngữ in đậm thay thế cho các từ ngữ trong đoạn văn là:

| Đoạn văn | Từ ngữ in đậm | Từ ngữ được thay thế |
|---|---|---|
| Cánh đồng cỏ của cao nguyên Gia Lai, Đắk Lắk vào mùa mưa có rất nhiều hồ nước. **Đó** là những vạt đất trũng, phơi nắng suốt mấy tháng mùa khô. Bước vào mùa mưa, **chúng** trở thành những hồ nước đầy ắm ắp như những chiếc gương lớn. | Đó<br>Chúng | nhiều hồ nước<br>những vạt đất trũng |

GV lưu ý HS về đặc điểm từ loại (đại từ) của từ ngữ in đậm (GV có thể hỏi HS: Các từ ngữ in đậm thuộc từ loại gì?).

+ Tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn:

Việc dùng đại từ thay thế giúp các câu trong đoạn văn được biểu đạt phong phú khi cùng nói về một sự vật, tránh hiện tượng trùng lặp từ ngữ đồng thời giúp liên kết các câu trong đoạn văn.

## 2. Các từ ngữ in đậm trong đoạn văn nói về ai? Việc dùng những từ ngữ đó có tác dụng gì?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 2.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập (nhận xét về điểm giống nhau và nêu tác dụng của những từ in đậm trong đoạn văn), ghi kết quả vào phiếu bài tập.

– GV mời một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp hoặc dán phiếu bài tập lên bảng.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất câu trả lời. Đáp án: Những từ ngữ in đậm trong đoạn văn cùng nói về *Bét-tô-ven*. Chúng được sử dụng để liên kết các câu trong đoạn văn.

– GV hướng dẫn HS rút ra Ghi nhớ: Các câu trong đoạn văn có thể liên kết với nhau bằng cách dùng đại từ, danh từ,... ở câu sau thay thế cho từ ngữ đã dùng ở câu trước. Ngoài tác dụng liên kết, việc dùng từ ngữ thay thế còn tránh được sự trùng lặp từ ngữ trong đoạn văn.

## 3. Các từ ngữ in đậm trong mỗi đoạn văn thay thế cho những từ ngữ nào?

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 (hoặc GV gọi 1 – 2 HS nêu yêu cầu của bài tập).

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập theo các bước:

+ Tìm từ ngữ mà từ in đậm thay thế trong đoạn văn.

+ Ghi kết quả vào thẻ chữ.

– GV mời các nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án.

+ "họ" thay thế cho "những nghệ nhân người Mông thổi khèn nơi đỉnh núi mênh mang lộng gió".

+ "nhà du hành" thay thế cho "con dơi".

+ "nhạc sĩ giang hồ" thay thế cho "con chim hoạ mi".

## 4. Chọn từ ngữ thay thế cho từ in đậm để liên kết các câu trong đoạn văn.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 4.

– GV đánh số cho các từ Đà Lạt được in đậm trong đoạn văn.

**Đà Lạt**(1) níu chân du khách không phải vì khí hậu nơi đây quanh năm mát mẻ mà còn bởi nhiều điểm du lịch hấp dẫn.

Trong những ngày lưu lại ở **Đà Lạt**(2), du khách không thể không ghé thăm thung lũng Tình yêu, núi Lang Bi-ang, hồ Xuân Hương,...

Những điểm du lịch này sẽ góp phần làm nên một **Đà Lạt**(3) vừa truyền thống vừa hiện đại, giàu sức hút đối với du khách trong nước và quốc tế.

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập, viết kết quả vào phiếu bài tập.

+ Từng thành viên trong nhóm đọc thầm đoạn văn, thực hiện yêu cầu của bài tập.

+ Các thành viên trong nhóm góp ý cho nhau, chọn sản phẩm tốt nhất để báo cáo trước lớp.

– GV mời một số nhóm báo cáo kết quả trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý.

– GV và HS thống nhất đáp án.

GV chấp nhận việc HS có thể chọn bất kì từ ngữ nào trong khung thay thế cho từ Đà Lạt ở các vị trí khác nhau trong đoạn vì tất cả những từ ngữ này cùng chỉ một đối tượng chung là Đà Lạt.

Tuy nhiên, GV nên hỏi thêm HS lí do lựa chọn các từ ngữ thay thế để chốt đáp án tối ưu. GV có thể hỏi HS lí do lựa chọn từ ngữ thay thế cho từ Đà Lạt(1), Đà Lạt(3) trước còn Đà Lạt (2) sẽ sử dụng từ ngữ còn lại. Sau khi nghe ý kiến của HS, GV giúp HS hiểu lí lựa chọn "thành phố du lịch" thay cho từ Đà Lạt(1) vì để đảm bảo sự liên kết chặt chẽ với câu trước đó là "Đà Lạt là địa danh du lịch nổi tiếng của nước ta"; chọn "thiên đường du lịch" thay cho từ Đà Lạt(3) vì đây là từ ngữ cho thấy sự đánh giá cao, sự hài lòng của du khách về thành phố du lịch này sau khi đã có những trải nghiệm; từ Đà Lạt(2) sẽ được thay thế bằng từ ngữ còn lại là "thành phố ngàn hoa" (GV giải thích thêm Đà Lạt được gọi là "thành phố ngàn hoa" vì đây là xứ sở có rất nhiều loài hoa đẹp sinh trưởng và phát triển do khí hậu ôn hoà, mát mẻ).

GV chốt đáp án tối ưu:

| Từ in đậm | Từ ngữ thay thế |
|---|---|
| Đà Lạt (1) | thành phố du lịch |
| Đà Lạt (2) | thành phố ngàn hoa |
| Đà Lạt (3) | thiên đường du lịch |

– GV khen ngợi những HS có đáp án đúng, hợp lí về việc lựa chọn từ ngữ thay thế.

# TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM HIỂU CÁCH VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

### 1. Đọc bản chương trình và trả lời câu hỏi.

– HS nêu yêu cầu của bài tập. GV sử dụng tranh ảnh đã chuẩn bị, giới thiệu về cột mốc biên giới, đồn biên phòng,... để HS hiểu rõ hơn về chương trình hoạt động (ở những địa phương có đường biên giới, GV có thể giới thiệu trên thực tế).

– HS làm việc nhóm. Các thành viên đọc thầm bản Chương trình "Tiết học biên cương". Nhóm trưởng cho các bạn trong nhóm lần lượt trả lời câu hỏi a, b, c; các bạn khác bổ sung ý còn thiếu.

– Làm việc chung cả lớp, đại diện 3 nhóm trình bày trước lớp (mỗi nhóm trình bày một câu). GV và cả lớp nhận xét. GV tóm tắt những ý chính các nhóm đã trình bày, thống nhất kết quả:

a. *Chương trình nhằm triển khai hoạt động nào?* – Chương trình nhằm triển khai hoạt động "Tiết học biên cương".

b. *Chương trình gồm có mấy mục? Đó là những mục nào?* Chương trình gồm có 4 mục. Đó là: mục đích, thời gian và địa điểm, chuẩn bị, kế hoạch thực hiện.

c. *Mỗi mục gồm những nội dung gì?* – Mỗi mục gồm có những nội dung sau:

+ Mục đích: Nêu những nội dung cần đạt được của hoạt động.

+ Thời gian và địa điểm: Nêu thời gian cụ thể, địa điểm thực hiện hoạt động.

+ Chuẩn bị: Nêu những công việc cần chuẩn bị của các thành viên tham gia trước khi tổ chức hoạt động.

+ Kế hoạch thực hiện: Nêu thời gian, nội dung, người phụ trách thực hiện từng việc cụ thể.

### 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết chương trình hoạt động.

– GV hướng dẫn HS trao đổi về 2 điểm chính cần lưu ý khi viết chương trình hoạt động. HS trao đổi theo nhóm về từng điểm.

– Đại diện các nhóm nêu ý kiến trao đổi của nhóm. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý thiếu. GV chốt những điểm cần lưu ý khi viết chương trình hoạt động.

+ Những hoạt động chuẩn bị: xác định những công việc cụ thể, số người tham gia, thời gian,... Trên cơ sở đó, phân công cá nhân hoặc nhóm phụ trách từng việc cụ thể.

+ Cách lập kế hoạch thực hiện: (đây là nội dung trọng tâm) GV hướng dẫn HS, trên cơ sở các việc làm đã xác định, quỹ thời gian của hoạt động, phân chia thời gian cho từng nội dung công việc trong kế hoạch cụ thể một cách hợp lí (nội dung phụ cần ít thời gian, nội dung trọng tâm cần nhiều thời gian hơn,...).

*Lưu ý:* GV nhắc HS ghi chép những ý chính trong quá trình trao đổi.

– GV chiếu slide phần Ghi nhớ cho HS đọc lại.

### VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc 2 – 3 bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc sản vật độc đáo ở một địa phương*. GV lưu ý HS nên lập bảng kế hoạch thực hiện (thời gian, nội dung, người phụ trách thực hiện lần lượt từng việc cụ thể).

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 13.

+ Đọc hiểu: *Đàn t'rưng – tiếng ca đại ngàn.*

+ Luyện từ và câu: *Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế.*

+ Viết: *Tìm hiểu cách viết chương trình hoạt động.*

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 13 hoặc mong muốn hiểu rõ hơn nội dung nào.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 14.

## Bài 14 ĐƯỜNG QUÊ ĐỒNG THÁP MƯỜI (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Đường quê Đồng Tháp Mười*, biết nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng, thể hiện cảm giác ngạc nhiên, thích thú trước không gian, nhịp sống có màu sắc riêng của vùng Đồng Tháp Mười.

b. Hiểu nghĩa của từ ngữ có sức gợi tả, cảm nhận được hình ảnh gợi lên vẻ đẹp riêng của cuộc sống và tâm hồn con người vùng Đồng Tháp Mười. Cuộc sống của họ gắn bó với sông nước, kênh rạch. Nhận biết được nội dung chính của bài đọc: Người dân vùng Đồng Tháp Mười có cuộc sống, sinh hoạt, niềm vui mang màu sắc riêng của vùng sông nước bao đời nay.

c. Đọc mở rộng: Tìm đọc 2 – 3 bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc các sản vật độc đáo ở một địa phương, biết viết phiếu đọc sách và chia sẻ thông tin về nội dung đã đọc.

**2.** Viết được chương trình hoạt động theo đúng yêu cầu, biết trình bày bảng biểu trong bản chương trình.

**3.** Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc, niềm tự hào về vẻ đẹp riêng của mỗi vùng miền trên đất nước ta.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Phương pháp đọc hiểu văn bản thơ.

– Cách viết chương trình hoạt động.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh về vùng đất Đồng Tháp Mười, tư liệu viết về Đồng Tháp Mười.

– Một số bản chương trình hoạt động (nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Đàn t'rưng – tiếng ca đại ngàn* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc nêu câu hỏi khác, VD: Em cảm nhận được những nét đẹp nào của cuộc sống người dân Tây Nguyên qua bài đọc *Đàn t'rưng – tiếng ca đại ngàn*?).

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV nêu tên bài học và giao nhiệm vụ: *Chia sẻ những điều em biết về vùng đất Đồng Tháp Mười.*

– HS làm việc theo nhóm. Từng HS nêu ý kiến (HS có thể dựa vào những câu ca dao đã đọc như "Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh/ Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm", "Tháp Mười đẹp nhất bông sen",... hoặc tìm đọc những bài viết trong sách báo in, mạng in-tơ-nét,... về Đồng Tháp Mười.). GV có thể bổ sung thêm thông tin: Đồng Tháp Mười là vùng đất ngập nước ở phía đông sông Tiền, ven biên giới Việt Nam – Cam-pu-chia, trải rộng trên các tỉnh: Tây Ninh và Đồng Tháp.

– GV nhận xét ý kiến của các nhóm, sau đó GV dẫn dắt vào bài mới:

+ HS quan sát tranh minh hoạ bài đọc và nêu nhận xét hoặc cảm nhận của mình về những hình ảnh trong tranh.

+ GV giới thiệu khái quát: Bài thơ gợi vẻ đẹp riêng của cảnh vật, cuộc sống và tâm hồn con người Đồng Tháp Mười, nơi có sông ngòi, kênh rạch chằng chịt.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc bài thơ (hoặc 2 HS đọc nối tiếp các khổ thơ), chú ý đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảm xúc ngỡ ngàng, thú vị trước cuộc sống mang phong vị riêng của Đồng Tháp Mười.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *thả lồng đèn, cá lòng tong, xuồng lướt, loé nắng, chở lúa vàng,...*

+ Đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ gợi cảnh sắc và nhịp điệu của cuộc sống. VD:

*Bông súng **thả** lồng đèn*
*Sáng **bồng bềnh** mặt nước*
*Cá lòng tong **chạy trước***
***Dẫn đường** về thăm ông.*

***Lấm lem** con trâu đầm*
***Chém** cặp sừng **loé nắng***
***Xình xịch** thuyền đuôi tôm*
*Chở lúa vàng, **rẽ sóng**.*

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp các khổ thơ.

– HS làm việc theo cặp, đọc nối tiếp các khổ thơ, sau đó đổi đoạn để đọc.

– GV nhận xét việc đọc của các nhóm hoặc cả lớp.

– GV hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ mà chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển và chia sẻ trước lớp.

## 3. Trả lời câu hỏi

– GV nói: Bạn nhỏ về thăm quê ở Đồng Tháp Mười bằng cách đi xuồng trên kênh rạch qua những câu thơ:

*Bông súng thả lồng đèn*
*Sáng **bồng bềnh** mặt nước*
*Cá lòng tong chạy trước*
*Dẫn đường về thăm ông.*

*Đường quê, sào vít cong*
*Xuồng **lướt** như tên bắn...*

– GV giải thích thêm: Hình ảnh "đường quê sào vít cong" là hình ảnh cây sào chống xuống tận đáy kênh rạch để đẩy thuyền đi (chứ không thể là chống xuống đáy sông, đáy biển).

– GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS hoặc cho HS làm việc theo nhóm, trao đổi để cùng nhau trả lời 5 câu hỏi, sau đó 1 – 2 nhóm trình bày trước lớp. (GV cũng có thể thiết kế phiếu đọc hiểu để HS trả lời các câu hỏi vào phiếu trước khi phát biểu trong nhóm hoặc trước lớp.)

**Câu 1.** *Ở khổ thơ đầu, đường về quê thú vị như thế nào qua cảm nhận của bạn nhỏ?*

– HS làm việc cá nhân, đọc khổ thơ đầu để chuẩn bị câu trả lời.

– 2 – 3 HS phát biểu, cả lớp và GV nhận xét, góp ý.

Đáp án: Ở khổ thơ đầu, bạn nhỏ cảm thấy thích thú khi nhìn ngắm cảnh vật trên đường quê: bông hoa súng như những chiếc đèn lồng bồng bềnh, thắp sáng mặt nước; đàn cá lòng tong hiếu khách dẫn đường về thăm ông.

**Câu 2.** *Tìm những nét đẹp riêng của vùng Đồng Tháp Mười được miêu tả trong bài thơ (về cảnh vật thiên nhiên; về cuộc sống con người).*

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm để trả lời câu hỏi.

– Các cặp hoặc nhóm đối chiếu kết quả. Đại diện một số cặp hoặc nhóm phát biểu trước lớp. Đáp án:

+ Cảnh vật thiên nhiên: Bài thơ gợi ra hình ảnh đoạn kênh rạch ở vùng Đồng Tháp Mười: có những bông hoa súng tươi rói nổi trên mặt nước như thắp đèn lồng, cá lòng tong bơi thành đàn trong làn nước trong xanh. Trên ruộng lầy, mấy con trâu đầm mình dưới bùn lấm lem; nắng chiếu làm sừng trâu loang loáng như múa kiếm, xa xa đàn cò bay lẫn vào nền trời mây trắng; những búp sen hồng cuối hạ nghiêng ngả theo nhịp sóng nước của dòng Cửu Long,...

+ Cuộc sống con người: Con người sống chan hoà trong không gian mênh mang của kênh rạch, mương máng, sóng nước (*Xuồng lướt như tên bắn; Xình xịch thuyền đuôi tôm/ Chở lúa vàng, rẽ sóng;...*).

**Câu 3.** *Những từ ngữ nào trong bài thơ gợi tả nhịp sống ở Đồng Tháp Mười rất sôi động, náo nức?*

– HS làm việc cá nhân, sau đó đối chiếu kết quả theo cặp hoặc nhóm.

– Đại diện một số nhóm phát biểu trước lớp. GV hướng dẫn HS nhận xét, góp ý.

Đáp án: Nhịp sống ở quê hương Đồng Tháp Mười rất hối hả, sôi động, náo nức với những hình ảnh như "xuồng lướt như tên bắn", "xình xịch thuyền đuôi tôm, chở lúa vàng rẽ sóng",..., mọi vật trong bài thơ đều ở thế "động": cá lòng tong – chạy trước dẫn đường; cò – giật mình, bay lẫn vào mây trắng; trâu – chém cặp sừng loé nắng; sen – nghiêng ngả theo nhịp nước lên của sông Cửu Long;...

**Câu 4.** *Ở khổ thơ cuối, bạn nhỏ muốn nói điều gì về quê hương mình?*

– Một số HS phát biểu ý kiến, GV khích lệ các em phát biểu theo cảm nhận, hiểu biết của mình. GV lưu ý chấp nhận những cách cảm nhận khác nhau. VD:

+ Khổ thơ gợi lại những dáng nét xưa của Đồng Tháp Mười, tương truyền nơi đây xưa kia có toà tháp cao mười tầng với bóng dáng những chiếc cầu tre bắc qua kênh rạch nối hai bờ qua lại.

+ Nếu như bài thơ là một bức tranh thì khổ thơ cuối là những nét vẽ cuối cùng, cũng là hình ảnh gợi sự lắng sâu của cảm xúc con người khi nghĩ về quê hương. Đó là cảm xúc dành cho người thân. Hình ảnh ông đứng chờ cháu cuối đường quê, thân thương, ấm áp biết mấy!

**Câu 5.** *Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc?*

Khổ thơ cuối gợi sắc màu cổ tích của miền quê này qua những hình ảnh "trăm đốt tre" – truyện "Cây tre trăm đốt", và hình ảnh ông bụt, ông tiên hiền hậu trong thế giới cổ tích xa xưa,...

## 4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn HS đọc thuộc lòng bài thơ.

– HS làm việc cá nhân, học thuộc bài thơ.

– Một số HS đọc những khổ thơ đã thuộc tại lớp.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– GV có thể nêu thời gian thực hiện 2 bài tập và chỉ dẫn hình thức học cá nhân, học theo cặp hoặc theo nhóm (tuỳ vào năng lực của HS trong lớp).

– Sau thời gian làm bài, có thể cho HS trình bày trước lớp hoặc GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp.

**Câu 1.** *Các từ ngữ dưới đây có tác dụng gì trong việc miêu tả cảnh vật?*

| | | | |
|---|---|---|---|
| *bồng bềnh* | *lấm lem* | *xình xịch* | *nghiêng ngả* |

GV có thể nói với HS: Các từ *bồng bềnh, lấm lem, xình xịch, nghiêng ngả* (đều gồm hai tiếng, các tiếng lặp lại âm đầu, tạo sự thú vị cho người đọc).

Đáp án tham khảo: Các từ này được dùng để miêu tả vẻ sống động của cảnh vật, diễn tả trạng thái, âm thanh,... của sự vật. Từ đó, mang đến cho người đọc một cái nhìn đa chiều và sâu sắc đối với cảnh vật được nói đến (vùng quê Đồng Tháp Mười, nơi có hệ thống sông, ngòi, kênh, rạch chằng chịt; nhiều ao, hồ lớn).

**Câu 2.** *Tìm những hình ảnh so sánh, nhân hoá trong bài thơ. Em thích hình ảnh nào nhất? Vì sao?*

HS trao đổi, thống nhất câu trả lời (Hình ảnh so sánh: Xuồng lướt như tên bắn; Ông đứng như bụt hiện; Hình ảnh nhân hoá: Cá lòng tong chạy trước,/ Dẫn đường về thăm ông; Nước lớn sông Cửu Long/ Chơi với sen nghiêng ngả,...). GV có thể nói thêm: Biện pháp so sánh, nhân hoá có tác dụng trong việc miêu tả cảnh vật ở Đồng Tháp Mười giúp cho cảnh vật hiển hiện rõ nét hơn, hình ảnh nhân hoá làm cho cảnh vật hiện ra sống động, có tình cảm, cảm xúc như con người.

## TIẾT 3

## VIẾT

### VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG (Bài viết số 1)

Viết chương trình cho một trong những hoạt động dưới đây:
– Phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp.
– Lễ kỉ niệm ngày thành lập Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh (15 tháng 5).
– Một hoạt động mà trường em sắp tổ chức.

### 1. Chuẩn bị.

– GV cho HS xem và nêu nhận xét về một số bản chương trình hoạt động đã chuẩn bị (nếu có).

– GV hướng dẫn HS đọc và chọn một trong những hoạt động đã cho (GV có thể giới thiệu về một số hoạt động nhà trường sắp tổ chức để HS chọn viết chương trình).

HS có thể xem lại những nội dung đã ghi chép khi trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết chương trình hoạt động (bài tập 2 hoạt động Viết ở Bài 13) để chuẩn bị bài viết.

– HS ghi chép lại những nội dung cần chuẩn bị: liệt kê các hoạt động cụ thể, phân công người phụ trách, lập bảng kế hoạch thực hiện,... theo hướng dẫn trong SHS.

**2. Viết.**

– HS đọc kĩ phần Gợi ý trong SHS và những ghi chép đã chuẩn bị.

– HS viết chương trình hoạt động theo từng mục như gợi ý; GV lưu ý các em cách trình bày bảng Kế hoạch thực hiện (kẻ bảng cân đối).

– GV theo dõi, hỗ trợ những HS chưa làm được bài hoặc còn làm bài chậm, nhắc các em chưa biết cách kẻ bảng; nắm bắt ưu điểm và những lỗi có thể nhiều HS mắc phải.

**3. Đọc soát và chỉnh sửa.**

– GV hướng dẫn HS tự đọc soát lỗi theo hướng dẫn trong SHS.

– HS chỉnh sửa hoặc ghi chép lại các lỗi (nếu có).

## TIẾT 4

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1. Đọc 2 – 3 bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc sản vật độc đáo ở một địa phương.**

– Ở Bài 13 trong hoạt động Vận dụng, GV đã hướng dẫn HS tìm đọc một số bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc sản vật độc đáo ở một địa phương. Các bài ca dao trong SHS chỉ là ví dụ, GV cần yêu cầu và hướng dẫn HS tự tìm các bài ca dao khác có nội dung đáp ứng được yêu cầu. GV lưu ý, cần giải thích một số lễ hội được nói tới trong các bài ca dao nhưng chưa được nhiều người biết đến như:

+ *Hội Khám*: lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày 7 tháng 4 (âm lịch) tại làng Ngọc Khám, phường Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

+ *Hội Dâu*: lễ hội được tổ chức hằng năm vào ngày 8 tháng 4 (âm lịch) tại chùa Dâu, phường Trí Quả, tỉnh Bắc Ninh.

– Ca dao thường rất ngắn nên việc HS đọc trước ở nhà hoặc đọc ở lớp không ảnh hưởng nhiều đến thời gian chia sẻ kết quả đọc trong nhóm và trước lớp của các em.

**2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.**

– GV hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách ở nhà hoặc ở lớp tùy thuộc vào hoạt động đọc mở rộng được thực hiện vào thời điểm nào.

– GV cho HS nhận xét, góp ý phiếu đọc sách của nhau.

**3. Trao đổi với bạn về nội dung của một bài ca dao mà em đã đọc.**

– GV tổ chức cho HS chia sẻ trong nhóm về những bài ca dao đã đọc dựa vào phiếu đọc sách, tập trung vào những nội dung sau: sự vật, hoạt động được nói đến; nét độc đáo của sự vật, hoạt động; suy nghĩ của HS sau khi đọc bài ca dao.

– GV đi đến các nhóm để quan sát, khích lệ, hỗ trợ HS trao đổi và ghi nhận những HS có được sự chuẩn bị tốt và đồng thời có những hỗ trợ phù hợp đối với những HS còn gặp khó khăn.

– GV có thể chọn 2 – 3 HS tìm được bài ca dao hay, có nhiều thông tin thú vị để chia sẻ kết quả đọc trước lớp.

### VẬN DỤNG

GV nhắc HS thực hiện yêu cầu của hoạt động Vận dụng nêu trong SHS: *Tìm hiểu thêm các thông tin về Đồng Tháp Mười hoặc về quê hương em* (*đặc điểm địa lí, cảnh sắc, di tích, lễ hội, sản vật,...*). Khích lệ HS đọc thêm sách báo để tìm hiểu thông tin.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 14.

+ Đọc hiểu: *Đường quê Đồng Tháp Mười*.

+ Viết: *Viết chương trình hoạt động*.

+ Đọc mở rộng: *Đọc bài ca dao về di tích, lễ hội hoặc sản vật độc đáo ở một địa phương*.

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào của Bài 14 hoặc mong muốn hiểu rõ hơn nội dung nào.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 15.

## TUẦN 26

# BÀI 15 XUỒNG BA LÁ QUÊ TÔI (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Xuồng ba lá quê tôi*. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng; biết ngắt, nghỉ hơi theo chỉ dẫn của dấu câu.

b. Nắm được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu được nội dung chính của bài đọc *Xuồng ba lá quê tôi*: giới thiệu một phương tiện đi lại quen thuộc của người dân vùng sông nước Nam Bộ.

**2.** Củng cố kiến thức và phát triển kĩ năng liên kết các câu trong đoạn văn.

**3.** Biết đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động dựa trên gợi ý của SHS và của GV.

**4.** Có tình cảm trân trọng những gì bình dị, gắn bó, thân thuộc trong đời sống hằng ngày.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

Các cách liên kết câu trong đoạn văn.

## 2. Phương tiện dạy học

– Tranh minh hoạ xuồng ba lá.

– Tranh minh hoạ một số loại phương tiện khác dùng để đi lại ở vùng sông nước.

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 1 – 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ *Đường quê Đồng Tháp Mười* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc nhóm, trao đổi những điều các em biết về những phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước. GV khích lệ HS chia sẻ trong nhóm những hiểu biết và cảm nghĩ của các em.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét các ý kiến của HS, sau đó GV giới thiệu khái quát bài *Xuồng ba lá quê tôi*. VD: Bức tranh này minh hoạ chiếc xuồng ba lá, một vật dụng quen thuộc của người dân vùng Nam Bộ. Bài đọc này sẽ giúp các em có thêm những thông tin thú vị về loại xuồng này.

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc rõ ràng, diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp). GV có thể mời 4 HS đọc nối tiếp 4 đoạn của bài (mỗi HS đọc một đoạn).

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *hình xương cá*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *người dân Nam Bộ*.

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *khu căn cứ kháng chiến*.

+ Đoạn 4: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *chiếc "cong", bông điên điển, tiềm thức, len sâu, rộn ràng, giăng câu, toả đi,...*). GV hướng dẫn đọc đúng cho những HS hay mắc lỗi phát âm khi đọc bài.

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Để xuồng được vững chắc,/ người ta dùng những chiếc "cong"/ đóng vào bên trong lòng xuồng,/ tạo thành bộ khung/ hình xương cá.; Và mỗi sớm mai,/ trên nhánh sông quê,/ những chiếc xuồng ba lá/ theo dòng nước toả đi,/ chở đầy ước mơ, khát vọng/ của tình đất, tình người phương Nam.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng trong câu. VD: *Xuồng ba lá là phương tiện di chuyển* ***gắn liền*** *với miền sông nước quê tôi.; Những chuyến xuồng xuôi ngược đã* ***in đậm trong tiềm thức*** *mỗi người dân Nam Bộ.; Đất nước thanh bình, xuồng ba lá* ***lại trở về*** *cuộc sống đời thường.; Và mỗi sớm mai, trên nhánh sông quê, những chiếc xuồng ba lá theo dòng nước toả đi,* ***chở đầy ước mơ, khát vọng*** *của tình đất, tình người phương Nam.*

– 2 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, đọc lần lượt từng đoạn, nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV mời HS đọc giải nghĩa của từ ngữ trong SHS. GV giải thích thêm cho HS những từ ngữ khác như: *ván be* là tấm ván bên thân xuồng; *ván đáy* là tấm ván ở phía dưới; *cong* (xuồng) là những thanh gỗ ghép lại, làm thành bộ khung để cố định 3 miếng ván xuồng; *du kích*: những nhóm vũ trang nhỏ, lẻ, đánh giặc ở mọi nơi, mọi lúc bằng các loại vũ khí (thô sơ và hiện đại); *bông (hoa) điên điển*: loài hoa có màu vàng, mọc nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long; thường dùng ăn sống, làm dưa chua, nấu canh;...

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các yêu cầu trong SHS.

**Câu 1.** *Tác giả đã giới thiệu thế nào về xuồng ba lá?*

– GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi 1 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– HS trao đổi theo nhóm để lần lượt trả lời câu hỏi. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Tác giả giới thiệu về tên gọi của xuồng ba lá và giải thích lí do vật dụng này có tên gọi như vậy, gọi là xuồng ba lá vì xuồng được ghép bởi ba tấm ván: hai tấm ván be và một tấm ván đáy, người ta dùng những chiếc "cong" đóng vào bên trong lòng xuồng, tạo thành bộ khung hình xương cá (tên gọi của vật dụng dựa vào cấu tạo của nó).

**Câu 2**. *Xuồng ba lá gợi nhớ những kỉ niệm nào của tác giả với người thân?*

– GV nêu câu hỏi 2 (hoặc chiếu câu hỏi trên màn hình), cả lớp đọc thầm theo.

– GV dành thời gian cho HS suy nghĩ cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

– HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung nếu HS trả lời chưa đầy đủ.

Đáp án: Xuồng ba lá gợi nhớ kỉ niệm của tác giả với bà nội (Tôi vẫn nhớ những sáng nội chèo xuồng mang cho tôi mấy cái bánh lá dừa, giỏ cua đồng mà nội vừa bắt được), với chị và mẹ (Nhớ những chiều chị tôi chèo xuồng dọc triền sông, bẻ bông điên điển đầy rổ mang về cho má nấu canh chua).

**Câu 3.** *Từ xưa, chiếc xuồng đã gắn bó thế nào với người dân vùng sông nước (thuở cha ông đi mở cõi và những năm tháng chiến tranh)?*

– GV nêu câu hỏi 3 và hướng dẫn HS tìm kiếm thông tin trong bài để trả lời câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi trong nhóm. Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung chi tiết (nếu HS trả lời chưa đầy đủ). Cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án: Từ thuở cha ông đi mở cõi, xuồng đã là "đôi chân của người dân Nam Bộ". Cách nói ví von này cho thấy xuồng ba lá là phương tiện đi lại rất thiết thân của người dân nơi đây. Trong những năm tháng chiến tranh, xuồng cùng người dân bám trụ, giữ xóm, giữ làng và có nhiều đóng góp to lớn: chở lương thực tiếp tế cho bộ đội, đưa du kích qua sông,...

**Câu 4**. *Hình ảnh xuồng ba lá hiện ra như thế nào trong cuộc sống thanh bình hiện nay?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi trước lớp và cho HS làm việc cá nhân để tìm câu trả lời thích hợp.

– HS trao đổi theo nhóm để chia sẻ câu trả lời của mình. Nhóm nhận xét, đánh giá và thống nhất câu trả lời đầy đủ nhất.

– Đại diện một số nhóm trình bày câu trả lời của nhóm mình. Các nhóm khác nhận xét, đánh giá.

Đáp án: Đất nước thanh bình, xuồng ba lá tiếp tục gắn bó với sinh hoạt hằng ngày và hoạt động lao động sản xuất của người dân: ngược xuôi miền chợ nổi, lướt nhanh trên cánh đồng rì rào sóng lúa, rộn ràng những đêm giăng câu, thả lưới. Xuồng còn mang giá trị tinh thần của người dân vùng sông nước: theo dòng nước toả đi, chở đầy ước mơ, khát vọng của tình đất, tình người phương Nam.

**Câu 5.** *Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về cảnh vật và con người phương Nam?*

– GV nêu câu hỏi 5. Đây là câu hỏi mở, có thể trả lời theo nhiều cách tuỳ vào hiểu biết, trải nghiệm của HS.

– GV hướng dẫn HS: Từng HS hoặc cả nhóm cùng nhau suy nghĩ và tìm câu trả theo cách riêng của mình.

– Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, đánh giá.

Đáp án: Phương Nam (Nam Bộ) là vùng sông nước, có nhiều kênh rạch, sông ngòi. Xuồng là phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây. Xuồng là người bạn thân thiết của người dân Nam Bộ. Người dân Nam Bộ sống gắn bó với thiên nhiên, kiên cường trong chiến đấu và chăm chỉ, cần cù trong lao động sản xuất.

## 4. Luyện đọc lại

– 2 HS đọc nối tiếp 4 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

# TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LUYỆN TẬP VỀ LIÊN KẾT CÂU TRONG ĐOẠN VĂN

## 1. Xác định cách liên kết câu trong đoạn văn.

– GV cho 1 – 2 HS đọc câu lệnh của bài tập 1 và yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ với từng đoạn văn.

– GV mời 2 – 3 HS đọc to các đoạn văn và hướng dẫn HS làm việc theo các bước sau:

+ Bước 1: GV cho HS làm việc cá nhân. Từng HS đọc kĩ các đoạn văn và ghi vào vở hoặc giấy nháp cách liên kết câu và từ ngữ có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn.

+ Bước 2: HS trao đổi theo nhóm 4, trao đổi kết quả với các bạn và thống nhất câu trả lời đúng.

+ GV mời 2 – 3 HS trình bày kết quả. Các HS khác và GV nhận xét, góp ý kết quả của từng nhóm.

Đáp án:

• Hai câu ở đoạn a liên kết với nhau bằng kết từ "*thế mà*".

• Ở đoạn b, từ *sư tử* ở câu 1 được lặp lại ở câu 2, 3. Câu 2, 3, 4 từ ngữ *đười ươi* và *khỉ* được lặp lại. Ở câu 4, từ *sư tử* được thay thế bằng một cụm từ cũng được dùng để chỉ con vật đó (*con thú dữ*). Như vậy, trong đoạn b, các câu liên kết với nhau vừa bằng cách lặp từ ngữ vừa bằng cách dùng từ ngữ thay thế.

• Ở đoạn c, từ *nhà rông* ở câu 1 được lặp lại ở câu 2, 3, 4. Do đó, trong đoạn văn này, các câu liên kết với nhau bằng cách lặp từ ngữ.

## 2. Chọn từ ngữ thay cho bông hoa để liên kết các câu trong đoạn văn.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2.

– GV trình chiếu hoặc viết lên bảng đoạn văn được dùng làm ngữ liệu và những từ ngữ được cho sẵn để HS lựa chọn (*người anh, hai anh em, hai vợ chồng người em, nhưng*). Mời 1 – 2 HS đọc to đoạn văn và những từ ngữ được cho sẵn.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, chọn từ ngữ thay thế để liên kết các câu trong đoạn văn. Từng HS ghi kết quả vào vở hoặc giấy nháp. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm bốn để chia sẻ kết quả của mình và thống nhất kết quả trong nhóm.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án chung của cả lớp. Lưu ý, có vị trí có nhiều hơn 1 đáp án. GV có thể cho HS trao đổi về ưu điểm của đáp án mà các em muốn chọn.

Đáp án: *Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm.* ***Hai anh em*** *chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn.* ***Nhưng*** *từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em.* ***Hai vợ chồng người em*** *thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế,* ***người anh*** *sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.*

### 3. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) giới thiệu về một phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu.

– GV cho 1 – 2 HS đọc to câu lệnh của bài tập. GV yêu cầu HS nêu những điểm cần lưu ý về đoạn văn mà HS cần viết (có thể có một số gợi ý phù hợp để HS nhận ra những điểm cần lưu ý đó). GV chốt lại: Về hình thức, số câu cần viết là linh hoạt nhưng chỉ nên khoảng 4 – 5 câu, câu thứ nhất của đoạn văn được viết lùi đầu dòng; đoạn văn có sử dụng một hoặc một số từ ngữ nối để liên kết câu. GV có thể yêu cầu HS đánh dấu (gạch chân hoặc khoanh tròn) những từ ngữ nối dùng để liên kết câu. Về nội dung, giới thiệu về một phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, viết vào vở hoặc giấy nháp đoạn văn theo yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc theo nhóm, từng HS đọc đoạn văn của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV đi đến các nhóm, ghi nhận những đoạn văn hay, có sử dụng các từ ngữ nối thích hợp để liên kết câu và ghi chép những lỗi liên kết câu của HS để chữa trước lớp hoặc chữa riêng cho những em mắc các lỗi đó.

– GV mời một số HS đọc những đoạn văn của mình trước lớp.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

## TIẾT 3

## VIẾT

## ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

### 1. Nghe thầy cô giáo nhận xét chung.

– GV nhắc HS đọc lại đề bài và nêu yêu cầu của đề bài.

– Dựa vào thực tế bài làm của HS, GV nhận xét về ưu điểm, hạn chế theo từng mục của bản chương trình hoạt động:

+ Mục đích chương trình đặt ra đã đúng chưa?

+ Địa điểm và thời gian thực hiện chương trình đã phù hợp chưa?

+ Việc chuẩn bị để thực hiện chương trình đã đầy đủ chưa?

+ Việc xác định các nội dung cụ thể và phân bổ thời gian đã hợp lí chưa?

– GV nêu ưu điểm và hạn chế về mặt hình thức: lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu, lỗi sử dụng từ ngữ, lỗi diễn đạt,...

## 2. Đánh giá bản chương trình hoạt động.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại bản chương trình, đánh giá bản chương trình hoạt động dựa vào nhận xét của GV theo hướng dẫn trong SHS (đánh giá từng mục theo phần Gợi ý).

– HS dùng bút chì để gạch dưới những lỗi trong bài viết.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, trao đổi về một số lỗi mà nhiều bạn còn mắc và cách sửa lỗi.

## 3. Chỉnh sửa bản chương trình hoạt động.

– GV hướng dẫn HS dựa vào nhận xét của thầy cô giáo, kết quả tự đánh giá và những lỗi đã ghi chép trong hoạt động Viết ở Bài 14, chỉnh sửa lỗi hoặc bổ sung các ý còn thiếu (nếu có) vào bản chương trình.

– HS chỉnh sửa chương trình.

– GV có thể cho HS tham khảo ví dụ về Kế hoạch thực hiện (Chương trình phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp):

(Thời gian: tiết sinh hoạt lớp)

| Thời gian | Nội dung | Người phụ trách |
|---|---|---|
| 5 – 7 phút | Nêu mục đích, yêu cầu của việc xây dựng tủ sách của lớp; thời gian thực hiện. | Lớp trưởng |
| 10 phút | Kế hoạch thực hiện và kết quả mong đợi. | Chi đội trưởng |
| 20 phút | Các tổ trao đổi về kế hoạch thực hiện của tổ và dự kiến một số kết quả cụ thể. | Các tổ trưởng |
| 10 phút | Thống nhất kế hoạch và triển khai thực hiện | Lớp trưởng |

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng trong SHS: *Chia sẻ với người thân về những hoạt động được thể hiện trong bản chương trình mà em đã viết.*

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 15:

+ Đọc hiểu: *Xuồng ba lá*.

+ Luyện từ và câu: *Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn*.

+ Viết: *Đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động*.

– GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 15 thú vị, dễ nhớ.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS đọc trước Bài 16.

# BÀI 16 VỀ THĂM ĐẤT MŨI (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ *Về thăm đất Mũi*. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu vẻ đẹp của Đất Mũi.

b. Nhận biết được vẻ đẹp của Đất Mũi thông qua các hình ảnh so sánh, nhân hoá. Hiểu được điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên (cây cối, đất, trời, rừng, biển,...) của Đất Mũi, một mảnh đất ở vùng cực Nam của Tổ quốc.

**2.** Viết được chương trình hoạt động theo đúng yêu cầu.

**3.** Giới thiệu được một sản vật độc đáo của địa phương và biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc đối với những thông tin từ lời giới thiệu của bạn.

**4.** Bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước; biết trân trọng và tự hào về những sản vật của địa phương.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

Văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhịp trong thơ).

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc; hình ảnh biểu tượng Đất Mũi.

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài *Xuồng ba lá quê tôi* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc nêu câu hỏi khác, VD: Em cảm nhận được những nét đẹp nào về cuộc sống của người dân Nam Bộ qua bài đọc *Xuồng ba lá quê tôi*?).

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm: *Từ tên gọi Đất Mũi và tranh minh hoạ, nêu cảm nhận của em về vùng đất này.* GV khích lệ HS nói cảm nhận riêng của mình.

+ HS (2 – 3 em) chia sẻ cảm nhận của bản thân khi quan sát tranh minh hoạ và nghe tên gọi Đất Mũi. Chẳng hạn: Mũi Cà Mau là mảnh đất nhô ra biển; Mũi Cà Mau có cả rừng

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

và biển, là một vùng đất xanh tốt, tươi đẹp, màu mỡ. GV lưu ý cho HS nói được nhiều cảm nhận, chấp nhận cả những dự đoán của các em.

– GV dẫn sang bài đọc *Về thăm Đất Mũi* (VD: Vừa rồi các em đã có những cảm nhận ban đầu về Đất Mũi. Tuy nhiên, mảnh đất cực Nam của đất nước chúng ta còn rất nhiều điều thú vị. Bài thơ *Về thăm Đất Mũi* sẽ giúp các em khám phá thêm những điều thú vị đó.).

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm bài thơ với giọng đọc tự hào về một vùng đất có phong cảnh thiên nhiên tươi đẹp và mang dấu ấn lịch sử hoặc GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp cả bài thơ (mỗi HS đọc 3 khổ).

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *sình, dòng sữa, vươn xa,...*

+ Chú ý ngắt giọng đúng để tạo nhịp điệu cho câu thơ, VD: *Về đây/ nghe đất thở; Về đây/ trông đước chạy; Rễ mắm/ thì ăn lên; Rễ đước/ thì cắm xuống;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của Đất Mũi: *Về đây nghe đất thở, Phập phồng trước bình minh, Về đây trông đước chạy, Những bước chân ngập sình, Gặp ngọn gió châu thổ, Đang mở hội trên đồng, Ca bài ca mở cõi, Của bao đời cha ông;...*

– 2 HS đọc nối tiếp 6 khổ thơ trước lớp.

HS làm việc theo nhóm ba, mỗi HS đọc 2 khổ, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc phần chú giải từ ngữ trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để HS tự tra từ điển. Ví dụ: *sình*: (đất) lầy lội; *châu thổ*: vùng đất do phù sa của sông bồi đắp nên;...

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Tìm những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp độc đáo của cây cối ở Đất Mũi.*

– GV nêu câu hỏi (hoặc cho HS đọc lại câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời:

+ HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm) để tìm câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. Đáp án: Những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp độc đáo của cây cối ở Đất Mũi là: đước chạy, rễ mắm thì ăn lên, rễ đước thì cắm xuống, ngút ngàn rừng mắm, đước, xanh đến tận vô cùng.

– GV có thể nêu thêm câu hỏi "Cây cối ở Đất Mũi có điểm gì đặc biệt?" và khích lệ HS nêu ý kiến của mình (VD: Loài cây được miêu tả là những loài cây đặc trưng ở Đất Mũi: cây mắm, cây đước mọc thành rừng, rễ mắm thì ăn lên, rễ đước thì cắm xuống, rễ đước ngập trong sình,...; cây cối được miêu tả rất giàu hình ảnh, rất sinh động mang đặc trưng của Đất Mũi sình lầy,...).

**Câu 2.** *Những hình ảnh thiên nhiên ở Đất Mũi (gió, biển, đất trời,...) được miêu tả như thế nào?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. Đáp án: Thiên nhiên ở Đất Mũi rất độc đáo: gió châu thổ mở hội trên đồng; đây là nơi biển gặp rừng; bãi bồi vươn xa; đất thở, đất và trời gần lại;...

– GV có thể nhấn mạnh: Đây chính là đặc trưng của thiên nhiên Đất Mũi, vùng đất ở điểm cực Nam trên đất liền của Tổ quốc.

**Câu 3.** *Hai dòng thơ "Nơi địa đầu Tổ quốc/ Rạng ngời ánh bình minh!" gợi cho em suy nghĩ gì về Đất Mũi?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị nêu câu trả lời trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nêu suy nghĩ của mình về hai dòng thơ.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau (VD: Hai dòng thơ ca ngợi vẻ đẹp của Đất Mũi, nơi địa đầu Tổ quốc; Hai dòng thơ nói về sự phát triển của Đất Mũi trong tương lai; Hai dòng thơ thể hiện niềm tin của nhà thơ vào tương lai tốt đẹp của mảnh đất nơi địa đầu của Tổ quốc,...).

**Câu 4.** *Theo em, vì sao "lần đầu về Đất Mũi", tác giả lại có cảm giác "như về với nhà mình"?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS làm việc nhóm để cùng nhau tìm câu trả lời.

+ HS có thể ghi vắn tắt kết quả thảo luận vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau, chẳng hạn: "Lần đầu về Đất Mũi", tác giả có cảm giác "như về với nhà mình" vì tác giả thấy Đất Mũi vô cùng thân thương, gần gũi, gắn bó; vì tác giả rất yêu cảnh vật thiên nhiên nơi đây; vì tác giả thấy bóng dáng quê hương mình ở Đất Mũi.

**Câu 5**. *Dựa vào bài đọc, em hãy giới thiệu Đất Mũi Cà Mau với bạn bè.*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị nội dung giới thiệu về Đất Mũi theo gợi ý (vị trí, vẻ đẹp tự nhiên,...) vào phiếu bài tập.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, giới thiệu Đất Mũi trong nhóm theo nội dung đã chuẩn bị trong phiếu bài tập.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án.

| | |
|---|---|
| Vị trí | Đất Mũi là mảnh đất nhô ra ở điểm tận cùng phía Nam của Tổ quốc Việt Nam thuộc địa phận xóm Mũi, xã Đất Mũi, tỉnh Cà Mau |
| Vẻ đẹp tự nhiên | – Cây cối: mắm, đước mọc thành rừng và rất đặc biệt: rễ mắm ăn lên; rễ đước cắm xuống;...<br>– Đất đai: đất phù sa, luôn được bồi đắp, nơi đây biển gặp rừng.<br>– ... |

## 4. Luyện đọc lại.

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài thơ:

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp bài thơ trước lớp, mỗi HS đọc 3 khổ thơ). GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (2 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, trao đổi/ thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu của bài tập (có thể sử dụng phiếu bài tập để ghi kết quả).

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp, thống nhất đáp án.

**Câu 1.**

– Khổ đầu của bài thơ *Về thăm Đất Mũi* sử dụng biện pháp nhân hoá (đất thở, đước chạy).

– Tác dụng của những biện pháp nhân hoá: làm cho sự vật sinh động, có hồn hơn, gây ấn tượng với người đọc.

**Câu 2.**

– Từ đồng nghĩa với các từ in đậm: **Tổ quốc** (đất nước, quốc gia, giang sơn,...); **rạng ngời** (rạng rỡ, ngời sáng,...).

– Đặt câu. Đây là yêu cầu có đáp án mở, HS có thể đặt câu theo suy nghĩ của bản thân. VD: Việt Nam là đất nước có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng./ Mỗi quốc gia đều có phong tục, tập quán khác nhau./ Nụ cười của cô ấy trông thật rạng rỡ./...

# TIẾT 3

## VIẾT

## VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG (Bài viết số 2)

Viết chương trình cho 1 trong 2 hoạt động dưới đây:
– Quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt.
– Tham gia hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11).

### 1. Chuẩn bị.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tự thực hiện yêu cầu theo những gợi ý, hướng dẫn trong SHS:

+ Đọc và chọn một hoạt động phù hợp để viết chương trình.

+ Nhớ lại hoặc xem lại phần hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 13.

+ Dự kiến những công việc cụ thể và lập nháp bảng kế hoạch thực hiện.

+ Đọc lướt hướng dẫn về những nội dung để viết chương trình hoạt động trong SHS.

– GV lưu ý HS :

+ Đây là bài viết số 2, chú ý để không mắc những lỗi như ở bài viết số 1 và phát huy những ưu điểm đã có.

+ Cách trình bày bảng kế hoạch thực hiện.

### 2. Viết.

– HS xem lại những ghi chép và bảng kế hoạch thực hiện đã chuẩn bị.

– HS viết chương trình hoạt động theo từng mục, GV lưu ý các em cách trình bày phần Kế hoạch thực hiện (kẻ bảng cân đối).

– GV theo dõi, hỗ trợ những HS gặp khó khăn, nhắc các em chưa biết cách kẻ bảng; nắm bắt ưu điểm và những lỗi có thể nhiều HS còn mắc.

### 3. Đọc soát và chỉnh sửa lỗi.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## SẢN VẬT ĐỊA PHƯƠNG

**Yêu cầu:** Giới thiệu về sản vật độc đáo của một địa phương.

Đây là tiết luyện tập giới thiệu về một đối tượng cụ thể. GV nêu yêu cầu của tiết luyện tập này và hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các bước theo hướng dẫn trong SHS, cụ thể gồm:

### 1. Chuẩn bị.

– Bước này cần hướng dẫn HS thực hiện khoảng 1 tuần trước khi có tiết thực hành nói và nghe. GV nhắc HS đọc kĩ các nội dung cần chuẩn bị được hướng dẫn trong SHS. Trước tiên, các em phải trả lời câu hỏi "Em muốn giới thiệu sản vật gì, ở địa phương nào?" để xác định đề tài cho bài giới thiệu. Ngoài những gợi ý trong SHS, GV có thể gợi ý thêm các đề tài khác tuỳ thuộc vào thực tế của địa phương và trải nghiệm của HS. Đề tài có thể được lựa chọn không nằm ngoài những sản phẩm phổ biến như: món ăn, nhạc cụ, trang phục, đồ dùng,...

*Lưu ý*: Đề tài được chọn để thực hành giới thiệu nên là đề tài chung cho mỗi nhóm hoặc là đề tài chung cho cả lớp để thuận lợi cho việc chuẩn bị nội dung và tổ chức giới thiệu, trao đổi. Tuy vậy, vẫn không loại trừ khả năng mỗi HS chọn một đề tài riêng nếu GV và HS thấy việc đó là phù hợp.

– GV hướng dẫn HS tìm đọc sách báo in, tài liệu trên mạng in-tơ-nét, xem phim ảnh,... và ghi chép vào vở hoặc giấy nháp những thông tin cơ bản thu thập được về sản vật và địa phương có sản vật đó theo những gợi ý trong SHS *(Sản vật có tên gọi là gì? Sản vật đó có ở địa phương nào? Sản vật có đặc điểm gì độc đáo? Sản vật đó được sử dụng như thế nào?)*. HS cũng cần ghi chép cảm xúc, suy nghĩ của mình về sản vật và địa phương đó. Có thể sử dụng sơ đồ tư duy để ghi chép các nội dung chuẩn bị cho bài giới thiệu.

– Bên cạnh việc hướng dẫn HS chuẩn bị về nội dung, GV có thể yêu cầu HS tìm kiếm những tranh ảnh, video,... phù hợp để sử dụng khi giới thiệu.

### 2. Trình bày.

– GV tổ chức cho HS thực hành giới thiệu một sản vật địa phương theo các gợi ý cụ thể trong SHS. Có thể theo 2 vòng, vòng 1: HS giới thiệu trong nhóm; vòng 2: Một số

HS đại diện cho nhóm của mình giới thiệu trước lớp.

– GV hướng dẫn HS ghi lại những thông tin thú vị khi nghe bạn giới thiệu và những ý kiến chuẩn bị cho phần trao đổi, góp ý.

### 3. Trao đổi, góp ý.

– GV tổ chức cho HS hỏi – đáp để có thêm thông tin về sản vật và địa phương được giới thiệu, nhận xét và phản hồi nhận xét về nội dung và cách trình bày bài giới thiệu.

– Chú ý cách mà HS hỏi – đáp, thảo luận (nhất là cách người nói trả lời câu hỏi và phản hồi nhận xét của người nghe về bài giới thiệu) để có những hỗ trợ phù hợp, giúp HS phát triển kĩ năng tương tác và thái độ tôn trọng người đối thoại.

– GV tổng kết tiết học, khen ngợi những HS có bài giới thiệu tốt và tích cực tham gia trao đổi.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng trong SHS (*Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về đồ dùng hoặc đồ thủ công mĩ nghệ của một dân tộc thiểu số trên đất nước Việt Nam.*).

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 16:

+ Đọc hiểu: *Về thăm Đất Mũi.*

+ Viết: *Viết chương trình hoạt động* (Bài viết số 2).

+ Nói và nghe: *Sản vật địa phương.*

– GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 16 thú vị, dễ nhớ.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.

– Dặn HS chuẩn bị cho bài Ôn tập và đánh giá giữa học kì II.

# TUẦN 27

# ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II (7 tiết)

## I MỤC TIÊU

Việc ôn tập giữa học kì II giúp HS đánh giá được kết quả học tập nửa đầu học kì II theo các yêu cầu gắn với các nội dung đã học như sau:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm các văn bản được học: biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc,... tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.

b. Hiểu nội dung bài đọc (nhận biết được một số chi tiết và nội dung chính, những thông tin chính của bài đọc, hiểu được nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của bài đọc).

Biết tóm tắt văn bản, hiểu được chủ đề của văn bản (vấn đề chủ yếu mà tác giả muốn nêu ra trong văn bản). Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dáng, điệu bộ, hành động,... thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật. Nhận biết được trình tự sắp xếp các sự việc trong câu chuyện. Nhận biết mối quan hệ giữa các nhân vật trong câu chuyện thể hiện qua cách xưng hô. Nhận biết được hình ảnh trong thơ, lời thoại trong văn bản truyện. Nhận biết bố cục của văn bản. Nhận biết được thông tin của văn bản qua hình ảnh, số liệu,... Bước đầu nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao mình yêu thích văn bản, nêu được ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng, nêu được cách ứng xử của bản thân khi gặp tình huống tương tự như tình huống của nhân vật trong văn bản.

**2.** Viết được bài văn tả người hoặc đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc. Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết; quan sát và tìm tư liệu để tìm ý và lập dàn ý; viết được đoạn văn/ bài văn theo dàn ý đã lập; chỉnh sửa bài văn/ đoạn văn (về bố cục, dùng từ, đặt câu, chính tả).

**3.** Biết nói theo đề tài phù hợp với chủ điểm: nói rõ ràng, tập trung vào mục đích và đề tài, bước đầu thể hiện được thái độ tự tin, biết kết hợp cử chỉ, điệu bộ để tăng hiệu quả giao tiếp (có thể kết hợp sử dụng các phương tiện hỗ trợ như tranh ảnh, sơ đồ,...). Biết thảo luận về một vấn đề có các ý kiến khác biệt. Biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại. Nghe và hiểu chủ đề, nắm được những chi tiết quan trọng trong câu chuyện, biết kết hợp nghe và ghi lại những nội dung quan trọng khi nghe ý kiến của người khác. Biết tuân thủ quy tắc luân phiên lượt lời, tập trung vào vấn đề trao đổi, thảo luận. Biết đóng góp ý kiến trong quá trình trao đổi thảo luận.

**4.** Nhận biết công dụng của từ điển, biết cách tìm từ, tra cứu nghĩa và các thông tin khác của từ trong từ điển. Hiểu nghĩa của một số thành ngữ và nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng xuất hiện trong bài học.

## II CHUẨN BỊ

– Có thể chuẩn bị các phiếu học tập (theo nội dung các tiết 1, 2, 3, 4, 5) để HS không làm bài vào SHS.

– Xúc xắc, quân cờ (để chơi trò chơi).

– Phiếu đề kiểm tra tham khảo (tiết 6 – 7) để các em tập làm bài kiểm tra giữa học kì II.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# PHẦN I – ÔN TẬP

## TIẾT 1 – 2

GV có thể hướng dẫn HS làm lần lượt từng bài hoặc hướng dẫn HS làm việc nhóm (trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu).

**1. Dựa vào lời giới thiệu của mỗi nhân vật, cho biết nhân vật đó là ai, xuất hiện trong câu chuyện nào đã học.**

Yêu cầu này rèn cho HS kĩ năng đọc và nhớ các chi tiết của văn bản.

– HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu và các đoạn giới thiệu, chuẩn bị ý kiến (có thể viết ngắn gọn tên các nhân vật và tên bài đọc vào vở ô li hoặc vở bài tập, nếu có).

– HS làm việc nhóm:

+ Lần lượt từng em đọc đoạn giới thiệu của nhân vật và nói tên nhân vật, tên bài đọc tương ứng.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý. Đáp án:

| Lời giới thiệu | Nhân vật | Câu chuyện |
|---|---|---|
| (1) Tôi đã thay mặt cả lớp cảm ơn cô giáo và tặng cô hộp quà chứa ba mươi lăm lá thư của cả lớp. | Nhân vật Quang | *Hộp quà màu thiên thanh* |
| (2) Tôi chọn thật nhiều hoa màu vàng, loại hoa bạn tôi yêu thích, để làm một giỏ hoa tặng bạn. | Nhân vật cô bé Xu-di (xưng "tôi" trong câu chuyện). | *Giỏ hoa tháng Năm* |
| (3) Khi tôi cất giọng hát, tiếng hát vang khắp núi rừng, khiến muông thú quên cả phá lúa và nhảy múa theo tiếng hát của tôi. | Nhân vật Nai Ngọc | *Tiếng hát của người đá* |
| (4) Tôi quyết tâm khôi phục lại trang trại sau khi bị cháy và tôi đã làm được. | Nhân vật Mát | *Khu rừng của Mát* |
| (5) Tôi ước mơ trở thành một kĩ sư nông nghiệp để phát triển cây chè ở quê hương Tà Xùa của tôi. | Nhân vật Thào A Sùng | *Những búp chè trên cây cổ thụ* |

**2. Nêu nội dung chính của một trong những câu chuyện được nhắc tới ở bài tập 1.**

Yêu cầu này rèn cho HS nhận biết nội dung chính và chủ đề của văn bản đã học, tóm tắt được các ý chính trong bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc yêu cầu của bài tập, chọn một câu chuyện và chuẩn bị câu trả lời (có thể viết ra vở ghi, giấy nháp hoặc vở bài tập, nếu có).

– HS làm việc theo cặp/ nhóm hoặc lớp:

+ Một số HS phát biểu ý kiến, cả nhóm, lớp và GV nhận xét.

+ Chọn ra những ý kiến tóm tắt phù hợp để ghi lại.

VD:

+ *Hộp quà màu thiên thanh*: Câu chuyện kể về các bạn nhỏ trong một lớp học đã cùng nhau chuẩn bị một món quà vô cùng đặc biệt và ý nghĩa để tặng cô giáo, đó là một chiếc hộp chứa những bức thư kể về kỉ niệm của các bạn với cô.

+ *Giỏ hoa tháng Năm:* Câu chuyện kể về một cô bé cảm thấy rất buồn vì người bạn thân của cô bé có thêm bạn mới, nhưng sau khi nghe lời khuyên của mẹ, cô bé đã tặng bạn thân một giỏ hoa vì nhận ra ai cũng cần có nhiều bạn bè.

+ *Khu rừng của Mát*: Câu chuyện kể về chàng thanh niên tên Mát đã vượt qua nỗi đau đớn, mất mát vì trang trại của gia đình bị sét đánh cháy rụi, để trồng lại cây cối, phủ lại màu xanh cho trang trại.

+ *Tiếng hát của người đá:* Câu chuyện cổ tích kể về tiếng hát của một người đá đã giúp đuổi muông thú phá lúa, khuyên nhủ giặc ngừng tay kiếm trở về sống bên gia đình,... để dân làng được sống yên vui.

+ *Những búp chè trên cây cổ thụ*: Câu chuyện kể về cậu bé Thào A Sùng với tình yêu, niềm tự hào, ước mơ mãnh liệt mà cậu đã dành cho sản vật quê hương mình – những búp chè trên cây cổ thụ ở bản Tà Xùa.

### 3. Trong đoạn văn, câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép? Xác định các vế của những câu ghép vừa tìm được.

– HS làm việc nhóm:

+ Từng em đọc lại đoạn văn và tìm phương án trả lời, sau đó nêu trong nhóm. GV khuyến khích HS mở rộng câu trả lời, tìm câu đơn, câu ghép và xác định các vế của những câu ghép vừa tìm được.

+ Cả nhóm nhận xét và góp ý.

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét và cho điểm.

Đáp án:

<table>
<tr><td>Câu đơn</td><td colspan="3">Mùa đông, rùa ngại rét.<br>Gió cứ thổi vù vù.<br>Rùa đợi đến mùa xuân.<br>Rùa lại đợi đến hè.<br>Mùa hè tanh ráo.<br>Cây cối có nhiều quả chín thơm tho.<br>Nhưng cái nóng cứ hầm hập.<br>Cả ngày, bụi cuốn mịt mùng.</td></tr>
<tr><td rowspan="4">Câu ghép</td><td>Vế 1</td><td>Vế 2</td><td>Vế 3</td></tr>
<tr><td>Mùa xuân nhiều hoa,</td><td>(nhưng) mùa xuân vẫn là đứa em của mùa đông.</td><td></td></tr>
<tr><td>Mưa phùn vẫn cứ lai rai</td><td>(và) gió bấc vẫn thút thít ở các khe núi.</td><td></td></tr>
<tr><td>(Hễ) cơn dông đến</td><td>(thì) đất đá lại như sôi lên,</td><td>nước lũ đổ ào ào.</td></tr>
</table>

## 4. Chọn một vế câu ở A và một vế câu ở B, thêm kết từ hoặc cặp từ hô ứng để tạo câu ghép.

*Lưu ý*: Trước khi HS làm bài, GV có thể đề nghị các em nhắc lại những kiến thức các em đã được học về kết từ và cặp từ hô ứng.

+ Kết từ: là từ thường được dùng để nối các từ ngữ hoặc các câu, nhằm thể hiện mối quan hệ giữa các từ ngữ hoặc các câu với nhau.

+ Cặp từ hô ứng: là các cặp từ đi đôi với nhau, thường được dùng để nối các vế của câu ghép.

– HS làm việc cá nhân, tự đọc lại các vế câu cho trước, tìm mối quan hệ ý nghĩa giữa mỗi cặp vế câu và tìm kết từ hoặc cặp từ hô ứng phù hợp để ghép các vế thành câu. Sau đó trao đổi theo cặp hoặc nhóm.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án. VD:

+ Mặt trời **càng** lên cao, chiếc bóng **càng** ngắn lại; **Khi** mặt trời lên cao **thì** chiếc bóng ngắn lại,...

+ **Vì** sương xuống dày đặc **nên** khung cảnh xung quanh mờ mịt, không còn nhìn rõ mặt người; **Khi** sương xuống dày đặc **thì** khung cảnh xung quanh mờ mịt, không còn nhìn rõ mặt người;...

+ **Mặc dù (Dù; Tuy; Dẫu;...)** trong vườn, những bông hồng đã nở rộ, toả hương ngào ngạt, **nhưng (song)** những bông lan vẫn e ấp giữ nụ chúm chím.

## 5. Thêm kết từ và vế câu thay cho bông hoa để tạo câu ghép.

– GV nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân. GV có thể gợi ý cách làm: Đây là các câu ghép có các vế liên kết với nhau bởi các cặp kết từ. HS đọc kĩ vế câu cho trước, tìm kết từ đã có và xác định kết từ còn lại trong cặp, xác định ý nghĩa của cặp kết từ để viết vế câu cho phù hợp (VD: vế câu bắt đầu bằng kết từ "Nếu", sẽ cần vế câu tiếp theo bắt đầu bằng từ "thì": Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè thì em sẽ chọn món cốm dẻo thơm, ngọt lành,... HS cũng có thể không cần sử dụng kết từ trong cặp mà chỉ cần thêm vế câu có ý nghĩa phù hợp và dùng dấu phẩy để ngăn cách các vế: Nếu em chọn một sản vật của quê hương để giới thiệu với bạn bè, em sẽ chọn chiếc bánh đậu xanh ngọt ngào, thơm dịu.).

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, từng em hoặc một số em đọc câu đã được thêm vế câu. GV và cả lớp nhận xét, góp ý (chú ý việc sử dụng kết từ có phù hợp hay không).

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết 1 – 2.

– GV đọc tên bài, đọc từng câu hoặc đọc lại từng vế câu, cụm từ cho HS viết vào vở.

– HS đổi vở cho nhau để phát hiện lỗi và góp ý cho nhau theo cặp hoặc nhóm.

– GV hướng dẫn chữa một số bài trên lớp, nhận xét, động viên, khen ngợi các em.

– GV nhận xét kết quả luyện tập ở tiết 1 – 2.

# TIẾT 3 – 4

## 1. Đọc những dòng thơ và thực hiện yêu cầu.

HS làm việc theo hướng dẫn sau:

– Bước 1: Nói tên bài thơ (GV khuyến khích HS nói cả tên tác giả).

+ HS đọc thầm yêu cầu của bài tập 1.

+ Mỗi em đọc một gợi ý rồi nói tên bài thơ, tên tác giả.

– Bước 2: Nêu hình ảnh thích nhất trong mỗi bài thơ.

+ Từng HS nhớ lại nội dung các bài thơ hoặc đọc lướt lại các bài thơ trong sách.

+ Từng em nêu hình ảnh mình thích nhất trong mỗi bài thơ và lí do mình thích.

– Bước 3: Đọc thuộc lòng 2 – 3 khổ thơ em thích của một trong những bài thơ.

+ Một em đọc 2 – 3 khổ thơ mình thích.

+ Một em mở sách để theo dõi, nhận xét và góp ý (sau đó đổi vai).

– GV quan sát HS các nhóm, ghi nhận xét, cho điểm.

## 2. Đọc văn bản và trả lời câu hỏi.

GV có thể hướng dẫn cách thực hiện. HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, đọc văn bản và trả lời các câu hỏi.

– Bước 1: Đọc văn bản. Mỗi HS tự đọc thầm văn bản và các câu hỏi.

– Bước 2: Trả lời câu hỏi.

+ Từng HS suy nghĩ, tìm câu trả lời cho mỗi câu hỏi rồi phát biểu ý kiến.

+ HS thảo luận theo nhóm đôi hoặc nhóm bốn. Cả nhóm trao đổi để thống nhất câu trả lời cho mỗi câu hỏi.

Đáp án:

a. *Chiếc quạt mo được miêu tả như thế nào trong bài đọc?*

Chiếc quạt mo cau:

- Nguyên liệu: mo cau khô rụng;
- Cách làm: cắt mo cau thành hình quạt;
- Hình dáng: giống tai voi, rất vừa tay cầm;
- Màu sắc: nâu sẫm.
- Đặc điểm khác: hằn nhiều nếp nhăn.

b. *Chiếc quạt mo gợi nhớ những kỉ niệm gì về bà trong tuổi thơ của người cháu?*

Những kỉ niệm như: cháu quạt cho bà khi bà đi chợ xa về; bà ôm cháu vào lòng nói "Cháu bà thương bà nhất."; hai bà cháu nằm võng, bà quạt cho cháu ngủ.

c. *Kể lại giấc mơ của người cháu về chiếc quạt mo. Theo em, giấc mơ đó có gì thú vị?*

• Giấc mơ của người cháu: Người cháu đã mơ thấy mình cầm quạt mo và gặp phú ông. Sau đó, người cháu mơ thấy mình cưỡi trâu của phú ông đi ngang qua một ao cá. Người cháu rất hoảng hốt vì thấy mình đã đổi chiếc quạt mo lấy trâu của phú ông.

• Giấc mơ đó có gì thú vị?

• HS phát biểu ý kiến theo cảm nhận riêng của cá nhân. VD: Giấc mơ đó thú vị vì tái hiện lại bài đồng dao về chiếc quạt mo, cậu bé nghĩ mình giống như thằng Bờm. Có điều thằng Bờm không đổi quạt, còn cậu bé với sự hồn nhiên và vô tư của một đứa trẻ đã đổi chiếc quạt lấy chú trâu mập mạp của phú ông. Đó có lẽ cũng là cách suy nghĩ phổ biến của nhiều bạn nhỏ,...

d. *Chi tiết người cháu khi lớn vẫn giữ một chiếc quạt mo làm kỉ niệm gợi cho em những suy nghĩ gì?* Tuỳ HS trả lời theo cảm nhận (VD: Cháu rất gắn bó với bà, nhớ bà và luôn muốn giữ kỉ niệm về bà bên mình. Người cháu là một người rất tình cảm.).

## 3. Chơi trò chơi: *Tìm kho báu.*

– GV nêu luật chơi:

+ HS chơi theo nhóm (3 – 4 HS).

+ Mỗi nhóm chuẩn bị một xúc xắc và số quân cờ tương ứng số lượng thành viên (có thể sử dụng dụng cụ học tập nhỏ như tẩy, gọt bút chì,... hoặc viên giấy khác màu nhau làm quân cờ).

+ Mỗi nhóm xác định thứ tự chơi của các thành viên.

+ HS lần lượt tung xúc xắc để xác định số ô mình được đi. Đến ô nào, HS phải nói được câu ghép chứa kết từ (cặp kết từ) có trong ô. Nếu nói được câu đúng yêu cầu, HS sẽ được đứng ở ô đó và lượt chơi tiếp tục dành cho người sau. Nếu không nói được (hoặc nói không đúng), HS sẽ phải quay trở lại ô mình đã xuất phát ở lượt đó.

Ví dụ 1 lượt chơi:

HS đang đứng ở ô chứa *Nếu ... thì ...* → HS tung xúc xắc được số 4 → HS di chuyển quân cờ đi 4 ô đến ô chứa ... *nhưng*...

HS đặt câu ghép đúng, ví dụ: *Mọi người nghĩ làm bài ôn tập rất vất vả **nhưng** thực ra chúng tôi được chơi trò chơi rất thú vị.*

↓

HS được đứng lại ở ô chứa ... *nhưng* ... và chờ lượt chơi sau của mình, lượt chơi chuyển sang cho người chơi tiếp theo.

HS không đặt được câu ghép, hoặc đặt câu sai (không phải câu ghép; thiếu từ *nhưng*; quan hệ nghĩa giữa hai vế không tương phản;... )

↓

HS quay lại ô *Nếu ... thì* ... và dừng ở đó chờ lượt chơi sau của mình, lượt chơi chuyển sang cho người chơi tiếp theo.

+ HS đến ô chứa kho báu trước sẽ chiến thắng.

– HS chơi trò chơi theo hướng dẫn của GV.

+ HS chia nhóm, chuẩn bị dụng cụ để chơi (xúc xắc, quân cờ) và xác định thứ tự chơi của các thành viên.

+ HS chơi trò chơi. *Lưu ý*: Trong quá trình chơi, HS góp ý cho nhau để đặt được những câu ghép đúng, hay. GV bao quát cả lớp và hỗ trợ nếu cần thiết.

– GV tổng kết trò chơi, khen ngợi các nhóm chơi nhanh, nhiều lượt và đặt được nhiều câu ghép đúng, hay.

## 4. Tìm từ ngữ có tác dụng liên kết câu trong mỗi đoạn văn và cho biết biện pháp liên kết được sử dụng trong mỗi đoạn.

– HS làm việc cá nhân. GV có thể mời HS nêu lại các biện pháp liên kết câu đã học (nối, lặp, thay thế).

– HS làm việc nhóm, nêu biện pháp liên kết câu trong mỗi đoạn và các từ ngữ có tác dụng liên kết câu. Cả nhóm nhận xét, góp ý.

Đáp án: Đoạn a: biện pháp lặp từ ngữ. Từ ngữ được lặp: người.

Đoạn b: biện pháp thay thế. Từ ngữ thay thế: "cậu" thay cho "Thào A Sùng".

## 5. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

a. *Tìm những từ ngữ nối có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn.*

b. *Tìm thêm những từ ngữ nối có thể thay thế cho các từ ngữ đã tìm được ở bài tập a.*

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm:

+ Từng HS đọc thầm đoạn văn và tìm từ ngữ nối các câu, xác định quan hệ về nghĩa giữa các câu được thể hiện thông qua từ ngữ nối.

+ HS trình bày ý kiến trong nhóm.

+ Cả nhóm trao đổi, góp ý, thống nhất đáp án.

– HS làm việc nhóm theo hướng dẫn của GV.

Đáp án:

a. Từ ngữ nối: *nhưng, và, vì thế.*

b. Từ ngữ có thể thay thế:

+ nhưng: tuy nhiên, tuy vậy, dù vậy,...

+ và: ngoài ra, bên cạnh đó,...

+ vì thế: bởi vậy, vì vậy,...

## 6. Chọn từ ngữ thay cho mỗi bông hoa để liên kết các câu trong đoạn văn.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm đoạn văn và các từ ngữ cho trước, thử thay thế các từ ngữ vào bông hoa và đọc nhẩm lại đoạn để kiểm tra tính chính xác.

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, từng em hoặc một số em đọc đoạn văn đã điền từ ngữ có tác dụng liên kết, GV và cả lớp nhận xét, góp ý, thống nhất đáp án. Đáp án:

Tôi định ngủ một giấc. **Nhưng** những mảng màu rực rỡ ngoài ô cửa đã kéo tôi ra khỏi giấc ngủ. **Ban đầu**, tôi chỉ thấy màu xanh. Nhìn từ trên máy bay, Ấn Độ Dương trông như viên đá lam ngọc lấp lánh, còn đảo Ma-đa-ga-xca thì như viên ngọc lục bảo đính trên viên đá này. **Sau đó**, tôi mới thấy giữa dải màu xanh tuyệt đẹp, thỉnh thoảng lộ ra khoảng màu nâu đỏ. Đó chính là những nơi rừng bị chặt phá. Nhìn từ trên cao, chúng như những vết thương của rừng già vậy. **Thế là** dù chưa đặt chân lên Ma-đa-ga-xca, tôi đã cảm thấy xót xa như chính mình bị thương tổn...

(*Theo* Ái Nguyệt Vi Tiếu, Hương Giang *dịch*)

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết 3 – 4.

## TIẾT 5

### 1. Thực hiện 1 trong 2 yêu cầu.

a. *Trao đổi với bạn về các sự việc được thể hiện trong một tranh trong SHS và cảm xúc của những người trong tranh đó.*

b. *Kể với bạn một sự việc đáng nhớ mà em đã trải qua và chia sẻ cảm xúc của em khi đó.*

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc thầm yêu cầu của bài tập và chọn 1 trong 2 yêu cầu, chuẩn bị các ý cho phần trình bày của mình.

– HS làm việc theo hướng dẫn của GV, sau đó kể hoặc trao đổi trong nhóm. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, góp ý để HS hoàn thiện phần trình bày.

– GV có thể mời 2 – 3 đại diện nhóm trình bày trước lớp. GV cùng cả lớp nhận xét, góp ý về phần trình bày của các nhóm hoặc cá nhân.

### 2. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc ở bài tập 1.

– HS làm việc cá nhân, nhớ lại các ý đã trình bày miệng và viết đoạn văn ra nháp hoặc vở.

– HS đọc bài làm của mình trong nhóm, cả nhóm góp ý.

– GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS. (Nếu không đủ thời gian, GV nhắc HS về nhà hoàn thành yêu cầu của bài tập 2).

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

### 3. Trao đổi với bạn đoạn văn em vừa viết để góp ý cho nhau và chỉnh sửa bài viết.

– HS làm việc theo cặp, trao đổi bài viết cho nhau.

– HS đọc và nhận xét bài của bạn:

+ Nêu những ưu điểm HS có thể học tập trong bài của bạn.

+ Góp ý sửa lỗi trong bài.

+ Góp ý để bạn viết câu/ đoạn hay hơn.

– GV lưu ý, HS có thể ghi chép vào sổ tay những điều mình học được từ bài của bạn.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

# B. PHẦN II – ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II

## TIẾT 6 – 7

Tuần 27 có 7 tiết, trong đó:

– 5 tiết dành cho ôn tập.

– 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá giữa học kì.

SHS có giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra giữa học kì. GV có thể giới thiệu cấu trúc của phiếu kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Viết một đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu.

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực HS và điều kiện của lớp.

**Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo**

ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ II

(Đề tham khảo)

### A. ĐỌC

#### 1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

**Đọc thành tiếng**

– GV nhắc HS thực hiện đọc thành tiếng:

+ Chú ý đọc đúng các tiếng dễ phát âm sai (VD: *nở, nắng, đuổi, buổi, lúa, lửa, giã, quả đỏ, lấp ló*,...).

+ Đọc diễn cảm cả bài.

– GV mời 1 – 2 HS xung phong đọc cả bài.

**Trả lời câu hỏi**

– GV nhắc HS các bước chuẩn bị trả lời câu hỏi.

+ Tìm khổ thơ có chứa nội dung, chi tiết hoặc từ ngữ trả lời cho câu hỏi.

+ Đọc thầm lại khổ thơ, trả lời câu hỏi.

– Với mỗi câu hỏi, GV mời 1 – 2 HS trả lời và thống nhất đáp án.

a. *Bài thơ nhắc đến những cơn mưa vào thời gian nào? Khi đó, mọi người làm gì?*

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

| Mưa vào thời gian | Hoạt động của mọi người |
|---|---|
| Mưa như rây bột vào mùa xuân | |
| Mưa rào vào tháng Năm | Chị ra đồng hai buổi |
| Mưa dài vào tháng Mười | Bà cười, giã ngô |

b. *Em hiểu "cơn mưa của con" trong bài thơ nói về điều gì?*

"Cơn mưa của con" là nước tưới cây, con là người mang cơn mưa đến cho cây cối, giúp cho cây cối tươi tốt. (HS có thể dựa vào tranh minh hoạ và các chi tiết trong bài thơ để trả lời câu hỏi này: Đây cơn mưa của con/ Từ đôi bàn tay son/ Từ búp sen thùng tưới/ Mưa xoè đầy lá non.)

## 2. Đọc hiểu.

– GV nhắc HS các bước thực hiện yêu cầu đọc hiểu:

+ Đọc thầm câu chuyện *Mùa mật mới.*

+ Đọc thầm từng câu hỏi.

+ Đối với mỗi câu hỏi, xem lại câu chuyện để tìm đoạn chứa nội dung trả lời. Đọc thầm đoạn đó, trả lời câu hỏi bằng lời hoặc loại trừ các phương án sai (đối với câu hỏi lựa chọn đáp án).

– GV mời 1 – 2 HS trả lời mỗi câu hỏi và chốt đáp án với HS.

**Câu 1**. *Để lấy mật, bà đã chuẩn bị những gì?* Bà chuẩn bị nồi, chõ, chậu sành, gùi lá mật, bếp.

**Câu 2.** *Sắp xếp các hoạt động theo trình tự của việc lấy mật.*

e. Khều trứng ong và ong non ra khỏi lá mật.

d. Bắc nồi chõ lên bếp.

b. Đặt chậu sành lên miệng chõ.

a. Gác những lá mật trong góc chậu sành.

c. Canh lá mật cho sáp bịt các lỗ mật chảy ra.

g. Để mật nguội.

h. Gạt sáp ra và chắt mật vào vò.

**Câu 3.** *Mật sau khi thu được có hương vị ra sao?* Mật sau khi thu được có hương thơm ngọt ngào, vị ngăm ngăm đắng hoặc ngọt đậm.

**Câu 4.** *Niềm vui "được mùa mật" của các nhân vật trong câu chuyện được thể hiện như thế nào?* Bà sung sướng nói chưa năm nào được mùa mật như năm nay, ba bà cháu vui vẻ bàn bạc chuyện mua đồ.

**Câu 5.** *Theo em, những tình cảm nào được thể hiện trong câu chuyện? Những chi tiết nào cho em biết điều đó*?

Câu chuyện nói về tình cảm gia đình, bà cháu và tình cảm cộng đồng, làng xóm.

– Tình cảm gia đình, bà cháu, thể hiện qua các chi tiết: (1) Cảnh ba bà cháu quây quần canh mật, làm bánh, trò chuyện; (2) Bà chỉ nghĩ đến việc mua đồ cho cả nhà, không nghĩ đến bản thân mình; (3) Cháu nhận ra điều đó, nghĩ đến việc mua thuốc cho bà đỡ đau xương,...

– Tình cảm cộng đồng, làng xóm, thể hiện qua việc bà mời gia đình bác thợ gỗ sang ăn bánh mừng mùa mật.

**Câu 6.** *Viết 2 – 3 câu nêu cảm nghĩ của em về người bà trong câu chuyện.* (Tuỳ HS viết.)

**Câu 7.** *Tìm câu đơn và câu ghép trong những câu văn đã cho.*

| Câu đơn | Câu ghép |
|---|---|
| b. Mật lẫn sáp rỏ đều đều xuống chậu.<br>d. Chậu mật trên bếp đầy dần.<br>e. Mùi mật nóng hổi, thơm ngọt ngào bay ra ngoài. | a. Trên miệng chõ, bà đặt cái chậu sành, bên trong góc chậu, bà gác những lá mật.<br>c. Hơi nóng bốc nghi ngút, sáp bịt các lỗ mật chảy ra. |

**Câu 8.** *Dùng kết từ (hoặc cặp kết từ) để nối các câu đơn thành câu ghép.* (Đáp án tham khảo: Canh lá mật là cách lấy mật ngày xưa, **còn** cách lấy mật phổ biến hiện nay là vắt tay hoặc quay lá mật.; Mật có thể đổi lấy đồ dùng cần thiết cho sinh hoạt hằng ngày **nên** ba bà cháu rất vui khi được mùa mật.;...).

**Câu 9.** *Trong đoạn, từ ngữ thay thế nào có tác dụng liên kết câu?*

Khi bánh đã vớt ra đầy mâm, bà ghé đầu ra cửa gọi gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm. Bà mời họ sang nếm mật mới và ăn bánh, mừng mùa mật.

Từ ngữ thay thế

*họ* thay cho *gia đình bác thợ gỗ bên hàng xóm.*

**Câu 10.** *Viết một đoạn văn dựa vào các ý, trong đó có sử dụng các từ ngữ:* ***đầu tiên, tiếp theo, sau đó, cuối cùng.***

VD: **Đầu tiên**, bà chuẩn bị nồi, chõ, chậu sành, gùi lá mật. **Tiếp theo**, bà khều trứng ong và ong non. **Sau đó**, bà canh lá mật. **Cuối cùng**, bà gạt sáp, chắt mật vào vò.

## B. VIẾT

Chọn 1 trong 2 đề viết bài văn (viết bài văn tả một người lớn tuổi mà em yêu quý hoặc viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc khiến em xúc động).

– GV hướng dẫn HS:

+ Đọc thầm cả 2 đề.

+ Lựa chọn 1 đề phù hợp với năng lực của bản thân.

+ Thực hành viết bài.

– GV chấm, chữa nhanh 1 – 2 bài viết.

# TIẾP BƯỚC CHA ÔNG

## TUẦN 28

## Bài 17 NGHÌN NĂM VĂN HIẾN (3 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng văn bản thông tin *Nghìn năm văn hiến* có bảng biểu.

b. Nhận biết được thông tin chính trong bài. Nắm được thông tin của bài đọc: Nước ta có truyền thống hiếu học và nền văn hiến lâu đời.

**2.** Biết sử dụng đại từ, kết từ và hiểu đúng sắc thái, quan hệ ý nghĩa của chúng trong câu.

**3.** Nắm được cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa trong cuộc sống và nội dung của từng phần trong đoạn văn.

**4.** Tự hào về truyền thống văn hiến lâu đời của nước ta và thêm yêu quê hương, đất nước.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Văn bản thông tin (có bảng biểu).

– Đại từ, kết từ.

#### 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh, thông tin về di tích lịch sử Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở Hà Nội.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1

### GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

– GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Hôm nay, các em bước sang chủ điểm thứ 7: *Tiếp bước cha ông*. Hãy quan sát tranh chủ điểm và cho biết bức tranh muốn nói với em điều gì ở chủ điểm này.

– HS phát biểu theo cảm nhận cá nhân. GV có thể tổng kết các ý kiến của HS và nói thêm về ý nghĩa của bức tranh, VD: Ở chủ điểm *Tiếp bước cha ông*, các bài đọc nói về truyền thống tốt đẹp được thế hệ trước truyền cho thế hệ sau, thế hệ sau tiếp bước thế hệ cha ông đi trước. Đó là truyền thống yêu nước, tinh thần đấu tranh bảo vệ chủ

quyền của dân tộc. Chủ điểm này sẽ giúp các em cảm nhận về một đất nước Việt Nam ngày một đổi thay, phát triển,...

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện hoạt động: GV có thể hỏi HS đã đến thăm di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám bao giờ chưa; với HS đã đến thăm di tích này, GV cho HS chia sẻ những gì đã thấy, đã đọc được ở nơi đây; với HS chưa được đến thăm, có thể quan sát bức ảnh và chia sẻ những điều mình cảm nhận được từ bức ảnh.

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: Chia sẻ trong nhóm những điều đã biết về di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám.

– 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

– GV cho HS quan sát tranh ảnh (nếu có chuẩn bị), chia sẻ thêm thông tin về di tích này (có thể nói rõ hơn về các bức ảnh trong bài). Ảnh đầu: cổng chính của khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám; ảnh trong bài: bia Tiến sĩ.

– Giới thiệu bài mới: GV nhắc lại nội dung được thể hiện trong các bức ảnh thuộc khu di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám, giới thiệu bài đọc *Nghìn năm văn hiến* (VD: Chúng ta vừa chia sẻ về di tích Văn Miếu – Quốc Tử Giám. Tìm hiểu bài đọc *Nghìn năm văn hiến*, chúng ta sẽ biết rõ hơn về lịch sử của di tích này.).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc toàn bài, giọng đọc thể hiện tình cảm trân trọng, tự hào; đọc rõ ràng, rành mạch bảng thống kê theo trình tự cột ngang.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc các tiếng dễ phát âm sai, VD: *giếng Thiên Quang, hàng muỗm già, chứng tích,...*

+ Đọc bảng thống kê theo trình tự cột ngang, như sau:

*Triều đại/ Lý/ Số khoa thi/ 6/ Số tiến sĩ/ 11/ Số trạng nguyên/ 0/*

*Triều đại/ Trần/ Số khoa thi/ 14/ Số tiến sĩ/ 51/ Số trạng nguyên/ 9/*

...

*Tổng cộng/ Số khoa thi/ 185/ Số tiến sĩ/ 2 896/ Số trạng nguyên/ 47/*

– HS luyện đọc trong nhóm, đọc nối tiếp 3 đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *cũng được học ở đây*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến hết *bảng thống kê*.

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV lưu ý cho nhiều HS được đọc bảng thống kê.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 1 – 2 HS đọc cả bài trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc phần chú giải từ ngữ trong SHS. GV có thể giải thích thêm: Văn Miếu Thăng Long nay là Văn Miếu – Quốc Tử Giám là quần thể di tích lịch sử – văn hoá ở Thủ đô Hà Nội.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Vị vua nào đã cho xây dựng Văn Miếu Thăng Long? Công trình đó được xây dựng vào năm nào?*

HS làm việc chung cả lớp.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, nhắc lại yêu cầu. GV dành thời gian cho HS đọc thầm phần đầu của đoạn 1, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV mời 2 HS trả lời, các bạn khác nhận xét, bổ sung. GV chốt đáp án: Vua Lý Thánh Tông đã cho xây Văn Miếu Thăng Long. Công trình đó được xây dựng vào năm 1070.

**Câu 2.** *Ở Văn Miếu Thăng Long, vua còn cho xây Quốc Tử Giám để làm gì?*

HS làm việc chung cả lớp.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, nhắc lại yêu cầu. GV dành thời gian cho HS đọc thầm phần cuối đoạn 1, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

– GV mời 2 HS trả lời câu hỏi, các bạn khác nhận xét, bổ sung. GV chốt đáp án: Vua còn cho xây Quốc Tử Giám để làm nơi dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc. Về sau, học trò giỏi là con em dân thường cũng được học ở đây.

**Câu 3.** *Bảng thống kê cho biết những thông tin gì về các khoa thi từ năm 1075 đến năm 1919? Triều đại nào tổ chức nhiều khoa thi nhất và có nhiều tiến sĩ nhất?*

HS làm việc chung cả lớp.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, nhắc lại yêu cầu. GV dành thời gian cho HS đọc thầm bảng thống kê, suy nghĩ để tìm câu trả lời.

– GV mời 2 HS trả lời, các bạn khác nhận xét, bổ sung. GV có thể cho HS đọc số liệu cụ thể của các triều đại. GV và HS chốt đáp án:

Bảng thống kê cho biết các thông tin: những triều đại có tổ chức khoa thi; số khoa thi, số tiến sĩ, số trạng nguyên của mỗi triều đại. Triều Lê tổ chức nhiều khoa thi nhất với 104 khoa thi và có nhiều tiến sĩ nhất với 1 780 tiến sĩ.

**Câu 4.** *Tìm những chi tiết trong bài cho biết ông cha ta luôn coi trọng việc đào tạo nhân tài.*

HS làm việc nhóm.

– HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: đọc lướt toàn bài; trao đổi, trả lời câu hỏi.

– HS làm việc nhóm, nhóm trưởng mời một bạn nêu ý kiến, các bạn khác bổ sung; nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 nhóm nêu câu trả lời đã thống nhất.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. VD: Có thể nêu các chi tiết như:

+ Sau khi xây Văn Miếu, vua cho xây Quốc Tử Giám làm chỗ dạy học cho các hoàng tử và con em quý tộc. Về sau, học trò giỏi là con em dân thường cũng được học ở đây.

+ Từ năm 1075 đã mở khoa thi tiến sĩ, ngót 10 thế kỉ đã tổ chức được 185 khoa thi, lấy đỗ gần 3 000 tiến sĩ.

+ Cho dựng bia tiến sĩ để khắc tên tuổi của 1 306 vị tiến sĩ (tính đến năm 1779).

**Câu 5.** *Bài đọc giúp em hiểu điều gì về truyền thống khoa cử của Việt Nam?*

HS làm việc nhóm.

– HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm: đọc lướt toàn bài; trao đổi, trả lời câu hỏi.

– HS làm việc nhóm, nhóm trưởng mời một bạn nêu ý kiến, các bạn khác bổ sung; nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 nhóm nêu câu trả lời đã thống nhất trong nhóm.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án. VD: Nước ta có truyền thống coi trọng đạo học (thể hiện ở các ý trả lời câu hỏi 4); Nước ta có truyền thống nghìn năm văn hiến vì nước ta đã mở khoa thi tiến sĩ từ rất sớm, 82 tấm bia tiến sĩ ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám là chứng tích cho truyền thống này. Chúng ta tự hào vì có nền văn hiến lâu đời.

### 4. Luyện đọc lại

– GV đọc bảng thống kê.

– HS luyện đọc bảng thống kê.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LUYỆN TẬP VỀ ĐẠI TỪ VÀ KẾT TỪ

### 1. Tìm đại từ nghi vấn trong các câu đố và giải đố.

– GV nêu yêu cầu của bài tập (có thể chiếu bài tập 1 lên màn hình lớp hoặc yêu cầu HS đọc thầm).

– GV hướng dẫn HS làm bài tập:

+ HS làm việc cá nhân, đọc các câu đố và tìm đáp án.

+ HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp theo từng phần. GV và HS nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Câu a: đại từ nghi vấn là "ai". Giải đố: là Ngô Quyền.

Câu b: đại từ nghi vấn là "gì". Giải đố: là bánh chưng.

## 2. Chọn từ (*đây, kia, này*) thay thế cho từ ngữ được in đậm trong đoạn văn.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện bài tập:

+ HS làm việc nhóm, trao đổi và thống nhất kết quả.

+ Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Cây cầu **Long Biên** trông như... → Cây cầu **này** trông như...

+ **Cầu Long Biên** là cây cầu... → **Đây** là cây cầu...

*Lưu ý*: GV có thể hỏi thêm HS về tác dụng của việc thay thế từ ngữ trong đoạn văn trên. (Đáp án: làm cho đoạn văn mạch lạc hơn, hay hơn, tránh lặp từ ngữ).

## 3. Chọn kết từ (*mà, cho, như, tuy ... nhưng ...*) thay cho bông hoa.

– GV nêu yêu cầu của bài tập (có thể chiếu lên màn hình lớp hoặc yêu cầu HS đọc trong SHS) và hướng dẫn HS thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân: Tìm kết từ phù hợp thay cho bông hoa. HS có thể ghi kết quả ra vở hoặc giấy nháp. GV quy định thời gian làm việc cá nhân.

+ HS làm việc theo nhóm để thống nhất kết quả.

+ Đại diện một số nhóm trình bày, GV và HS nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

a. Con người có tổ, có tông

**Như** cây có cội, **như** sông có nguồn.

b. Bầu ơi thương lấy bí cùng

**Tuy** rằng khác giống **nhưng** chung một giàn.

c. Lời nói chẳng mất tiền mua

Lựa lời **mà** nói **cho** vừa lòng nhau.

d. Công cha **như** núi ngất trời

Nghĩa mẹ **như** nước ngời ngời Biển Đông

Núi cao biển rộng mênh mông

Cù lao chín chữ, ghi lòng con ơi!

## 4. Viết đoạn văn (3 – 5 câu) giới thiệu về một vị anh hùng dân tộc, trong đó có sử dụng đại từ và kết từ.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS làm việc cá nhân, quy định thời gian cụ thể.

Trong lúc HS làm bài, GV bao quát lớp và hỗ trợ những HS gặp khó khăn, nhắc HS nhớ về một số vị anh hùng dân tộc đã được học trong chương trình, lưu ý HS sử dụng đại từ và kết từ.

– 3 – 4 HS trình bày đoạn viết của mình trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

GV lưu ý bài tập có đáp án mở. HS được tự do diễn đạt nội dung theo những hiểu biết của mình. GV khen những HS có các câu văn sử dụng tốt và đúng kết từ và đại từ.

# TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

Đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng là kiểu bài mới trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018*. Kiểu bài này gồm 5 tiết. Tiết 1: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành. Tiết 2: Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành. Tiết 3: Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành. Tiết 4: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến tán thành. Ở tiết 4 (Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến tán thành), GV tập trung sửa lỗi cho HS trên các phương diện: cách triển khai ý, cách nêu lí do và dẫn chứng để làm rõ ý kiến tán thành, lỗi diễn đạt, lỗi chính tả,... Lên cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông, kiểu bài này sẽ được lặp lại và được xếp vào kiểu bài nghị luận xã hội. Để tạo cơ hội cho HS được luyện tập nhiều lần một kiểu bài, sách *Tiếng Việt 5* đã thiết kế tiết 5 – tiết luyện viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành (vòng 2).

### 1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu mục tiêu của tiết học: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

– GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu: Đọc đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc cần phải bảo vệ di sản cha ông để lại và lần lượt thực hiện 4 yêu cầu theo các bước:

+ Bước 1: Đọc thầm, đọc thành tiếng đoạn văn.

+ Bước 2: Dựa vào đoạn văn vừa đọc, HS suy nghĩ, tìm câu trả lời lần lượt cho 4 yêu cầu.

a. *Đoạn văn nói về sự việc gì? Người viết có ý kiến thế nào về sự việc đó?*

Đáp án: Đoạn văn nói về việc cần bảo vệ di sản của cha ông để lại. Người viết tán thành ý kiến đó.

b. *Xác định các phần (mở đầu, triển khai, kết thúc) của đoạn văn.*

Đáp án:

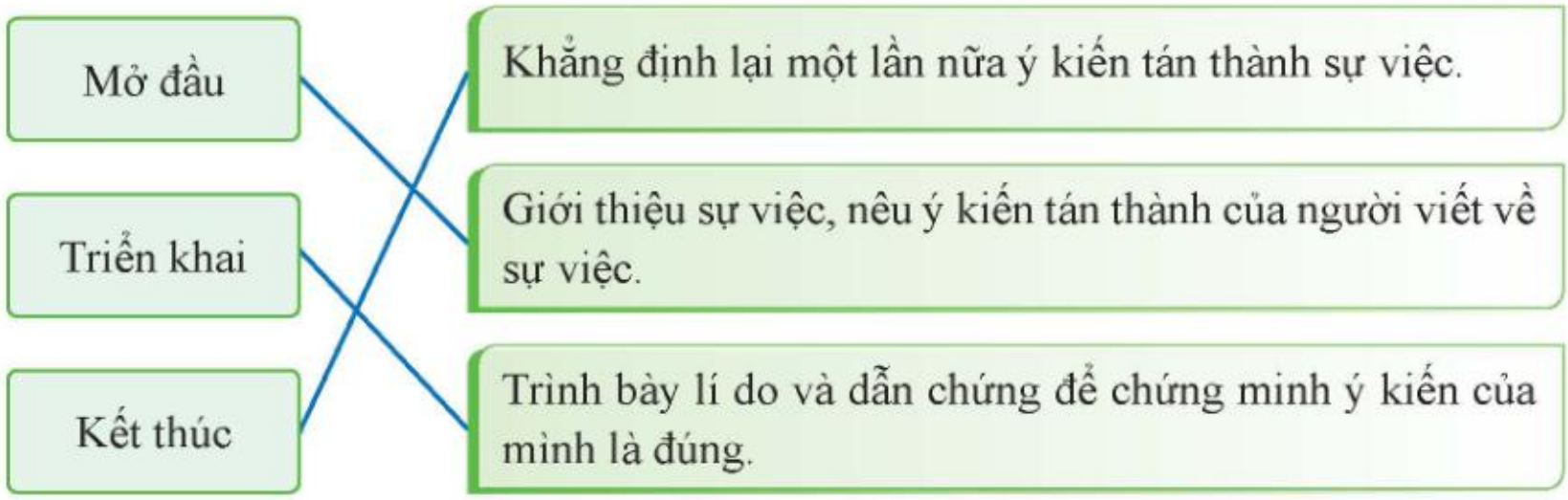
+ Phần mở đầu: Từ đầu đến câu *rất tán thành ý kiến này*.

+ Phần triển khai: Tiếp theo đến *nối kết quá khứ với hiện tại.*

+ Phần kết thúc: Câu cuối cùng của đoạn văn.

c. *Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.*

Đáp án:




d. *Trong phần triển khai, người viết đã đưa ra lí do và những dẫn chứng nào để chứng minh ý kiến của mình là đúng?*

Mục đích của bài tập này là nhằm giúp HS nhận biết câu nêu lí do và câu nêu dẫn chứng. GV hướng dẫn HS làm bài tập như sau:

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập, sau đó tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, nêu thời gian cần hoàn thành nhiệm vụ.

– HS đọc thầm lại đoạn văn tìm câu nêu lí do tán thành ý kiến và câu nêu dẫn chứng để làm sáng tỏ lí do. HS có thể viết câu trả lời vào vở, giấy, phiếu học tập,... hoặc có thể dùng bút chì gạch dưới những câu nêu lí do và dẫn chứng.

– GV cho HS trình bày sản phẩm hoặc nêu câu trả lời. GV có thể tổng hợp ý kiến của HS theo bảng sau:

| Lí do | Dẫn chứng |
|---|---|
| Giữ gìn di sản cha ông để lại chính là giữ gìn thành quả lao động của những thế hệ trước. | – *Dẫn chứng thứ nhất*: Để có một công trình kiến trúc, một mái đình, ngôi chùa,... cha ông ta đã phải đổ biết bao mồ hôi, công sức lao động thậm chí cả xương máu. Biết bao khát vọng của người xưa được gửi gắm vào mỗi di sản đó.<br>– *Dẫn chứng thứ hai*: Từ những di sản của cha ông, chúng ta thấy lòng yêu quê hương, đất nước, tinh thần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |

## 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

– GV hướng dẫn HS cách chuẩn bị ý kiến để trao đổi: Đọc yêu cầu và gợi ý của bài tập 2, có thể đọc thầm, đọc lướt lại đoạn văn trong SHS, chỉ ra những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

– HS trao đổi nhóm theo hướng dẫn của GV, sau đó đại diện các nhóm phát biểu ý kiến.

– GV có thể chốt những điểm HS cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng (dựa trên phần Ghi nhớ).

– GV mời HS đọc Ghi nhớ trước lớp (đọc xong, có thể gấp sách lại, nêu những nội dung đã nhớ được sau bài học).

### VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu nêu ở hoạt động Vận dụng:

*1. Trao đổi với người thân về một chương trình truyền hình có tác động tích cực đối với học sinh.*

*2. Tìm đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam.*

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 17.

+ Đọc hiểu: *Nghìn năm văn hiến.*

+ Luyện từ và câu: *Luyện tập về đại từ và kết từ.*

+ Viết: *Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.*

– GV nhắc HS nhớ những nội dung quan trọng của Bài 17.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 18.

## BÀI 18 NGƯỜI THẦY CỦA MUÔN ĐỜI (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Người thầy của muôn đời*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời văn miêu tả tâm trạng của nhân vật. Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

b. Nhận biết được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian và địa điểm cụ thể; hiểu được suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Chu Văn An là một người thầy mẫu mực của nhiều thế hệ học trò. Bằng một hành động cụ thể (dẫn học trò đến thăm người thầy giáo cũ của mình), ông đã dạy học trò biết trân trọng và nhớ ơn những người đã dạy mình. Vì thế, ông đã được các thế hệ học trò yêu mến, kính trọng và là tấm gương để các thế hệ học trò noi theo. Ông thực sự là người thầy của muôn đời.

c. Đọc mở rộng: Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam, viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về những suy nghĩ, cảm xúc về danh nhân trong cuốn sách đã đọc.

**2.** Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

**3.** Biết trân trọng công sức của những người đã dạy mình, hiểu rõ đạo lí "uống nước nhớ nguồn" của dân tộc ta.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Phương pháp dạy văn bản tự sự.

– Cách viết đoạn văn nghị luận.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Người thầy của muôn đời* và tranh ảnh minh hoạ một số văn bản thông tin có nhắc đến danh nhân trong lịch sử Việt Nam.

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS nêu tóm tắt nội dung bài đọc *Nghìn năm văn hiến* và mời 1 – 2 HS chia sẻ điều em thích nhất trong bài đọc đó.

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS trao đổi nhóm (*Nhan đề bài đọc **Người thầy của muôn đời** gợi cho em suy nghĩ gì?*).

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, khen HS có những ý kiến thú vị. (HS có thể diễn đạt theo nhiều cách khác nhau, VD: Bài đọc sẽ nói về một người thầy. Đây là người thầy mẫu mực được tất cả các thế hệ học trò tôn vinh, kính trọng và noi gương.)

– GV giới thiệu vào bài: Người được tôn vinh là người thầy của muôn đời chính là thầy giáo Chu Văn An. Chúng ta sẽ đọc câu chuyện để hiểu vì sao thầy Chu Văn An lại được coi là người thầy của muôn đời nhé.

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc. GV có thể đặt câu hỏi như: Em thấy gì trong tranh? Đoán xem họ đang làm gì, ở đâu. (Bức tranh vẽ một cụ già râu tóc bạc phơ đang ngồi trên chiếc chõng trước hiên của một ngôi nhà ở nông thôn. Tay cụ chống gậy, mặc áo dài thâm. Phía trước cụ có sáu người: người đàn ông thứ nhất trông khá già, mặc áo chùng, đầu đội khăn xếp; ba người đàn ông phía sau trẻ hơn, cũng mặc áo chùng, đầu đội khăn xếp; hai cậu bé tóc để trái đào. Cả sáu người đều khoanh tay kính cẩn trước mặt cụ già.)

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó giới thiệu khái quát nội dung câu chuyện *Người thầy của muôn đời* (VD: Chuyện kể về nhà giáo nổi tiếng đời Trần tên là Chu Văn An. Cụ có rất nhiều học trò, nhiều người thành đạt và nổi tiếng. Năm mừng thọ cụ giáo Chu tròn 60 tuổi, nhiều học trò từ xa đến chúc mừng thầy. Cụ giáo Chu dặn dò, bảo ban họ rồi dẫn họ đến thăm một người mà cụ mang ơn sâu nặng, đó là người thầy dạy vỡ lòng của cụ. Hành động của cụ giáo Chu đã mang lại cho học trò của cụ một bài học thấm thía về nghĩa thầy trò. Chúng ta cùng đọc câu chuyện này nhé.).

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc rõ ràng, diễn cảm, phù hợp với tâm trạng của nhân vật, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng). GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *những nhân vật nổi tiếng.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *mang ơn sâu nặng.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *đạo lí, nổi tiếng, tề tựu, sưu tầm, dạ ran, sưởi nắng, nặng tai, lần lượt,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Cụ đỗ cao/ nhưng không làm quan/ mà mở trường dạy học ở quê nhà/ nhằm truyền bá đạo lí/ và đào tạo nhân tài cho đất nước.;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú giải trong SHS. GV có thể giải thích thêm cho HS hoặc hướng dẫn HS tự tra từ điển những từ ngữ còn khó hiểu, VD: *nặng tai*: nghe không rõ, nghễnh ngãng, hơi điếc; *mừng thọ*: bày tỏ lòng biết ơn và yêu thương đối với người cao tuổi.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Đoạn mở đầu bài đọc giới thiệu những gì về thầy giáo Chu Văn An?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi 1, cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc cá nhân, đọc đoạn 1 và chuẩn bị câu trả lời.

+ Làm việc cả lớp. GV mời một số HS trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời và thống nhất đáp án.

Đáp án: Đoạn mở đầu giới thiệu thầy giáo Chu Văn An là người rất nổi tiếng ở đời Trần. Cụ đỗ cao nhưng không làm quan mà mở trường dạy học ở quê nhằm truyền bá đạo lí và đào tạo nhân tài cho đất nước. Trường của cụ rất đông học trò và nhiều người đã trở thành những nhân vật nổi tiếng.

**Câu 2.** *Tìm những chi tiết cho thấy các môn sinh rất kính trọng cụ giáo Chu.*

– GV chiếu câu hỏi lên bảng phụ, mời 1 HS đọc to câu hỏi. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 2 để tìm ý trả lời. Có thể làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm.

– Một số HS (hoặc đại diện một số nhóm) nêu câu trả lời trước lớp; GV và cả lớp nhận xét, bổ sung và thống nhất đáp án.

Đáp án: Ngay từ sáng sớm, các môn sinh đã tề tựu trước sân nhà cụ giáo Chu để mừng thọ thầy; Họ dâng biếu cụ những cuốn sách quý do chính họ sưu tầm và chép lại; Họ dạ ran khi cụ giáo Chu mời họ cùng tới thăm một người mà cụ mang ơn sâu nặng; Họ kính cẩn đi theo sau cụ.

**Câu 3.** *Hình ảnh cụ giáo Chu dẫn theo các môn sinh tới thăm người thầy dạy vỡ lòng của cụ nói lên điều gì?*

– GV mời 1 HS đọc trước lớp câu hỏi 3, cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc cá nhân, đọc đoạn 3 và chuẩn bị câu trả lời.

+ Làm việc cả lớp. GV mời một số HS trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời và thống nhất đáp án.

Đáp án: Thứ nhất, hình ảnh đó nói lên sự kính trọng và lòng biết ơn sâu nặng của cụ giáo Chu dành cho người thầy đầu tiên của mình. Thứ hai, hình ảnh đó cho thấy cụ giáo Chu muốn dạy cho học trò của mình truyền thống *Tôn sư trọng đạo*, *Uống nước nhớ nguồn* bằng chính việc làm của mình.

**Câu 4.** *Những hành động nào thể hiện tình cảm của cụ giáo Chu đối với người thầy của mình?*

– GV yêu cầu HS đọc câu hỏi 4 trong SHS.

– GV hướng dẫn HS đọc đoạn 3 để tìm câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: mời học trò đến thăm thầy giáo cũ; chắp tay cung kính, lạy thầy, vái tạ.

**Câu 5.** *Em học được điều gì từ câu chuyện trên?*

GV đọc câu hỏi và hướng dẫn HS cách làm việc.

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ về những điều học được từ câu chuyện.

– HS làm việc nhóm, từng em chia sẻ suy nghĩ của mình. Cả nhóm góp ý.

– Một số HS phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời. GV khen những HS có câu trả lời tốt và lớp bình chọn HS có câu trả lời hay nhất.

*Lưu ý*: Đây là dạng câu hỏi có đáp án mở. HS có thể có nhiều phương án trả lời. GV khuyến khích HS phát biểu suy nghĩ của riêng mình. HS có thể nói về bài học tôn sư trọng đạo, bài học thầy mẫu mực để trò noi theo.

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp; GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và làm việc cá nhân (GV quy định thời gian làm việc).

– Sau thời gian làm việc cá nhân, HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét kết quả và thống nhất đáp án.

**Câu 1.** *Tìm các câu ghép trong đoạn văn.*

Đáp án:

(2) Thế là thầy đi trước, trò theo sau.

(3) Các anh có tuổi đi ngay sau thầy, người ít tuổi hơn nhường bước, mấy chú tóc để trái đào đi sau cùng.

**Câu 2.** *Xác định các vế câu trong những câu ghép tìm được ở bài tập 1 và cho biết chúng được nối với nhau bằng cách nào.*

Đáp án:

Câu (2) có 2 vế: *Thế là thầy đi trước,/ trò theo sau*. Hai vế được nối với nhau bằng dấu phẩy.

Câu (3) có 3 vế: *Các anh có tuổi đi ngay sau thầy/ người ít tuổi hơn nhường bước/ mấy chú để trái đào đi sau cùng*. Các vế được nối với nhau bằng dấu phẩy.

**Câu 3.** *Đặt một câu ghép nói về tình cảm của em đối với thầy cô giáo.*

HS có thể đặt nhiều câu ghép khác nhau, miễn là đúng chủ đề và đúng cấu tạo của câu ghép. VD: Nghỉ hè, em rất nhớ các thầy cô và các bạn, em mong đến ngày tựu trường để được gặp lại mọi người.

# TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc lập Câu lạc bộ Đọc sách.

**Đề 2:** Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc phát triển hoạt động thể dục, thể thao trong nhà trường.

### 1. Chuẩn bị.

– GV dành thời gian cho HS nêu những điều cần ghi nhớ về cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của đề bài, suy nghĩ lựa chọn 1 trong 2 đề bài.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn trong SHS:

+ Đọc lướt lại đề bài được gợi ý.

+ Chọn đề bài có thể viết hay hơn (có nhiều hiểu biết, có dẫn chứng phong phú).

– GV có thể mời một số HS đọc đề bài đã chọn và giải thích lí do chọn đề bài đó.

GV lưu ý, tuỳ theo đối tượng HS, GV chủ động định hướng lựa chọn đề bài để HS thực hành hoạt động tìm ý cho đoạn văn.

### 2. Tìm ý.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm, đọc lướt các câu hỏi hướng dẫn tìm ý (theo 3 phần của đoạn văn) và liệt kê các ý cần có và sắp xếp ý.

– GV quan sát HS làm bài, đọc các ý đã nêu của một số HS để có những hỗ trợ phù hợp.

### 3. Góp ý và chỉnh sửa.

– HS đọc soát các ý đã tìm (theo hướng dẫn của SHS), tự chỉnh sửa.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, đọc bài làm của nhau và góp ý cho nhau.

– HS bổ sung hoặc chỉnh sửa theo góp ý của thầy cô và các bạn.

– GV có thể chốt những điểm cần lưu ý để tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.

## TIẾT 4

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam và viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV nêu yêu cầu đọc mở rộng (theo 3 mục trong SHS). GV giải thích: *Danh nhân* là người nổi tiếng, có danh tiếng, được xã hội trân trọng.

– HS làm việc cá nhân: Thực hiện yêu cầu 1, 2.

+ Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam. Xem gợi ý trong SHS về những cuốn sách viết về danh nhân để đọc và chia sẻ với bạn cách tìm sách báo.

+ Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS (có thể viết thêm những thông tin khác tuỳ theo nội dung sách báo đã đọc).

*Lưu ý*: GV nhắc HS đọc và ghi phiếu đọc sách không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn.

**2. Trao đổi.**

– HS làm việc theo nhóm, từng em nói về những suy nghĩ, cảm xúc về danh nhân trong sách báo đã đọc.

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn những điều mà các bạn chia sẻ.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc được nhiều sách, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

## VẬN DỤNG

– GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng theo hướng dẫn trong SHS (có thể dựa vào ghi chép trong phiếu đọc sách hoặc những điều bạn bè trao đổi trong tiết đọc mở rộng để viết giới thiệu).

– GV nhắc HS tìm thêm sách báo viết về danh nhân của Việt Nam để đọc và giới thiệu với các bạn những sách báo đã tìm được.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 18:

+ Đọc hiểu: *Người thầy của muôn đời*.

+ Viết: *Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng*.

+ Đọc mở rộng: *Đọc sách báo viết về một danh nhân của Việt Nam.*

– GV có thể hỏi HS những gì còn nhớ về bài đọc, viết,... đã học ở Bài 18.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 19.

# TUẦN 29

## Bài 19 DANH Y TUỆ TĨNH (3 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Danh y Tuệ Tĩnh* (hình thức truyện tranh), biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu phù hợp với nhân vật, sự việc trong câu chuyện.

b. Nhận biết được nội dung câu chuyện: Ca ngợi danh y Tuệ Tĩnh – người đã nêu cao tinh thần yêu nước, tự tôn dân tộc, có ý thức nối gót người đi trước trong việc tìm tòi, chế tạo các vị thuốc từ cây cỏ nước Nam và các phương thuốc được lưu truyền trong

dân gian. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh trong việc thể hiện suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật.

2. Biết nhận diện và phân biệt từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa. Biết chỉ ra mối liên hệ giữa các nghĩa của từ đa nghĩa.

3. Biết cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng (cách nêu ý kiến tán thành, cách nêu lí do, cách lựa chọn dẫn chứng để làm sáng tỏ ý kiến tán thành).

4. Biết thể hiện sự xúc động, trân trọng trước những suy nghĩ, việc làm thể hiện lòng yêu nước, tinh thần tự tôn, tự hào dân tộc.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Nhân vật và đặc điểm nhân vật trong tác phẩm văn học.

– Từ đồng nghĩa, từ đa nghĩa.

– Đoạn văn nêu ý kiến.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện.

– Tên các vị thuốc nam được bào chế từ cây cỏ.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Người thầy của muôn đời* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Tiếp bước cha ông?*).

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV nêu tên bài học *Danh y Tuệ Tĩnh* và giao nhiệm vụ cho các nhóm: *Kể tên một số loại cây được dùng làm thuốc chữa bệnh mà em biết.*

– HS trao đổi nhóm, sau đó 1 – 2 HS phát biểu trước lớp. VD: cây bạc hà (chữa ngạt mũi, cảm cúm,...), bạch hoa xà (chữa viêm họng, hen suyễn,...), bồ công anh (chữa mụn nhọt, giải độc),... Từ ý kiến của HS, GV nói thêm: Từ xưa, cha ông ta đã tìm tòi, bào chế ra các bài thuốc từ cây cỏ. Bài *Danh y Tuệ Tĩnh* sẽ giúp các em hiểu rõ điều đó.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ phù hợp; những tình tiết gây ấn tượng hoặc từ ngữ thể hiện suy nghĩ, tâm trạng, cảm xúc của các nhân vật,...).

GV hỏi HS có ấn tượng với chi tiết nào (1 – 2 em phát biểu).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc lần lượt các đoạn dưới tranh. Đọc chữ dưới mỗi tranh trước, rồi mới đọc lời thoại được viết trên tranh.

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *lên núi Nam Tào, Bắc Đẩu, ấp ủ từ lâu, luyện tập võ nghệ,...*

+ Đọc diễn cảm lời nói của các nhân vật: *Hắn là điều **cao siêu** lắm, thầy mới **ấp ủ** lâu như thế.; Điều ta sắp nói **không cao** như núi Thái Sơn, **chẳng xa** như biển Bắc Hải...;...*

– GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp các đoạn (gắn với tranh) theo cặp.

– 2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ ở cuối bài đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài còn chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS (hoặc có cách tổ chức khác, VD: Các nhóm tự trả lời lần lượt 5 câu hỏi, sau đó GV mời HS nêu câu trả lời trước lớp).

**Câu 1.** *Danh y Tuệ Tĩnh dẫn các học trò lên núi Nam Tào, Bắc Đẩu để nói với các trò điều gì?*

– GV nêu câu hỏi và mời HS xung phong trả lời trước lớp (vì đã đặt câu hỏi trước khi HS nghe đọc, luyện đọc thành tiếng).

– GV tổng hợp các ý kiến, VD: Danh y Tuệ Tĩnh dẫn các học trò lên núi Nam Tào, Bắc Đẩu để nói với các trò về điều mình ấp ủ đã lâu. Đó là ý nguyện nối gót người đi trước: tìm tòi, bào chế các vị thuốc nam từ cây cỏ trên non sông gấm vóc tổ tiên để lại để chữa bệnh cho người Nam.

**Câu 2.** *Câu chuyện mà Tuệ Tĩnh kể cho học trò nghe xảy ra vào thời gian nào? Tình hình đất nước lúc bấy giờ ra sao?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. (VD: Câu chuyện mà danh y Tuệ Tĩnh kể cho học trò nghe xảy ra vào thời đại nhà Trần. Khi đó, đất nước ta đang bị giặc ngoại xâm nhòm ngó. Vua quan nhà Trần chỉ huy quân sĩ luyện tập võ nghệ, rèn vũ khí, chuẩn bị lương thực, thuốc men, phòng giữ bờ cõi rất cẩn trọng.)

**Câu 3.** *Tóm tắt nội dung câu chuyện mà Tuệ Tĩnh đã kể.*

– GV nêu yêu cầu (chỉ tóm tắt câu chuyện mà Tuệ Tĩnh kể cho các học trò nghe). Mời HS cho biết câu chuyện Tuệ Tĩnh kể cho học trò được thể hiện qua những đoạn nào? (Đáp án: đoạn 2, 3, 4, 5). GV lưu ý HS: Số câu tóm tắt cho mỗi đoạn phải ít hơn số câu hiện có trong từng đoạn (2, 3, 4, 5) của câu chuyện.

– HS làm việc nhóm, cùng tóm tắt câu chuyện, có thể viết vào vở, vào phiếu học tập hoặc vở bài tập (nếu có).

– Đại diện một số nhóm tóm tắt câu chuyện trước lớp. (VD: Bấy giờ, giặc ngoại xâm nhòm ngó nước ta. Vua quan nhà Trần chỉ huy quân sĩ luyện võ nghệ, rèn vũ khí, chuẩn bị lương thực, phòng giữ bờ cõi. Từ lâu, việc vận chuyển thuốc men, vật dụng từ Trung Quốc sang nước ta đã bị ngăn cấm. Các thái y toả đi mọi miền học cách chữa bệnh bằng cây cỏ. Vườn thuốc mọc lên khắp nơi, trong đó có núi Nam Tào, Bắc Đẩu. Cây cỏ nước Nam đã góp phần làm cho quân ta thêm hùng mạnh, chiến thắng kẻ thù xâm lược.)

**Câu 4.** *Theo em, vì sao ý nguyện của Tuệ Tĩnh trở thành hiện thực và tiếp tục được kế thừa, phát huy cho đến ngày hôm nay?*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ.

– HS trả lời câu hỏi theo nhóm hoặc trước cả lớp. (HS có thể có những câu trả lời khác nhau theo suy luận của mình. VD: Ý nguyện của Tuệ Tĩnh đã trở thành hiện thực và tiếp tục được kế thừa, phát huy cho đến ngày hôm nay bởi ông đã truyền cho các học trò của mình lòng yêu nước, sự tự tôn, tự hào dân tộc./ Vì ý nguyện của Tuệ Tĩnh là ý nguyện chân chính, vì dân, vì nước nên đã thuyết phục được học trò và các thế hệ sau./,...)

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, sâu sắc.

**Câu 5.** *Nêu cảm nghĩ của em về danh y Tuệ Tĩnh.*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc theo nhóm hoặc theo lớp (tuỳ thời gian thực tế).

– HS trả lời câu hỏi theo cảm nhận của mình. GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện những suy nghĩ sâu sắc. (VD: Danh y Tuệ Tĩnh là người có tài, có đức. Ông đã truyền lại cho thế hệ sau những lẽ sống cao đẹp./,...)

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– Làm việc cá nhân. HS đọc toàn bài.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp, nếu còn thời gian); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

# TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LUYỆN TẬP VỀ TỪ ĐỒNG NGHĨA VÀ TỪ ĐA NGHĨA

### 1. Chọn từ thích hợp nhất trong các từ đồng nghĩa (in nghiêng) thay cho mỗi bông hoa.

– GV gọi 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 1. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập:

+ HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn văn ở bài tập 1, chọn từ thích hợp nhất cho các câu theo yêu cầu, ghi kết quả ra giấy nháp.

+ HS làm việc nhóm, thảo luận và thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

Từ nhỏ, Lương Thế Vinh đã **nổi tiếng** về óc **quan sát** và tính toán. Một hôm, cậu đem một quả bưởi ra bãi cỏ làm bóng chơi với các bạn. Đang chơi, bỗng quả bưởi **lăn** xuống một cái hố gần đó. Bọn trẻ nhìn xuống cái hố đầy nuối tiếc. Vinh bảo bọn trẻ lấy nước đổ vào cái hố ấy. Nước **dâng** đến đâu, bưởi nổi lên đến đó.

### 2. Tìm từ không đồng nghĩa với những từ còn lại trong mỗi dãy từ.

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS cách thực hiện bài tập:

+ HS làm việc nhóm, trao đổi và thống nhất kết quả.

+ Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án: a. bạn bè, b. liều lĩnh, c. nhà nước.

### 3. Đọc đoạn thơ và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 3 và hướng dẫn HS cách thực hiện.

a. *Mỗi từ in đậm trong đoạn thơ được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển?*

– HS làm việc cá nhân, đọc đoạn thơ và xác định nghĩa của 4 từ in đậm (*chân, cánh, lá, ngọn*). GV lưu ý HS có thể dùng từ điển để tra nghĩa của từ và xác định từ đó được dùng với nghĩa gốc hay nghĩa chuyển.

– HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Những từ in đậm được dùng với nghĩa gốc: *chân, cánh, lá*

+ Từ in đậm được dùng với nghĩa chuyển: *ngọn*

b. *Đặt một câu có từ in đậm được sử dụng với nghĩa chuyển.*

– GV hướng dẫn HS đặt câu theo mẫu: Rừng là **lá phổi** xanh của Trái Đất.

+ HS làm việc cá nhân, chọn một từ in đậm để đặt câu theo mẫu, ghi ra giấy.

+ HS làm việc theo nhóm đôi, góp ý cho nhau.

+ Một số HS trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS đặt được câu đúng và hay.

Đáp án: HS có thể có nhiều câu khác nhau. VD:

+ Mùa mưa đến, những gia đình sống dưới *chân núi* lại nơm nớp lo núi lở.

+ Từ nhỏ tôi đã ước mơ được đi trên một chiếc thuyền có *cánh buồm* đỏ thắm.

+ *Ngọn đuốc* trên tay phải của tượng Nữ thần Tự do ở Mỹ tượng trưng cho tự do, bình đẳng, bác ái.

## 4. Từ *ăn* trong mỗi nhóm từ dưới đây mang nghĩa nào?

| | |
|---|---|
| *ăn xăng, ăn dầu* | Tự cho thức ăn vào cơ thể |
| *ăn cơm, ăn cỏ* | Ăn uống nhân dịp gì đó |
| *ăn cưới, ăn giỗ* | (Máy móc, xe cộ) tốn nhiều nhiên liệu khi hoạt động |

– GV nêu yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc cá nhân, đọc kĩ ba nghĩa của từ *ăn*, tìm nghĩa thích hợp cho mỗi nhóm từ. HS có thể sử dụng từ điển để tra cứu và ghi kết quả bài làm ra vở hoặc giấy nháp. GV quy định thời gian làm việc cá nhân.

– HS làm việc theo nhóm để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

+ Tự cho thức ăn vào cơ thể: *ăn cơm, ăn cỏ*.

+ Ăn uống nhân dịp gì đó: *ăn cưới, ăn giỗ*.

+ (Máy móc, xe cộ) tốn nhiều nhiên liệu khi hoạt động: *ăn xăng, ăn dầu*.

## 5. Viết đoạn văn (3 – 4 câu) nêu cảm nghĩ về danh y Tuệ Tĩnh, trong đó có sử dụng một cặp từ đồng nghĩa.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS làm việc: Dựa vào những thông tin đã có trong bài đọc *Danh y Tuệ Tĩnh*, viết đoạn văn nêu cảm nghĩ của mình về danh y Tuệ Tĩnh.

– GV lưu ý về yêu cầu dùng một cặp từ đồng nghĩa. VD, cặp đồng nghĩa có thể là: mất, qua đời, hi sinh; thử thách, khó khăn; đất nước, non sông,...

– HS làm việc cá nhân. GV quy định thời gian cụ thể. Trong lúc HS làm bài, GV bao quát lớp và hỗ trợ những HS gặp khó khăn.

– 3 – 4 HS trình bày đoạn văn của mình trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

GV lưu ý, bài tập này có đáp án mở. HS được tự do diễn đạt ý của mình. GV khen những HS viết được đoạn văn hay, đúng chủ đề, sử dụng đúng cặp từ đồng nghĩa.

# TIẾT 3

## VIẾT

## VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

## (Bài viết số 1)

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc lập Câu lạc bộ Đọc sách.

**Đề 2:** Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành việc phát triển hoạt động thể dục, thể thao trong nhà trường.

### 1. Dựa vào các ý tìm được trong hoạt động Viết ở Bài 18, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài đã chọn.

– GV yêu cầu HS đọc kĩ đề bài trong SHS để lựa chọn đề bài phù hợp với mình. Sau đó đọc phần lưu ý.

– GV nhắc HS:

+ Phần mở đầu: Cần giới thiệu được sự việc và nêu được ý kiến tán thành của bản thân đối với sự việc đó.

+ Phần triển khai: Nêu được lí do tán thành sự việc, hiện tượng được nói tới, VD: những tác động tích cực hoặc ý nghĩa của sự việc, hiện tượng,... đối với cộng đồng; dẫn chứng phải tiêu biểu và làm sáng tỏ lí do.

+ Phần kết thúc: Khẳng định lại ý kiến tán thành bằng cách nhắc lại ý kiến tán thành hoặc khẳng định ý nghĩa của sự việc, hiện tượng đối với bản thân và cộng đồng.

– HS làm việc cá nhân: Dựa vào các ý tìm được ở Bài 18, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. Chẳng hạn:

+ Hỗ trợ những em có hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu,...).

+ Hỗ trợ, khích lệ HS tìm được lí do xác đáng, dẫn chứng điển hình.

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em sửa chữa.

### 2. Đọc soát và chỉnh sửa lỗi (nếu có).

– Cá nhân đọc rà soát bài làm của mình. Tập trung vào lỗi bố cục (Bài viết có đầy đủ 3 phần không? Các câu trong đoạn có được sắp xếp hợp lí không?); lỗi nội dung (Lí do và dẫn chứng có tiêu biểu không?); lỗi chính tả, dùng từ, viết câu,...

– Trao đổi bài viết với bạn để cùng soát lỗi.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng (*Tìm đọc sách báo viết về những thầy thuốc nổi tiếng của Việt Nam.*). GV khuyến khích HS giới thiệu cho các bạn những sách báo tìm được.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 19.

+ Đọc hiểu: *Danh y Tuệ Tĩnh.*

+ Luyện từ và câu: *Luyện tập về từ đồng nghĩa và từ đa nghĩa.*

+ Viết: *Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng.*

– GV nhắc HS nhớ những nội dung quan trọng của Bài 19.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 20.

# Bài 20 CỤ ĐỒ CHIỂU (4 tiết)

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài *Cụ Đồ Chiểu*, biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu phù hợp với những tình tiết quan trọng về cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu.

b. Nhận biết được chủ đề của bài đọc: Ca ngợi Nguyễn Đình Chiểu – người trí thức giàu nghị lực, có tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc. Hiểu được những từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh,... trong việc thể hiện suy nghĩ, cảm xúc ý chí, nghị lực của nhân vật trước những thăng trầm của cuộc đời riêng và vận mệnh chung của dân tộc.

**2.** Nhận ra được ưu điểm và hạn chế trong bài viết nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng. Hiểu được nguyên nhân mắc lỗi và bước đầu biết cách sửa lỗi cho bài viết.

**3.** Biết giới thiệu về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước.

**4.** Biết thể hiện sự xúc động, trân trọng, cảm phục trước những người có nghị lực vượt lên số phận, sống có ích cho đời.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản giới thiệu cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu.

– Đoạn văn nêu ý kiến.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tác phẩm thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu.

– Phiếu học tập cho tiết Luyện từ và câu (nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

2 HS đọc nối tiếp bài *Danh y Tuệ Tĩnh* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác, VD: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về chủ điểm *Tiếp bước cha ông?*).

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV nêu tên bài học *Cụ Đồ Chiểu* và giao nhiệm vụ cho các nhóm thực hiện yêu cầu của hoạt động Khởi động.

– HS trao đổi nhóm, sau đó 1 – 2 HS phát biểu trước lớp.

– GV nhắc HS nghe đọc và cho biết những chi tiết trong bài khiến em nhớ nhất hoặc xúc động nhất về cuộc đời Nguyễn Đình Chiểu.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ nói về hoàn cảnh, biến cố đau thương của Nguyễn Đình Chiểu).

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: *li tán, lập thân, khích lệ,...*

+ Ngắt nghỉ hơi đúng ở những câu dài. VD: *Năm 1833,/ do một cuộc binh biến,/ cha bị mất chức,/ gia đình li tán,/ cậu bé Chiểu mới mười hai tuổi,/ đã phải xa cha mẹ,/ ra Huế ở nhờ nhà một người bạn của cha/ để ăn học.;...*

+ Đọc diễn cảm câu văn gợi cảnh ngộ đau thương và nghị lực phi thường của Nguyễn Đình Chiểu.

– GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp các đoạn (có thể mời mỗi em đọc một đoạn để nhiều em được đọc trước lớp).

– GV nhận xét kĩ năng đọc của cả lớp (về âm lượng, tốc độ, diễn cảm,...).

– GV mời HS đọc phần chú giải từ ngữ ở cuối bài đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài còn chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển. VD: (cuộc) *binh biến*: cuộc nổi dậy của một bộ phận trong quân đội,...

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS (hoặc có cách tổ chức khác, VD: Các nhóm tự trả lời lần lượt 5 câu hỏi, sau đó GV mời phát biểu ý kiến trước lớp).

**Câu 1.** *Dựa vào đoạn mở đầu và những hiểu biết của em, hãy nói 2 – 3 câu giới thiệu về Nguyễn Đình Chiểu.*

– GV nêu câu hỏi và mời HS xung phong trả lời trước lớp (vì các thông tin có ở ngay đoạn mở đầu của bài đọc).

– GV tổng hợp các ý kiến, VD: Nguyễn Đình Chiểu (1822 – 1888) sinh ra trong một gia đình nhà nho ở làng Tân Thới, huyện Bình Dương, phủ Tân Bình, tỉnh Gia Định (nay là Thành phố Hồ Chí Minh). HS có thể nói thêm những điều mình tự tìm hiểu ngoài bài học, VD: Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ nổi tiếng ở Nam Bộ. Ông là nhà thơ mù nhưng là tấm gương sáng cho mọi người về lòng hiếu trung...

**Câu 2.** *Tóm tắt những sự kiện chính trong cuộc đời của thầy giáo, thầy thuốc, nhà thơ yêu nước Nguyễn Đình Chiểu.*

– GV mời HS đọc câu hỏi và gợi ý trong SHS.

– GV nêu câu hỏi và nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. VD:

+ Chặng đường học hành, thi cử: Năm 1833, do một cuộc binh biến, cha bị mất chức, gia đình li tán, cậu bé Chiểu mười hai tuổi phải xa cha mẹ, ra Huế ở nhờ nhà một người bạn của cha để ăn học. Năm 1843, Nguyễn Đình Chiểu trở về quê mẹ, đỗ tú tài tại trường thi Gia Định. Hai năm sau, ông lại trở ra Huế học tập, chờ kì thi năm Kỷ Dậu, 1849. Nhưng cuối năm 1848, mẹ mất, Đình Chiểu phải bỏ thi, về Nam chịu tang mẹ.

+ Thời kì gặp nhiều biến cố đau thương: Được tin mẹ mất, Nguyễn Đình Chiểu phải bỏ thi, về Nam chịu tang mẹ. Trên đường về, ông bị ốm nặng, mù cả hai mắt, chạy chữa mãi không khỏi. Cuối năm 1849, ông mới về đến Gia Định "lỡ bề báo hiếu, lỡ đường lập thân".

+ Giai đoạn ra tay giúp đời, cứu người: Không gục ngã trước những đòn thử thách nặng nề liên tiếp của số phận, ông mở trường dạy học, làm thuốc chữa bệnh cho dân và làm thơ chan chứa tinh thần nghĩa hiệp. Khi giặc Pháp xâm lược nước ta (1858),

Nguyễn Đình Chiểu cùng các lãnh tụ nghĩa quân bàn mưu tính kế đánh giặc ngoại xâm. Đồng thời, ông sáng tác nhiều tác phẩm thơ văn ca ngợi, tiếc thương những người đã hi sinh vì đất nước, khích lệ mạnh mẽ tinh thần chiến đấu của nhân dân.

**Câu 3.** *Vì sao Nguyễn Đình Chiểu được nhân dân Lục tỉnh gọi bằng cái tên thân mật "cụ Đồ Chiểu"?*

– GV nêu câu hỏi. HS trao đổi, phát biểu trong nhóm theo cảm nghĩ cá nhân.

– GV mời một số em phát biểu trước lớp, chú ý tôn trọng ý kiến của HS. (VD: Nguyễn Đình Chiểu có những phẩm chất cao quý. Ông đã nêu cao nghị lực vượt lên số phận bất hạnh, suốt một đời giữ trọn lòng hiếu trung với dân, với nước. Ông xứng đáng là bậc thầy đáng kính để mọi người trân trọng, kính phục.)

**Câu 4.** *Nêu chủ đề của bài đọc.*

– GV nêu câu hỏi, dành thời gian cho HS suy nghĩ để trả lời.

– HS trả lời câu hỏi theo nhóm hoặc trước lớp. (HS có thể đưa ra các câu trả lời khác nhau, VD: Bài đọc ca ngợi cụ Nguyễn Đình Chiểu – người đã nêu cao nghị lực phi thường, vượt lên số phận, đồng thời bày tỏ niềm khâm phục trước tấm lòng nhân hậu, hết lòng bảo vệ chính nghĩa; khâm phục tinh thần yêu nước, một lòng gắn bó với dân, với nước;... của cụ Đồ Chiểu.)

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, sâu sắc.

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc lại bài.

– Làm việc cá nhân, HS đọc toàn bài.

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp các đoạn trước lớp, nếu còn thời gian); GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS làm việc cá nhân, đọc và thực hiện yêu cầu của 2 bài tập (GV có thể quy định thời gian làm việc).

– HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp (nếu có thời gian). GV và cả lớp nhận xét kết quả và thống nhất đáp án.

**Câu 1.** Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

a. Tìm từ đồng nghĩa với mỗi từ in đậm trong đoạn văn.

+ sáng tác (thơ): viết (thơ), làm (thơ)

+ bày tỏ: tỏ bày, bộc lộ, giãi bày, bộc bạch,...

+ đất nước: non sông, núi sông, giang sơn, sơn hà,...

+ chiến đấu: đấu tranh, đương đầu,...

b. Đặt câu với từ đồng nghĩa tìm được (HS đặt câu và góp ý cho nhau). GV nhận xét và sửa câu cho HS.

**Câu 2.** Các câu trong đoạn văn ở bài tập 1 liên kết với nhau bằng những cách sau đây:

– Câu 2 liên kết với câu 1 bằng cách lặp từ ("giặc").

– Câu 3 liên kết với câu 2 bằng cách sử dụng từ thay thế (từ "ông" thay thế cho "Nguyễn Đình Chiểu").

# TIẾT 3

## VIẾT

## ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

### 1. GV nhận xét chung về bài làm.

Dựa vào thực tế bài làm của HS, GV có thể nhận xét ưu điểm, hạn chế. GV nên tập trung vào những tiêu chí sau để nhận xét bài làm:

– Ưu điểm và hạn chế về bố cục của đoạn văn: lỗi viết đoạn không có câu giới thiệu sự việc, hiện tượng, không nêu ý kiến của người viết; cách sắp xếp lí do và dẫn chứng chưa phù hợp.

– Ưu điểm và hạn chế về nội dung: lỗi nêu ý kiến tán thành (Ý kiến tán thành đã thể hiện rõ chưa? Lí do đưa ra đã thuyết phục chưa? Dẫn chứng có phù hợp với lí do không, có sức thuyết phục không? Dẫn chứng phù hợp chưa, đã biết phân tích dẫn chứng để tăng sức thuyết phục cho lí do chưa?...).

– Ưu điểm và hạn chế về hình thức: lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu, lỗi sử dụng từ ngữ, lỗi diễn đạt,...

### 2. Đọc lại bài làm và nhận xét của thầy cô để phát hiện lỗi.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn trong SHS.

– HS đọc thầm lại bài viết, dùng bút chì để gạch dưới những lỗi của bài viết.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, đọc bài của nhau và góp ý cho nhau dựa trên nhận xét của GV.

### 3. Chỉnh sửa bài viết.

– Dựa trên ưu điểm, hạn chế của bài viết, HS có thể chọn viết lại một số câu để bài viết được đúng và hay hơn.

– Đọc kĩ ví dụ minh hoạ có trong SHS để biết cách viết lại một số câu bổ sung dẫn chứng để làm sáng tỏ lí do tán thành, một số câu kết thúc đoạn văn.

*Lưu ý*: Nếu còn thời gian, GV mời một số HS có bài viết tốt, chia sẻ kinh nghiệm trước lớp. GV tổng hợp ý kiến của HS và khen ngợi HS có nhiều cố gắng.

# TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## ĐỀN ƠN ĐÁP NGHĨA

**Yêu cầu:** Giới thiệu về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước.

### 1. Chuẩn bị.

– GV nêu yêu cầu của hoạt động Nói và nghe.

– GV trình chiếu ví dụ và tranh minh hoạ hoạt động thiếu nhi chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ trong SHS. GV có thể hỏi xem HS còn biết hoặc đã tham gia những hoạt động nào khác.

*Lưu ý*: Để hoạt động Nói và nghe này hiệu quả và thú vị, GV có thể giao bài tập từ hôm trước để HS nhớ và ghi lại các hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước (các anh hùng, thương binh, liệt sĩ,...) hoặc tìm đọc thông tin về những hoạt động đó.

– GV chiếu lên bảng lớp các gợi ý về nội dung trình bày trong SHS, yêu cầu 1 HS đọc các gợi ý. Các HS khác đọc thầm theo.

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị nội dung trình bày.

– HS có thể chuẩn bị tranh ảnh và các phương tiện hỗ trợ để trình bày.

### 2. Trình bày.

– HS làm việc nhóm, giới thiệu về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước theo các bước sau:

+ Từng HS giới thiệu về hoạt động đền ơn đáp nghĩa theo nội dung đã chuẩn bị.

+ Các thành viên trong nhóm góp ý cho nhau, chọn bài tốt nhất để trình bày trước lớp.

– GV mời đại diện 2 – 3 nhóm trình bày nội dung trước lớp. Các HS khác lắng nghe, ghi chép thông tin về những hoạt động có ý nghĩa, cũng có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về hoạt động đền ơn đáp nghĩa mà các bạn giới thiệu.

– GV lưu ý HS khi giới thiệu, cần nhấn vào những cảm xúc, suy nghĩ của bản thân về hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước.

### 3. Trao đổi, góp ý.

– GV mời HS nhận xét sau khi nghe bạn giới thiệu về một hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước. GV lưu ý HS tập trung vào các vấn đề:

a. Nội dung giới thiệu

+ Có giới thiệu được đầy đủ và rõ ràng về hoạt động đền ơn đáp nghĩa đã chọn không (thời gian và địa điểm diễn ra hoạt động, những người tham gia, diễn biến hoạt động,...)?

+ Có nêu được cảm nghĩ của bản thân về hoạt động đã chọn không?

+ Có trả lời được những câu hỏi của người nghe không?

b. Cách thức giới thiệu

+ Giọng nói, cử chỉ, điệu bộ có phù hợp không?

+ Có biết kết hợp tranh ảnh hoặc các phương tiện hỗ trợ khi giới thiệu không?

– Cả lớp bình chọn người giới thiệu hay nhất.

– GV tổng hợp ý kiến, khẳng định ý nghĩa của những hoạt động đền ơn đáp nghĩa người có công với đất nước.

### VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Trao đổi với người thân về ý nghĩa của ngày Thương binh, liệt sĩ (27 tháng 7)*. Cùng người thân trao đổi về những hoạt động tri ân người có công với đất nước (thương binh, liệt sĩ,...). Cùng người thân trao đổi những suy nghĩ về ý nghĩa của ngày này và ý nghĩa của những hoạt động tri ân thường diễn ra vào ngày 27 tháng 7.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 20.

+ Đọc hiểu: *Cụ Đồ Chiểu*.

+ Viết: *Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng*.

+ Nói và nghe: *Đền ơn đáp nghĩa*.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

## TUẦN 30

# BÀI 21 ANH HÙNG LAO ĐỘNG TRẦN ĐẠI NGHĨA (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa*. Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu và nhấn vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng.

b. Nhận biết được các thông tin, sự kiện chính trong cuộc đời của Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa là một tấm gương lớn về lòng yêu nước và tinh thần lao động vì đất nước. Các thế hệ sau này cần ghi nhớ công lao của những người đi trước và phấn đấu phát huy truyền thống tốt đẹp của ông cha.

**2.** Củng cố được một số kiến thức cơ bản về câu ghép (ranh giới giữa các vế trong câu ghép; các cách nối các vế câu ghép: nối trực tiếp, nối bằng kết từ, nối bằng cặp từ hô ứng...).

3. Biết cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng (cách nêu ý kiến tán thành, cách nêu lí do, cách lựa chọn dẫn chứng) để thể hiện rõ ý kiến tán thành của bản thân; bước đầu khắc phục được lỗi (hoặc phát huy ưu điểm) trong bài viết số 1.

4. Biết trân trọng, ghi nhớ công lao và tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp của cha ông.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản thông tin và phương pháp dạy đọc hiểu văn bản thông tin.

– Đoạn văn nghị luận (nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng).

– Kiến thức về câu ghép trong tiếng Việt.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa*.

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc một đoạn mà mình yêu thích nhất trong bài *Cụ Đồ Chiểu* và trả lời 1 – 2 câu hỏi về bài đọc.

#### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS trao đổi theo nhóm (*Kể tên một số người có đóng góp lớn lao trong lao động và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc.*). GV gợi ý HS có thể nhớ lại các nhân vật trong các câu chuyện, văn bản đã được học trong sách *Tiếng Việt* từ lớp 1 – 5 hoặc những nhân vật được nhắc nhiều trên các phương tiện truyền thông. VD: về những người có đóng góp lớn trong lao động như: Giáo sư, bác sĩ Tôn Thất Tùng; thầy giáo Nguyễn Ngọc Ký;... hoặc những người có đóng góp trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc như: Phạm Ngũ Lão, Võ Nguyên Giáp,... Ngoài việc kể tên, GV có thể gợi ý để các em chia sẻ thêm thông tin về những người được nhắc đến ở trên.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, khen HS kể được tên những người có đóng góp lớn lao trong lao động và chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, chia sẻ được những ấn tượng đẹp về họ. Đây là những tấm gương để các em phấn đấu noi theo.

– GV dẫn vào bài (VD: Đất nước ta có rất nhiều người có đóng góp lớn cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Một trong những người đó là Anh hùng Lao động

Trần Đại Nghĩa. Bài đọc *Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa* sẽ cung cấp cho chúng ta một bức tranh ngắn gọn nhưng rõ nét về cuộc đời và sự nghiệp của Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa, người đã có những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và nền khoa học trẻ của đất nước.).

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc rõ ràng, diễn cảm, phù hợp với tâm trạng nhân vật, nhấn giọng ở những từ ngữ quan trọng). GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *kĩ thuật chế tạo vũ khí.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *nền khoa học trẻ tuổi của nước nhà.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *thiêng liêng, ba-dô-ca, súng không giật,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Sau khi học xong bậc trung học ở Sài Gòn,/ năm 1935,/ ông được cấp học bổng/ sang Pháp học đại học.;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú thích trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để HS tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Dựa vào đoạn mở đầu của bài đọc, em hãy giới thiệu về Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa.*

| | | | |
|---|---|---|---|
| Tên khai sinh | Quê quán | Các ngành học | (...) |

GV mời 1 HS đọc trước lớp câu hỏi 1, cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS làm việc.

– HS làm việc cá nhân, đọc đoạn 1 và chuẩn bị câu trả lời.

– Làm việc cả lớp. GV mời một số HS trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời và thống nhất đáp án.

Đáp án:

– Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa tên khai sinh là Phạm Quang Lễ.

– Quê quán: Vĩnh Long.

– Các ngành học: kĩ sư cầu cống, kĩ sư điện, kĩ sư hàng không.

– Ngoài ra, ông còn nghiên cứu kĩ thuật chế tạo vũ khí.

**Câu 2.** *Việc ông Phạm Quang Lễ quyết định về nước vào năm 1946 nói lên điều gì?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS thực hiện.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất câu trả lời. Ghi câu trả lời ra giấy.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Năm 1946, ông Phạm Quang Lễ đã rời bỏ cuộc sống đầy đủ tiện nghi ở nước ngoài để theo Bác Hồ về nước. Việc làm này của ông đã nói lên lòng yêu nước và mong muốn được cống hiến công sức cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước của ông.

**Câu 3.** *Giáo sư Trần Đại Nghĩa đã có những đóng góp gì cho đất nước?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc nhóm, đọc đoạn 2, trao đổi để thống nhất câu trả lời. Ghi câu trả lời ra giấy.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Ông đã cùng đồng nghiệp nghiên cứu và chế tạo thành công những loại vũ khí có sức công phá lớn như súng ba-dô-ca, súng không giật và bom bay để tiêu diệt xe tăng và lô cốt của giặc. Ngoài ra, ông còn có công lớn trong việc xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của nước nhà.

**Câu 4.** *Nhà nước đã đánh giá công lao của Giáo sư Trần Đại Nghĩa như thế nào?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi và hướng dẫn HS đọc đoạn 2 để tìm câu trả lời.

+ HS làm việc nhóm, cùng nhau thảo luận và thống nhất đáp án.

+ Một số HS (hoặc đại diện một số nhóm) trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung và thống nhất đáp án.

Đáp án: Nhà nước đã đánh giá cao những cống hiến của Giáo sư Trần Đại Nghĩa. Năm 1948, ông được phong quân hàm Thiếu tướng. Năm 1952, ông được tuyên dương Anh hùng Lao động. Ngoài ra, ông còn được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh và nhiều huân chương cao quý.

**Câu 5.** *Nêu chủ đề của bài đọc.*

– GV đọc câu hỏi và hướng dẫn cách làm việc.

+ HS làm việc nhóm. Từng em nêu ý kiến của mình về chủ đề của bài đọc. Cả nhóm góp ý.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời. Lớp bình chọn nhóm có câu trả lời hay nhất.

Đáp án: Bài đọc ca ngợi những cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp quốc phòng và xây dựng nền khoa học trẻ tuổi của đất nước của Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa.

## 4. Luyện đọc lại

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

# TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LUYỆN TẬP VỀ CÂU GHÉP

Đây là tiết luyện tập thứ hai về câu ghép. Vì vậy, GV nên tổ chức hoạt động luyện tập này như một "trọng tài" sau khi HS trình bày kết quả trước lớp. GV nên tổ chức cho HS thảo luận theo nhóm nhỏ để tăng cơ hội thực hành cho HS. Việc tổ chức hoạt động nhóm cũng nên thay đổi, tuỳ theo năng lực học tập của HS. Có thể phân nhóm ngẫu nhiên, có thể phân nhóm theo năng lực học tập, có thể phân nhóm theo kiểu kết hợp những mức độ năng lực khác nhau (giỏi, trung bình, dưới trung bình,...).

Trong thời lượng của tiết học, nếu HS đã hoàn thành các bài tập trong SHS, tuỳ vào năng lực của HS, GV có thể bổ sung thêm bài tập tìm và chữa lỗi sai trong câu (GV nên đưa ra ngữ liệu là các câu sai lấy từ trong bài viết của HS).

Tùy theo điều kiện thực tế của nhà trường, GV có thể kết hợp các phương tiện dạy học hiện đại để giúp HS dễ dàng nhận ra ranh giới giữa các vế trong câu ghép, phương tiện nối kết các vế trong câu ghép,...

### 1. Tìm câu ghép trong mỗi đoạn văn.

Đáp án:

a. (2) Những ngọn đồi thoai thoải,/ ngọn nọ gối lên ngọn kia. (4) Những cây khế rừng lúc lỉu chùm quả chát chát chua chua,/ những cây mâm xôi chi chít quả đỏ chót, ngọt lịm.

b. (2) Vùng đảo thiêng liêng nơi đầu sóng ngọn gió có bao nhiêu điều đặc biệt/ thì các em cũng có bấy nhiêu trải nghiệm thú vị. (4) Hễ trò gặp bài toán nào khó/ thì chúng lập tức chạy ngay qua nhà thầy. (6) Mỗi trường học trên đảo chỉ có hai thầy giáo/ và các thầy kiêm quản từ lớp Một đến lớp Năm.

### 2. Xếp các câu ghép tìm được ở bài tập 1 vào nhóm thích hợp.

– GV chiếu kết quả bài tập 1 lên bảng và tổ chức cho HS thảo luận nhóm. Từng nhóm đọc kĩ những câu ghép đã tìm được, sau đó xếp chúng vào 1 trong 3 nhóm.

– HS làm việc nhóm.

– Đại diện nhóm trình bày ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

– GV chốt đáp án. Nếu có thể, GV sử dụng hiệu ứng công nghệ thông tin để đưa những câu ghép tìm được vào 3 nhóm.

| | |
|---|---|
| Các vế câu ghép được nối trực tiếp với nhau | – Những ngọn đồi thoai thoải,/ ngọn nọ gối lên ngọn kia.<br>– Những cây khế rừng lúc lỉu chùm quả chát chát chua chua,/ những cây mâm xôi chi chít quả đỏ chót, ngọt lịm. |
| Các vế câu ghép được nối với nhau bằng kết từ | – Hễ trò gặp bài toán nào khó/ thì chúng lập tức chạy ngay qua nhà thầy.<br>– Mỗi trường học trên đảo chỉ có hai thầy giáo/ và các thầy kiêm quản từ lớp Một đến lớp Năm. |
| Các vế câu ghép được nối với nhau bằng cặp từ hô ứng | Vùng đảo thiêng liêng nơi đầu sóng ngọn gió có bao nhiêu điều đặc biệt/ thì các em cũng có bấy nhiêu trải nghiệm thú vị. |

**3. Đặt 1 – 2 câu ghép nêu ý kiến của em về việc giữ gìn lớp học sạch, đẹp. Xác định các vế trong câu ghép em vừa đặt.**

GV căn cứ vào tình hình học tập của HS để tổ chức các hoạt động dạy học cho hiệu quả.

Đáp án tham khảo:

– Nếu bạn vô tình làm rơi một tờ giấy nháp xuống sàn lớp học/ thì bạn hãy nhớ nhặt nó lên ngay/ vì lớp học là của chung tất cả chúng ta.

– Ai cũng thích được học tập trong một không gian sạch và đẹp, vì thế chúng ta hãy cùng nhau giữ gìn lớp học.

– (...)

## TIẾT 3

### VIẾT

### VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN TÁN THÀNH MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG (Bài viết số 2)

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành hoạt động ủng hộ, giúp đỡ các bạn học sinh vùng thiên tai.

**Đề 2:** Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành phong trào trồng và bảo vệ cây xanh.

Bài viết số 2 nhằm mục đích tạo cơ hội cho HS được củng cố, nâng cao kĩ năng viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng. Khác với Bài viết số 1 (Bài 19), Bài viết số 2 sẽ được GV nhận xét, đánh giá ngay trên lớp. Vì vậy trong quá trình HS viết bài, GV cần quan sát để phát hiện những bài viết tốt hoặc chưa tốt. Những bài viết này sẽ được lấy làm mẫu để nhận xét.

Trước khi tổ chức cho HS viết đoạn văn, GV nên dành thời gian 2 – 3 phút nhắc lại những ưu điểm và hạn chế của Bài viết số 1 để khích lệ HS cố gắng phát huy điểm mạnh, sửa chữa lỗi ở Bài viết số 2.

## 1. Viết.

– GV tổ chức cho HS viết đoạn văn.

+ GV mời 2 – 3 HS đọc đề bài.

+ GV nhắc HS về yêu cầu chung đối với đoạn văn nêu ý kiến tán thành và những lưu ý khi viết bài.

• Phần mở đầu: Cần giới thiệu được sự việc, hiện tượng và nêu được ý kiến tán thành của bản thân đối với sự việc đó.

• Phần triển khai: Trình bày những lí do khiến em tán thành; những dẫn chứng được sử dụng để làm sáng tỏ cho lí do.

• Phần kết thúc: Khẳng định lại ý kiến tán thành.

– HS viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. Chẳng hạn:

+ Hỗ trợ những em hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu,...).

+ Hỗ trợ, khích lệ HS tìm được lí do xác đáng, dẫn chứng điển hình.

– GV đọc lướt bài làm của HS, có thể góp ý để các em sửa chữa.

## 2. HS đọc lại bài làm và tự nhận xét bài làm theo yêu cầu.

– Cá nhân đọc rà soát bài làm của mình. Tập trung vào lỗi chính tả, dùng từ, cách nêu lí do, dẫn chứng,...

– Trao đổi bài viết với bạn để cùng soát lỗi.

– GV chọn 1 – 2 bài viết để nhận xét. Việc chọn bài để nhận xét phụ thuộc vào kết quả làm bài thực tế của HS.

## 3. Viết lại những câu văn mà em muốn chỉnh sửa cho hay hơn.

Tuỳ theo thời gian còn lại của tiết học, GV có thể tổ chức hoạt động này trên lớp hoặc yêu cầu HS làm bài tập ở nhà.

## 4. Đổi bài cho bạn để học tập cách viết.

GV có thể tổ chức hoạt động này theo hình thức cả lớp hoặc theo cặp, sau đó mời một số HS phát biểu.

– GV tổ chức cho HS thảo luận theo những câu hỏi gợi ý sau:

+ Nêu nhận xét của em về cách viết phần mở đầu. Cách viết như vậy có tác dụng gì?

+ Nêu nhận xét của em về cách viết phần triển khai.

– HS thảo luận nhóm đôi theo câu hỏi gợi ý của GV.

– Đại diện một số HS phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng theo gợi ý trong SHS: *Tìm đọc bài ca dao hoặc bài thơ về quê hương, đất nước (ca ngợi những người có công xây dựng, bảo vệ đất nước hoặc bày tỏ tình yêu, niềm tự hào với vẻ đẹp của quê hương).*

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 21.

+ Đọc hiểu: *Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa.*

+ Luyện từ và câu: *Luyện tập về câu ghép.*

+ Viết: *Viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng* (Bài viết số 2).

– GV nhắc HS nhớ những nội dung quan trọng của Bài 21.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 22.

## Bài 22 BỘ ĐỘI VỀ LÀNG (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Bộ đội về làng* (Hoàng Trung Thông), biết điều chỉnh giọng đọc và ngữ điệu phù hợp với tình huống được nói đến trong bài thơ.

b. Hiểu được từ ngữ, hình ảnh thơ gợi tình cảm, cảm xúc của người dân dành cho các anh bộ đội, qua đó cảm nhận được tình quân dân thắm thiết trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.

c. Đọc mở rộng: Đọc được bài ca dao hoặc một bài thơ viết về quê hương, đất nước; viết phiếu đọc sách và trao đổi với bạn hoặc người thân về ý nghĩa của bài ca dao hoặc bài thơ đã đọc.

**2.** Viết được đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc (phân biệt với cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng vừa học).

**3.** Biết trân trọng từng chặng đường lịch sử hào hùng của dân tộc và ghi nhớ công ơn của cha ông đã chịu bao gian khổ, hi sinh để có cuộc sống hoà bình hôm nay.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Đọc hiểu thơ.

– Đoạn văn thể hiện tình cảm cảm xúc về một sự việc.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tác phẩm thơ văn viết về anh bộ đội trong kháng chiến chống thực dân Pháp.

– Phiếu học tập cho tiết Luyện từ và câu (nếu có).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1 – 2

## ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài hoặc GV có thể đặt câu hỏi khác về Bài 21.

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV nêu tên bài học *Bộ đội về làng*, giải thích để các em hiểu đây là trích đoạn của bài thơ có nhan đề *Bao giờ trở lại* của Hoàng Trung Thông. GV có thể cung cấp cho HS tri thức về cuộc kháng chiến 9 năm chống thực dân Pháp xâm lược (1945 – 1954).

– HS thực hiện yêu cầu của hoạt động Khởi động theo nhóm: *Nói những điều em biết về các chú bộ đội (trang phục, công việc,...).*

– GV có thể mời 1 – 2 HS phát biểu ý kiến trước lớp.

### 2. Đọc văn bản

– GV giới thiệu khái quát về bài thơ để HS hiểu bài thơ ca ngợi tình cảm quân dân thắm thiết trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Đây cũng là một truyền thống tốt đẹp, tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.

– GV đọc diễn cảm bài thơ, sau đó hướng dẫn HS đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng có thể phát âm sai và đọc diễn cảm các khổ thơ.

– GV tổ chức cho HS đọc nối tiếp bài thơ. Có thể chia thành 3 đoạn như sau:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *chờ mong* (6 dòng thơ đầu).

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *mới về* (7 dòng thơ tiếp theo).

+ Đoạn 3: Còn lại.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV mời HS đọc phần giải nghĩa từ ngữ ở cuối bài đọc và hỏi HS có từ ngữ nào trong bài còn chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS trả lời lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Tìm những từ ngữ thể hiện nỗi niềm mong nhớ các anh bộ đội của dân làng.*

– GV mời HS đọc đoạn thơ:

*Các anh đi*
*Ngày ấy đã lâu rồi*
*Xóm làng tôi còn nhớ mãi.*

*Các anh đi*

*Bao giờ trở lại*

*Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong...*

– HS làm việc cá nhân, dựa vào đoạn thơ và gợi ý, chuẩn bị câu trả lời, sau đó làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. VD: Nỗi niềm mong nhớ các anh bộ đội của dân làng được thể hiện qua các từ ngữ như: nhắc nhớ ngày chia tay, tính thời gian xa cách (*ngày ấy đã lâu rồi*), bày tỏ nỗi nhớ mong (*xóm làng còn nhớ mãi*), bày tỏ nỗi chờ mong (*Các anh đi/ Bao giờ trở lại/ Xóm làng tôi trai gái vẫn chờ mong,...*).

**Câu 2.** *Không khí xóm làng thay đổi như thế nào khi các anh bộ bộ đội trở về? Hình ảnh nào giúp em cảm nhận được điều đó?*

– GV mời HS tìm và đọc những câu thơ thể hiện sự thay đổi của xóm làng khi các anh bộ đội trở về.

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi, VD:

+ Không khí xóm làng vui tươi tưng bừng: "mái ấm nhà vui", "rộn ràng xóm nhỏ", "từng bừng trước ngõ", "xôn xao làng tôi bé nhỏ",...

+ Dân làng từ trẻ đến già đều mừng vui: "tiếng hát câu cười rộn ràng xóm nhỏ, "lớp lớp đàn em hớn hở chạy theo sau", "mẹ già bịn rịn", "vui đàn con ở rừng sâu mới về",...

GV có thể nói thêm với HS: Cả bài thơ là không khí náo nức, mừng vui khi các anh bộ đội trở về. Những gian khổ, khó khăn mà các anh trải qua, vẫn được những người thân yêu thấu hiểu qua hình ảnh thơ:

*Từ lưng đèo*

*Dốc núi mù che,*

*Các anh về*

*Xôn xao làng tôi bé nhỏ.*

**Câu 3.** *Năm dòng thơ cuối gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ gì?*

*Nhà lá đơn sơ,*

*Nhưng tấm lòng rộng mở,*

*Nồi cơm nấu dở*

*Bát nước chè xanh*

*Ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau.*

– GV yêu cầu HS đọc lại 5 dòng thơ.

– HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi, VD: Những câu thơ gợi không khí ấm cúng bởi tình quân dân thắm thiết, gắn bó như ruột thịt. Bộ đội và dân làng trò chuyện hỏ hởi, tâm tình, bày tỏ tình cảm: "ngồi vui kể chuyện tâm tình bên nhau"...

**Câu 4.** *Theo em, người dân đã dành tình cảm gì cho các anh bộ đội? Vì sao?*

– GV nêu câu hỏi. HS phát biểu trong nhóm theo cảm nghĩ của mình.

– GV mời một số em phát biểu trước lớp, chú ý tôn trọng ý kiến của HS.

– GV khích lệ và khen ngợi những HS đã biết nêu ý kiến thể hiện suy nghĩ, suy luận hợp lí, sâu sắc. VD: Nhân dân ta thương yêu bộ đội vì bộ đội đi đánh giặc, chịu đựng và vượt qua bao gian nguy để bảo vệ đất nước, bảo vệ cuộc sống yên bình của nhân dân.

**Câu 5.** *Nêu chủ đề của bài thơ. Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em.*

A. *Các anh bộ đội Cụ Hồ đã để lại ấn tượng rất đẹp với người dân.*

B. *Tình quân dân thắm thiết, sự gắn bó bền chặt giữa hậu phương và tiền tuyến tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.*

C. *Trong những tháng năm chiến tranh chống giặc xâm lược, mỗi làng quê Việt Nam đều là quê hương của các anh bộ đội.*

– GV nêu yêu cầu, dành thời gian cho HS suy nghĩ để trả lời.

– HS trả lời theo nhóm hoặc trước cả lớp. (HS có thể lựa chọn hoặc đưa ra các câu trả lời khác nhau, VD: Bài thơ ca ngợi tình cảm quân dân thắm thiết trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp.)

### 4. Học thuộc lòng bài thơ

– HS làm việc cá nhân, học thuộc toàn bài.

– Làm việc chung cả lớp, HS đọc những đoạn thơ đã thuộc.

### 5. Luyện tập theo bài đọc

HS tự làm bài (làm cá nhân hoặc theo cặp, theo nhóm).

Đáp án:

**Câu 1.** Chọn những từ đồng nghĩa với từ *đơn sơ* (*đơn giản, mộc mạc, giản dị*).

**Câu 2.** Đặt 2 – 3 câu với những từ đồng nghĩa mà em đã chọn được ở bài tập 1. (HS tự thực hiện. GV nhận xét và sửa chữa cho HS.)

## TIẾT 3

## VIẾT

### LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN THỂ HIỆN TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT SỰ VIỆC

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một hoạt động vì cộng đồng của các chú bộ đội.

**Đề 2:** Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về Ngày hội thể thao được tổ chức ở trường em.

Bài viết này nhằm tạo cơ hội cho HS được củng cố, nâng cao kĩ năng viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc (để thấy sự khác biệt với cách viết đoạn văn nêu ý kiến tán thành một sự việc, hiện tượng vừa học). Khác với Bài viết số 1 (Bài 11), Bài viết số 2 sẽ được GV nhận xét, đánh giá ngay trên lớp. Vì vậy trong quá trình HS

viết bài, GV cần quan sát để phát hiện những bài viết tốt hoặc chưa tốt. Những bài viết này sẽ được lấy làm mẫu để nhận xét.

Trước khi tổ chức cho HS viết đoạn văn, GV nên dành thời gian 2 – 3 phút nhắc lại những ưu điểm và hạn chế của Bài viết số 1 để khích lệ HS cố gắng phát huy điểm mạnh, sửa chữa lỗi ở Bài viết số 2.

## 1. Viết.

– GV tổ chức cho HS viết đoạn văn.

+ GV mời 2 – 3 HS đọc đề bài.

+ GV lưu ý HS khi chọn đề bài: có hiểu biết về sự việc được lựa chọn, có tình cảm, cảm xúc với những chi tiết nổi bật của sự việc (khung cảnh, hoạt động, người tham gia,...). Sau khi chọn đề bài, hãy đọc kĩ một số gợi ý cho đề bài đã chọn.

+ GV nhắc HS về yêu cầu chung đối với đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.

- Phần mở đầu: Cần giới thiệu được sự việc và nêu ấn tượng chung về sự việc đó.
- Phần triển khai: Thể hiện rõ cảm xúc về những chi tiết nổi bật của sự việc.
- Phần kết thúc: Nêu ý nghĩa của sự việc; khẳng định lại tình cảm, cảm xúc đối với sự việc.

– HS viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.

– GV quan sát HS làm bài để có hỗ trợ kịp thời. Chẳng hạn:

+ Hỗ trợ những HS hạn chế về kĩ năng viết (kĩ năng tìm ý, kĩ năng dùng từ, viết câu,...).

+ Hỗ trợ, khích lệ HS thể hiện tình cảm, cảm xúc một cách chân thực, biết lựa chọn chi tiết nổi bật để thể hiện tình cảm, cảm xúc.

– GV đọc bài làm của HS, có thể góp ý để các em sửa chữa.

## 2. Đọc lại bài làm và tự nhận xét bài làm của em theo yêu cầu.

Dựa vào gợi ý trong SHS, cá nhân đọc rà soát bài làm của mình. Ngoài ra có thể rà soát thêm lỗi chính tả, dùng từ, viết câu,...

## 3. Đổi bài cho bạn để sửa lỗi và học tập cách viết.

GV có thể tổ chức hoạt động này theo cặp dựa vào gợi ý sau:

– Nêu nhận xét của em về cách viết phần mở đầu của bạn. Cách viết như vậy có tác dụng gì?

– Nêu nhận xét của em về cách viết phần triển khai, phần kết thúc trong bài viết của bạn.

Chẳng hạn:

+ Trong phần triển khai có câu nêu cảm xúc trực tiếp không?

+ Những câu nào trong phần triển khai miêu tả, kể về hoạt động/ khung cảnh/ con người?

+ Các chi tiết được lựa chọn có điển hình không?...

# TIẾT 4

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Đọc bài ca dao hoặc bài thơ về quê hương, đất nước.

HS làm việc cá nhân theo các yêu cầu sau:

– Đọc một bài ca dao hoặc bài thơ viết về quê hương, đất nước.

– Xem gợi ý trong SHS để biết cách tìm và lựa chọn các câu/ bài ca dao hoặc bài thơ về quê hương, đất nước theo các chủ đề nêu trong SHS. Có thể chia sẻ sách báo, giới thiệu nguồn khai thác thông tin,... cho các bạn để cùng tìm đọc và trao đổi.

– Viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS (có thể viết thêm những thông tin khác tuỳ theo nội dung sách báo đã đọc).

*Lưu ý*: GV nhắc HS khi đọc và trao đổi không gây ồn ào làm ảnh hưởng đến các bạn.

### 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu và trao đổi về ý nghĩa của bài ca dao hoặc bài thơ đã đọc.

– HS làm việc cá nhân, viết phiếu đọc sách theo mẫu. GV quan sát và hỗ trợ các em (nếu cần).

– HS làm việc theo nhóm:

+ Từng em đọc những câu/ bài ca dao hoặc đoạn thơ, bài thơ về quê hương, đất nước theo các chủ đề.

+ Cả nhóm trao đổi về ý nghĩa của các câu ca dao hoặc bài ca dao, ý nghĩa của đoạn thơ, bài thơ đã đọc (VD: ca ngợi những người có công xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp; biết ơn những người có công bảo vệ Tổ quốc; bày tỏ tình yêu, niềm tự hào đối với vẻ đẹp của quê hương, đất nước,...).

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về các bài ca dao, bài thơ các bạn đã đọc.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS đọc được nhiều, chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng theo hướng dẫn trong SHS. Chọn 1 trong 2 yêu cầu: 1. *Đọc cho người thân nghe đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc mà em đã viết;* 2. *Học thuộc lòng bài ca dao, bài thơ em yêu thích về quê hương, đất nước.*

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 22.

+ Đọc hiểu: *Bộ đội về làng.*

+ Viết: *Luyện viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc.*

+ Đọc mở rộng: *Đọc bài ca dao hoặc bài thơ về quê hương, đất nước.*

– GV có thể hỏi HS thích nội dung nào nhất đã học ở Bài 22.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 23.

## TUẦN 31

# Bài 23 VỀ NGÔI NHÀ ĐANG XÂY (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Về ngôi nhà đang xây*, biết thể hiện giọng đọc khác nhau phù hợp với lời thơ (khi là giọng kể chuyện chậm rãi, nhẹ nhàng, khi là giọng ngạc nhiên, thích thú của các bạn nhỏ trước những hình ảnh đẹp về ngôi nhà đang xây); biết ngắt nghỉ hơi đúng nhịp thơ trong bài thơ viết theo thể tự do (câu thơ dài – ngắn đan xen).

b. Hiểu ý nghĩa của bài thơ: Qua hình ảnh ngôi nhà đang xây hứa hẹn những công trình lớn, đồ sộ sắp hoàn thành, nhà thơ muốn diễn tả sự thay da, đổi thịt từng ngày trên đất nước ta; một cuộc sống mới, tươi đẹp hơn, ấm no, hạnh phúc hơn đang đến từ công cuộc kiến thiết, dựng xây đất nước vô cùng sôi nổi trên khắp đất nước. Cảm nhận được những từ ngữ giàu sức gợi tả, những hình ảnh so sánh, nhân hoá,... theo góc nhìn của các bạn nhỏ, bài thơ đã mang đến cho người đọc niềm vui, sự thích thú trước vẻ đẹp của thiên nhiên, của cuộc sống ngày một tươi đẹp của đất nước, của nhân dân.

**2.** Biết viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

**3.** Lập được dàn ý cho bài văn tả phong cảnh theo các bước đã được hướng dẫn.

**4.** Biết thể hiện niềm vui trước sự đổi thay hằng ngày của đất nước, của thiên nhiên và cuộc sống tươi đẹp của con người.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản thơ (cảm xúc/ mạch cảm xúc, hình ảnh, ngôn ngữ,...).

– Cách viết văn tả cảnh.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ; tranh ảnh về trụ bê tông, giàn giáo, tranh hoặc vật thật: cái bay của thợ xây.

– Tranh ảnh (sưu tầm), video, phóng sự,... về những công trình xây dựng nổi tiếng trên đất nước ta (nếu có).

– Phần Luyện từ và câu, GV có thể thiết kế phiếu theo nội dung bài (nếu cần).

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc nối tiếp bài *Bộ đội về làng* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài hoặc nêu câu hỏi khác, VD:

– Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về tình đoàn kết của quân dân ta trong thời kì kháng chiến chống thực dân Pháp?

– Bài đọc nói điều gì về chủ điểm *Tiếp bước cha ông*? (Bài đọc ca ngợi tình quân dân thắm thiết, sự gắn bó bền chặt giữa hậu phương và tiền tuyến trong sự nghiệp giữ nước, bảo vệ chủ quyền dân tộc.)

### ĐỌC

#### 1. Khởi động

– HS đọc yêu cầu của hoạt động Khởi động và thực hiện theo cặp hoặc nhóm (theo hướng dẫn của GV).

+ Mỗi bạn nêu tên công trình, có tranh ảnh minh hoạ sưu tầm được thì càng ấn tượng.

+ 2 – 3 HS (đại diện nhóm) phát biểu trước lớp.

– GV nhận xét ý kiến của các nhóm, sau đó GV giới thiệu khái quát về bài học mới. VD:

+ Tranh minh hoạ bài thơ: Hình ảnh công trình xây dựng được thể hiện trong tranh.

+ Bài thơ *Về ngôi nhà đang xây* là bài thơ về công trình xây dựng qua ánh mắt các bạn học sinh trên đường đi học về, tác giả muốn nói về cuộc sống trên đất nước ta đang dần đổi mới. Các em đọc bài thơ để biết điều đó.

#### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài. GV có thể mời 3 em đọc nối tiếp các đoạn trong bài thơ.

– GV hướng dẫn HS đọc (nếu trong lớp còn nhiều em phát âm sai):

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai.

+ Đọc diễn cảm, nhấn giọng vào những từ ngữ quan trọng, VD: *che chở, nhú lên, hươ hươ, tựa vào, sẫm biếc, thở ra, rót vào,...*

– HS làm việc cá nhân, tự đọc bài thơ theo hướng dẫn.

– 2 hoặc 3 HS đọc nối tiếp các đoạn thơ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

– GV cho HS đọc phần chú giải từ ngữ khó trong SHS, hỏi HS có từ ngữ nào trong bài thơ còn chưa hiểu hoặc cảm thấy khó hiểu, GV có thể giải thích hoặc hướng dẫn HS tra từ điển. VD: *rãnh tường, trát vữa,...*

### 3. Trả lời câu hỏi

– GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các câu hỏi, yêu cầu nêu trong SHS.

– GV có thể dẫn dắt: Người kể, tả về ngôi nhà đang xây là các bạn HS, khi các bạn đang trên đường đi học về.

**Câu 1.** *Theo cảm nhận của các bạn nhỏ, ngôi nhà đang xây hiện ra như thế nào?*

– GV cho từng HS chuẩn bị câu trả lời rồi chia sẻ theo cặp hoặc nhóm.

– Một số HS phát biểu trước lớp. VD:

| |
|---|
| + *Giàn giáo* tựa cái lồng che chở. |
| + *Trụ bê tông* nhú lên như một mầm cây. |
| + *Ngôi nhà đang xây dở* tựa vào nền trời sẫm biếc, thở ra mùi vôi vữa nồng hăng, trông nó giống như bài thơ sắp làm xong, lại giống như bức tranh còn nguyên màu vôi gạch,... |

**Câu 2.** *Tìm trong bài những hình ảnh so sánh, nhân hoá và cho biết tác dụng của chúng trong việc miêu tả ngôi nhà đang xây.*

– GV cho từng em chuẩn bị câu trả lời rồi chia sẻ theo cặp hoặc nhóm.

– Một số HS phát biểu trước lớp.

– GV chốt lại đáp án:

| | | |
|---|---|---|
| + *Giàn giáo* tựa cái lồng che chở. | Hình ảnh so sánh | Tác dụng của những hình ảnh so sánh và nhân hoá trong việc miêu tả ngôi nhà: ngôi nhà gắn với những hình ảnh bất ngờ, khiến nó trở nên tươi mới, thú vị sống động và gần gũi. |
| + *Trụ bê tông* nhú lên như một mầm cây. | Hình ảnh so sánh | |
| + *Ngôi nhà đang xây dở* tựa vào nền trời sẫm biếc, thở ra mùi vôi vữa nồng hăng, trông nó giống như bài thơ sắp làm xong, lại giống như bức tranh còn nguyên màu vôi gạch,... | Hình ảnh nhân hoá và so sánh | |

**Câu 3.** *Những chi tiết nào cho thấy cảnh vật thiên nhiên mang đến sự sống động cho ngôi nhà đang xây?*

– HS làm việc cá nhân. GV lưu ý câu hỏi này có thể tổ chức cho HS làm việc cá nhân để tập dượt khả năng làm việc độc lập, sau đó phát biểu trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý.

– GV tổng hợp các ý kiến, VD: Ngôi nhà đang xây còn ngổn ngang vật liệu xây dựng, giàn giáo, vôi vữa,... Nhưng trong mắt các bạn học sinh trên đường đi học về

qua đây, ngôi nhà trở nên rất đẹp, rất ấm cúng, sống động nhờ có sự tô điểm của cảnh vật thiên nhiên:

*Bầy chim đi ăn về*
*Rót vào ô cửa chưa sơn vài nốt nhạc.*
*Nắng đứng ngủ quên*
*Trên những bức tường*
*Làn gió nào về mang hương*
*Ủ đầy những rãnh tường chưa trát vữa.*

**Câu 4.** *Nêu cảm nghĩ của em khi đọc hai dòng thơ "Ngôi nhà như trẻ nhỏ/ Lớn lên với trời xanh...".*

– GV nêu câu hỏi và cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời theo suy nghĩ của bản thân.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, từng em nêu ý kiến, cả nhóm nhận xét trên tinh thần tôn trọng sự khác biệt.

– Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp, VD: Hai dòng thơ thể hiện cách cảm, cách nghĩ rất đáng yêu của các bạn học sinh. Ngôi nhà đang xây, đang được hoàn thiện mỗi ngày được ví như "trẻ nhỏ" đang lớn dần. Hình ảnh so sánh này rất thú vị, làm cho ngôi nhà trở nên đáng yêu, thân thiết, gần gũi với mọi người.

**Câu 5.** *Theo em, hình ảnh ngôi nhà đang xây nói lên điều gì về cuộc sống trên đất nước ta?*

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời theo cảm nhận của riêng mình.

– HS làm việc theo nhóm, từng em trình bày ý kiến của mình; có thể giải thích lí do mình có câu trả lời đó.

– Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc của nhóm trước lớp. GV có thể tổng kết ý kiến của HS hoặc nêu ý kiến của mình, VD: Đất nước ta đang mọc lên nhiều công trình xây dựng, đổi mới từng ngày. Hình ảnh ngôi nhà đang xây gợi liên tưởng về một đất nước đang trên đà phát triển, ngày một lớn mạnh và giàu đẹp. Liên tưởng, tưởng tượng này có đúng không còn phụ thuộc vào khát vọng, ý thức, trách nhiệm của mỗi công dân, trong đó có chúng ta. Đó cũng là sự tiếp bước cha ông làm cho đất nước ngày càng tươi đẹp, lớn mạnh.

## 4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ.

+ HS làm việc cá nhân hoặc theo cặp, đọc nhiều lần bài thơ.

+ Làm việc chung cả lớp, mời HS đọc thuộc lòng toàn bài (hoặc từng đoạn).

– GV nhắc HS về nhà tiếp tục học thuộc lòng.

# TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## VIẾT HOA DANH TỪ CHUNG ĐỂ THỂ HIỆN SỰ TÔN TRỌNG ĐẶC BIỆT

### 1. Nêu điểm giống nhau về cách viết những từ in đậm trong các đoạn thơ. Các từ đó có phải danh từ riêng không?

– GV mời 1 HS đọc câu lệnh và trình chiếu 2 đoạn thơ làm ngữ liệu lên bảng. GV yêu cầu 2 HS đọc lần lượt từng đoạn thơ.

– GV yêu cầu HS phát hiện điểm giống nhau về cách viết các từ in đậm và cho biết các từ đó có phải là danh từ riêng không. Đây là bài tập đơn giản, vì vậy, GV có thể cho HS làm việc chung cả lớp, quan sát ngữ liệu và tìm câu trả lời. GV gọi một số HS xung phong nêu câu trả lời, các HS khác nhận xét, góp ý. GV chốt đáp án.

Đáp án: Những từ in đậm trong các đoạn thơ đều được viết hoa. Tuy được viết hoa nhưng các từ này không phải là danh từ riêng. GV có thể giải thích thêm để củng cố kiến thức về danh từ riêng cho HS: Danh từ riêng là danh từ gọi tên một cá thể duy nhất. Còn những danh từ như *vệ quốc quân* vốn là danh từ chung, có thể dùng để chỉ nhiều đối tượng khác nhau.

*Lưu ý*: GV cần giải thích cho HS nghĩa của từ *vệ quốc quân* (dùng để chỉ Quân đội Nhân dân Việt Nam thời kì đầu sau Cách mạng tháng Tám).

### 2. Cách viết các từ in đậm ở bài tập 1 có tác dụng gì?

– GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm đôi để thống nhất câu trả lời cho bài tập 2.

– GV yêu cầu đại diện một số nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm mình. Các HS khác nhận xét, góp ý. GV thống nhất ý trả lời.

Đáp án: Cách viết các từ in đậm ở bài tập 1 để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt đối với đối tượng được nói đến: Bác (Chủ tịch Hồ Chí Minh), (anh) Vệ quốc quân.

– Sau khi kết thúc bài tập 2, GV cho HS chốt lại nội dung trong phần Ghi nhớ.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp.

+ Cả lớp đọc thầm Ghi nhớ.

+ GV mời HS xung phong nêu được nội dung trong phần Ghi nhớ mà không nhìn sách.

### 3. Tìm danh từ chung được viết hoa trong những câu thơ, câu văn và cho biết tác dụng của việc viết hoa đó.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 3.

– GV trình chiếu các câu thơ, câu văn được dùng làm ngữ liệu.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm từ được viết hoa theo cách đặc biệt trong các câu thơ, câu văn và cho biết tác dụng của việc viết hoa đó. Mỗi HS ghi kết quả vào vở hoặc giấy nháp. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm bốn để chia sẻ kết quả và thống nhất kết quả trong nhóm.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án: Từ được viết hoa theo cách đặc biệt: *Đất Nước* trong ngữ liệu (a), *Người* trong ngữ liệu (b), *Mẹ* và *Thiên Nhiên* (có thể coi là cụm từ hoặc là 2 danh từ kết hợp với nhau) trong ngữ liệu (c). Tác dụng: Thể hiện sự tôn trọng đặc biệt đối với đất nước, đối với lãnh tụ và đối với thiên nhiên (được coi như là mẹ của muôn loài). Với trường hợp có nhiều tiếng, cách viết hoa cũng linh hoạt: có thể chỉ viết hoa tiếng thứ nhất hoặc viết hoa tất cả các tiếng (như trường hợp Đất Nước ở ngữ liệu a).

GV lưu ý thêm: Việc viết hoa danh từ chung có tính chất tuỳ ý, không phải là quy định chính tả bắt buộc. Tuy vậy, có trường hợp ngoại lệ như danh từ chung chỉ Chủ tịch Hồ Chí Minh (*Bác*) bao giờ cũng viết hoa và coi như được "danh từ riêng hoá", vì thế viết hoa danh từ này trở thành bắt buộc. Ngoài những từ chỉ lãnh tụ, tổ quốc, đất nước,... có những danh từ chung vốn được viết thường như tất cả những danh từ chung khác nhưng đôi khi vẫn được viết hoa, chẳng hạn, danh từ chỉ quan hệ trong gia đình (ông, bà, bố, mẹ,...), danh từ chỉ thầy cô giáo,... để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt. Những trường hợp viết hoa này được coi là "viết hoa tu từ", vì vậy không nên lạm dụng (chỉ viết hoa khi thực sự muốn nhấn mạnh ý tôn trọng đặc biệt).

### 4. Viết 2 – 3 câu trong đó có danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.

– GV mời 1 – 2 HS đọc to câu lệnh của bài tập 4. GV yêu cầu HS nêu những điểm cần lưu ý khi viết 2 – 3 câu theo yêu cầu của đề bài. GV chốt lại: Về hình thức, số câu cần viết là linh hoạt nhưng chỉ nên viết khoảng 2 – 3 câu, có sử dụng danh từ chung được viết hoa để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt đối với đối tượng được nói đến. Về nội dung, các câu văn có thể viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh, đất nước, thiên nhiên,... GV cần hướng HS đến những đối tượng xứng đáng được dành sự tôn trọng đặc biệt, qua đó bồi dưỡng những tình cảm đúng đắn cho các em.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, viết vào vở hoặc giấy nháp các câu văn theo yêu cầu của bài tập.

– HS làm việc nhóm, từng HS đọc bài làm của mình để cả nhóm nhận xét, góp ý. GV đi đến các nhóm, khen ngợi những HS viết đoạn văn hay có sử dụng danh từ chung viết hoa thích hợp, nắm bắt những trường hợp HS chọn danh từ viết hoa không phù hợp với thông lệ để chữa chung trước lớp hoặc chữa riêng cho các em. Tuy đây là trường hợp viết hoa tu từ, có nghĩa là có tính chất tuỳ ý nhưng danh từ được viết hoa cần phải chỉ đối tượng có thể được dành sự tôn trọng đặc biệt. Đoạn văn cần viết có thể có danh từ chung được viết hoa như: Bác (Hồ), Quê hương, Đất nước, Mẹ (Việt Nam),...

– GV mời một số HS đọc đoạn văn của mình trước lớp.

– GV khen ngợi cả lớp đã tích cực tham gia các hoạt động học tập.

# TIẾT 3

## VIẾT

## LUYỆN TẬP LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

**Đề bài:** Viết bài văn tả một cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở.

### 1. Chuẩn bị.

– HS đọc yêu cầu của đề bài và những hướng dẫn, lưu ý trong SHS; HS suy nghĩ lựa chọn cảnh đẹp thiên nhiên nơi mình ở để miêu tả.

– GV có thể nhấn mạnh cách chọn cảnh đẹp thiên nhiên: Cảnh thiên nhiên ở gần nhà em hoặc cảnh thiên nhiên ở địa phương em mà em thấy đẹp.

– HS làm việc cá nhân theo hướng dẫn trong SHS:

+ Lựa chọn cảnh.

+ Lựa chọn trình tự miêu tả.

+ Ghi chép những đặc điểm nổi bật của cảnh.

### 2. Lập dàn ý.

– HS làm việc cá nhân: đọc thầm, đọc lướt gợi ý làm bài (3 phần của bài văn) và dựa vào nội dung đã chuẩn bị để lập dàn ý.

– GV quan sát HS làm bài, đọc dàn ý của một số HS để có những hỗ trợ phù hợp.

### 3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– HS đọc soát dàn ý của mình (theo hướng dẫn của SHS), tự chỉnh sửa, bổ sung.

– HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau:

+ Chọn cảnh đẹp thiên nhiên theo đúng yêu cầu của đề bài.

+ Các chi tiết miêu tả thể hiện được vẻ đẹp riêng của cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở.

+ Nêu được suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc đối với cảnh đẹp thiên nhiên được tả.

+ ...

– GV có thể chốt những điểm cần lưu ý về dàn ý của HS trong lớp để giờ học sau viết được bài văn tả cảnh đẹp thiên nhiên đúng yêu cầu.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu của hoạt động Vận dụng ở cuối Bài 23. GV nêu ý nghĩa của hoạt động này (VD: Để nội dung bài văn phong phú hơn, gây ấn tượng về vẻ riêng biệt, độc đáo của cảnh đẹp thiên nhiên nơi gia đình em sinh sống).

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 23.

+ Đọc hiểu: *Về ngôi nhà đang xây.*

+ Luyện từ và câu: *Viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.*

+ Viết: *Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả phong cảnh.*

– GV hỏi HS yêu thích nội dung nào hoặc còn băn khoăn, thắc mắc về nội dung nào trong Bài 23.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 24.

– Dặn HS chuẩn bị tranh ảnh hoặc đồ vật thật, nội dung,... để tham gia học tập ở hoạt động Khởi động của Bài 24.

# Bài 24 VIỆT NAM QUÊ HƯƠNG TA (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Việt Nam quê hương ta,* biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc yêu thương, tự hào của tác giả với quê hương, đất nước.

b. Nhận biết được các sự việc, cảnh vật qua lời kể, tả của tác giả. Hiểu suy nghĩ, cảm xúc của tác giả với quê hương đất nước; hiểu các giá trị nghệ thuật của bài thơ dựa vào cách sử dụng từ ngữ, các biện pháp nghệ thuật (so sánh, nhân hoá) trong bài thơ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Ca ngợi đất nước Việt Nam tươi đẹp, thơ mộng và tràn đầy sức sống cả trong truyền thống và hiện tại; ca ngợi con người Việt Nam dũng cảm, kiên cường, khéo léo và thuỷ chung.

**2.** Viết được bài văn tả phong cảnh theo dàn ý đã lập, đáp ứng đúng yêu cầu của bài văn tả phong cảnh.

**3.** Giới thiệu được một di tích lịch sử.

**4.** Biết cảm nhận vẻ đẹp của quê hương đất nước và con người Việt Nam; hiểu và trân trọng những vất vả, gian lao của đất nước và con người Việt Nam trong lịch sử; có tình yêu quê hương đất nước; biết chia sẻ cảm xúc với những người xung quanh.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản thơ lục bát.

– Bài văn tả phong cảnh.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ *Việt Nam quê hương ta.*

– Một số hình ảnh minh hoạ di tích lịch sử ở phần Nói và nghe.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1 – 2

## ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc đoạn thơ yêu thích trong bài thơ *Về ngôi nhà đang xây* và trả lời 1 – 2 câu hỏi đọc hiểu cuối bài (hoặc GV nêu câu hỏi khác).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu: *Nếu gặp một người bạn nước ngoài, em sẽ giới thiệu những gì về đất nước mình?*

– HS suy nghĩ và nêu ý kiến trong nhóm. HS có thể mang tranh ảnh hoặc đồ vật thể hiện đặc trưng của Việt Nam đã chuẩn bị từ trước (GV đã dặn ở phần Củng cố trong bài học trước) để thuyết minh cho phần nói của mình. Các HS trong nhóm lắng nghe, trao đổi (hỏi lại những điều chưa rõ), góp ý, nhận xét phần nói của nhau.

– Cả nhóm bình chọn 1 đại diện trình bày hay nhất.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV khen ngợi các HS có bài phát biểu hay, thể hiện được nét đặc sắc của Việt Nam. VD: Giới thiệu với bạn về phong cảnh đặc sắc ở Việt Nam từ Bắc đến Nam/ Giới thiệu về nón Việt Nam vì chiếc nón che nắng che mưa đã gắn bó với người Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử. Chiếc nón thể hiện sự khéo léo của người làm nón, sự chăm chỉ của người lao động, sự duyên dáng của những cô gái,.../ Giới thiệu về chiếc áo dài vì đó là trang phục truyền thống của người Việt Nam, "Thoáng thấy áo dài bay trên đường phố, sẽ thấy tâm hồn quê hương ở đó" (Lời bài hát *Một thoáng quê hương* của Từ Huy – Thanh Tùng)/...

– GV mời HS nêu nội dung tranh minh hoạ bài đọc (VD: Tranh vẽ cảnh núi non trập trùng, đồng ruộng bao la, mặt trời toả chiếu, thể hiện khung cảnh thiên nhiên vô cùng tươi đẹp.).

– GV giới thiệu khái quát bài *Việt Nam quê hương ta.* (VD: Hôm nay các em sẽ luyện đọc bài thơ *Việt Nam quê hương ta* – một trích đoạn trong trường ca *Bài thơ Hắc Hải* của nhà thơ Nguyễn Đình Thi. Đây là một bài thơ rất hay với nhiều từ ngữ gợi tả, gợi cảm, giúp các em cảm nhận được vẻ đẹp của thiên nhiên, đất nước và con người Việt Nam, cũng như cảm nhận được tình yêu quê hương, đất nước mà tác giả gửi gắm trong bài thơ.)

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm). GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp xen kẽ các khổ thơ.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *biển lúa, bay lả, áo nâu, máu lửa, đứng lên, long lanh, thuỷ chung, lạ lùng,...*).

+ Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của tác giả (tha thiết, trìu mến: khổ 1, 4, 5; đồng cảm, xót xa: khổ 2; mạnh mẽ, tự hào, khâm phục: 3 câu đầu; nhẹ nhàng, tha thiết: khổ 4).

– 2 HS đọc nối tiếp xen kẽ các khổ thơ.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn (nối tiếp xen kẽ 5 khổ), sau đó đổi lại thứ tự đọc. Hoặc 1 HS đọc 2 khổ đầu, 1 HS đọc 3 khổ cuối, sau đó đổi thứ tự đọc.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– 2 HS đọc nối tiếp xen kẽ 5 khổ trước lớp.

– GV nhận xét việc đọc diễn cảm của cả lớp.

## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Khổ thơ đầu tiên giới thiệu cảnh sắc thiên nhiên Việt Nam đẹp như thế nào?*

– GV hướng dẫn HS suy nghĩ cá nhân trước khi trao đổi trong nhóm. HS đọc kĩ lại khổ đầu tiên trong văn bản để tìm câu trả lời. GV lưu ý HS chú ý các từ ngữ gợi tả, gợi cảm trong khổ thơ.

– HS làm việc cá nhân, tìm câu trả lời cho câu hỏi, sau đó trao đổi trong nhóm, thống nhất ý kiến.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày ý kiến trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý, chốt đáp án.

Đáp án:

+ "Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn": từ "mênh mông" và cách nói (đâu trời đẹp hơn) thể hiện sự trù phú của những cánh đồng lúa.

+ "Cánh cò bay lả rập rờn" thể hiện không gian thanh bình, yên ả.

+ "Mây mờ che đỉnh Trường Sơn sớm chiều" thể hiện vẻ đẹp vừa kì vĩ vừa nên thơ của đỉnh Trường Sơn hùng vĩ.

=> Cảnh sắc thiên nhiên Việt Nam từ vùng đồng bằng (nơi có biển lúa) đến vùng núi cao (nơi có đỉnh Trường Sơn) hiện lên tươi đẹp, yên bình, trù phú.

**Câu 2.** *Hình ảnh con người Việt Nam trong những năm tháng chiến tranh hiện lên ra sao?*

– HS làm việc theo cặp hoặc trao đổi nhóm để trả lời câu hỏi. Nhóm trưởng mời từng bạn phát biểu, cùng nhau tìm câu trả lời, thống nhất ý kiến. GV quan sát các nhóm làm việc và có những hỗ trợ phù hợp. GV có thể đặt câu hỏi mở rộng để giải thích thêm về hình ảnh "áo nâu nhuộm bùn": Em hiểu thế nào về hình ảnh "áo nâu nhuộm bùn"? (Áo nâu là loại áo người xưa, nhất là người nông dân, người lao động thường mặc. Có thể có hai cách hiểu đối với hình ảnh "áo nâu nhuộm bùn". Thứ nhất, là những người Việt Nam mặc áo nâu và làm công việc đồng áng vất vả khiến áo lấm bùn (đây là cách hiểu phổ biến); Thứ hai, là loại áo nâu được nhuộm bằng bùn. Người ta lấy bùn đen cho vào chậu, rồi ngâm vải sao cho ngấm bùn đều, sau khi màu đen của bùn ngấm vào vải

thì phơi cho khô rồi lặp lại quy trình ngâm bùn và phơi vài lần nữa cho vải ngấm hẳn màu. Cuối cùng, người ta ngâm vải với nước lá bàng đặc hoặc nước chè xanh đặc để vải bền màu.).

– Đại diện 2 – 3 nhóm trả lời câu hỏi trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án:

– Từ ngữ "vất vả in sâu", hình ảnh "Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn" thể hiện sự vất vả, lam lũ, chân lấm tay bùn của người Việt Nam, đồng thời cũng thể hiện đức tính cần cù, chịu thương chịu khó trong lao động của ông cha ta từ ngàn đời xưa.

– Con người Việt Nam mạnh mẽ, anh hùng trong chiến đấu (3 câu đầu khổ thơ thứ 3), hiền lành, giản dị trong đời thường (*Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa*). Hình ảnh "Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau" thể hiện con người Việt Nam phải trải qua bao gian khó, thương đau ở các thời kì gian khó.

**Câu 3.** *Tác giả muốn nói điều gì về đất nước, con người Việt Nam qua hai khổ thơ cuối?*

– Làm việc cá nhân:

+ HS đọc kĩ hai khổ thơ cuối.

+ HS tự tìm các chi tiết có thể trả lời cho câu hỏi 3.

– Làm việc nhóm:

+ Từng HS nêu câu trả lời cho câu hỏi.

+ Cả nhóm góp ý, nhận xét. Bầu một bạn phát biểu trước lớp.

– Làm việc cả lớp:

+ 2 – 3 nhóm nêu câu trả lời.

+ GV và cả lớp nhận xét.

Đáp án: Qua hai khổ thơ cuối, tác giả ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp và sự tài hoa của con người Việt Nam.

| Vẻ đẹp của thiên nhiên | Vẻ đẹp của con người | Sự tài hoa của con người |
|---|---|---|
| Thiên nhiên tươi đẹp, trù phú (*Đất nắng chan hoà, Hoa thơm quả ngọt bốn mùa trời xanh.*). | Xinh đẹp (*Mắt đen cô gái long lanh*), thuỷ chung, son sắt (*Yêu ai yêu trọn tấm tình thuỷ chung*). | Giỏi giang, tài hoa, sáng tạo (*Tay người như có phép tiên – Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ*), vùng miền nào cũng có những nghề riêng để cống hiến (*Đất trăm nghề của trăm vùng*), thu hút khách thập phương náo nức tham quan (*Khách phương xa tới lạ lùng tìm xem*). |

*Lưu ý*: GV có thể giải thích thêm về hình ảnh "Trên tre lá cũng dệt nghìn bài thơ". Đây là một cách nói tượng trưng của tác giả. "Tre lá" tượng trưng cho những điều kiện bình dị, đơn giản, "nghìn bài thơ" tượng trưng cho cái đẹp của những sản phẩm sáng tạo. Câu thơ có thể hiểu: Dù chỉ có những điều kiện vật chất đơn sơ, bình dị, nhưng với

bàn tay khéo léo, tài hoa "như có phép tiên" của con người Việt Nam vẫn làm nên những sản phẩm tuyệt mĩ, đầy sáng tạo.

**Câu 4.** *Qua bài thơ, tác giả thể hiện những tình cảm gì đối với quê hương, đất nước?*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc nhóm.

– HS làm việc nhóm hoặc theo cặp, từng HS đọc kĩ khổ 4, 5 và nêu suy nghĩ để trả lời câu hỏi. Các HS khác góp ý, bổ sung.

– 2 – 3 HS phát biểu trước lớp.

– GV và cả lớp nhận xét, góp ý và bổ sung đáp án.

– GV động viên, khen ngợi những HS có câu trả lời đúng và tích cực tham gia phát biểu. Đáp án: Tác giả thể hiện tình cảm yêu mến, quý trọng đất nước, dân tộc như:

+ **Tha thiết, gần gũi, gắn bó** với quê hương, đất nước (thể hiện qua cách gọi tha thiết: *Việt Nam đất nước ta ơi*).

+ **Tự hào** về cảnh đẹp quê hương, đất nước (qua câu thơ: *Mênh mông biển lúa đâu trời đẹp hơn*).

+ **Yêu** (*Quê hương biết mấy thân yêu*) và ***thương*** quê hương (*Bao nhiêu đời đã chịu nhiều thương đau*), ***đồng cảm*** với những vất vả, hi sinh của người dân Việt Nam (*Mặt người vất vả in sâu, Gái trai cũng một áo nâu nhuộm bùn*).

+ **Khâm phục** và **ngưỡng mộ** con người Việt Nam (qua các chi tiết ca ngợi vẻ đẹp con người Việt Nam).

**Câu 5.** *Em thích những câu thơ nào trong bài? Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu.

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, đọc lướt lại bài thơ và ghi lại những câu thơ hay (theo cảm nhận cá nhân). Sau đó từng HS đọc trong nhóm các câu thơ mình thích và nêu lí do vì sao mình thích những câu thơ đó. Các HS khác lắng nghe, hỏi thêm nếu chưa rõ và bầu 1 – 2 bạn có ý kiến hay nhất. GV lưu ý HS nói theo cảm nhận của mình vì đây là ý hỏi mở.

– 2 – 3 HS nói trước lớp. GV khen ngợi các bạn phát biểu hay, sinh động.

## 4. Học thuộc lòng

GV hướng dẫn HS học thuộc lòng 3 khổ thơ đầu.

– Làm việc cá nhân, đọc lại nhiều lần từng khổ thơ.

– Làm việc theo cặp, theo nhóm:

+ Đọc nối tiếp (hoặc đọc đồng thanh) từng câu thơ/ từng khổ thơ.

+ Câu thơ/ khổ thơ nào chưa thuộc, có thể mở SHS ra để xem lại.

– Làm việc chung cả lớp:

+ Một số HS xung phong đọc những khổ thơ mình đã thuộc.

+ Cả lớp hỗ trợ (nếu bạn quên) và góp ý, nhận xét.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

**Câu 1.** *Mỗi từ in đậm trong hai dòng thơ có được dùng với nghĩa gốc không? Vì sao?*

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu trong SHS.

– GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, HS chuẩn bị câu trả lời và nêu trong nhóm (HS có thể sử dụng từ điển). Các HS khác góp ý, nhận xét.

– Đại diện 3 – 4 nhóm phát biểu trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

Đáp án: Từ "tay" được dùng với nghĩa gốc, vì "tay người" chỉ bộ phận cơ thể người (nghĩa thứ nhất trong từ điển).

Từ "dệt" không được dùng với nghĩa gốc, vì nghĩa gốc của từ "dệt" trong từ điển là "làm cho sợi kết vào nhau thành tấm theo những quy cách nhất định để tạo ra vải, chiếu,...". Còn trong bài thơ, "dệt nghìn bài thơ" là cách chuyển nghĩa (từ *dệt* được dùng với nghĩa chuyển) để nói về sự sáng tạo, tài hoa của con người Việt Nam.

**Câu 2.** *Tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ* ***thân yêu, vất vả*** *trong bài thơ.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 2. Sau đó hướng dẫn HS cách làm bài tập. HS đọc kĩ từng câu thơ có chứa mỗi từ "thân yêu", "vất vả" trong bài thơ, xác định nghĩa của chúng, sau đó tìm các từ đồng nghĩa với mỗi từ trên.

– HS làm việc cá nhân, tìm các từ thay thế cho từ ngữ đã cho. Sau đó nêu kết quả làm việc trong nhóm. Cả nhóm nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án.

– Đại diện 2 – 3 nhóm nêu đáp án. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.

Đáp án:

– *thân yêu*: thân thương, thương yêu, yêu thương,...

– *vất vả*: khó nhọc, nhọc nhằn,...

**Câu 3.** *Đặt câu với 1 2 từ tìm được trong bài tập 2.*

– GV mời 1 HS nêu yêu cầu của bài tập 3.

– HS làm việc cá nhân, chọn 1 – 2 từ tìm được ở bài tập 2 để đặt câu. HS nêu kết quả làm việc trong nhóm.

– GV khen ngợi các HS tích cực làm bài tập và hỗ trợ các HS còn gặp khó khăn trong việc sử dụng từ ngữ để viết câu.

VD:

– Đôi bàn tay ông nội chai sần, ghi dấu những **nhọc nhằn** của một thời tuổi trẻ.

– Áp đôi bàn tay của ông nội vào má, dù ram ráp, khô cứng chứ chẳng mềm mại, nhẹ nhàng, nhưng em thấy vô cùng ấm áp, **thân thương**.

## TIẾT 3

### VIẾT

### LUYỆN VIẾT BÀI VĂN TẢ PHONG CẢNH

**Đề bài:** Viết bài văn tả một cảnh đẹp thiên nhiên nơi em ở.

## 1. Chuẩn bị.

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại đề bài và dàn ý đã lập.

+ Đọc những điều cần nhớ trong SHS, có thể điều chỉnh dàn ý (về nội dung miêu tả, về trình tự miêu tả,...).

+ Đọc lướt ví dụ trong SHS để học tập cách dùng từ, cách viết câu, cách sử dụng hình ảnh so sánh, nhân hoá,... khi tả cảnh đẹp thiên nhiên.

– GV lưu ý HS:

+ Đây là bài văn tả cảnh đẹp thiên nhiên nơi gia đình mình sinh sống (có thể hiểu là cảnh đẹp của địa phương), nên cần kết hợp miêu tả với bộc lộ tình cảm, cảm xúc đối với cảnh vật.

+ Cần tập trung làm bài để có thời gian đọc soát bài văn.

+ Cố gắng để viết được bài văn hay (hay từ mở bài đến thân bài, kết bài); tham khảo đoạn văn trong SHS.

## 2. Viết bài văn.

– HS làm bài cá nhân theo dàn ý đã lập, đảm bảo bài văn có đủ 3 phần.

– GV quan sát HS làm bài, có thể hỗ trợ khi HS cần giúp đỡ hoặc còn hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính ở bài làm của một số HS hoặc của cả lớp (VD: Những em biết sử dụng từ ngữ mô phỏng âm thanh, gợi tả màu sắc, hình dáng,... của cảnh vật thiên nhiên, gây được ấn tượng với người đọc; những em viết được câu văn sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ,...).

– HS làm bài cá nhân.

## 3. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

– HS có thể đổi bài cho bạn để đọc soát và góp ý, chỉnh sửa cho nhau.

# TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## DI TÍCH LỊCH SỬ

**Yêu cầu:** Giới thiệu về một di tích lịch sử mà em biết.

## 1. Chuẩn bị

GV nêu yêu cầu (giới thiệu về một di tích lịch sử) và hướng dẫn HS chuẩn bị để giới thiệu:

– Lựa chọn một di tích lịch sử để giới thiệu.

+ GV giới thiệu một số di tích lịch sử được gợi ý trong SHS: Thành Cổ Loa; Văn Miếu – Quốc Tử Giám; Quần thể di tích Cố đô Huế; Bến Nhà Rồng. (GV chuẩn bị sẵn tranh ảnh minh hoạ các di tích lịch sử được gợi ý trong SHS và chiếu lên bảng lớp.)

+ HS làm việc cá nhân: chọn một di tích lịch sử (có thể chọn trong số những di tích được gợi ý trong SHS hoặc một di tích khác mà em biết).

– Tìm đọc tư liệu trong sách báo in hoặc trên mạng in-tơ-nét để có thông tin về di tích đã chọn.

– GV chiếu các câu hỏi gợi ý trong SHS lên bảng lớp, yêu cầu 1 HS đọc các câu hỏi. Các HS khác đọc thầm theo.

+ HS chuẩn bị nội dung bài giới thiệu về di tích lịch sử theo các câu hỏi gợi ý.

+ HS chuẩn bị tranh ảnh và phương tiện để trình bày.

### 2. Trình bày.

– GV hướng dẫn HS trình bày qua ví dụ về di tích lịch sử Văn Miếu – Quốc Tử Giám:

+ Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở đâu? (Văn Miếu – Quốc Tử Giám ở phường Văn Miếu – Quốc Tử Giám, thành phố Hà Nội.)

+ Văn Miếu – Quốc Tử Giám được xây dựng khi nào? (Văn Miếu được xây dựng năm 1070 để thờ Khổng Tử. Sau đó, năm 1076, Quốc Tử Giám được xây dựng kề sau Văn Miếu để làm nơi dạy học.)

+ Kể tên một số công trình ở Văn Miếu – Quốc Tử Giám. (Quần thể kiến trúc Văn Miếu – Quốc Tử Giám bao gồm: hồ Văn, khu Văn Miếu – Quốc Tử Giám và vườn Giám.)

+ Vì sao Văn Miếu – Quốc Tử Giám được coi là trường đại học đầu tiên của Việt Nam? (Vì đây là nơi đầu tiên đào tạo nhân tài cho đất nước. Những người đỗ đạt trong các kì thi được tổ chức ở Quốc Tử Giám đều được bổ nhiệm vào những vị trí xứng đáng với tài năng của họ bất kể xuất thân từ những tầng lớp nào trong xã hội.)

– GV có thể điều hành hoạt động của HS hoặc cho lớp cử ra một HS làm người điều hành:

+ Người điều hành có thể cho các cá nhân tự trình bày theo nhóm, sau đó mời đại diện các nhóm lên trình bày trước lớp hoặc người điều hành có thể giới thiệu luôn người trình bày trước lớp theo danh sách đã đăng kí.

+ HS giới thiệu về di tích lịch sử theo dàn ý đã chuẩn bị. Trong khi đó, các HS khác ghi chép thông tin đáng chú ý khi bạn trình bày, nêu câu hỏi để có thêm thông tin hoặc nắm rõ hơn thông tin trong bài giới thiệu của bạn.

+ Người điều hành tổng hợp lại những nội dung được giới thiệu. Cảm ơn các bạn đã hoàn thành bài giới thiệu.

### 3. Trao đổi, góp ý.

GV hướng dẫn HS trao đổi, góp ý cho hoạt động giới thiệu về một di tích lịch sử. GV có thể chiếu lên bảng những câu hỏi gợi ý cho phần góp ý.

a. Góp ý đối với người giới thiệu

– Nội dung trình bày có đầy đủ và rõ ràng không?

– Trả lời câu hỏi của người nghe có thuyết phục không?

– Giọng nói, điệu bộ, cử chỉ phù hợp không?

– ...

b. Góp ý đối với người nghe

– Có chăm chú lắng nghe người trình bày không?

– Có tích cực đặt câu hỏi để hiểu rõ về di tích lịch sử không?

– Có thái độ lịch sự khi trao đổi không?

– ...

c. Bình chọn người giới thiệu hay nhất.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động Vận dụng theo yêu cầu trong SHS: *Sưu tầm tranh ảnh về những cảnh đẹp hoặc di tích lịch sử của đất nước và chia sẻ với người thân, bạn bè.*

## CỦNG CỐ

– GV có thể tổng kết bài học bằng nhiều cách, có thể chọn một trong những cách dưới đây:

+ Hỏi xem HS thích nhất điều gì trong bài vừa học.

+ Đề nghị HS nói lại những điều HS nhớ về bài đọc và phần Nói và nghe.

+ Chốt lại hôm nay HS đã được:

* Đọc hiểu: *Việt Nam quê hương ta.*

* Viết: *Luyện viết bài văn tả phong cảnh.*

* Nói và nghe: *Di tích lịch sử.*

– GV có thể nói thêm: Bài đọc *Việt Nam quê hương ta* khép lại chủ điểm *Tiếp bước cha ông*. Bài thơ đã vẽ ra một bức tranh tươi đẹp về đất nước Việt Nam, với thiên nhiên yên bình, trù phú, giàu truyền thống văn hoá, con người hiền hậu, chăm chỉ, kiên cường. Bài thơ thể hiện tình yêu, sự tự hào về đất nước Việt Nam truyền thống và hiện đại.

– GV dặn HS: Về nhà xem lại Bài 24 và chuẩn bị trước Bài 25.

# THẾ GIỚI CỦA CHÚNG TA

## TUẦN 32

## BÀI 25 BÀI CA TRÁI ĐẤT (3 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ *Bài ca trái đất*. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu vẻ đẹp của trái đất hoà bình, tươi đẹp.

b. Nhận biết được vẻ đẹp của trái đất thông qua các hình ảnh so sánh, nhân hoá, điệp từ ngữ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ: Bài thơ gửi gắm ước mơ của các bạn thiếu nhi về một thế giới hoà bình, đoàn kết, không có chiến tranh.

**2.** Biết cách viết và viết đúng tên người và tên địa lí nước ngoài.

**3.** Lập được dàn ý cho bài văn tả người.

**4.** Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm của mỗi cá nhân đối với việc xây dựng một thế giới hoà bình.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

– Văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhịp trong thơ); quy tắc viết tên người và tên địa lí nước ngoài.

– Quy tắc viết hoa tên riêng nước ngoài.

– Cách viết văn tả người.

#### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài thơ *Bài ca trái đất*; hình ảnh biểu tượng cho hoà bình, tự do, nhân đạo.

– Từ điển tiếng Việt.

### III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1

### GIỚI THIỆU CHỦ ĐIỂM

GV giới thiệu chủ điểm mới, VD: Chủ điểm mở đầu của sách *Tiếng Việt 5* là *Vẻ đẹp cuộc sống* và chủ điểm cuối của sách là *Thế giới của chúng ta*. Với chủ điểm này, các

bài học trong sách sẽ mở ra cánh cửa tới thế giới rộng lớn, giúp các em có thêm hiểu biết về những xứ sở xa xôi, nắm bắt được vấn đề được cả thế giới quan tâm và cần chung tay để làm cho cuộc sống con người ngày càng tươi đẹp, hạnh phúc hơn

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

GV lưu ý đây là câu hỏi mở, khơi gợi hứng thú của HS. HS có thể có nhiều câu trả lời khác nhau (VD: Hình ảnh 1: Gợi cho em suy nghĩ về một trái đất yên bình, không có chiến tranh,... Hình ảnh 2: Gợi cho em suy nghĩ về một trái đất xanh, sạch đẹp,...). GV khích lệ HS để nhiều em chia sẻ được mong muốn của mình về trái đất.

– GV dẫn sang bài đọc *Bài ca trái đất* (VD: Vừa rồi các em đã nêu suy nghĩ của mình về trái đất. Bài thơ *Bài ca trái đất* cũng sẽ giúp các em hiểu thêm về một thế giới hoà bình của các bạn nhỏ khắp năm châu.).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc diễn cảm bài thơ, nhấn giọng ở những từ gợi hình, gợi tả.

– GV hướng dẫn HS đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *trời xanh, trái đất quay, bạn trẻ năm châu, đầm hương thơm, tô thắm sắc,...*

+ Chú ý ngắt giọng đúng để tạo nhịp điệu cho câu thơ, VD:

*Trái đất này/ là của chúng mình*
*Quả bóng xanh/ bay giữa trời xanh*
*Bồ câu ơi,/ tiếng chim gù thương mến*
*Hải âu ơi,/ cánh chim vờn sóng biển*
*Cùng bay nào,/ cho trái đất quay!*
*Cùng bay nào,/ cho trái đất quay!...*

+ Đọc nhấn giọng vào những hình ảnh thơ lặp lại, thể hiện mong ước của các bạn nhỏ về một thế giới hoà bình, đoàn kết: *Bồ câu ơi, tiếng chim gù thương mến/ Hải âu ơi, cánh chim vờn sóng biển/ Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm/ Màu hoa nào cũng quý, cũng thơm/...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 khổ thơ trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm ba, mỗi HS đọc một khổ, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được chú thích trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để HS tự tra từ điển.

### 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Những hình ảnh ở khổ thơ đầu giúp chúng ta hình dung về một trái đất như thế nào?*

– GV nêu câu hỏi (hoặc cho HS đọc lại câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS tìm câu trả lời cho câu hỏi:

+ HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm) để tìm câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. VD: Những hình ảnh ở khổ thơ đầu: quả bóng xanh bay giữa trời xanh, tiếng gù của chim bồ câu, cánh chim hải âu vờn sóng biển,... giúp chúng ta hình dung về một trái đất hoà bình, yên vui.

**Câu 2.** *Theo em, khổ thơ thứ hai ý nói gì? Em chọn ý nào? Vì sao?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời.

GV lưu ý HS có thể chọn bất kì đáp án nào vì các đáp án đều đúng, miễn là HS lí giải được vì sao chọn phương án trả lời đó.

**Câu 3.** *Trong bài thơ, những hình ảnh nào có ý nghĩa đối lập với hoà bình? Em có suy nghĩ gì về những hình ảnh ấy?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS làm việc nhóm để cùng nhau tìm những hình ảnh đối lập với hoà bình và nêu suy nghĩ về những hình ảnh ấy.

+ HS có thể ghi vắn tắt kết quả thảo luận vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. VD: Những hình ảnh có ý nghĩa đối lập với hoà bình là: khói hình nấm, bom H, bom A. Việc nhắc đến những hình ảnh ấy trong bài thơ là để nhắc nhở mọi người muốn giữ gìn trái đất hoà bình. Vì vậy, cần phải lên án chiến tranh, giữ gìn hoà bình cho thế giới, cho cuộc sống tươi đẹp.

**Câu 4.** *Theo em, hai dòng thơ "Tiếng hát vui giữ bình yên trái đất/ Tiếng cười ran cho trái đất không già" ý nói gì?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, nêu suy nghĩ của mình về hai dòng thơ *"Tiếng hát vui giữ bình yên trái đất/ Tiếng cười ran cho trái đất không già"*.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. GV lưu ý đây là câu hỏi khích lệ HS phát biểu suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân. Các em có thể đưa ra nhiều ý kiến khác nhau, (VD: Trái đất tươi đẹp là trái đất rộn rã tiếng hát, tiếng cười; cần giữ sự bình yên, tươi trẻ cho trái đất bằng tiếng hát, tiếng cười,...).

### 4. Học thuộc lòng bài thơ

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng bài thơ.

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu cả bài thơ.

+ Một HS đọc thành tiếng cả bài thơ.

+ GV có thể cho HS thay đổi cách thức tổ chức học thuộc lòng một cách linh hoạt và sáng tạo.

– GV cho HS đọc thành tiếng lại bài thơ một lần nữa trước khi hết tiết 2. Hình thức đọc như thế nào là do GV chọn.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## CÁCH VIẾT TÊN NGƯỜI VÀ TÊN ĐỊA LÍ NƯỚC NGOÀI

### 1. Tìm tên người và tên địa lí trong đoạn văn và xếp vào nhóm thích hợp.

– GV nêu yêu cầu của bài tập. GV có thể trình chiếu đoạn văn và 2 nhóm lên màn hình lớp hoặc yêu cầu HS nhìn vào sách.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập:

+ HS làm việc cá nhân, đọc lại đoạn văn ở bài tập 1, tìm tất cả các tên người và tên địa lí trong đoạn, xếp vào 2 nhóm (tên người nước ngoài, tên địa lí nước ngoài).

+ HS làm việc nhóm, thảo luận và thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

– Tên người nước ngoài: Ét-mun Hi-la-ri, Ten-ding No-gay.

– Tên địa lí nước ngoài: Hi-ma-lay-a, Bu-tan, Trung Quốc, Ấn Độ, Nê-pan, Pa-ki-xtan, Ê-vơ-rét, Niu Di-lân.

**2. Từ kết quả ở bài tập 1, xếp tên người và tên địa lí nước ngoài vào 1 trong 2 nhóm.**

– GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập 2. Cả lớp đọc thầm theo. GV có thể trình chiếu 2 nhóm lên bảng.

Nhóm 1: Có cách viết giống tên người và tên địa lí Việt Nam.

Nhóm 2: Có cách viết khác tên người, tên địa lí Việt Nam.

*Lưu ý*: GV có thể cho HS ôn tập lại kiến thức về cách viết tên người và tên địa lí Việt Nam: Viết hoa chữ cái đầu mỗi bộ phận tạo thành tên.

– GV hướng dẫn cách thực hiện bài tập theo 2 bước:

+ HS làm việc cá nhân. Ghi kết quả ra giấy.

+ Một số HS trình bày kết quả, GV và cả lớp nhận xét, thống nhất kết quả.

(GV có thể tổ chức cho HS làm việc nhóm, ghi kết quả ra phiếu, đại diện một số nhóm lên bảng dán phiếu vào nhóm phù hợp. GV và cả lớp thảo luận và thống nhất kết quả.)

Đáp án:

– Nhóm 1 gồm: Trung Quốc, Ấn Độ.

– Nhóm 2 gồm: Ét-mun Hi-la-ri, Ten-ding No-gay, Hi-ma-lay-a, Bu-tan, Nê-pan, Pa-ki-xtan, Ê-vơ-rét, Niu Di-lân.

**3. Đọc các tên riêng nước ngoài trong nhóm 2 (bài tập 2) và trả lời các câu hỏi sau:**

– Mỗi tên riêng gồm mấy bộ phận? (**G:** Chữ cái đầu của mỗi bộ phận được viết hoa.)

– Mỗi bộ phận gồm mấy tiếng?

– Nếu một bộ phận gồm nhiều tiếng thì các tiếng được viết như thế nào?

– GV chiếu bài tập 3 lên màn hình lớp, nêu yêu cầu và hướng dẫn HS thực hiện. GV có thể tách 3 câu hỏi thành 3 hoạt động riêng biệt hoặc ghép thành 1 hoạt động, tuỳ trình độ của HS. GV có thể làm sẵn các thẻ tên để HS xếp thẻ vào nhóm trên bảng lớp.

+ HS làm việc cá nhân. Ghi kết quả ra giấy.

+ Một số HS trình bày kết quả, GV và cả lớp nhận xét, thống nhất kết quả.

Đáp án:

• Tên riêng gồm 1 bộ phận: Hi-ma-lay-a, Bu-tan, Nê-pan, Pa-ki-xtan, Ê-vơ-rét. Tên riêng gồm 2 bộ phận: Ét-mun Hi-la-ri, Ten-ding No-gay, Niu Di-lân.

• Mỗi bộ phận có thể gồm một tiếng (Niu) hoặc nhiều tiếng (Ét-mun Hi-la-ri, Ten-ding No-gay, Di-lân).

• Nếu một bộ phận gồm nhiều tiếng thì giữa các tiếng có dấu gạch nối.

– Sau khi kết thúc bài tập 3, GV chốt lại quy tắc viết tên riêng và tên địa lí nước ngoài trong phần Ghi nhớ.

+ GV mời 1 – 2 HS đọc Ghi nhớ trước lớp.

+ Cả lớp đọc thầm Ghi nhớ.

+ GV mời HS xung phong không nhìn sách, nêu được 2 quy tắc viết tên người và tên địa lí nước ngoài.

### 4. Viết lại vào vở cho đúng tên người, tên địa lí nước ngoài trong đoạn văn.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 4 và hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc đoạn văn, tìm tên người, tên địa lí nước ngoài, ghi lại vào giấy nháp.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

+ Đại diện một số nhóm trình bày kết quả bằng cách viết lên bảng. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

- Tháp épphen: Tháp Ép-phen
- đại lộ anatôn phrăngxơ: đại lộ A-na-tôn Phrăng-xơ
- thành phố pari: thành phố Pa-ri
- nước pháp: nước Pháp
- kĩ sư guxtavơ épphen: kĩ sư Gu-xta-vơ Ép-phen

### 5. Viết 3 – 5 câu giới thiệu về một nhà văn, một câu chuyện hoặc một bộ phim, trong đó có 1 – 2 tên riêng nước ngoài.

– GV nêu yêu cầu của bài tập 5 và hướng dẫn cách thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, chọn nội dung viết (giới thiệu về một nhà văn, một câu chuyện hoặc một bộ phim) và viết 3 – 5 câu ra giấy nháp. (GV cho HS đủ thời gian.)

+ HS làm việc nhóm, trao đổi và góp ý cho phần viết của nhau. (GV cho HS đủ thời gian.)

– GV gọi một số HS trình bày kết quả của mình. GV và cả lớp góp ý. GV khen ngợi một số HS có bài giới thiệu tốt.

Đáp án tham khảo:

Han Cri-xti-an An-đéc-xen là nhà văn người Đan Mạch. Từ nhỏ An-đéc-xen đã biểu lộ trí thông minh tuyệt vời và một tình yêu nồng nhiệt với văn học. Ông thuộc làu các vở kịch của Uy-li-am Sếch-xpia và thường tự trình diễn các vở kịch đó bằng những con rối gỗ.

## TIẾT 3

## VIẾT

## LUYỆN TẬP LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

**Đề bài:** Viết bài văn tả thầy giáo (cô giáo) mà em yêu quý.

### 1. Chuẩn bị.

– GV nêu câu hỏi về những điểm cần lưu ý khi lập dàn ý cho bài văn tả người. GV dành thời gian cho HS nhớ lại và nêu được một số ý như:

+ Cần lựa chọn trình tự miêu tả để có thể viết bài mạch lạc.

+ Cần quan sát hoặc nhớ lại kết quả quan sát để nhận ra những đặc điểm nổi bật về ngoại hình, hoạt động, tình cảm, cảm xúc,... của người được tả.

+ Cần lựa chọn những đặc điểm làm nên vẻ riêng của người được miêu tả.

– GV mời HS đọc yêu cầu của đề bài.

– GV hướng dẫn HS:

+ Có thể tả thầy giáo (cô giáo) đang dạy mình hoặc thầy giáo (cô giáo) mình đã học ở những năm học trước, thầy giáo (cô giáo) dạy mình ở trường mầm non.

+ Quan sát thầy giáo (cô giáo) hoặc nhớ lại hình ảnh, việc làm của thầy giáo (cô giáo) mà em đã quan sát (có thể ghi nhanh các đặc điểm của người được tả).

### 2. Lập dàn ý.

– HS làm việc cá nhân, dựa vào gợi ý, hướng dẫn lập dàn ý trong SHS và các nội dung đã chuẩn bị để lập dàn ý cho bài văn tả thầy giáo (cô giáo) của em.

– GV nhắc HS: Trong gợi ý ở phần thân bài, ngoài tả đặc điểm về ngoại hình, hoạt động, các em có thể miêu tả những biểu hiện về tình cảm, cảm xúc, mong ước,... của thầy giáo (cô giáo). Đây là điểm mới so với những đoạn văn, bài văn tả người các em đã đọc, đã viết. Việc hiểu, cảm nhận được những suy nghĩ, cảm xúc của thầy giáo (cô giáo) không khó với các em. Các em có thể đoán biết qua ánh mắt, nét mặt, cử chỉ hoặc việc làm của thầy giáo (cô giáo) đối với học sinh.

– GV quan sát HS làm bài, đọc dàn ý của một số HS để có những hỗ trợ phù hợp.

### 3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý.

– HS đọc soát dàn ý đã lập theo hướng dẫn của SHS, tự chỉnh sửa, bổ sung.

– HS làm việc theo cặp hoặc theo nhóm, đọc dàn ý của nhau và góp ý cho nhau (nếu có thời gian).

– GV có thể chốt những điểm cần lưu ý để viết được bài văn tả người đúng yêu cầu.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Tìm đọc sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.* GV nêu ý nghĩa của hoạt động Vận dụng: giúp trang bị cho các em kiến thức về quyền và bổn phận của trẻ em; biết thêm những hoạt động của thiếu nhi quốc tế, thêm yêu thêm tự hào về các bạn,... từ đó cố gắng học tập tốt, rèn luyện tốt,...; đồng thời giúp HS có sự chuẩn bị cho hoạt động Đọc mở rộng ở Bài 26.

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 25.

+ Đọc hiểu: *Bài ca trái đất.*

+ Luyện từ và câu: *Cách viết tên người và tên địa lí nước ngoài.*

+ Viết: *Luyện tập lập dàn ý cho bài văn tả người.*

– GV hỏi HS: Bài 25 giúp em có thêm kiến thức, kĩ năng gì?

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 26.

# BÀI 26 NHỮNG CON HẠC GIẤY (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Những con hạc giấy*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với sự việc được miêu tả. Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

b. Nắm được các sự việc xảy ra trong câu chuyện gắn với thời gian và địa điểm cụ thể; hiểu được suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật thể hiện qua hành động. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Chiến tranh, bom đạn đã cướp đi sinh mạng của rất nhiều người trong đó có trẻ em. Câu chuyện về cái chết của Xa-đa-cô là lời tố cáo tội ác của chiến tranh hạt nhân và lời bày tỏ ước vọng hoà bình của trẻ em.

c. Đọc mở rộng theo yêu cầu (đọc sách báo viết về thiếu nhi quốc tế), biết ghi vào phiếu đọc sách các thông tin về văn bản đã đọc, biết trao đổi với bạn về những thông tin mới trong sách báo em đã đọc.

**2.** Viết được bài văn tả người (tả thầy giáo hoặc cô giáo) đúng yêu cầu, dựa trên dàn ý đã lập. Biết dùng từ, viết câu thể hiện được tình cảm của mình với thầy giáo (cô giáo).

**3.** Biết đoàn kết chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình thế giới.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, suy nghĩ, hành động của nhân vật).

– Văn tả người.

### 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Những con hạc giấy*.

– Từ điển tiếng Việt.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1 – 2

#### ÔN BÀI CŨ

GV mời 1 – 2 HS đọc thuộc lòng bài thơ *Bài ca trái đất*.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ: *Dựa vào nhan đề và tranh minh hoạ, hãy dự đoán nội dung của bài đọc.*

+ HS trao đổi theo nhóm, miêu tả tranh và dự đoán nội dung bài đọc.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, khen những HS có dự đoán có ý nghĩa, sát với nội dung bức tranh. VD: Khung cảnh giống một phòng của bệnh viện. Có một bé gái đang ngồi trên giường, tay em cầm một con hạc giấy màu đỏ. Trên giường cũng có những con hạc giấy. Ngoài ra, còn có rất nhiều con hạc giấy đủ màu sắc được treo dưới trần nhà như đang bay trong phòng. Cô bé đang nhìn con hạc trong tay, như đang nói điều gì.

GV nói tiếp: Đây là cô bé Xa-đa-cô, người Nhật. Em bị nhiễm phóng xạ từ quả bom nguyên tử do Mỹ ném xuống Nhật Bản. Người Nhật có một truyền thuyết về con hạc, và Xa-đa-cô có một khát vọng được gửi gắm qua những con hạc giấy. Chúng ta cùng đọc câu chuyện để biết kĩ hơn về những hậu quả của chiến tranh hạt nhân và khát vọng sống của Xa-đa-cô, ước vọng hoà bình của trẻ em trên toàn thế giới.

### 2. Đọc văn bản

GV đọc cả bài (đọc với giọng trầm buồn, nhấn mạnh những từ ngữ miêu tả hậu quả của chiến tranh hạt nhân, khát vọng sống của cô bé Xa-đa-cô). GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *lên đến nửa triệu.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *gấp được hơn một nghìn con hạc giấy.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Hi-rô-si-ma, Na-ga-xa-ki, Xa-xa-ki Xa-đa-cô, truyền thuyết, lặng lẽ,...*

+ Ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Trên đỉnh đài tưởng niệm cao 9 mét/ là tượng một bé gái/ – mô phỏng hình ảnh Xa-đa-cô/ – giơ cao hai tay/ nâng một con hạc lớn/ đang dang cánh bay.;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc phần từ ngữ được chú giải trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để HS tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Những chi tiết nào trong bài đọc cho thấy hậu quả của việc chính phủ Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống Nhật Bản?*

– GV mời 1 HS đọc trước lớp câu hỏi 1, cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc cá nhân, đọc đoạn 1 và chuẩn bị câu trả lời.

+ Làm việc cả lớp. GV mời một số HS trả lời trước lớp. Cả lớp và GV nhận xét câu trả lời và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Hai quả bom lần lượt ném xuống các thành phố Hi-rô-si-ma và Na-ga-xa-ki đã cướp đi mạng sống của hàng trăm nghìn người. Tính đến cuối năm 1945, tổng số người chết vì hai quả bom và bị nhiễm phóng xạ nguyên tử đã lên đến nửa triệu.

**Câu 2**. *Chuyện gì đã xảy ra với cô bé Xa-đa-cô khi Hi-rô-si-ma bị ném bom?*

– GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc nhóm. Đọc đoạn 2, trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án: Khi Hi-rô-si-ma bị ném bom, cô bé Xa-đa-cô lúc đó hai tuổi đã may mắn thoát chết, nhưng em bị nhiễm phóng xạ. Mười năm sau, từ một cô bé khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, sức khoẻ của em bị giảm sút nhanh chóng, phải nằm viện để chữa trị.

**Câu 3.** *Cô bé hi vọng kéo dài cuộc sống của mình bằng cách nào?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất câu trả lời. Ghi câu trả lời ra giấy.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Cô bé tin vào một truyền thuyết nói rằng nếu gấp đủ một nghìn con hạc giấy treo trong phòng thì em sẽ khỏi bệnh. Và em đã lặng lẽ nén đau, miệt mài gấp hạc.

**Câu 4**. *Nêu những việc các bạn nhỏ đã làm:*

| | |
|---|---|
| Để giúp cho ước nguyện của Xa-đa-cô trở thành hiện thực | Để bày tỏ ước vọng hoà bình |

– GV chiếu câu hỏi 4 lên bảng phụ, mời 1 HS đọc to câu hỏi. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 2 và đoạn 3 để tìm câu trả lời.

+ HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, ghi kết quả ra giấy.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất đáp án.

+ Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Để giúp cho ước nguyện của Xa-đa-cô thành hiện thực: Các bạn nhỏ trên toàn nước Nhật đã gửi hàng nghìn con hạc giấy đến cho Xa-đa-cô.

Để bày tỏ ước nguyện hoà bình: Các bạn nhỏ đã quyên góp tiền xây một đài tưởng niệm những nạn nhân bị bom nguyên tử sát hại, và tượng đài Hoà bình cho trẻ em đã được khánh thành năm 1958 tại công viên Hoà bình ở Hi-rô-si-ma.

**Câu 5**. *Câu chuyện **Những con hạc giấy** có ý nghĩa gì?*

– GV nêu câu hỏi hoặc yêu cầu HS đọc câu hỏi trong SHS.

– GV hướng dẫn HS làm việc. Đây là câu hỏi yêu cầu suy luận.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án: Đây là câu hỏi mở. Nội dung trả lời có thể bao gồm những ý sau: Câu chuyện lên án sự tàn bạo của chiến tranh, bày tỏ ước vọng hoà bình của trẻ em, kêu gọi thế giới đoàn kết chống chiến tranh,...

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm văn bản:

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm, góp ý trong nhóm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và làm việc cá nhân (GV quy định thời gian làm việc cá nhân). HS có thể sử dụng từ điển để tra nghĩa của từ.

– Sau thời gian làm việc cá nhân, HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. GV và cả lớp nhận xét kết quả và thống nhất đáp án.

**Câu 1.** *Chọn nghĩa phù hợp với từ **hoà bình** trong đoạn "Chúng em kêu gọi/ Chúng em nguyện cầu:/ Hoà bình cho thế giới!".*

A. Trạng thái yên ả

B. Trạng thái không có chiến tranh

C. Trạng thái bình thản

Đáp án:

Từ *hoà bình* ở đoạn trên được dùng với nghĩa chỉ "trạng thái không có chiến tranh".

**Câu 2.** *Những từ nào dưới đây đồng nghĩa với từ **hoà bình**?*

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| *hiền hoà* | *thái bình* | *yên bình* | *thanh bình* | *thanh thản* | *yên tĩnh* |

Đáp án: *thái bình, yên bình, thanh bình.*

**Câu 3.** *Chọn từ thích hợp nhất trong các từ đồng nghĩa (in nghiêng) thay cho bông hoa.*

HS viết đáp án ra giấy nháp, sau đó trao đổi và góp ý trong nhóm cho nhau. (GV dành cho HS đủ thời gian.)

Đáp án:

a. *Hà Nội là thành phố châu Á đầu tiên được tặng danh hiệu "Thành phố vì hoà bình".*

b. *Đến thăm nơi đây, tâm hồn mỗi người như lắng lại, tìm thấy sự bình yên.*

c. *Dưới thung lũng, phong cảnh làng quê hiện ra thật thanh bình.*

# TIẾT 3

## VIẾT

## LUYỆN VIẾT BÀI VĂN TẢ NGƯỜI

**Đề bài:** Viết bài văn tả thầy giáo (cô giáo) mà em yêu quý.

### 1. Chuẩn bị.

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại đề bài và dàn ý đã lập.

+ Đọc nhanh những điều cần lưu ý trong SHS.

+ Có thể điều chỉnh dàn ý về (nội dung miêu tả, về trình tự miêu tả,... để bài viết hay hơn).

– GV lưu ý HS:

+ Cố gắng viết được bài văn hay hơn các bài văn tả người (đã viết ở đầu học kì II), VD: có mở bài, kết bài gây ấn tượng hơn, lựa chọn từ ngữ giàu sức gợi tả hoặc sử dụng hình ảnh so sánh,... để lời văn hay hơn; chú ý đan xen câu văn bộc lộ tình cảm, cảm xúc, kết hợp kể và tả,...

+ Tập trung làm bài để có thời gian đọc soát, chỉnh sửa bài văn.

### 2. Viết bài văn.

– HS làm bài cá nhân theo dàn ý, đảm bảo bài văn có đủ 3 phần.

– GV quan sát HS, hỗ trợ những HS có hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính ở bài làm của một số HS hoặc của cả lớp.

### 3. Đọc soát và chỉnh sửa bài viết.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo một số tiêu chí đã được hướng dẫn trong SHS.

– HS sửa lỗi hoặc ghi chép lỗi cần sửa (nếu có).

# TIẾT 4

## ĐỌC MỞ RỘNG

### 1. Đọc sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.

– HS làm việc cá nhân theo các yêu cầu sau: *Đọc sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.*

VD: bộ sách *Hiểu về Quyền trẻ em* của NXB Thế giới, phát hành năm 2019; bài báo *Trại Thiếu nhi Quốc tế A-tếch – niềm ước mơ của thiếu nhi thế giới* trên báo điện tử VOV. VN ngày 4 tháng 8 năm 2017.

– Xem gợi ý trong SHS để biết cách tìm sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế. Sau đó, chia sẻ văn bản, giới thiệu nguồn khai thác thông tin,... cho các bạn để cùng trao đổi.

### 2. Viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV có thể linh hoạt hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách ở nhà hoặc ở lớp.

– Nếu HS viết phiếu đọc sách trên lớp, GV có thể tổ chức cho HS trao đổi trong nhóm hoặc chia sẻ trước lớp những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách về sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế (VD: tên sách báo, nội dung chính hoặc những thông tin chính của sách báo, chi tiết ấn tượng trong sách báo giúp em mở rộng hiểu biết, suy nghĩ, cảm xúc của em về vấn đề được nêu trong sách báo,...).

– HS viết phiếu đọc sách theo mẫu.

– GV cho HS nhận xét, góp ý phiếu đọc sách của nhau.

### 3. Trao đổi với bạn về những thông tin mới trong sách báo em đã đọc.

– HS làm việc theo nhóm, chia sẻ với bạn về những thông tin mới trong sách báo mà em đã đọc về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế. Chẳng hạn: ước mơ của thiếu nhi quốc tế, những hoạt động của thiếu nhi quốc tế,...

– GV có thể chọn 2 – 3 HS có những chia sẻ bổ ích và thú vị trình bày kết quả trước lớp.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi các HS chia sẻ được nhiều thông tin với bạn; động viên các em tự tin nói trước lớp hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Chia sẻ với người thân về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.*

## CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 26:

+ Đọc hiểu: *Những con hạc giấy*.

+ Viết: *Luyện viết bài văn tả người* (tả thầy giáo hoặc cô giáo).

+ Đọc mở rộng: *Đọc sách báo viết về quyền và bổn phận của trẻ em hoặc những hoạt động của thiếu nhi quốc tế.*

– GV có thể hỏi HS những gì còn nhớ về bài đọc, viết,... đã học ở Bài 26.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 27.

## TUẦN 33

# BÀI 27 MỘT NGƯỜI HÙNG THẦM LẶNG (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Một người hùng thầm lặng*. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, lời tả về các sự kiện diễn ra trong câu chuyện.

b. Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hành động, lời nói, suy nghĩ,... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: Ca ngợi những người có tấm lòng nhân hậu, không quản ngại gian khổ, hết lòng giúp đỡ người khác mà không đòi hỏi bất cứ điều gì. Đồng thời, chúng ta cần phải trân trọng và biết ơn những người đã giúp đỡ mình thoát khỏi khó khăn, nguy hiểm.

**2.** Ôn luyện về dấu gạch ngang, công dụng của dấu gạch ngang.

**3.** Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng đúng yêu cầu.

**4.** Biết bày tỏ thái độ kính trọng, lòng biết ơn với những người đã hi sinh vì lợi ích của cộng đồng.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản tự sự (trình tự các sự việc, nhân vật, ngoại hình, tính cách, hành động,... của nhân vật), cách xây dựng tình huống có kịch tính để bộc lộ tính cách nhân vật.

– GV có thể tìm đọc thêm thông tin về người hùng thầm lặng Uyn-tơn trên một số báo điện tử (báo Công an Nhân dân,...).

### 2. Phương tiện dạy học

Tranh ảnh minh hoạ câu chuyện *Một người hùng thầm lặng.*

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# TIẾT 1

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS trả lời 1 – 2 câu hỏi ở Bài 26 (*Những con hạc giấy*) hoặc GV nêu câu hỏi khác.

### ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ HS làm việc theo nhóm: *Đoạn văn cho em biết thông tin gì?*

*Trong Chiến tranh thế giới thứ hai (1939 – 1945), các nước phát xít đã đẩy nhân loại vào cảnh mất mát đau thương. Đặc biệt, phát xít Đức đã gây ra những cuộc thảm sát tàn bạo đối với người Do Thái (bao gồm cả trẻ em và người già) ở các trại tập trung.*

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV mời 1 – 2 HS nêu nội dung của đoạn văn. VD: Đoạn văn nói về tội ác dã man của phát xít Đức đối với người Do Thái, bao gồm cả trẻ em và người già.

– GV nhận xét ý kiến của HS, sau đó GV có thể trình chiếu clip hoặc những bức ảnh ghi lại tội ác tàn bạo của phát xít Đức đối với nhân loại trong đó có người Do Thái.

– GV dẫn vào bài mới: Trước tội ác của phát xít Đức, những người có lương tâm không thể im lặng, họ góp phần ngăn chặn tội ác theo cách riêng của mình. Bài đọc hôm nay kể cho các em nghe về một con người như thế. Người ấy đã làm gì? Vì sao ông được mệnh danh là "một người hùng thầm lặng", các em sẽ nghe đọc và đọc kĩ văn bản để tìm câu trả lời.

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, đọc diễn cảm, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những tình tiết căng thẳng, kịch tính của câu chuyện hoặc từ ngữ thể hiện cảm xúc của các nhân vật. VD: *Uyn-tơn nghẹn ngào, xúc động*; *mọi người ở đó đều khóc*;...; giọng đọc trầm xuống ở những câu kể chứa đầy cảm xúc: *Họ luôn ghi nhớ trong tim người đã mang lại sự sống lần thứ hai cho họ, giúp họ thoát khỏi cuộc chiến tranh tàn khốc năm nào.*

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Uyn-tơn, Pra-ha, tị nạn, Luân Đôn,...*

+ Ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Sau này,/ Uyn-tơn còn làm việc trong hội từ thiện/ hỗ trợ người già/ và ông nhận được nhiều khen thưởng/ về công việc đó.; Họ luôn ghi nhớ trong tim/ người đã mang lại sự sống lần thứ hai cho họ,/ giúp họ thoát khỏi cuộc chiến tranh tàn khốc năm nào.;...*

– GV mời 2 – 3 HS đọc phần chú giải từ ngữ trong SHS.

– GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp 6 đoạn trước lớp.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *đặc biệt là với trẻ em.*

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *hoạt động giải cứu.*

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *chưa một lần kể với ai.*

+ Đoạn 4: Tiếp theo đến *được mọi người biết đến.*

+ Đoạn 5: Tiếp theo đến *cuộc chiến tranh tàn khốc năm nào.*

+ Đoạn 6: Phần còn lại.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

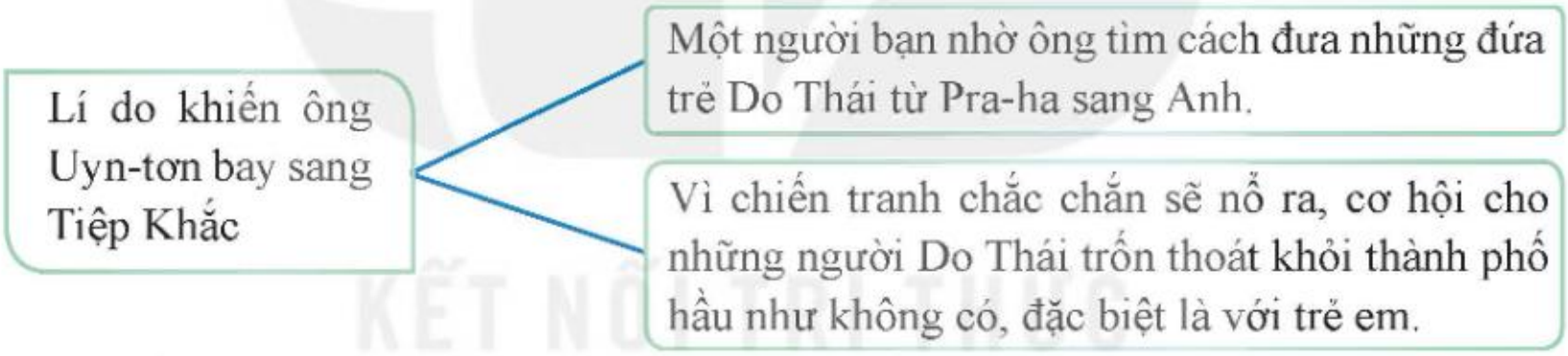
## 3. Trả lời câu hỏi

**Câu 1.** *Lí do nào khiến ông Uyn-tơn bay sang Tiệp Khắc vào một ngày của tháng 12 năm 1938?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Cả lớp nhận xét, bổ sung. GV chốt đáp án, khích lệ và khen ngợi những HS có câu trả lời đúng.

Đáp án: GV có thể tổng hợp ý kiến của HS theo sơ đồ sau:




**Câu 2.** *Ông Uyn-tơn đã làm những gì để giải cứu những đứa trẻ Do Thái sang Anh? Việc làm đó có ý nghĩa như thế nào?*

– 1 HS đọc câu hỏi 2 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi. Câu hỏi có hai ý, GV có thể gộp chung cả hai ý để các nhóm thảo luận.

+ Cá nhân đọc thầm đoạn 2, tìm những từ ngữ, câu văn giúp trả lời câu hỏi.

+ Từng thành viên trao đổi kết quả trong nhóm. Cả nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV và cả lớp lắng nghe, nhận xét và tổng hợp ý kiến của HS.

Đáp án:

| Việc làm của ông Uyn-tơn | Ý nghĩa của việc làm |
|---|---|
| – Cùng bạn bè đi quyên góp khắp nơi.<br>– Kêu gọi các gia đình ở Anh nhận nuôi trẻ em Do Thái. | – Cứu những đứa trẻ thoát khỏi cái chết bởi bàn tay độc ác của phát xít Đức. Đem lại sự sống cho những đứa trẻ. |

| | |
|---|---|
| – Trong vòng 6 tháng, tổ chức thành công tám chuyến tàu, đưa được 669 đứa trẻ Do Thái từ Pra-ha sang Đức, Hà Lan,... | – Thể hiện tình yêu thương, lòng nhân đạo của ông Uyn-tơn đối với trẻ em... |

**Câu 3.** *Nêu suy nghĩ của em về chi tiết ông Uyn-tơn "chưa một lần kể với ai" những việc đã làm để giải cứu trẻ em Do Thái.*

GV lưu ý đây là câu hỏi mở, GV khuyến khích HS tự tin trình bày suy nghĩ riêng của mình.

– 1 HS đọc yêu cầu của câu hỏi 3 trước lớp, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi. Từng thành viên trao đổi kết quả với bạn. Nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV và cả lớp lắng nghe, nhận xét và tổng hợp ý kiến của HS, khen HS có suy luận đúng và hay, thể hiện được quan điểm cá nhân.

Đáp án tham khảo: Ông Uyn-tơn là người khiêm tốn, coi việc cứu người, giúp đỡ người khác khi gặp hoạn nạn là việc bình thường, nên làm.

**Câu 4.** *Những giọt nước mắt trong cuộc gặp gỡ giữa ông Uyn-tơn với "những đứa trẻ năm xưa" được ông cứu sống thể hiện điều gì?*

– GV tổ chức cho HS thảo luận. Từng HS nêu suy nghĩ của mình. Nhóm nhận xét, bổ sung.

– Đại diện một số nhóm trả lời. GV và cả lớp lắng nghe, nhận xét và tổng hợp ý kiến của HS, khen HS có nhận xét đúng và hay, thể hiện được quan điểm cá nhân.

Đáp án tham khảo: Những giọt nước mắt trong cuộc gặp gỡ giữa ông Uyn-tơn với "những đứa trẻ năm xưa" được ông cứu sống thể hiện lòng biết ơn vô hạn của những người đã được ông Uyn-tơn cứu sống; hành động quả cảm của ông Uyn-tơn không chỉ đem đến niềm vui, hạnh phúc cho những người được ông cứu sống mà còn cho cả chính ông nữa.

*Lưu ý*: GV có thể kết nối ý kiến của HS với bức tranh mở đầu câu chuyện để HS hiểu rõ hơn ý nghĩa việc làm của nhân vật, lòng biết ơn của người dân Tiệp Khắc đối với Uyn-tơn. Chẳng hạn, sau khi HS phát biểu, GV tổng hợp ý kiến, sau đó chiếu tranh lên bảng và hỏi: Từ thông tin trong bài đọc, em thử suy đoán mối liên hệ giữa câu chuyện với bức ảnh này (Ảnh chụp bức tượng người đàn ông tay bế một em bé, bên cạnh có một em bé khác. Dưới chân tượng là chiếc va li. Bức tượng được đặt trên sân ga tàu điện. Xung quanh tượng có những bó hoa và một số người tay ôm hoa,... Em nghĩ rằng bức tượng đó nói về những việc làm của ông Uyn-tơn trong việc giải cứu 669 trẻ em Do Thái. Thành phố Pra-ha dựng tượng ông để thể hiện lòng biết ơn vô bờ bến đối với người đã mang lại cuộc sống lần thứ hai cho những đứa trẻ Do Thái ngày ấy. Có thể nói, bức tượng như một sự tri ân với ông Uyn-tơn.).

**Câu 5.** *Nêu ý nghĩa của câu chuyện.*

Đây là câu hỏi mở. HS có thể đưa ra những ý kiến khác nhau. GV nên trân trọng ý kiến của HS.

– GV hướng dẫn HS:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm (2 – 4 HS), phát biểu ý kiến cá nhân, trao đổi, góp ý và thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu ý kiến của mình trước lớp.

– GV nhận xét ý kiến của các nhóm, khen các nhóm có những suy nghĩ độc lập, có ý kiến nêu được nội dung, ý nghĩa của câu chuyện.

Đáp án tham khảo: Bài học rút ra từ câu chuyện:

+ Được sống là điều quan trọng đối với mỗi con người. Vì thế, nếu thấy bản thân có thể giúp đỡ được người khác thoát khỏi khó khăn, nguy hiểm thì dẫu là việc nhỏ nhất cũng nên làm.

+ Sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cơn hoạn nạn, khó khăn không chỉ mang lại giá trị tích cực cho người được giúp đỡ mà bản thân cũng cảm thấy hạnh phúc hơn.

*Lưu ý:* Nếu còn thời gian, GV có thể trình chiếu clip Đài truyền hình Anh thực hiện cuộc giao lưu trực tiếp với ông Uyn-tơn và những người được ông cứu sống; hoặc trình chiếu ảnh Uyn-tơn chụp cùng tổng thống Mỹ,... như là minh chứng về những đóng góp của Uyn-tơn cho hoà bình của thế giới.

### 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm câu chuyện:

– 3 HS đọc nối tiếp 6 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc diễn cảm.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (3 – 4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## TIẾT 2

## LUYỆN TỪ VÀ CÂU

## LUYỆN TẬP VỀ DẤU GẠCH NGANG

### 1. Tìm câu có sử dụng dấu gạch ngang. Nêu công dụng của dấu gạch ngang trong mỗi câu tìm được.

– GV nêu yêu cầu của bài tập. GV có thể trình chiếu 3 câu a, b và c lên màn hình của lớp hoặc yêu cầu HS nhìn vào sách, mời 1 HS đọc to từng câu, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập:

+ Cả lớp: GV hướng dẫn HS nhớ lại các công dụng của dấu gạch ngang.

+ HS làm việc cá nhân, đọc lại từng câu ở bài tập 1, tìm vị trí có dấu gạch ngang, xác định công dụng của dấu gạch ngang trong câu đó.

+ HS làm việc nhóm, thảo luận và thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

Đáp án:

Câu a là câu sử dụng dấu gạch ngang. Dấu gạch ngang trong câu này được dùng để nối liên danh (Hội Hữu nghị Việt Nam – Nhật Bản).

Câu b cũng sử dụng dấu gạch ngang. Dấu gạch ngang trong câu này được dùng để đánh dấu phần chú thích (loài chim quý hiếm đã được ghi vào Sách đỏ).

**2. Chọn dấu gạch ngang hoặc dấu gạch nối thay cho mỗi bông hoa trong đoạn văn.**

– GV nêu yêu cầu của bài tập. GV có thể trình chiếu đoạn văn lên màn hình của lớp hoặc yêu cầu HS nhìn vào sách, mời 1 HS đọc to từng câu, cả lớp đọc thầm theo.

Ha(1)na(2)mi là lễ hội Hoa anh đào truyền thống của Nhật Bản. Lễ hội này diễn ra từ tháng 3 đến tháng 5 hằng năm khi hoa anh đào nở rộ. Vào những ngày lễ hội, du khách đến đây có thể tham gia nhiều hoạt động thú vị:

(3) Đi dạo hoặc bơi thuyền ngắm hoa anh đào.

(4) Tổ chức tiệc trà trong vườn hoa anh đào.

(5) Thưởng thức ẩm thực Nhật Bản, trong đó có nhiều món được chế biến từ hoa anh đào.

(6) Ca hát hoặc giao lưu văn hoá nghệ thuật truyền thống mừng mùa hoa anh đào nở.

– GV hướng dẫn HS làm bài tập:

+ HS làm việc cá nhân, đọc lại từng câu ở bài tập 2, tìm vị trí có bông hoa và xác định chọn dấu gạch ngang hoặc dấu gạch nối thay cho bông hoa đó. HS ghi lại kết quả ra phiếu bài tập hoặc vở HS.

+ HS làm việc nhóm, thảo luận và thống nhất kết quả.

– Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. GV và cả lớp nhận xét, thống nhất đáp án.

*Lưu ý*: Khi HS trình bày đáp án, GV cũng có thể hỏi thêm vì sao lại chọn dấu gạch ngang hoặc dấu gạch nối để giúp các em hiểu sâu hơn công dụng của dấu gạch ngang và phân biệt với dấu gạch nối.

Đáp án:

Dấu gạch ngang được dùng thay cho bông hoa ở các vị trí 3, 4, 5, 6 (dùng để liệt kê).

Dấu gạch nối được dùng thay cho bông hoa ở vị trí 1, 2 (dùng để nối các tiếng trong bộ phận tên riêng nước ngoài có nhiều tiếng).

**3. Viết đoạn văn (3 – 4 câu) giới thiệu một danh lam thắng cảnh trên thế giới hoặc ở Việt Nam, trong đó có sử dụng dấu gạch ngang.**

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn HS thực hiện:

+ GV lưu ý về yêu cầu sử dụng dấu gạch ngang (để nối các tiếng trong một liên danh, để giải thích hoặc liệt kê).

+ HS làm việc cá nhân. GV quy định thời gian cụ thể.

Trong lúc HS làm bài, GV bao quát lớp và giúp đỡ những HS có khó khăn.

+ 3 – 4 HS trình bày đoạn văn của mình trước lớp. GV và cả lớp nhận xét.

Bài tập này có đáp án mở. HS được tự do diễn đạt ý của mình. GV khen những HS có đoạn văn giới thiệu danh lam thắng cảnh hay, sử dụng tốt và đúng chức năng của dấu gạch ngang.

# TIẾT 3

## VIẾT

## TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

Đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng là kiểu bài mới trong *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn năm 2018*. Kiểu bài này gồm 4 tiết. Tiết 1: Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối; Tiết 2: Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến phản đối; Tiết 3: Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối; Tiết 4: Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến phản đối.

### 1. Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu.

– GV nêu nhiệm vụ của bài tập 1 và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ: Đọc đoạn văn và thực hiện yêu cầu a, b, c, d.

– GV dành thời gian cho HS đọc thầm, đọc lướt đoạn văn và 3 câu hỏi bên dưới.

– GV mời 1 HS đọc đoạn văn trước lớp.

a. *Đoạn văn nêu ý kiến phản đối về sự việc, hiện tượng nào trong đời sống?*

– GV nêu câu hỏi a (hoặc chiếu lên bảng) và hướng dẫn thực hiện:

+ HS làm việc cá nhân, đọc thầm đoạn văn và chuẩn bị câu trả lời.

+ GV mời 2 – 3 HS xung phong trả lời. GV cùng cả lớp thống nhất đáp án.

Đáp án: Đoạn văn nêu ý kiến phản đối về thói quen vứt bừa bãi túi ni lông, chai, hộp, ống hút,... bằng nhựa sau khi sử dụng.

b. *Tác giả đưa ra những lí do, dẫn chứng gì để bảo vệ ý kiến của mình?*

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi b.

– GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm, đọc lại để tìm lí do và dẫn chứng cho ý kiến phản đối. HS có thể làm bài vào vở hoặc phiếu học tập (nếu có).

– Sau thời gian làm việc theo cặp hoặc nhóm, GV mời đại diện một số nhóm lên trả lời các câu hỏi.

– GV và cả lớp góp ý, trao đổi để thống nhất đáp án.

Đáp án:

| Lí do | Dẫn chứng | |
|---|---|---|
| | Với môi trường sống | Với sức khoẻ của con người |
| Vì rác thải nhựa có tác hại nghiêm trọng đối với môi trường sống và sức khoẻ của con người. | – Một chai nhựa nhỏ, một chiếc túi ni lông mỏng phải mất hàng nghìn năm mới phân huỷ được.<br>– Rác thải nhựa lẫn vào đất làm cho cây cối khó phát triển, động vật ăn phải dễ mắc bệnh, có khi chết hàng loạt.<br>– Rác thải nhựa trôi xuống sông, biển làm bẩn nguồn nước. | – Nếu đốt rác thải nhựa, chất độc sinh ra gây ô nhiễm không khí.<br>– Không khí, đất, nước bẩn sẽ gây bệnh cho con người. |

c. *Xác định các phần (mở đầu, triển khai, kết thúc) của đoạn văn.*

– GV nêu yêu cầu và hướng dẫn HS làm việc:

+ HS làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm, trao đổi để tìm đáp án.

+ GV mời 2 – 3 HS trả lời câu hỏi. Cả lớp trao đổi thống nhất đáp án.

Đáp án:

| | |
|---|---|
| Mở đầu | Từ đầu đến *cần chấm dứt ngay*. |
| Triển khai | Tiếp theo đến *sẽ gây bệnh cho con người.* |
| Kết thúc | Phần còn lại. |

d. *Chọn nội dung tương ứng với mỗi phần của đoạn văn.*

– GV chiếu yêu cầu d lên màn hình lớp và hướng dẫn HS cách làm bài.

+ GV hướng dẫn HS đọc lại từng phần của đoạn văn đã xác định ở c. Đọc 3 nội dung của đoạn văn ở cột nội dung rồi từ đó chọn nội dung tương ứng với từng phần của đoạn.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi và thống nhất câu trả lời.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày kết quả. Cả lớp thảo luận và thống nhất đáp án.

*Lưu ý*: GV cũng có thể làm các thẻ gắn trên bảng lớp, mỗi thẻ ghi một ý và cho HS dán vào các phần của mỗi đoạn.

Đáp án:

Mở đầu: Nêu sự việc, hiện tượng và ý kiến phản đối của người viết.

Triển khai: Trình bày những lí do, dẫn chứng để bảo vệ ý kiến phản đối.

Kết thúc: Nêu ý nghĩa của việc thể hiện ý kiến phản đối.

## 2. Trao đổi về những điểm cần lưu ý khi viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.

– GV nêu yêu cầu của bài tập và hướng dẫn cách làm bài.

(Bài tập này có thể làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp).

– GV đưa ra một số câu hỏi gợi ý để HS trao đổi:

+ Bố cục của đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng thường có mấy phần? (Đáp án: 3 phần gồm mở đầu, triển khai, kết thúc)

+ Các lí do và dẫn chứng phản đối nên được sắp xếp thế nào? (Đáp án: Nên được sắp xếp theo một trình tự logic và hợp lí. Trong đoạn văn mẫu, các dẫn chứng ảnh hưởng đến môi trường sống, cây cối, động vật được dẫn trước rồi đến con người.) GV có thể cho HS thử sắp xếp các dẫn chứng theo một trật tự khác và so sánh để rút ra kết luận.

+ Những từ ngữ nào nên được lựa chọn để thể hiện ý kiến phản đối? (Đáp án: phản đối, không đồng ý, không nên, không tốt, cần chấm dứt,...).

Sau khi kết thúc bài tập 2, GV chốt lại yêu cầu viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối. GV mời 1 – 2 HS đọc to phần Ghi nhớ, cả lớp đọc thầm theo. Sau đó, GV có thể mời 1 – 2 em nêu Ghi nhớ khi viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối mà không cần nhìn sách.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Trao đổi với người thân ý kiến phản đối của em về việc sử dụng đồ nhựa dùng một lần.* HS có thể tìm hiểu thêm thông tin trong sách báo in, trên mạng in-tơ-nét hoặc hỏi thêm người thân để hiểu kĩ về tác hại của đồ nhựa dùng một lần để đưa ra những lí do và dẫn chứng phản đối thuyết phục.

## CỦNG CỐ

GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã học ở Bài 27.

+ Đọc hiểu: *Một người hùng thầm lặng.*

+ Luyện từ và câu: *Viết hoa danh từ chung để thể hiện sự tôn trọng đặc biệt.*

+ Viết: *Tìm hiểu cách viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.*

– GV hỏi HS cần làm gì sau khi học Bài 27.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 28.

# BÀI 28 GIỜ TRÁI ĐẤT (4 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Giờ Trái Đất.* Biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu và nhấn mạnh vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng.

b. Nhận biết được các thông tin chính trong bài đọc. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản: Biến đổi khí hậu làm cho môi trường sống của chúng ta bị huỷ hoại. Cần chung tay hành động để bảo vệ Trái Đất. Tham gia sự kiện Giờ Trái Đất là một hoạt động nhằm nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và khẳng định mỗi hành động nhỏ của từng cá nhân sẽ lan toả và mang đến cho con người môi trường sống tốt hơn.

**2.** Biết tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng. Biết tìm những lí do và dẫn chứng thuyết phục để chứng minh cho ý kiến phản đối của mình là đúng.

**3.** Biết nói – nghe tương tác theo chủ điểm *Trải nghiệm ngày hè.*

**4.** Có ý thức tiết kiệm điện và bảo vệ môi trường.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản thông tin.

– Phương pháp dạy tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.

– Thông tin về sự kiện Giờ Trái Đất.

## 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài đọc *Giờ Trái Đất*, một số pa-nô quảng cáo về bảo vệ môi trường,...

– Tranh ảnh về những hoạt động hè của HS; băng hoặc video về hoạt động hè của trẻ em nói chung.

– Từ điển tiếng Việt.

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 – 3 HS chia sẻ những điều mà các em ấn tượng về ông Uyn-tơn trong bài đọc *Một người hùng thầm lặng*.

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ: *Quan sát và cho biết bức tranh thể hiện điều gì.*

+ HS trao đổi theo nhóm, miêu tả tranh và nêu nội dung, ý nghĩa của bức tranh.

+ Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.

– GV nhận xét phần trình bày của các nhóm, khen HS miêu tả và nói đúng nội dung, ý nghĩa của bức tranh. Tranh vẽ một bé trai và một bé gái, đứng trên bề mặt trái đất, tay ôm quả địa cầu, đang chuẩn bị kéo dây tắt đèn điện. Số 60+ là biểu tượng của hành động tắt các thiết bị điện trong 60 phút. Bức tranh gửi đi thông điệp: Hãy tiết kiệm điện và cùng chung tay bảo vệ Trái Đất. Đây chính là hình ảnh minh hoạ cho sự kiện Giờ Trái Đất. Bài đọc hôm nay sẽ giúp chúng ta hiểu kĩ hơn về sự kiện này.

– GV nêu nội dung khái quát của bài đọc: Giờ Trái Đất là sự kiện được tổ chức hằng năm nhằm nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và khuyến khích mọi người hành động để bảo vệ Trái Đất. Vào thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba, tất cả các thành phố và thị trấn trên toàn thế giới tắt đèn trong một giờ. Chúng ta sẽ đọc văn bản để hiểu kĩ hơn về lịch sử, quy mô, hiệu quả và ý nghĩa của sự kiện Giờ Trái Đất.

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài (đọc rõ ràng, mạnh mẽ, sôi nổi). GV có thể mời 3 HS đọc nối tiếp các đoạn.

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *giờ địa phương*.

+ Đoạn 2: Tiếp theo đến *hưởng ứng Giờ Trái Đất từ năm 2009.*

+ Đoạn 3: Phần còn lại.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (VD: *khuyến khích, Xít-ni, Ô-xtrây-li-a, các-bô-níc,...*).

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Giờ Trái Đất là một sự kiện/ được Quỹ Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên/ tổ chức hằng năm/ nhằm nâng cao nhận thức/ về biến đổi khí hậu/ và khuyến khích mọi người hành động/ để bảo vệ Trái Đất.;...*

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp.

– HS làm việc theo cặp, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc từ ngữ được giải nghĩa trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn chưa hiểu để tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS lần lượt trả lời các câu hỏi nêu trong SHS.

**Câu 1.** *Sự kiện Giờ Trái Đất được Quỹ Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên tổ chức hằng năm nhằm mục đích gì?*

GV mời 1 HS đọc trước lớp câu hỏi 1, cả lớp đọc thầm theo. GV hướng dẫn HS đọc đoạn 1 để tìm câu trả lời (GV lưu ý HS bức tranh con gấu trúc và chữ WWF là lô-gô của Quỹ Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên.).

– HS làm việc cá nhân.

– HS làm việc cả lớp. GV mời một số HS trả lời trước lớp. GV và cả lớp nhận xét câu trả lời và thống nhất đáp án.

Đáp án: Mục đích của sự kiện Giờ Trái Đất là nhằm nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và khuyến khích mọi người hành động để bảo vệ Trái Đất.

**Câu 2**. *Sự kiện Giờ Trái Đất được tổ chức như thế nào?*

GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS trả lời câu hỏi.

– HS làm việc nhóm, đọc đoạn 1, trao đổi để thống nhất câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án:

Giờ Trái Đất được Quỹ Quốc tế Bảo tồn Thiên nhiên tổ chức hằng năm vào thứ Bảy cuối cùng của tháng Ba, khi các thành phố và thị trấn trên toàn cầu tắt đèn trong một giờ, từ 20 giờ 30 phút đến 21 giờ 30 phút giờ địa phương.

**Câu 3.** *Những chi tiết nào cho thấy sự kiện Giờ Trái Đất đã thu hút được sự quan tâm của thế giới?*

– GV mời 1 HS đọc to câu hỏi, cả lớp đọc thầm theo.

– GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS làm việc nhóm, đọc đoạn 2, trao đổi để thống nhất câu trả lời. Ghi câu trả lời ra giấy.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét và thống nhất đáp án.

Đáp án: Sự kiện Giờ Trái Đất được khởi xướng lần đầu tiên tại Xít-ni, Ô-xtrây-li-a vào năm 2007. Nhờ các phương tiện truyền thông và sự kêu gọi của các tổ chức quốc tế, sự kiện đã thu hút sự quan tâm của thế giới những năm sau đó. Năm 2022, sự kiện đã ghi nhận sự tham gia của hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam chính thức tham gia hưởng ứng Giờ Trái Đất từ năm 2009.

**Câu 4**. *Sự kiện Giờ Trái Đất đã mang lại lợi ích gì cho môi trường sống của chúng ta?*

GV nêu câu hỏi và hướng dẫn HS đọc đoạn 3 để tìm câu trả lời.

– HS làm việc cá nhân, chuẩn bị câu trả lời, ghi kết quả ra giấy.

– HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất đáp án.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, bổ sung và thống nhất đáp án.

Đáp án: Những lợi ích mà Giờ Trái Đất mang lại cho môi trường sống như: làm cho môi trường sống tốt hơn, tiết kiệm điện năng, giảm thiểu khí các-bô-níc, chống biến đổi khí hậu.

**Câu 5.** *Hãy chia sẻ những việc em có thể làm để bảo vệ Trái Đất.*

– GV nêu yêu cầu hoặc mời HS đọc yêu cầu trong SHS.

– GV hướng dẫn HS làm việc. GV có thể sưu tầm một số pa-nô nói về các hoạt động tham gia sự kiện Giờ Trái Đất để HS tham khảo.

+ HS làm việc nhóm, trao đổi về những việc các em và gia đình có thể làm để bảo vệ Trái Đất.

+ Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. GV và cả lớp nhận xét. GV khen các em có nhiều hành động thiết thực.

Đây là câu hỏi mở, không có đáp án cố định, nhưng có một số hoạt động sau đây có thể tham khảo: tận dụng ánh sáng tự nhiên, trồng cây xanh, phân loại rác và tái chế rác, tham gia sự kiện Giờ Trái Đất hằng năm,...

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm bài đọc:

– 3 HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (4 HS/ nhóm), góp ý trong nhóm.

## 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS và làm việc cá nhân (GV quy định thời gian làm việc).

– Sau thời gian làm việc cá nhân, HS làm việc nhóm, trao đổi để thống nhất kết quả.

– Đại diện một số nhóm trình bày kết quả trước lớp. GV và cả lớp nhận xét kết quả và thống nhất đáp án.

**Câu 1.** Nêu nghĩa của mỗi từ: *quốc ca, quốc khánh, quốc ngữ, quốc gia, quốc kì, quốc tế.*

HS tìm nghĩa của các từ đã cho trong từ điển và đọc to trước lớp. Đáp án:

+ *quốc ca*: bài hát chính thức của một nước, dùng trong những lễ nghi trọng thể.

+ *quốc khánh*: lễ chính thức lớn nhất của một nước, thường là kỉ niệm ngày thành lập nước.

+ *quốc ngữ*: tiếng nói chung của cả nước.

+ *quốc gia*: nước, nhà nước.

+ *quốc kì*: cờ tượng trưng cho một nước.

+ *quốc tế*: các nước trên thế giới trong quan hệ với nhau.

**Câu 2.** *Chọn từ ở bài tập 1 thay cho bông hoa trong đoạn văn.*

Đáp án:

Việt Nam là **quốc gia** thành viên của Liên hợp quốc. Ngày 2 tháng 9 là ngày **Quốc khánh** của Việt Nam. **Quốc kì** của Việt Nam là lá cờ đỏ sao vàng năm cánh và **quốc ca** của Việt Nam là bài hát *Tiến quân ca*.

## TIẾT 3

### VIẾT

### TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượng vứt rác bừa bãi.

**Đề 2:** Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượng chen lấn khi xếp hàng.

### 1. Chuẩn bị.

– GV nêu yêu cầu của đề bài, hướng dẫn HS chọn 1 trong 2 đề để tìm ý.

– GV mời 1 – 2 HS nhắc lại yêu cầu của đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.

– HS làm việc cá nhân:

+ Lựa chọn 1 trong 2 đề.

+ Tìm trong sách báo in, mạng in-tơ-nét,... những thông tin liên quan đến sự việc, hiện tượng đã chọn.

+ Ghi chép những thông tin cần thiết.

– GV cho HS đủ thời gian làm việc. Trong lúc HS chuẩn bị, GV quan sát và giúp đỡ những HS gặp khó khăn trong việc tìm và ghi chép thông tin cho đoạn văn.

### 2. Tìm ý.

– GV hướng dẫn HS tìm ý cho đoạn văn theo các hướng dẫn tìm ý trong SHS.

+ HS làm việc cá nhân. Dựa vào các câu hỏi gợi ý để tìm ý cho đoạn viết của mình.

+ GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu hoặc hỗ trợ những em gặp khó khăn. GV cho HS đủ thời gian để làm việc cá nhân.

– HS ghi lại kết quả tìm ý vào vở hoặc vở bài tập (nếu có).

### 3. Góp ý và chỉnh sửa.

GV hướng dẫn HS theo các bước:

– Bước 1: Làm việc nhóm. Đọc bài làm của nhau và nhận xét, góp ý theo các nội dung:

+ Ý kiến phản đối có được nêu rõ ràng không?

+ Ý kiến phản đối có nêu được các lí do và dẫn chứng thuyết phục không?

– Bước 2: Làm việc chung cả lớp:

+ GV mời một số HS đọc các ý đã tìm trước lớp.

+ GV và cả lớp nhận xét, khen ngợi các bài làm tốt.

– Bước 3: Làm việc cá nhân. HS tự hoàn thiện bài làm của mình.

## TIẾT 4

## NÓI VÀ NGHE

## TRẢI NGHIỆM NGÀY HÈ

**Yêu cầu:** Thảo luận về những hoạt động của thiếu nhi vào kì nghỉ hè.

### 1. Chuẩn bị.

– GV nêu yêu cầu của hoạt động Nói và nghe (HS thảo luận về những hoạt động của thiếu nhi vào kì nghỉ hè).

– GV hướng dẫn HS nhớ lại những hoạt động đã được tham gia vào các kì nghỉ hè trước; hỏi bạn bè, người thân về những hoạt động hè họ đã được tham gia; đọc thêm trong sách báo in, tìm hiểu trên in-tơ-nét và ghi chép những thông tin thu thập được theo hướng dẫn trong SHS. VD:

a. Trại hè truyền thống: thường được tổ chức tại địa phương, do các anh chị đoàn viên thanh niên tổ chức,...

b. Câu lạc bộ Kĩ năng sống: HS được thực hành kĩ năng xã hội (kĩ năng xử lí các tình huống thường gặp trong cuộc sống, kĩ năng sinh tồn, kĩ năng làm việc đội/ nhóm,...); phát triển các giá trị sống (biết ơn, đoàn kết, yêu thương, hợp tác,...). Các hoạt động thường có: tham gia các hoạt động trải nghiệm (dã ngoại, tham quan,...; chuẩn bị nấu ăn, tự phục vụ,...; đọc sách, nghe những câu chuyện có ý nghĩa và thuyết trình bài học của bản thân,...).

c. Hoạt động thiện nguyện phù hợp với lứa tuổi (phân loại sách, vở, đồ dùng học tập; xếp quần áo,...);...

+ Lợi ích: được trải nghiệm thực tế, rèn luyện đạo đức, ý chí, nghị lực, rèn luyện tác phong nhanh nhẹn, quản lí thời gian có hiệu quả,...

+ Ý nghĩa: giúp HS trưởng thành, tự tin và tự lập, phát triển tư duy và kĩ năng, phát triển sở thích cá nhân (ca hát, hội hoạ,...), tinh thần đoàn kết bạn bè đến từ các vùng miền,...

– Dựa vào những ghi chép, chuẩn bị ý kiến thảo luận theo hướng dẫn ở mục 1b trong SHS.

**2. Thảo luận.**

a. Mở đầu

– GV/ Người điều hành cho cả lớp quan sát 3 bức tranh trong SHS; hỏi về những nội dung được thể hiện trong tranh.

– Giới thiệu và nêu nội dung thảo luận.

b. Triển khai

– Người điều hành nêu các vấn đề thảo luận (đã chuẩn bị) và giới thiệu từng thành viên phát biểu ý kiến.

– Từng thành viên trình bày ý kiến đã chuẩn bị khi được giới thiệu, sẵn sàng trả lời câu hỏi của người nghe. *Lưu ý:* Khi nói về những hoạt động được tham gia, nhớ nói về những cảm xúc của mình khi đó.

– Cùng chia sẻ về những hoạt động mà mình mong muốn được tham gia trong kì nghỉ hè sắp tới.

c. Kết thúc

Người điều hành tổng hợp các ý kiến đã phát biểu, khẳng định những lợi ích mà những trải nghiệm, hoạt động trong kì nghỉ hè mang lại cùng ý nghĩa của nó và sau cuộc thảo luận này, chúng ta chuẩn bị bước vào kì nghỉ hè cuối cùng của cấp Tiểu học, chúc tất cả chúng ta có những ngày hè thú vị, ý nghĩa, chuẩn bị cho năm học đầu tiên của cấp học mới – cấp Trung học cơ sở.

**3. Đánh giá.**

GV hướng dẫn HS đánh giá hoạt động thảo luận theo gợi ý trong SHS.

## VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng trong SHS: *Cùng người thân làm một tờ rơi về những hoạt động bảo vệ môi trường mà trẻ em có thể thực hiện.*

## CỦNG CỐ

GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung đã học ở Bài 28.

+ Đọc hiểu: *Giờ Trái Đất*.

+ Viết: *Tìm ý cho đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng*.

+ Nói và nghe: *Trải nghiệm ngày hè*.

– GV hỏi HS cần làm gì sau khi học Bài 28.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 29.

TUẦN 34

# BÀI 29 ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (3 tiết)

## I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng toàn bài *Điện thoại di động*.

b. Nắm được thông tin chính về sự phát triển của điện thoại di động nêu trong bài (kích thước, chức năng); hiểu được quá trình phát minh ra điện thoại di động thể hiện sức sáng tạo lớn lao của con người để làm ra những vật dụng thông minh, mang lại tiện ích lớn cho cuộc sống.

**2.** Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn.

**3.** Hiểu yêu cầu và viết được đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.

**4.** Biết trân trọng sự sáng tạo của những người đã phát minh, sáng chế ra điện thoại di động cũng như các vật dụng công nghệ hiện đại. Có ý thức sử dụng điện thoại và đồ dùng công nghệ đúng cách, không gây tác hại cho bản thân và cho những người xung quanh.

## II CHUẨN BỊ

### 1. Kiến thức

– Văn bản thông tin (giới thiệu về một vật dụng).

– Lợi ích và tác hại của việc sử dụng điện thoại di động.

– Liên kết câu trong đoạn văn.

### 2. Phương tiện dạy học

– Một số điện thoại di động với kích thước và mẫu mã khác nhau.

– Phiếu học tập cho hoạt động nhóm để trả lời câu 2 (Đọc – hiểu); dự kiến số nhóm để chuẩn bị cho mỗi nhóm 1 phiếu.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

### TIẾT 1

#### ÔN BÀI CŨ

GV mời 2 HS đọc một đoạn trong bài đọc *Giờ Trái Đất* và trả lời một câu hỏi đọc hiểu ở cuối bài (hoặc GV có thể đặt câu hỏi khác).

## ĐỌC

### 1. Khởi động

– GV cho HS xem những mẫu điện thoại di động đã chuẩn bị và hướng dẫn cách thực hiện hoạt động Khởi động: *Chia sẻ những điều em biết về điện thoại di động* (hình dáng, màu sắc, kích thước, cách sử dụng, các chức năng,...).

– HS thực hiện theo hướng dẫn của GV: Chia sẻ trong nhóm những điều đã biết về điện thoại di động.

– GV mời 2 – 3 HS chia sẻ trước lớp.

– Giới thiệu bài mới. GV nhắc lại những thông tin HS đã chia sẻ về điện thoại di động, giới thiệu bài đọc *Điện thoại di động* (VD: Chúng ta vừa chia sẻ rất nhiều thông tin thú vị về điện thoại di động. Tìm hiểu bài đọc *Điện thoại di động*, chúng ta sẽ có thêm những hiểu biết về sự ra đời của điện thoại di động, sự phát triển của điện thoại di động cho đến ngày nay,...).

### 2. Đọc văn bản

– GV đọc toàn bài, đọc rõ ràng, rành mạch, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện sự phát triển của điện thoại di động về kích thước (*"cục gạch" to tướng*, *bỏ vừa túi áo*), về những chức năng thay thế được cho hàng loạt dụng cụ khác nhau (*chụp ảnh*, *nghe nhạc*, *xem phim*,...).

– GV hướng dẫn HS đọc các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, các tên riêng nước ngoài như: *Mác-tin Cúp-pơ*, *ki-lô-gam*,...

– HS luyện đọc trong nhóm, đọc nối tiếp 3 đoạn:

+ Đoạn 1: Từ đầu đến *"cục gạch" to tướng như thế*.

+ Đoạn 2: Phần còn lại.

– HS đọc nối tiếp 2 đoạn trước lớp.

– HS làm việc cá nhân, đọc thầm toàn bài một lượt.

– 1 – 2 HS đọc cả bài trước lớp.

– GV nhận xét việc luyện đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc chú giải từ ngữ trong SHS; giải thích, làm rõ thêm (nếu thấy cần thiết).

### 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Giới thiệu về cuộc gọi đầu tiên bằng điện thoại di động (người gọi, thời điểm thực hiện cuộc gọi).*

HS làm việc chung cả lớp.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, nhắc lại yêu cầu. GV dành thời gian cho HS đọc thầm đoạn 1, suy nghĩ trả lời câu hỏi.

– GV mời 2 HS trả lời, các bạn khác nhận xét, bổ sung. GV chốt đáp án (Cuộc gọi đầu tiên bằng điện thoại di động do Mác-tin Cúp-pơ thực hiện vào ngày 3 tháng 4 năm 1973.).

**Câu 2.** *Tìm trong bài những thông tin về điện thoại di động: khối lượng của điện thoại di động, chức năng của điện thoại di động.*

HS làm việc nhóm.

– GV mời 1 HS đọc câu hỏi, nhắc lại yêu cầu. GV dành thời gian cho HS đọc thầm toàn bài. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi và ghi vào phiếu học tập thông tin về điện thoại di động (khối lượng, chức năng).

– HS làm việc nhóm, cử một bạn thư kí ghi chép ý kiến phát biểu của các thành viên. Nhóm trưởng mời các bạn lần lượt nêu thông tin về khối lượng của điện thoại di động, các bạn khác bổ sung. Sau đó, nêu thông tin về chức năng của điện thoại di động. Bạn thư kí đọc lại thông tin đã ghi vào phiếu học tập, nhóm thống nhất câu trả lời.

– Đại diện 2 nhóm trình bày ý kiến trên phiếu học tập, các nhóm khác bổ sung.

– GV và cả lớp nhận xét, GV có thể sử dụng phiếu học tập của một nhóm và bổ sung đầy đủ các ý kiến, VD:

**PHIẾU HỌC TẬP**

| Khối lượng của điện thoại di động | Chức năng của điện thoại di động |
|---|---|
| – Điện thoại di động đầu tiên được gọi là "cục gạch" vì nặng tới 1,1 ki-lô-gam.<br>– Ngày nay, nhỏ gọn, nặng chưa tới 85 gam. | – Gọi điện bằng thoại (lời nói) và bằng hình ảnh; nhắn tin văn bản và nhắn tin thoại; chụp ảnh, nghe nhạc, chơi trò chơi điện tử, xem phim,...<br>– Mua sắm, giao dịch trực tuyến, phát, nhận video,...<br>– Xác định vị trí nhờ hệ thống định vị toàn cầu. |

**Câu 3.** *Trong các chức năng của điện thoại di động được nói tới trong bài, em thích chức năng nào nhất? Vì sao?*

HS làm việc nhóm.

– HS đọc câu hỏi. GV hướng dẫn HS làm việc nhóm, trao đổi để tìm câu trả lời.

– HS làm việc nhóm, nhóm trưởng mời từng bạn nêu ý kiến.

– Cử đại diện tóm tắt câu trả lời của các bạn trong nhóm.

– 3 HS nêu ý kiến về chức năng của điện thoại di động mà mình thích nhất, giải thích vì sao.

– GV tóm tắt ý kiến phát biểu của HS, có thể nêu chức năng của điện thoại di động mà nhiều HS thích, VD: chụp ảnh, nghe nhạc, chơi trò chơi điện tử, xem phim, gọi điện bằng hình ảnh,...; thích chức năng chụp ảnh vì lưu lại được những hình ảnh khi đi du lịch, khi gặp gỡ người thân, bạn bè, những dịp lễ Tết, sinh nhật, gọi điện bằng hình ảnh vì nhìn thấy được người nói chuyện với mình,...

**Câu 4.** *Theo em, ngày nay con người sẽ gặp những khó khăn gì nếu không có điện thoại di động?*

HS làm việc cá nhân.

– HS đọc câu hỏi, nêu yêu cầu. GV dành thời gian cho HS suy nghĩ.

– GV mời HS chia sẻ những điều mình suy nghĩ, có thể kể những việc cụ thể, VD: không thể liên lạc, kết nối với người cần một cách nhanh chóng, kịp thời; không thể gọi điện bằng hình ảnh (nhìn thấy nhau khi gọi điện), nhắn tin thoại, muốn nhắn tin, thông báo,... cho ai phải viết ra giấy (viết thư) rồi ra bưu điện gửi; muốn xem phim, nghe nhạc, ở nhà cần đầu đĩa, máy chiếu; để ghi lại hình ảnh khi đi du lịch, cần đem theo máy ảnh, máy quay,... Nói một cách tổng quát, ngày nay do nhu cầu thông tin liên lạc cần nhanh chóng, kịp thời, các thông tin dữ liệu cần gửi đi, chia sẻ cho nhiều người cùng một lúc, cùng nhu cầu giải trí,... nếu không có điện thoại di động thì những việc trên khó có thể thực hiện được, nếu muốn thực hiện được thì cần thời gian và các phương tiện hỗ trợ khác. Ngày nay, sóng điện thoại di động đã được phủ gần như ở khắp mọi nơi nên mọi người có thể liên lạc với nhau bất kể khi nào cần, nếu không có điện thoại di động thì không thể thực hiện được. Việc xác định vị trí (hữu ích trong cứu nạn, dẫn đường,...) cũng thật khó thực hiện nếu không có điện thoại di động,...

*Lưu ý:* GV có thể nói để HS hiểu, tuy điện thoại di động có nhiều tiện ích nhưng sử dụng quá lâu thì rất có hại; GV sử dụng thông tin đã chuẩn bị để cung cấp cho HS có thêm những hiểu biết về tác hại của việc sử dụng điện thoại di động trong thời gian liên tục và kéo dài (nhất là ở thành phố, thị trấn, nơi HS sử dụng nhiều điện thoại di động), VD: ảnh hưởng xấu đến đôi mắt; không tốt cho giấc ngủ; khiến mình xa lánh với mọi người; đau cổ, đau nhức tay; ảnh hưởng đến não bộ, suy giảm trí nhớ;... Theo lời khuyên của các nhà nghiên cứu thì trẻ em ở độ tuổi tiểu học chỉ nên sử dụng điện thoại di động trung bình từ 1 – 2 tiếng trong ngày.

### 4. Luyện đọc lại

– GV đọc lại toàn bài.

– HS luyện đọc theo GV.

## TIẾT 2

### LUYỆN TỪ VÀ CÂU

### LUYỆN TẬP VỀ LIÊN KẾT CÂU TRONG ĐOẠN VĂN

Với nội dung dạy học về các biện pháp liên kết câu trong đoạn văn, trong sách *Tiếng Việt 5* đã có một tiết luyện tập sau các tiết lí thuyết. Đến tiết học này, HS được luyện tập một lần nữa về các biện pháp liên kết câu. Ngoài 2 dạng bài tập cơ bản được sử dụng trong nhóm bài là bài tập nhận diện biện pháp liên kết câu (bài tập 1) và bài tập vận dụng kiến thức để tạo lập một đoạn văn (bài tập 3), còn có bài tập về lỗi liên kết

câu (bài tập 2). Mục đích của bài tập là giúp HS nhận ra lỗi và sửa được lỗi khi viết đoạn văn có sử dụng biện pháp liên kết, từ đó có thể tự nhận ra được lỗi và tự chủ động sửa trong những bài văn của cá nhân.

Trong tiết học này, GV có thể chuẩn bị trước một số đoạn văn mắc lỗi về liên kết trong bài làm của HS để sau khi HS hoàn thành bài tập 2 thì cung cấp thêm số đoạn văn mắc lỗi về liên kết cho HS luyện tập thêm. Hoặc sau khi hoàn thành bài tập 3, GV có thể dành thời gian cho HS sửa lỗi liên kết câu trong chính bài viết của mình (theo định hướng về 3 loại lỗi).

## 1. Tìm trong đoạn văn những từ ngữ có tác dụng liên kết câu và xếp vào nhóm thích hợp.

Gợi ý cách tổ chức hoạt động: GV có thể cho HS làm việc cá nhân sau đó thảo luận nhóm đôi. Khi các nhóm đã thống nhất đáp án, GV mời đại diện trình bày kết quả trước lớp bằng hình thức đọc kết quả hoặc dán mảnh giấy có ghi kết quả thảo luận lên bảng. Khi chốt đáp án, GV cũng có thể chiếu bài tập lên màn hình, sau đó sử dụng hiệu ứng công nghệ để HS thấy rõ hơn các phép liên kết được thể hiện như thế nào trong đoạn văn.

*Lưu ý*: Tuỳ theo đối tượng HS, trước khi chuyển giao nhiệm vụ cho các nhóm, GV cung cấp thông tin về tên gọi bằng tiếng Anh của khái niệm "trí tuệ nhân tạo" (*artificial intelligence*, viết tắt là AI – lấy tên chữ cái đầu tiên của mỗi từ để ghép lại).

Đáp án:

Những từ ngữ có tác dụng liên kết câu trong đoạn văn:

+ Từ *nó* ở câu 2 thay thế cho từ ngữ *trí tuệ nhân tạo* ở câu 1 (liên kết câu bằng cách dùng từ ngữ thay thế).

+ Từ ngữ *trí tuệ nhân tạo* ở câu 1 được lặp lại ở câu 3, 4, 5 (liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ).

+ Từ *chẳng hạn* ở câu 3, từ *tuy nhiên* ở câu 4, từ *vì thế* ở câu 5 là các từ ngữ nối (liên kết câu bằng cách dùng từ ngữ nối).

## 2. Những đoạn văn đã dùng không đúng từ ngữ để liên kết câu. Hãy tìm cách sửa lại cho đúng.

– GV mời 1 – 2 HS đọc yêu cầu của bài tập 2.

– GV trình chiếu hoặc viết lên bảng 3 đoạn văn trong SHS

– GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tìm lỗi dùng từ ngữ không đúng để liên kết câu trong đoạn văn. Từng HS ghi kết quả vào vở hoặc giấy nháp. Sau đó, HS làm việc nhóm đôi hoặc nhóm bốn để chia sẻ kết quả của mình và thống nhất kết quả trong nhóm.

– GV mời đại diện một số nhóm báo cáo kết quả làm việc. GV và cả lớp nhận xét, góp ý và thống nhất đáp án chung của cả lớp.

Đáp án:

• Đoạn văn a:

+ Lỗi: Dùng đại từ (*ở*) *đây* thay thế cho *một bảo tàng ở trung tâm thành phố* là không phù hợp, không đúng. Vì (*ở*) *đây* là đại từ thay thế cho vị trí, địa điểm của người nói. *Một bảo tàng ở trung tâm thành phố* là một địa điểm khác, ở xa địa điểm, vị trí của người nói.

+ Cách sửa: Thay đại từ *đây* bằng đại từ *đó*.

• Đoạn văn b:

+ Lỗi: Dùng từ *nhưng* để nối kết hai câu là không hợp lí vì từ *nhưng* thể hiện quan hệ tương phản, đối lập trong khi đó quan hệ nghĩa giữa hai câu không phải là quan hệ tương phản, đối lập.

+ Cách sửa:

(1) Thay từ *Nhưng* bằng từ *Trong đó* để biểu thị hai tỉnh Nghệ An và Quảng Ngãi thuộc về miền Trung.

(2) Thay từ *Nhưng* bằng từ *Đặc biệt* để nhấn mạnh.

• Đoạn văn c:

+ Lỗi: Cụm từ *chú mèo Kít* lặp lại 3 lần. Điều này thể hiện vốn từ của người viết chưa phong phú. Đây là lỗi lặp, không phải là biện pháp sử dụng điệp từ, điệp ngữ để làm cho câu văn hay, sinh động.

+ Cách sửa: Thay cụm từ *chú mèo Kít* bằng một số từ ngữ có nghĩa tương tự. Ví dụ: *chú ta, mèo Kít, Kít, cậu ta, anh chàng nghịch ngợm nhất nhà, người bạn thân thiết của em,...*

**3. Viết đoạn văn (3 – 4 câu) về tác dụng của phương tiện thông tin hiện đại đối với đời sống con người, trong đó có sử dụng ít nhất một cách liên kết câu đã học.**

Gợi ý tổ chức hoạt động:

– Bước 1: HS làm việc cá nhân. Viết đoạn văn theo yêu cầu vào vở hoặc giấy nháp. Dùng bút chì gạch dưới từ ngữ được sử dụng để liên kết câu.

*Lưu ý:* Trong bước này, thường HS sẽ gặp khó khăn vì quá quan tâm đến việc nên sử dụng những từ ngữ nào để liên kết các câu, dẫn đến không biết cách triển khai nội dung đoạn văn. GV cần khích lệ HS viết mà chưa cần quan tâm đến việc đoạn văn có sử dụng từ ngữ liên kết hay không. Sau khi viết xong, hãy đọc lại từng câu trong đoạn, bổ sung hoặc thay thế nếu giữa các câu chưa sử dụng từ ngữ liên kết hoặc sử dụng chưa đúng.

– Bước 2: HS trao đổi đoạn văn với bạn, chỉ ra từ ngữ liên kết hoặc lỗi liên kết có trong bài.

– Bước 3: GV mời một số HS đọc đoạn văn trước lớp. Nên tập trung vào bài viết tốt nhất và bài viết chưa tốt để giúp HS nhận ra lỗi và biết cách sửa lỗi.

# TIẾT 3

## VIẾT

## VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

Chọn 1 trong 2 đề dưới đây:

**Đề 1:** Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượng vứt rác bừa bãi.

**Đề 2:** Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối hiện tượng chen lấn khi xếp hàng.

### 1. Chuẩn bị.

– GV nhắc HS:

+ Đọc lại đề bài và các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở Bài 28.

+ Đọc lưu ý trong SHS (cách sử dụng từ ngữ để tỏ rõ ý kiến phản đối, lí do phản đối phải xác đáng, có dẫn chứng thuyết phục,...).

Nếu thấy cần thiết, GV có thể cho HS làm 2 bài tập dưới đây để luyện cách chọn từ ngữ bày tỏ ý kiến phản đối. GV chiếu câu hỏi của bài tập lên màn hình lớp và hướng dẫn HS cách làm bài.

(1) Những từ ngữ nào dưới đây có thể dùng để bày tỏ ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng?

| | | |
|---|---|---|
| a. không đúng | b. rất thích | c. không đồng ý |
| d. sai lầm | e. ủng hộ | g. khó chấp nhận |

Đáp án: Những từ ngữ có thể dùng để bày tỏ ý kiến phản đối: a. không đúng; c. không đồng ý; d. sai lầm; g. khó chấp nhận.

(2) Sử dụng những từ ngữ tìm được ở bài tập 1, viết câu bày tỏ ý kiến phản đối về một trong những sự việc, hiện tượng nêu ở đề bài.

HS làm việc cá nhân, viết câu ra giấy nháp, vở. GV gọi một số HS đọc kết quả. Sau đó, GV nhận xét, góp ý. GV khen ngợi những HS có câu viết hay.

Bài tập này không có đáp án cụ thể. Ví dụ về câu nêu ý kiến phản đối hiện tượng vứt rác bừa bãi trên bãi biển:

Hè vừa rồi em cùng bố mẹ đi nghỉ ở biển Sầm Sơn. Em thấy có nhiều người vứt rác bừa bãi trên bãi biển. Em không đồng ý với hành vi này.

### 2. Viết đoạn văn.

– HS làm bài cá nhân, đảm bảo đoạn văn có đủ 3 phần.

– GV quan sát HS, có thể hỗ trợ khi HS đề đạt yêu cầu giúp đỡ hoặc hỗ trợ những em có những hạn chế về kĩ năng viết. GV ghi chép ưu điểm, nhược điểm chính ở bài làm của một số HS hoặc của cả lớp.

### 3. Đọc soát và chỉnh sửa.

– HS đọc lại bài, tự rà soát, phát hiện lỗi theo một số tiêu chí đã được hướng dẫn trong SHS (cách sắp xếp các ý trong từng phần của đoạn, cách diễn đạt, chính tả,...).

– HS tự sửa lỗi (nếu có).

### VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng:

– *Trao đổi với người thân ý kiến phản đối của em về hiện tượng chen lấn khi xếp hàng.*

– *Tìm đọc văn bản thông tin về vấn đề xử lí rác thải.*

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 29.

+ Đọc hiểu: *Giờ Trái Đất*.

+ Luyện từ và câu: *Luyện tập về liên kết câu trong đoạn văn*.

+ Viết: *Viết đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng*.

– GV có thể hỏi HS thích nội dung nào nhất ở Bài 29.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em có nhiều tiến bộ.

– Dặn HS đọc trước Bài 30.

## BÀI 30 THÀNH PHỐ THÔNG MINH MÁT-XĐA (4 tiết)

### I MỤC TIÊU

Giúp HS:

**1.** a. Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Thành phố thông minh Mát-xđa*. Biết ngắt nghỉ câu phù hợp sau dấu chấm, dấu phẩy; nhấn vào những từ ngữ, chi tiết quan trọng trong văn bản.

b. Nhận biết được thông tin quan trọng trong bài đọc *Thành phố thông minh Mát-xđa* (địa điểm, thời gian, mục đích xây dựng dự án "Thành phố thông minh Mát-xđa"; cách thiết kế thành phố,...). Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài đọc: Thành phố thông minh Mát-xđa là giải pháp đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu và giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường.

c. Đọc mở rộng: Đọc văn bản thông tin về vấn đề xử lí rác thải, trao đổi với bạn về những thông tin đã đọc.

**2.** Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.

**3.** Bồi dưỡng cho HS ý thức bảo vệ môi trường bằng các giải pháp khác nhau.

### II CHUẨN BỊ

#### 1. Kiến thức

GV nắm được đặc điểm của văn bản thông tin (nội dung, trật tự sắp xếp các thông tin trong văn bản, ngôn ngữ,...); đặc điểm của đoạn văn nêu ý kiến phản đối.

## 2. Phương tiện dạy học

– Tranh ảnh minh hoạ bài học; tranh ảnh minh hoạ về hai kiểu thành phố theo yêu cầu của phần Khởi động.

– Từ điển tiếng Việt.

# III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

## TIẾT 1 – 2

### ĐỌC

## 1. Khởi động

– GV giao nhiệm vụ:

+ Làm việc theo nhóm, trả lời câu hỏi: *Dưới đây là 2 bức tranh vẽ thành phố. Em thích bức tranh nào? Vì sao?* GV khích lệ HS nói được suy nghĩ, ý kiến riêng của mình. Chẳng hạn: Em thích tranh 2 vì em thích thành phố có nhiều cây xanh, có nhiều bóng mát; Em không thích bức tranh 1 vì thành phố ở bức tranh 1 nhiều nhà cao tầng, không có cây xanh.,...

– GV dẫn sang bài đọc *Thành phố thông minh Mát-xđa.* (VD: Ở phần Khởi động, các em đã được quan sát hình ảnh của hai kiểu thành phố khác nhau. Tuy nhiên, trên thế giới hiện nay còn có nhiều kiểu thành phố được xây dựng nhằm ngăn chặn ô nhiễm môi trường và sự biến đổi khí hậu,... *Thành phố thông minh Mát-xđa* là một kiểu thành phố như vậy. Chúng ta sẽ cùng đọc và khám phá về thành phố này nhé!)

## 2. Đọc văn bản

– GV đọc cả bài, nhấn giọng ở những từ ngữ thể hiện những thông tin quan trọng trong bài đọc. GV có thể mời 2 em đọc nối tiếp 5 đoạn trong bài đọc.

– GV hướng dẫn đọc:

+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai, VD: *Mát-xđa, Ả Rập, lưu trữ, toả nhiệt, sa mạc, xung quanh, khuyến khích,...*

+ Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Năm 2008,/ UAE khởi công xây dựng dự án "Thành phố thông minh Mát-xđa"/ nhằm biến Mát-xđa trở thành thành phố không các-bô-níc đầu tiên trên thế giới.; Để đối phó với tình trạng nóng lên/ do biến đổi khí hậu,/ ở Mát-xđa,/ các toà nhà được thiết kế chụm lại với nhau,/ có lối đi ở giữa,/ giúp không khí lưu thông được dễ dàng/ và giúp giảm nhiệt độ mùa hè.;...*

+ Đọc nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin về địa điểm, thời gian, mục đích xây dựng dự án: *Thành phố thông minh Mát-xđa; cách thiết kế thành phố,...*

– 2 HS đọc nối tiếp 5 đoạn văn trước lớp.

– HS làm việc theo nhóm, mỗi HS đọc một đoạn, đọc nối tiếp đến hết bài.

– HS làm việc cá nhân, đọc nhẩm toàn bài một lượt.

– GV nhận xét việc đọc của cả lớp.

– GV hướng dẫn HS đọc chú giải từ ngữ trong SHS và nêu thêm những từ ngữ còn khó hiểu để tự tra từ điển.

## 3. Trả lời câu hỏi

GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các nhiệm vụ, yêu cầu nêu trong SHS (cuối bài đọc).

**Câu 1.** *Tìm trong bài đọc một số thông tin về dự án "Thành phố thông minh Mát-xđa".*

– GV nêu câu hỏi (hoặc cho HS đọc lại câu hỏi).

– GV hướng dẫn HS trả lời. GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm (2 em/ nhóm) để tìm câu trả lời.

– Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu trả lời. Đáp án: Địa điểm đặt dự án: Ốc đảo Mát-xđa của Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất (UAE); Thời gian khởi công dự án: 2008; Mục đích của dự án: biến Mát-xđa trở thành thành phố không các-bô-nic đầu tiên trên thế giới.

**Câu 2.** *Thành phố Mát-xđa được thiết kế như thế nào để có thể tự vận hành bằng việc sử dụng điện năng lượng mặt trời?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS suy nghĩ, chuẩn bị câu trả lời.

+ Bước 2: HS làm việc theo nhóm (lần lượt từng em nêu câu trả lời đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. Đáp án: Ở Mát-xđa, người ta đã thiết kế nhiều ô thu năng lượng mặt trời lớn có hình dạng như những bông hoa hướng dương. Ban ngày, các ô sẽ mở ra, lưu trữ năng lượng, đồng thời các ô này sẽ là những tấm che nắng khổng lồ. Ban đêm, các ô này sẽ khép lại, toả nhiệt, cung cấp điện năng lượng mặt trời cho toàn thành phố.

**Câu 3.** *Vì sao thành phố Mát-xđa có thể đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ HS làm việc nhóm để cùng nhau tìm câu trả lời.

+ HS có thể ghi vắn tắt câu trả lời vào vở, phiếu bài tập hoặc giấy nháp.

+ Đại diện một số nhóm nêu câu trả lời trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời. Đáp án: Vì các toà nhà được thiết kế chụm lại với nhau, có lối đi ở giữa, giúp không khí lưu thông được dễ dàng và giúp giảm nhiệt độ mùa hè. Ngoài ra, ở đây, người ta cũng xây dựng các tháp gió để lấy

dòng không khí mát mẻ ở trên cao vào thành phố cũng là một cách giảm nhiệt độ đáng kể ở thành phố so với các vùng sa mạc ở xung quanh. Cách thiết kế dự án như trên đã giúp thành phố Mát-xđa có thể đối phó với tình trạng nóng lên do biến đổi khí hậu.

**Câu 4.** *Những chi tiết nào trong bài cho thấy thành phố Mát-xđa giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm và trước lớp.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp, tìm chi tiết trong bài cho biết thành phố Mát-xđa là thành phố giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án. Đáp án: Các công viên và khu thương mại ở Mát-xđa được xây dựng theo mô hình khu vườn Ả Rập truyền thống, ngập tràn màu xanh giúp giảm tối đa lượng khí thải. Chính quyền thành phố cũng khuyến khích người dân đi bộ, đi xe đạp hoặc sử dụng các phương tiện giao thông công cộng chạy bằng điện năng lượng mặt trời để bảo vệ môi trường.

**Câu 5**. *Câu "Việc xây dựng thành công thành phố thông minh Mát-xđa đã truyền cảm hứng cho một số dự án phát triển nhà ở Anh, Bồ Đào Nha,..." gợi cho em suy nghĩ gì?*

– 1 – 2 HS đọc câu hỏi trước lớp.

– GV nêu cách thức thực hiện:

+ Bước 1: HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, thực hiện yêu cầu của bài tập, ghi kết quả vào phiếu bài tập.

+ Bước 2: HS làm việc nhóm, thống nhất câu trả lời.

+ Bước 3: Đại diện một số nhóm phát biểu ý kiến trước lớp.

– HS thực hiện các bước theo chỉ dẫn.

– GV và cả lớp nhận xét, bổ sung ý kiến và thống nhất đáp án.

GV lưu ý HS đây là đáp án mở, HS có thể có các câu trả lời khác nhau (VD: Câu văn đó cho thấy thành phố thông minh Mát-xđa là một dự án tốt, nó giúp con người chống lại biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường./ Câu văn đó cho thấy con người rất quan tâm đến việc xây dựng các thành phố hiện đại có khả năng chống lại biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường./ Thành phố Mát-xđa đã truyền cảm hứng cho các dự án phát triển nhà, chú trọng bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp,... ở các nước văn minh, hiện đại như Anh, Bồ Đào Nha,... Chắc chắn sẽ có nhiều dự án về nhà ở như ở Mát-xđa ra đời bắt nguồn từ mô hình này.).

## 4. Luyện đọc lại

GV hướng dẫn HS đọc lại văn bản:

– Làm việc chung cả lớp (2 HS đọc nối tiếp văn bản trước lớp). GV và cả lớp góp ý cách đọc.

– HS đọc theo cặp hoặc nhóm (5 em/ nhóm), góp ý trong nhóm.

### 5. Luyện tập theo văn bản đọc

– HS đọc yêu cầu trong SHS, trao đổi/ thảo luận theo nhóm để thực hiện yêu cầu của bài tập (có thể sử dụng phiếu bài tập để ghi kết quả).

– Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp.

– GV kiểm soát kết quả thực hiện nhiệm vụ của HS và nhận xét trước lớp, thống nhất đáp án.

**Câu 1.** Những biện pháp liên kết câu được sử dụng trong đoạn văn là: biện pháp thế (Mát-xđa – thành phố, nơi đây); biện pháp nối (ngoài ra).

**Câu 2.**

Đáp án tham khảo:

a. Nhờ những chiếc ô hình hoa hướng dương mà *năng lượng mặt trời được lưu trữ.*

b. Tuy Mát-xđa mới được xây dựng nhưng *nó nhanh chóng truyền cảm hứng cho các dự án xây dựng đô thị sinh thái.*

c. Ở Mát-xđa, chính quyền khuyến khích người dân đi bộ *nên thành phố ít bị ô nhiễm môi trường.*

**Câu 3.** Những tên riêng nước ngoài trong bài:

– Có cách viết giống tên riêng Việt Nam: Ả Rập, Anh, Bồ Đào Nha

– Có cách viết khác tên riêng Việt Nam: Mát-xđa

## TIẾT 3

### VIẾT

### ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN PHẢN ĐỐI MỘT SỰ VIỆC, HIỆN TƯỢNG

### 1. Nghe thầy cô nhận xét về bài viết.

– GV nhận xét về ưu điểm và hạn chế chung trong bài làm của HS.

+ Những ưu điểm: VD: đoạn văn đủ 3 phần mở đầu, triển khai, kết thúc; ý kiến phản đối trình bày rõ ràng;..

+ Những hạn chế: VD: một số lí do chưa có dẫn chứng minh hoạ nên còn chưa thực sự thuyết phục; dùng từ ngữ chưa chính xác; viết câu còn sai ngữ pháp (thiếu chủ ngữ, vị ngữ);..

– GV có thể nhắc HS ghi lại những nhận xét chung để đối chiếu với bài làm của mình.

### 2. Đọc lại bài làm của em và nhận xét của thầy cô để phát hiện lỗi.

– GV trả bài cho HS, yêu cầu HS đọc lại bài làm và nhận xét của thầy cô để xác định những nội dung cần sửa chữa theo các gợi ý trong SHS.

– HS ghi vào vở những lỗi cần sửa và cách sửa.

**3. Đọc hoặc nghe bài viết của bạn, nêu những điều em muốn học tập.**

– GV mời 2 – 3 HS đọc bài viết của mình trước lớp hoặc chiếu bài làm của HS lên bảng phụ.

– Sau mỗi bài viết được đọc hoặc được chiếu trước lớp, GV có thể hỏi HS học được điều gì từ bài viết của bạn, cụ thể là:

+ Cách diễn đạt ý kiến phản đối.

+ Cách chọn các lí do phản đối và dẫn chứng thuyết phục.

+ Cách lựa chọn từ ngữ, viết câu,...

– GV hướng dẫn HS làm việc.

+ HS tự sửa lỗi trong bài theo nhận xét của thầy cô.

+ HS đổi phiếu hoặc vở ghi cho bạn để sửa lỗi chéo.

+ HS viết lại những câu muốn chỉnh sửa cho hay hơn. Trao đổi với bạn về những câu đã viết.

Trong quá trình HS sửa lỗi, GV quan sát, hỗ trợ những em gặp khó khăn.

## TIẾT 4

### ĐỌC MỞ RỘNG

**1&2. Đọc văn bản thông tin về vấn đề xử lí rác thải, viết phiếu đọc sách theo mẫu.**

– Khoảng 1 tuần trước khi có tiết học Đọc mở rộng, GV đã hướng dẫn HS tìm đọc một số văn bản thông tin về vấn đề xử lí rác thải (các tài liệu trong SHS chỉ là ví dụ minh hoạ).

– HS làm việc cá nhân, đọc văn bản thông tin (đã chuẩn bị từ trước) về vấn đề xử lí rác thải.

– GV hướng dẫn HS viết phiếu đọc sách theo mẫu trong SHS.

– GV cho HS nhận xét, góp ý phiếu đọc sách của nhau.

**3. Dựa vào phiếu đọc sách, trao đổi trong nhóm những thông tin chính đã thu nhận được.**

– HS làm việc theo nhóm, dựa vào phiếu đọc sách, từng HS nói về những điều mình thu nhận được từ văn bản đã đọc.

– Các thành viên trong nhóm có thể nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn về những thông tin mà bạn chia sẻ.

– GV động viên các em tự tin nói trước nhóm hoặc mạnh dạn chia sẻ, đề xuất ý kiến.

– GV tổng kết tiết học. Khen ngợi những HS chia sẻ được nhiều thông tin về vấn đề xử lí rác thải.

### VẬN DỤNG

GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu ở hoạt động Vận dụng: *Vẽ bức tranh về thành phố ước mơ của em và giới thiệu với người thân bức tranh đó*. GV lưu ý HS có thể

tham khảo trên mạng in-tơ-nét tranh vẽ về thành phố ước mơ của các bạn nhỏ khác. GV dặn HS giới thiệu tranh em vẽ cho người thân và mang đến lớp để giới thiệu với các bạn.

### CỦNG CỐ

– GV yêu cầu HS nhắc lại các nội dung đã học ở Bài 30.

+ Đọc hiểu: *Thành phố thông minh Mát-xđa.*

+ Viết: *Đánh giá, chỉnh sửa đoạn văn nêu ý kiến phản đối một sự việc, hiện tượng.*

+ Đọc mở rộng: *Đọc văn bản thông tin về vấn đề xử lí rác thải.*

– GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 30 thú vị, dễ nhớ.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. Dặn HS đọc trước bài Ôn tập và Đánh giá cuối năm học.

## TUẦN 35

# ÔN TẬP VÀ ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC (7 tiết)

## I MỤC TIÊU

Việc ôn tập cuối năm giúp HS đánh giá được kết quả học tập lớp 5 theo các yêu cầu cần đạt của chương trình như sau:

**1.** a. Về kĩ thuật đọc

– Đọc đúng và diễn cảm các văn bản truyện, kịch bản, bài thơ, bài miêu tả, tốc độ đọc khoảng 90 – 100 tiếng/ phút.

– Sử dụng được một số từ điển tiếng Việt thông dụng để tìm từ, nghĩa của từ, cách dùng từ và tra cứu các thông tin khác.

– Ghi chép được vắn tắt những ý tưởng, chi tiết quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.

– Biết đọc lướt, đọc kĩ văn bản.

b. Về đọc hiểu

– Đọc hiểu nội dung: Nhận biết được đề tài, một số chi tiết tiêu biểu và nội dung chính, thông tin chính của văn bản. Hiểu nội dung hàm ẩn dễ nhận biết của văn bản. Chỉ ra được mối liên hệ giữa các chi tiết. Biết tóm tắt văn bản. Hiểu chủ đề của văn bản.

– Đọc hiểu hình thức: Nhận biết được văn bản viết theo trí tưởng tượng và văn bản viết về người thật, việc thật; nhận biết được tác dụng của các chi tiết về thời gian, địa điểm trong câu chuyện; hiểu từ ngữ, hình ảnh, biện pháp so sánh, nhân hoá, điệp từ, điệp ngữ,... (trong văn bản văn học). Nhận biết được mục đích và đặc điểm của văn bản giải thích về hiện tượng tự nhiên; văn bản giới thiệu sách hoặc phim, văn bản quảng cáo, văn bản chương trình hoạt động; nhận biết được bố cục văn bản; nhận biết

được cách triển khai ý tưởng và thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian hoặc theo tầm quan trọng; nhận biết được vai trò của hình ảnh, kí hiệu hoặc số liệu trong việc thể hiện thông tin chính (của văn bản thông tin).

**2.** Viết được một số đoạn văn, bài văn, văn bản dưới đây:

– Bài văn kể lại câu chuyện đã đọc, đã nghe với những chi tiết sáng tạo.

– Bài văn tả phong cảnh, tả người (trong đó sử dụng biện pháp so sánh, nhân hoá và những từ ngữ gợi tả để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng được tả).

– Đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một sự việc hoặc một bài thơ, câu chuyện.

– Đoạn văn nêu ý kiến tán thành hoặc phản đối về một sự việc, hiện tượng.

– Đoạn văn giới thiệu nhân vật trong một cuốn sách hoặc bộ phim hoạt hình đã xem.

– Báo cáo công việc, chương trình hoạt động, có sử dụng bảng biểu.

**3.** Biết giới thiệu về một địa điểm tham quan, địa chỉ vui chơi hoặc di tích lịch sử; biết trình bày ý kiến, ý tưởng rõ ràng, có cảm xúc về một vấn đề phù hợp với lứa tuổi; biết thảo luận về một vấn đề có ý kiến khác biệt; biết dùng lí lẽ và dẫn chứng để thuyết phục người đối thoại, biết tôn trọng sự khác biệt trong thảo luận. Biết vừa nghe vừa ghi những nội dung quan trọng từ ý kiến của người khác.

**4.** Nhận biết được từ đồng nghĩa (đặc điểm và tác dụng), từ đa nghĩa (nghĩa của từ đa nghĩa trong văn bản); nhận biết được đại từ, kết từ (đặc điểm và chức năng); phân biệt được câu đơn và câu ghép (đặc điểm và chức năng); nhận biết công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở giữa câu để đánh dấu bộ phận chú thích, giải thích trong câu); dấu gạch nối (nối các tiếng trong từ mượn gồm nhiều tiếng); nhận biết được biện pháp điệp từ, điệp ngữ (đặc điểm và tác dụng); các biện pháp liên kết câu.

## II CHUẨN BỊ

– Có thể chuẩn bị các thẻ từ hoặc phiếu học tập để HS không làm bài tập vào SHS.

– Phiếu đề kiểm tra tham khảo (tiết 6 – 7) để HS tập làm bài kiểm tra cuối năm.

## III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

# PHẦN I – ÔN TẬP

## TIẾT 1 – 2

Đối với bài ôn tập, GV cần tạo cơ hội phát huy năng lực tự học của HS. Trước khi làm việc nhóm, dành thời gian để từng cá nhân thực hiện yêu cầu của từng bài tập.

### 1. Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu.

a. *Nêu tên các chủ điểm đã học trong* ***Tiếng Việt 5*** *(tập một và tập hai).*

b. *Theo em, bức tranh muốn nói điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.*

A. *Con đường học tập rộng mở đang chờ đón em bước tiếp.*

B. *Kiến thức là vô tận, hãy khám phá để thành công.*

C. *Học tập là một hành trình để đi đến tương lai tốt đẹp.*

– HS làm việc nhóm.

+ Yêu cầu a: Nêu tên các chủ điểm đã học trong sách *Tiếng Việt 5* (tập một và tập hai). HS nên nói theo trình tự 8 chủ điểm.

+ Yêu cầu b: HS lựa chọn phương án a, b hoặc c; cũng có thể nói ý kiến khác của mình (có thể chấp nhận sự khác biệt).

– GV có thể nói thêm: Bức tranh vẽ hàng cây, trên vòm cây có tên các chủ điểm đã học và hình ảnh con đường các em đang bước tiếp. Hình ảnh con đường gợi ra hành trình học tập dài lâu: chặng đường đã đi qua – chặng đường đang đi và hành trình sắp bước tiếp. Hình ảnh hàng cây xanh tươi, lớn lên và toả bóng tượng trưng cho kiến thức ngày càng nhiều, ngày càng phong phú, phát triển,... theo mỗi bước đường học tập của các em.

– GV có thể chiếu 8 tranh chủ điểm và khích lệ HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình về ý nghĩa của 8 chủ điểm.

**2. Tóm tắt nội dung 1 – 2 câu chuyện (*Danh y Tuệ Tĩnh, Người thầy của muôn đời, Những con hạc giấy, Một người hùng thầm lặng*). Nêu điều em tâm đắc nhất trong câu chuyện đó và giải thích vì sao.**

– HS làm việc nhóm.

Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng tóm tắt văn bản và khả năng chia sẻ những điều mình tâm đắc trong văn bản đã đọc.

– HS làm việc cá nhân, tự tóm tắt 1 – 2 câu chuyện đã học. (Các em đã được luyện tập tóm tắt văn bản trong một số giờ đọc, nên để các em tiếp tục luyện tập.)

– HS làm việc nhóm:

+ Lần lượt từng em đọc lướt lại văn bản rồi tóm tắt văn bản mình đã lựa chọn và nêu điều mình tâm đắc trong văn bản.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý.

**3. Chọn từ thích hợp thay cho mỗi bông hoa.**

Ở bài tập này, HS được luyện tập về từ đồng nghĩa.

– HS làm việc cá nhân, sau đó trao đổi, đối chiếu kết quả theo cặp hoặc nhóm hoặc giữa các nhóm.

– 1 – 2 HS chữa bài trước lớp. GV hướng dẫn nhận xét và thống nhất đáp án. GV có thể để HS thực hiện và hoàn thành hết các bài tập của tiết 1 – 2 rồi chữa bài chung trước lớp.

Đáp án: Có thể chấp nhận nhiều phương án.

a. **Đông** như kiến/ **Nhiều** như kiến

b. Năng mưa thì giếng năng **đầy**.

c. **Nhiều** sao thì nắng, vắng sao thì mưa./ **Đông** sao thì nắng, vắng sao thì mưa.

d. Con ơi nhớ lấy câu này

Sông sâu chớ lội, đò **đầy** chớ qua.

## 4. Đặt câu để phân biệt nghĩa của ba từ: *ít, thưa, vắng*.

Bài tập này nhằm giúp các em phân biệt nghĩa của từ đồng nghĩa (ít, thưa, vắng) trong nói và viết.

– HS làm việc theo cặp, có thể trao đổi về nghĩa của các từ (nên ghi ra giấy nháp, phiếu học tập,...). VD:

+ Cây xoài nhà tôi ra hoa nhiều nhưng đậu quả ***ít***.

+ Ở miền núi, đất rộng người ***thưa***, không khí trong lành.

+ Mùa đông, các bãi biển rất ***vắng*** người.

– GV mời một số HS đặt câu trước lớp. Cả lớp nhận xét, góp ý. GV chữa bài cho HS.

## 5. Các câu trong mỗi đoạn văn liên kết với nhau bằng cách nào? Từ ngữ nào cho em biết điều đó?

– HS làm việc theo cặp, sau đó đối chiếu kết quả theo nhóm.

Đáp án:

+ Đoạn a: Liên kết câu bằng cách dùng từ ngữ thay thế (câu 2, 3, 4 liên kết với câu 1 bằng từ "chúng" thay thế cho "loài hươu"); câu 2 liên kết với câu 3 bằng phép lặp từ "chúng", câu 3 liên kết với câu 4 bằng phép nối (thế nhưng) và phép lặp (chúng).

(1) Cạnh nơi ở của loài nai, bên những dải đất ẩm ướt ven suối là nơi ở của loài hươu. (2) Ban ngày, chúng ẩn náu trong những lùm cây hoặc những bờ lau sậy um tùm, chiều xuống mới ra đi ăn, hửng sáng lại trở về ổ nằm ngủ. (3) Chúng không đẹp: mình dài, chân ngắn, lông màu vàng nhạt hoặc nâu đen. (4) Thế nhưng chúng lại là những con vật dũng cảm nhất trong loài có gạc.

(*Theo* Vũ Hùng)

+ Đoạn b: Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ (mùa, Hạ Long, gió), bằng từ nối (song).

Mỗi **mùa** của Hạ Long lại có những nét riêng biệt, hấp dẫn lòng người. **Mùa** xuân của Hạ Long là mùa sương và cá mực. **Mùa** hè của Hạ Long là mùa gió nồm nam và cá ngừ, cá vược. **Mùa** thu của Hạ Long là mùa trăng biển và tôm he... **Song** quyến rũ hơn cả vẫn là **mùa** hè của Hạ Long. Những ngày hè đi bên bờ Hạ Long, Bãi Cháy hay Tuần Châu, Bản Sen hay Ngọc Vừng,... ta có cảm giác như đi trước cửa *gió*. Ngọn *gió* lúc êm ả như ru, lúc phần phật như quạt, mang cái trong lành, cái tươi mát của đại dương vào đất liền, làm sảng khoái tâm hồn ta.

(Thi Sảnh)

## 6. Viết 2 – 3 câu tả cảnh nơi em ở vào một ngày mưa hoặc một ngày nắng, cho biết biện pháp liên kết câu em đã sử dụng trong đoạn văn.

– HS làm việc cá nhân, viết đoạn văn ngắn tả cảnh nơi em ở, chỉ ra các biện pháp liên kết câu được sử dụng trong đoạn văn đã viết.

– HS làm việc nhóm hoặc làm việc chung cả lớp. Một số em đọc đoạn văn mình đã viết và chỉ ra các biện pháp liên kết câu đã sử dụng. GV và cả lớp nhận xét, góp ý bài làm của HS.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết 3 – 4, động viên, khen ngợi các em có nhiều cố gắng.

## TIẾT 3 – 4

### 1. Chọn 1 trong 2 yêu cầu dưới đây:

a. *Đọc thuộc lòng đoạn thơ khoảng 100 chữ trong một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi.*

b. *Đọc một bài và thực hiện yêu cầu.*

– GV: Ở bài tập này, các em được lựa chọn 1 trong 2 yêu cầu.

+ Yêu cầu 1: Luyện tập kĩ năng đọc thuộc lòng và nêu chủ đề bài thơ.

+ Yêu cầu 2: Đọc 1 bài (văn bản thông tin) và trả lời câu hỏi.

– HS làm việc cá nhân hoặc làm việc theo cặp hoặc nhóm:

+ Lần lượt từng em trả lời câu hỏi (hoặc thực hiện yêu cầu) đọc hiểu bài thơ mình đã đọc thuộc lòng.

+ Cả nhóm nhận xét, góp ý. Gợi ý đáp án:

| Văn bản | Chủ đề văn bản |
|---|---|
| *Nghìn năm văn hiến* | Niềm tự hào về nền văn hiến lâu đời của dân tộc và truyền thống coi trọng việc học của người Việt Nam. |
| *Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa* | Ca ngợi Anh hùng Lao động Trần Đại Nghĩa với những cống hiến lớn lao cho đất nước. |
| *Giờ Trái Đất* | Mong muốn nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu và khuyến khích mọi người hành động để bảo vệ Trái Đất. |
| *Thành phố thông minh Mát-xđa* | Ca ngợi bàn tay, khối óc của con người trong việc cải thiện chất lượng cuộc sống và bảo vệ môi trường. |

– HS làm việc nhóm, từng em nêu thông tin bổ ích của bài đọc đối với mình.

### 2. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu dưới đây và cho biết câu nào là câu đơn, câu nào là câu ghép.

– HS làm việc cá nhân.

– HS đối chiếu kết quả theo nhóm hoặc theo lớp.

Đáp án:

+ Câu đơn: câu b, câu d.

| Câu | Chủ ngữ | Vị ngữ |
|---|---|---|
| Câu b | Bác rùa đá | đang nằm im như một tảng đá, thò đầu ra khỏi mai, lim dim mắt đón nhận từng giọt âm thanh tươi mát của tiếng chim bách thanh. |
| Câu d | tôi | nằm trên chiếc võng mắc vào tán cây sau nhà, vừa nghe gió thổi hiu hiu vừa nhìn lên bầu trời ngắm mây bay. |

+ Câu ghép: câu a, câu c

| Câu | Về câu thứ nhất | | Về câu thứ hai | |
|---|---|---|---|---|
| | Chủ ngữ | Vị ngữ | Chủ ngữ | Vị ngữ |
| Câu a | Hoa cà phê | có mùi thơm đậm và ngọt | nó | thường theo gió bay đi rất xa. |
| Câu c | Tôi | có cảm giác mặt trời sẽ rơi xuống cánh đồng | tôi | có thể chạy đến chỗ nó rơi xuống một cách dễ dàng. |

**3. Trong những câu ghép tìm được ở bài tập 2, các vế câu được nối với nhau bằng cách nào?**

Đáp án:

– Câu a: 2 vế câu nối với nhau bằng kết từ "nên".

– Câu c: 2 vế câu nối với nhau bằng kết từ "và".

**4. Đọc câu chuyện dưới đây và thực hiện yêu cầu.**

Ở bài tập này, HS được luyện tập kĩ năng đọc hiểu một văn bản mới. HS cần tự thực hiện các yêu cầu để làm quen với đề kiểm tra đọc hiểu cuối năm. Câu trả lời của HS có thể khác nhau tuỳ vào suy nghĩ, cảm xúc, cách diễn đạt của từng em, thể hiện năng lực của mỗi người.

Sau khi HS làm bài xong, GV có thể tổ chức chữa bài trước lớp để các em đối chiếu đáp án và tự đánh giá.

– Đáp án tham khảo:

+ **Câu a.** Theo truyền thuyết kể lại, công chúa Thiều Hoa là con gái út của vua Hùng Vương thứ sáu. Nàng dịu dàng, xinh đẹp và rất yêu quý muôn loài. Mỗi khi nàng vào rừng, cây nảy lộc, hoa đơm bông, hươu nai, chim chóc chào đón.

+ **Câu b.** Trong lần dự hội thi múa của họ nhà bướm, nàng biết bướm nâu là loài có ích. Nàng mang bướm nâu ra bãi dâu ven sông Hồng để nuôi. Bướm nâu sinh ra con tằm, tằm ăn lá dâu, nhả ra những sợi tơ vàng óng, cuộn thành kén. Kén ấy kéo được thành những sợi tơ óng vàng và bền chắc. Công chúa còn tìm cách làm ra cái guồng để kéo kén, cái xa để xe tơ, đưa vào khung cửi dệt, làm ra được một thứ vải mỏng và vàng óng, được gọi là lụa. Câu chuyện đã giải thích nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa ra đời như vậy.

+ **Câu c.** Vải lụa làm từ tơ tằm vừa đẹp vừa quý. Vải mỏng và vàng óng như những dải nắng trời. Mùa nóng mặc vào thì mát, mùa rét mặc vào thì ấm.

+ **Câu d.** Công chúa Thiều Hoa đã dạy dân trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa. Nghề nuôi tằm dệt lụa ở Cổ Đô và mười tám trang ấp dọc theo sông Hồng có từ thời đó. Nghề dệt lụa được truyền lại và lưu giữ từ bấy đến giờ vì lụa làm từ tơ tằm vừa đẹp, vừa quý, luôn được ưa chuộng.

+ **Câu e**. Chủ đề bài đọc: Ca ngợi người đã sáng tạo ra nghề dệt lụa và những người đã truyền dạy, lưu giữ nghề trồng dâu, nuôi tằm, dệt lụa cho đến ngày nay.;...

– GV có thể nêu thêm câu hỏi: Những chi tiết nào trong câu chuyện là chi tiết tưởng tượng, kì ảo (không thể có thật)?

Đáp án:

– Mỗi khi nàng vào rừng, cây nảy lộc, hoa đơm bông, hươu nai,... chào đón.
– Họ nhà bướm mở hội thi.
– Công chúa Thiều Hoa nói chuyện với các con bướm.

– GV có thể nói thêm với HS: Qua những chi tiết tưởng tượng, người kể chuyện muốn gợi lên không gian thần kì, huyền diệu của những tích xưa, qua đó ca ngợi, khẳng định sự tài năng, sáng tạo, tâm huyết của người xưa, đồng thời thể hiện niềm tự hào về cha ông ta thuở trước.

## TIẾT 5

### 1. Nêu nội dung tranh.

GV hướng dẫn HS làm việc theo cặp hoặc nhóm. Quan sát 4 tranh, có thể đọc lại hoặc nhớ lại câu chuyện *Bà tổ nghề dệt lụa*, nêu nội dung từng tranh.

– Với mỗi tranh, từng HS nêu nội dung tranh, cả nhóm góp ý.

VD:

+ Tranh 1: Vua Hùng thứ sáu có cô con gái út vô cùng xinh đẹp, tên là Thiều Hoa.

+ Tranh 2: Công chúa Thiều Hoa rất dịu dàng và yêu quý muôn loài, nàng cũng được muôn loài trong rừng yêu quý.

+ Tranh 3: Trong một lần dự hội thi múa của họ nhà bướm, công chúa biết bướm nâu là loài có ích. Bướm nâu sinh ra con tằm, tằm ăn lá dâu, nhả ra những sợi tơ vàng óng,... Công chúa Thiều Hoa nuôi bướm nâu để chúng sinh sôi, phát triển,...

+ Tranh 4: Công chúa Thiều Hoa tìm cách làm ra cái guồng để kéo kén, cái xa để xe tơ, đưa vào khung cửi dệt, làm ra thứ lụa quý. Nghề nuôi tằm, dệt lụa ở Cổ Đô và mười tám trang ấp dọc theo sông Hồng có từ thời đó.

### 2. Viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về câu chuyện *Bà tổ nghề dệt lụa*.

– GV nhắc HS nhớ lại hoặc đọc lại bài về cách viết đoạn văn thể hiện tình cảm, cảm xúc về một câu chuyện. Viết xong đoạn văn theo yêu cầu, đổi bài đọc soát và góp ý cho nhau để chỉnh sửa bài văn đã viết theo góp ý.

– GV đọc một số bài trước lớp, nhận xét chung về bài làm của HS.

– GV nhận xét kết quả học tập của HS ở tiết ôn tập thứ 5.

### 3. Chỉnh sửa đoạn văn.

HS tự chỉnh sửa lại bài làm của mình theo góp ý.

# PHẦN 2 – ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC

## TIẾT 6 – 7

Tuần 35 có 7 tiết, trong đó:

– 5 tiết dành cho ôn tập.

– 2 tiết dành cho kiểm tra, đánh giá cuối năm học.

SHS có giới thiệu đề kiểm tra để HS tập làm hoặc để HS làm quen với cách làm bài kiểm tra cuối năm học. GV có thể giới thiệu cấu trúc của đề kiểm tra, gồm:

– Bài kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng).

– Bài kiểm tra đọc hiểu (đọc một câu chuyện và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

– Viết đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu.

HS tự làm bài kiểm tra vào phiếu hoặc GV hướng dẫn thực hiện, tuỳ theo năng lực của HS và điều kiện của lớp.

**Gợi ý hướng dẫn thực hiện Đề tham khảo.**

ĐÁNH GIÁ CUỐI NĂM HỌC

(Đề tham khảo)

### A. ĐỌC

#### 1. Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi.

– HS nghe GV hướng dẫn cách thực hiện: Đọc thành tiếng bài *Qua Thậm Thình* của nhà thơ Nguyễn Bùi Vợi và phần chú thích từ ngữ ở cuối bài đọc, sau đó trả lời câu hỏi.

– HS đọc bài và trả lời câu hỏi.

HS có thể trả lời như sau:

**Câu 1.** Đi qua Thậm Thình, tác giả lại bâng khuâng nhớ về thuở xa xưa bởi vì Thậm Thình là tên một địa danh (một xóm nhỏ) thời Vua Hùng dựng nước, qua mấy nghìn năm cái tên gọi cũ vẫn còn được lưu giữ.

**Câu 2.** Qua lời kể của tác giả, có thể thấy vua rất gần gũi, gắn bó với muôn dân qua các chi tiết: trưa nắng, vua vào xóm nhỏ để nghỉ chân, gặp gỡ dân làng, được dân tặng những món quà dân dã (xôi, bánh chưng, bánh giầy).

**Câu 3.** Bốn dòng thơ cuối muốn nói rằng: Cuộc sống đã đổi thay, mới mẻ, hiện đại hơn (thành phố, nhà máy khói vờn trong mây). Quá khứ (dấu cũ lầu son) đã lùi xa. Nhưng đất nước của Vua Hùng xưa vẫn còn đây và những thế hệ cháu con hôm nay vẫn không quên cội nguồn của mình (*Nhịp chày xưa thoảng đâu đây... thậm thình*).

#### 2. Đọc hiểu.

– HS làm bài cá nhân, thực hiện các yêu cầu của bài tập.

– Đáp án:

**Câu 1.** Đền Thượng nằm chót vót trên đỉnh núi Nghĩa Lĩnh. ***Trước đền,*** những khóm hải đường đâm bông rực đỏ, những cánh bướm nhiều màu sắc bay dập dờn như đang múa quạt xoè hoa. ***Trong đền,*** dòng chữ vàng *Nam quốc sơn hà* uy nghiêm đề ở bức hoành phi treo chính giữa.

**Câu 2.** Từ lăng của các Vua Hùng, có thể nhìn thấy toàn cảnh thiên nhiên:

***Phía bên phải***: Đỉnh Ba Vì vòi vọi, nơi Mị Nương – con gái Hùng Vương thứ 18 – theo Sơn Tinh về trấn giữ núi cao.

***Phía bên trái***: Dãy Tam Đảo như bức tường xanh sừng sững đỡ lấy mây trời cuồn cuộn; xa xa là núi Sóc Sơn, nơi in dấu chân ngựa sắt Phù Đổng, người có công giúp Hùng Vương đánh thắng giặc Ân.

***Trước mặt:*** Ngã Ba Hạc, nơi gặp gỡ giữa ba dòng sông lớn tháng năm mải miết đắp bồi phù sa cho đồng bằng xanh mát.

**Câu 3.** Những cảnh vật ở đền Trung gợi lên vẻ cổ kính: những cành hoa đại cổ thụ toả hương thơm, những gốc thông già hàng năm, sáu thế kỉ che mát cho con cháu về thăm đất Tổ.

**Câu 4.** Bài văn gợi lại những câu chuyện cổ xưa về sự nghiệp dựng nước và giữ nước của dân tộc ta, đó là: *Thánh Gióng; Sơn Tinh, Thuỷ Tinh; An Dương Vương*.

**Câu 5.** HS có thể trả lời theo cảm nghĩ riêng, VD: Qua việc nhắc nhớ những câu chuyện cổ xưa trong bài văn tả phong cảnh vùng đất Tổ, tác giả muốn nói đất nước, dân tộc Việt Nam mãi mãi biết ơn, trân trọng công lao dựng nước và giữ nước của cha ông.

**Câu 6.** Nêu suy nghĩ về câu ca dao: *Dù ai đi ngược về xuôi/ Nhớ ngày Giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba*. (HS nêu suy nghĩ cá nhân, VD: Câu ca dao là lời nhắn nhủ, nhắc nhở các thế hệ con cháu đời đời không quên cội nguồn dân tộc./,...).

**Câu 7.** Câu ghép: câu a.

**Câu 8.** Các vế của câu ghép được nối trực tiếp với nhau bằng dấu phẩy.

**Câu 9.** Câu văn sử dụng dấu gạch ngang với công dụng đánh dấu bộ phận giải thích.

**Câu 10.** Từ *đứng* trong câu văn được dùng với nghĩa gốc. HS đặt hai câu có từ đứng dùng với nghĩa chuyển, VD:

– Bạn Hà Anh đứng đầu danh sách lớp.

– Các chú công nhân đứng máy 8 tiếng một ngày.

## B. VIẾT

– HS tuỳ chọn đề số 1 hoặc số 2. Các dạng đề này đã được hướng dẫn cách làm và thực hành qua nhiều tiết học.

– GV nhắc HS nhớ lại cách viết bài văn tả người hoặc bài văn kể chuyện với những chi tiết sáng tạo để viết được bài văn đúng yêu cầu.

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.*

**Chịu trách nhiệm xuất bản:**

Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

**Chịu trách nhiệm nội dung:**

Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập lần đầu: NGUYỄN THỊ BÍCH VÂN – PHẠM KIM CHUNG – NGUYỄN HƯƠNG GIANG – TRỊNH MAI NHI

Thiết kế sách: PHẠM NGỌC THÀNH

Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA – NGUYỄN THỊ NGỌC THUỶ

Sửa bản in: TẠ THỊ HƯỜNG – NGUYỄN DUY LONG – VŨ THỊ THANH TÂM

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

**Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.**

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**TIẾNG VIỆT 5 TẬP HAI – SÁCH GIÁO VIÊN**

**Mã số:**

In ..... cuốn (QĐ ..... ), khổ 19 x 26,5cm.

In tại Công ty cổ phần in .....

Số ĐKXB:

Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ...

In xong và nộp lưu chiểu tháng ... năm ...

Mã số ISBN:

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH




## BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 5 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Tiếng Việt 5, tập một – SGV
2. Tiếng Việt 5, tập hai – SGV
3. Toán 5 – SGV
4. Khoa học 5 – SGV
5. Đạo đức 5 – SGV
6. Âm nhạc 5 – SGV
7. Mĩ thuật 5 – SGV
8. Công nghệ 5 – SGV
9. Lịch sử và Địa lí 5 – SGV
10. Tin học 5 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm 5 – SGV
12. Giáo dục thể chất 5 – SGV
13. Tiếng Anh 5 – Global Success – SGV

**Website:** https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG